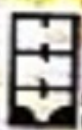


KATE DOUGLAS WIGGIN

*Rebecca ở
trại Suối Năng*



REBECCA Ở TRANG TRẠI SUỐI NẮNG

Tác giả: Kate Douglas Wiggin

Người dịch: Phạm Minh Điệp

Phát hành: Nhã Nam

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn 2014



ebook©vctvegroup

CHƯƠNG I

"Chúng cháu có bảy người"*

Chiếc xe ngựa chở khách cũ kỹ lóc xóc chạy trên con đường bụi mù từ Maplewood đi Riverboro. Mới giữa tháng Năm mà trời oi nóng như đang giữa mùa hè. Bác Jeremiah Cobb chiếu cổ cho lũ ngựa hết mức có thể, song vẫn không quên mình đang đi đưa thư. Đồi còn nhiều. Bác thả lỏng đôi dây cương trong tay, uể oải ngả lưng trên ghế và duỗi một chân gác lên miếng chắn bùn xe cho thoải mái. Chiếc mũ vành đã sờn kéo sụp hẳn xuống che mắt, bác bồm bẻm nhai một miếng thuốc lá bên má trái.

Trên xe có một hành khách - một người nhỏ bé tóc đen mặc váy trúc bầu bóng màu vàng nhạt. Cô bé người mảnh mai quá và ngồi thẳng đừ đến nỗi liên tục bị trượt từ chỗ này sang chỗ khác trên chiếc ghế nệm da, mặc dù cô đã gắng hết sức lấy chân tì sao cho mình ngồi đúng giữa ghế và hai tay mang găng vải bám chặt hai bên để giữ thăng bằng. Cứ lúc nào bánh xe thụt xuống rãnh sâu hơn bình thường, hay bất thành lình nảy xóc lên vì vấp phải hòn đá, là cô bé dù chẳng muốn vẫn cứ bị nảy lên một cái, rồi rơi xuống, thế là lại phải chỉnh lại chiếc mũ rơm nhỏ trông rõ buồn cười, rồi nhặt cái dù bé xinh màu hồng lên hoặc đặt lại cho nó ngay ngắn, một việc dường như là nhiệm vụ chính của cô - trừ phi chúng ta tính cả chiếc ví đính hạt cườm, mà cứ chốc chốc, khi điều kiện đường xá cho phép, cô lại dòm vào, và hài lòng ra mặt khi những thứ quý báu trong ấy không mất hay rơi đi tẹo nào. Bác Cobb chẳng biết tí gì về những phiền hà của việc đi lại ấy, bởi công việc của bác là đưa người ta đến nơi họ cần, chứ không nhất

thiết phải làm cho họ đi đường được thoải mái. Thậm chí bác còn quên bém sự tồn tại của vị khách bé nhỏ không có gì đáng chú ý này.

Khi bác chuẩn bị rời bưu điện ở Maplewood sớm hôm ấy, một thiếu phụ bước từ xe ngựa chở hàng xuống, tới chỗ bác hỏi có phải đây là xe đi Riverboro, và bác có phải bác Cobb hay không. Khi bác trả lời rằng phải, thiếu phụ liền gật đầu với một cô bé đang háo hức đợi câu trả lời, và cô chạy ngay tới chỗ bà như thể sợ bị muộn mất dù chỉ là một tích tắc. Cô bé áng chừng mười, mười một tuổi, nhưng cho dù đã trải qua bao nhiêu mùa hè thì cô vẫn có vẻ nhỏ hơn so với tuổi của mình. Mẹ cô bé giúp con leo lên xe, đặt bên cạnh con một cái bọc và một bó hoa tử đinh hương, quan sát việc chằng buộc cái rương cũ ở phía sau, và cuối cùng tỉ mỉ đếm từng đồng bạc để trả lộ phí.

“Tôi nhờ bác đưa cháu đến chỗ mấy chị tôi ở Riverboro,” thiếu phụ nói. “Bác có biết Mirandy và Jane Sawyer không? Họ sống ở ngôi nhà gạch ấy.”

Lạy Chúa phù hộ, bác biết họ rõ như thể bác đã sinh ra họ ấy chứ!

“Là thế này, con bé sẽ đến đó, và hai chị ấy đang đợi cháu nó. Xin bác để mắt đến cháu nhé! Cháu nó mà thấy có thể ra ngoài bắt chuyện với người lạ hay rủ người ta đi cùng là nó làm ngay đấy ạ. Tạm biệt con, Rebecca; gắng đừng gây chuyện đấy, và phải ngồi yên, như thế thì khi đến nơi con mới chỉnh tề xinh đẹp được. Mà đừng có làm phiền bác Cobb nhé. Bác thấy đấy, nó đang háo hức lắm. Mẹ con tôi đi tàu từ Temperance đến đây từ hôm qua, nghỉ đêm ở nhà bà chị họ tôi và sáng nay mới đánh xe từ nhà chị ấy đến đây - những tám dặm đấy.”

“Tạm biệt mẹ, mẹ đừng lo lắng; mẹ biết mà, có phải con chưa đi xa bao giờ đâu cơ chứ.”

Thiếu phụ khẽ cười nhạo một tiếng và nói với bác Cobb giọng thanh

minh, “Nó mới đến Wareham ngủ lại một đêm; chẳng đáng để mà tự hào là đi xa được!”

“Thế là *đi xa* chứ còn gì nữa mẹ,” cô bé nói giọng hào hứng và bướng bỉnh. “Rời trang trại này, chuẩn bị bữa trưa cho vào giỏ này, đi xe ngựa một lúc và đi tàu hỏa chạy bằng hơi nước nữa này, mình còn mang cả váy ngủ nữa.”

“Có nói thì cũng đừng nói cho cả làng nghe thế chứ,” người mẹ lên tiếng, cắt ngang dòng hồi tưởng của nhà du hành giàu kinh nghiệm. “Mẹ chẳng dặn con rồi,” thiếu phụ thì thầm, với nỗ lực thiết quân luật cuối cùng, “không được nhắc đến váy ngủ và tất dài và... những thứ tương tự, bằng giọng ông ổng lên thế, nhất là khi có đàn ông con trai xung quanh.”

“Con biết, mẹ, con biết mà, và con sẽ không như thế nữa đâu. Con chỉ muốn nói là...” - đến đây bác Cobb tắc lưỡi một tiếng, quất cương, và đôi ngựa khoan thai bắt đầu công việc hằng ngày của mình - “Con chỉ muốn nói rằng đi xa là khi...” - lúc này chiếc xe ngựa đã bắt đầu đi rồi nên Rebecca phải thò đầu ra ngoài cửa sổ để nói cho hết câu - “*Đi xa* là khi mà mình mang theo váy ngủ!”

Cái từ cấm kỵ kia, được thốt ra bằng một giọng cao chót vót, bay ngược tới đôi tai khó chịu của bà Randall, bà đứng nhìn theo chiếc xe ngựa đi xa khuất rồi thu vén hành lý trên chiếc ghế dài ngoài cửa hiệu, đoạn lên chiếc xe ngựa chờ hàng vẫn đang buộc ở cọc. Quay ngựa định về rồi, bà còn đứng dậy một lúc, khum tay che nắng để nhìn về phía đám bụi đường mờ xa.

“Mirandy sẽ vất vả lắm đây,” bà tự nhủ, “nhưng để Rebecca nên người thì cũng đành thế chứ biết làm thế nào.”

Đã nửa giờ trôi qua, và mặt trời, cái nóng, bụi bặm, cùng những ngẫm ngợi về các công việc phải làm ở khu trung tâm Milltown đã khiến đầu óc

chưa bao giờ mình mẫn của bác Cobb quên bằng đi lời hứa để mắt đến Rebecca.

Bất chợt bác nghe thấy một giọng nói bé nhỏ cất lên át những tiếng lóc cóc lục cục của bánh xe và tiếng cót két của bộ dây cương. Ban đầu bác tưởng là tiếng dế, tiếng ếch, hay tiếng chùn, nhưng khi xác định được nó phát ra từ đâu, bác quay lại thì thấy một hình dáng bé nhỏ nhoài ra bên ngoài cửa sổ vừa sát ngưỡng an toàn cho phép. Một dải đuôi sam đen dài tung tẩy theo nhịp xe ngựa; cô bé một tay giữ mũ tay kia cố gắng một cách vô vọng chọc chọc bác xà ích bằng cái dù tí hìn của mình.

“Cháu bảo cái này bác ời!” cô bé kêu to.

Bác Cobb dừng ngay ngựa lại.

“Ngồi trên đó với bác thì có mất thêm tiền không ạ?” cô bé hỏi. “Dưới này ghế trơn bóng đi ấy, mà xe này quá to so với cháu, làm cháu cứ bị trôi hết chỗ nọ đến chỗ kia và giờ thì gần như thâm tím hết cả. Cửa sổ thì nhỏ quá, cháu chả thấy được hết các thứ bên ngoài, lại còn suýt gãy cả cổ lúc ngoái ra sau xem cái ruộng có bị rơi xuống không. Đây là ruộng của mẹ cháu, mẹ quý nó lắm.”

Bác Cobb chờ đến khi câu chuyện, hay đúng hơn là bài ca thán, ngừng lại mới hóm hỉnh nói:

“Nếu muốn thì cháu có thể lên đây; ngồi cạnh ta thì không mất thêm tiền gì cả.” Liền sau đó bác giúp cô bé bước ra, “xốc” cô lên ghế trước, và ngồi lại chỗ của mình.

Rebecca ngồi xuống rất cẩn trọng, vuốt váy đầu ra dấy, để gấu váy xếp nếp trùm lên chiếc dù đặt giữa bác xà ích và mình. Xong xuôi cô bé chỉnh mũ cho khỏi sụp xuống, kéo đôi găng lưới màu trắng bằng vải cốt tông lên, rồi nói rất hào hứng:

“Ôi! Thế này thích hơn bao nhiêu! Thế này mới giống đi xa chứ! Bây

giờ cháu là một hành khách thực thụ rồi, còn ở dưới kia cháu thấy mình cứ như cái con gà mái đẻ ở nhà khi chúng cháu nhốt nó vào trong chuồng ấy. Hy vọng chúng ta sẽ còn được đi rất rất xa nữa chứ ạ?”

“Ồ! Chúng ta mới chỉ vừa bắt đầu thôi,” bác Cobb ôn tồn đáp; “còn hơn hai tiếng đồng hồ nữa.”

“Có hai tiếng thôi ạ?” cô bé thở dài. “Thế thì đến nơi sẽ là một giờ rưỡi; mẹ cháu đang ở nhà bác Ann, lũ trẻ ở nhà thì mới xong ăn, và chị Hannah vừa dọn dẹp xong. Cháu có bữa trưa đây, vì mẹ bảo nếu cháu đến ngôi nhà gạch với cái bụng đói meo và việc đầu tiên bác Mirandy phải làm là kiểm cho cháu cái gì ăn thì đó sẽ là một khởi đầu tệ hại. Càng lúc càng nóng, bác nhỉ?”

“Phải, hãn rồi; nóng quá ấy chứ. Sao cháu không giương dù lên?”

Cô bé vừa phủ váy kín hơn nữa lên cái vật đang được hỏi đến vừa nói, “Ôi không đâu ạ! Cháu chẳng bao giờ dùng dù lúc trời nắng; màu hồng phai khiếp lắm, bác biết đấy, cháu chỉ mang nó đi nhà thờ những hôm Chủ nhật nhiều mây thôi; thỉnh thoảng mặt trời bất chợt ló ra, và cháu phải che chắn cho nó khổ ơ là khổ; nó là thứ quý giá nhất đời của cháu, nhưng nó cũng đòi hỏi phải được giữ gìn kinh lắm ạ.”

Lúc này trong bộ óc chậm chạp của bác Jeremiah Cobb dần len lỏi ý nghĩ rằng con chim đang vắt vẻo bên cạnh là một loài khác xa những loài bác vẫn gặp hằng ngày trên những chuyến đi. Bác bỏ roi da vào hốc, hạ chân trên miếng chắn bùn xuống, đẩy vành mũ cao lên, thổi phù miếng thuốc lá xuống đường, như thế để cho đầu óc hoạt động được minh mẫn, rồi lần đầu tiên bác mới quay sang nhìn thật kỹ vị hành khách nọ, cô bé đáp lại bằng ánh mắt nghiêm túc pha chút tò mò trẻ con.

Bộ váy áo trúc bầu thô vàng nhạt đã phai màu, nhưng sạch sẽ tinh tươm, và được hồ bột nhiều quá đến nỗi sắp hỏng đến nơi. Sau lớp bèo nho nhỏ

dựng đứng ở cổ áo hiện rõ cái cổ mảnh mai rám nắng và gầy guộc, còn cái đầu thì trông quá nhỏ so với bộ tóc đen tết đuôi sam dày và dài đến eo. Cô bé đội cái mũ rơm có vành be bé trông rõ kỳ cục, đó có thể là xu hướng thời trang mới nhất trong ngành mũ trẻ em, hoặc rất có thể là một thứ cổ lỗ sĩ được tân trang lại cho chuyến này. Nó được viền ruy băng màu vàng nhạt và một túm lông nhím màu cam đen lẫn lộn buông xuống hoặc chọc vào một bên tai, khiến cô bé trông vô cùng kỳ quặc. Gương mặt không được hồng hào và mềm mại cho lắm. Về đường nét, hẳn cô trông cũng bình thường, bác Cobb hầu như chẳng bao giờ để ý tí mĩ đến cái mũi, trán, hay cằm, vậy mà lần này bác chú ý ngay vào đôi mắt không rời ra được. Đôi mắt Rebecca giống như đức tin, “là sự biết chắc vững vàng của những điều mình đương trông mong, là bằng cứ của những điều mình chẳng xem thấy*.” Dưới đôi lông mày như chạm như khắc tinh tế, chúng sáng lên như hai ngôi sao, những tia sáng nhảy nhót nửa giấu mình trong lòng đen long lanh. Ánh mắt đầy háo hức và tò mò mà không bao giờ thấy thỏa mãn; cái nhìn kiên định lại toát vẻ thông minh và bí ẩn, vì thế có khả năng nhìn xuyên thấu những điều hiển lộ cho tới những gì sâu xa hơn thế ở đồ vật, ở khung cảnh, ở con người. Chưa ai lý giải nổi chúng, đôi mắt của Rebecca ấy. Người thầy giáo và vị mục sư ở Temperance đã cố gắng nhưng thất bại; cô họa sĩ trẻ đến hội mùa hè để vẽ nhà kho màu đỏ, nhà máy xay bột mì đã hỏng và cây cầu mà cuối cùng đã phải từ bỏ tất cả những cảnh đẹp đặc trưng của nơi này để toàn tâm toàn ý vào khuôn mặt của một đứa trẻ - một khuôn mặt nhỏ nhắn mộc mạc sáng bừng lên chỉ nhờ đôi mắt đem theo những nhảnh nhủ, những thông điệp, những ẩn ý về một sức mạnh còn say ngủ và một tâm hồn sâu lắng, đôi mắt sâu lấp lánh khiến người ta không bao giờ chán ngăm nhìn, cũng như không bao giờ chán tưởng tượng rằng những gì thấy được ở đó phản chiếu tâm tưởng của chính mình.

Bác Cobb chẳng bình luận gì giống những cảm nhận nói chung ở trên cả; nhận xét của bác với vợ đêm hôm ấy chỉ đơn giản là mỗi lần cô bé nhìn bác, bác lại thấy choáng váng.

“Cô Ross, cô làm nghề vẽ ấy, đã tặng cháu cái dù này,” Rebecca nói khi đã nhìn đi nhìn lại bác Cobb và thuộc lòng khuôn mặt bác. “Bác có thấy cái diềm đăng ten kép màu hồng với cái đầu chóp và cán ô màu trắng này chưa? Chúng làm bằng ngà đấy. Cái cán này bị nứt, bác thấy không. Đấy là vì em Fanny cứ hết mút lại nhá nó trong buổi lễ nhà thờ mà cháu không để ý. Từ đấy cháu chẳng bao giờ có cảm giác như xưa với Fanny được nữa.”

“Fanny là em cháu à?”

“Một trong số các em của cháu ạ.”

“Nhà cháu có mấy chị em?”

“Bảy ạ. Có cả thơ viết về bảy đứa trẻ con đấy bác:

Nhanh nhẩu cô bé liền trả lời,

“Thưa ông! Chúng cháu có bảy người!”

Cháu đã học thuộc để đến trường đọc, nhưng các bạn đáng ghét lắm, lại đi cười nhạo cháu. Chị Hannah lớn nhất, đến cháu, rồi John, rồi Jenny, rồi Mark, rồi Fanny, rồi Mira.”

“Chà, *quá* là một gia đình lớn!”

“Quá lớn ấy chứ ạ, ai cũng bảo thế,” Rebecca đáp ngay với vẻ thần nhiên rất người lớn khiến bác Cobb lẩm bẩm, “Lại còn phải nói!” và dứt thêm thuốc lá vào bên má trái.

“Chúng đáng yêu thật, nhưng mà cũng phiền ghê, và nuôi thì rõ là tốn, bác biết rồi đấy,” có bé tiếp tục thủ thỉ. “Chị Hannah và cháu chẳng làm

được gì ngoài việc tối thì cho bọn trẻ con đi ngủ rồi sáng lại gọi chúng dậy suốt bao nhiêu năm qua. Nhưng việc ấy cũng xong rồi, thật nhẹ cả người, rồi gia đình cháu sẽ có cuộc sống tốt đẹp khi chúng cháu lớn hết và tiền cầm cố nhà trả xong.”

“Xong rồi à? À, ý cháu là giờ cháu đã đi xa chứ gì?”

“Không, ý cháu là các em đã lớn hết rồi, gia đình cháu sẽ không có thêm người nào nữa. Mẹ bảo thế, bà luôn giữ lời hứa. Em Mira nhà cháu là út, và con bé đã ba tuổi rồi. Em sinh đúng ngày cha cháu mất. Bác Miranda muốn chị Hannah đến Riverboro chứ không phải cháu, nhưng mẹ không thể để chị ấy đi được; chị ấy coi sóc nhà cửa tốt hơn cháu, chị Hannah ấy. Tối qua cháu đã bảo với mẹ rằng nếu lúc cháu đi mà có thêm bất kỳ em bé nào nữa, thì mẹ phải gọi cháu về, vì khi có em bé thì luôn phải có cả chị Hannah và cháu, mẹ còn phải lo nấu nướng và đồng áng.”

“Ồ, cháu sống ở trang trại hử? Ở đâu thế? Gần chỗ cháu lên xe đấy à?”

“Gần ấy ạ? Trời, phải đến cả vài ngàn dặm ấy chứ! Mẹ con cháu đi tàu từ Temperance. Rồi đi xe ngựa mãi mới đến nhà bác Ann để ngủ nhờ. Rồi mẹ con cháu dậy và lại đi xe ngựa xa ời là xa đến Maplewood đón xe ngựa chở khách. Trang trại nhà cháu xa tất cả mọi nơi, nhưng trường học và nhà thờ thì ở Temperance, hai chỗ ấy chỉ cách hai dặm thôi. Ngồi đây với bác thật thích, như kiểu được leo lên tháp chuông nhà thờ ấy. Cháu biết một thằng bé từng leo lên tháp chuông nhà thờ chỗ chúng cháu. Nó nói người và bò trông như là ruồi ấy. Bác cháu mình chưa gặp người nào hết, nhưng cháu *hơi* bị thất vọng về lũ bò; chúng trông không nhỏ như cháu hy vọng; mà (lại rặng rỡ lên) chúng trông cũng không to như lúc ta nhìn gần, bác nhỉ? Lũ con trai luôn làm những việc thật hay ho thú vị, còn bọn con gái chỉ có thể làm những việc ngớ ngẩn đáng ghét không ai buồn làm thôi. Chúng không thể leo thật là cao, hay là đi thật là xa, hay là đi chơi về thật

muộn, hay là chạy thật nhanh, hay là bất cứ một việc gì.”

Bác Cobb đưa mu bàn tay lau miệng và thở hắt ra. Bác có cảm giác mình đang bị rượt từ đỉnh núi này tới đỉnh núi khác mà không kịp dừng lại thở cho ra hơi.

“Ta không hình dung ra trang trại của cháu ở đâu cả,” bác nói, “mặc dù ta từng đến sống trên Temperance. Nhà cháu họ gì?”

“Randall ạ. Mẹ cháu tên là Aurelia Randall; tên chúng cháu là Hannah Lucy Randall, Rebecca Rowena Randall, John Halifax Randall, Jenny Lind Randall, Marquis Randall, Fanny Ellsler Randall, và Miranda Randall. Mẹ đặt tên cho nửa số chúng cháu còn lại là cha đặt, nhưng mà số người lại lẻ nên cha mẹ nghĩ lấy tên bác Miranda ở Riverboro đặt cho Mira thì sẽ thật hay; cha mẹ cháu hy vọng như thế có thể đem lại những điều tốt lành, nhưng mãi chẳng thấy có gì tốt lành cả, nên bây giờ chúng cháu gọi em là Mira. Chúng cháu đều được đặt theo tên các nhân vật cụ thể cả đấy ạ. Tên chị Hannah thì là từ bài thơ “Hannah khâu giày bên cửa sổ”, và tên cháu được lấy từ truyện *Ivanhoe*; John Halifax là một quý ông trong một cuốn sách; Mark được đặt theo bác Marquis de Lafayette đã mất, bác ấy là anh em song sinh với cha cháu. (Trẻ sinh đôi thường không sống được lâu, và trẻ sinh ba thì gần như không có cơ hội sống sót - bác có biết không, bác Cobb?) Chúng cháu không gọi em là Marquis, mà chỉ Mark thôi. Jenny được đặt theo tên một ca sĩ và Fanny thì theo tên một vũ công xinh đẹp, nhưng mẹ cháu nói hai đứa thật chẳng xứng với tên chúng chút nào, vì Jenny không thể hát nổi một điệu nhạc cho ra hồn còn Fanny thì có tật hơi cà nhắc. Mẹ muốn gọi hai đứa nó là Jane và Frances và bỏ tên đệm đi, nhưng lại nói như thế thì không công bằng với cha. Bà nói chúng cháu phải luôn bảo vệ cha, vì mọi thứ đều chống lại cha, và ông lẽ ra đã không chết nếu như ông chẳng gặp vận đen đến thế. Cháu nghĩ chuyện về chúng cháu

thế là hết rồi đấy ạ,” cô bé kết luận bằng giọng nghiêm túc.

“Trời đất quỷ thần ơi! Ta nghĩ thế là đủ quá rồi,” bác Cobb thốt lên. “Sau khi mẹ cháu chọn xong thì thật cũng chả còn mấy cái tên nữa. Cháu thực là có trí nhớ tuyệt vời đấy. Ta đoán cháu học bài cũng chẳng lấy gì làm khó khăn, nhi?”

“Cũng không khó lắm ạ; vấn đề nằm ở chỗ đi giày vào đế mà đến học ấy ạ. Đôi này mới cứng cựa, và chúng phải trụ cho được sáu tháng. Mẹ cháu luôn dặn cháu phải giữ gìn đôi giày. Có vẻ như chẳng có cách giữ giày nào ngoại trừ tháo chúng ra mà đi chân không; nhưng cháu không thể làm như vậy ở Riverboro mà không làm bác Mirandy xấu mặt. Cháu sẽ đi học ngay khi đến sống với bác Mirandy, và sau hai năm cháu sẽ lên trung học ở Wareham; mẹ nói phải như vậy thì cháu mới được nên người! Học xong cháu sẽ làm họa sĩ như cô Ross. Thật ra thì, đấy là điều *cháu* nghĩ cháu sẽ làm. Còn mẹ nghĩ tốt hơn cả là cháu nên đi dạy.”

“Trang trại nhà cháu không phải là chỗ Nhà Hobbs ngày xưa chứ hả?”

“Không ạ, chỉ là Trang trại Nhà Randall thôi. Đấy là mẹ cháu gọi thế. Cháu thì gọi nó là Suối Năng.”

“Ta đoán gọi thế nào thì cũng chẳng có gì khác nhau miễn là ta biết được nó ở chỗ nào,” bác Cobb nói với giọng châm biếm.

Rebecca hướng toàn bộ luồng sáng đôi mắt mình về phía bác đầy vẻ trách móc, gần như nghiêm khắc, cô bé đáp:

“Ô! Bác đừng nói vậy, nghe giống y như những người khác! Tên gọi khác nhau thì sẽ rất khác nhau chứ ạ. Khi cháu nói Trang trại Nhà Randall, bác có thấy được nó trông ra sao không?”

“Không, đúng là ta không thể thấy được,” bác Cobb đáp với vẻ lo lắng.

“Vậy giờ cháu nói Trang trại Suối Năng, nó khiến bác nghĩ đến gì nào?”

Bác Cobb có cảm giác như là một con cá mắc cạn đang hấp hối trên cát vậy; không có cách nào xóa tan đi cái trách nhiệm kinh khủng là phải đáp lời, bởi đôi mắt của Rebecca như hai ánh đèn pha, xuyên qua đầu bác tới cái khoảng bị trọc sau gáy.

“Ta đồn rằng quanh đây có một con suối,” bác bối rối trả lời.

Rebecca trông thất vọng, nhưng không đến nỗi chán nản. “Thế là khá tốt rồi,” cô bé nói với vẻ khuyến khích. “Bác nói tạm ổn nhưng chưa chính xác. Có một con suối, nhưng không phải suối bình thường đâu. Có nhiều cây non và bụi cây be bé hai bên bờ, dòng suối nhỏ nước luôn róc rách thầm thì với đáy cát trắng và vô số đá cuội nhỏ lấp lánh. Bất kỳ khi nào có một chút ánh nắng, con suối ấy bắt lấy ngay, và nó luôn ngập tràn những dải sáng lóng lánh lung linh suốt cả ngày trời. Bụng bác đã thấy rỗng chưa ạ? Bụng cháu thì có. Sợ lỡ mất chuyến xe này nên sáng cháu chẳng ăn được tí nào.”

“Thế thì cháu phải ăn trưa đi thôi. Ta thường tới Milltown mới ăn; lúc ấy ta sẽ kiếm miếng bánh nướng và một cốc cà phê.”

“Ước gì cháu được thấy Milltown. Cháu đoán nó còn to và rộng hơn cả Wareham; hẳn là giống Paris bác nhỉ? Cô Ross đã kể cho cháu nghe về Paris; cô ấy mua chiếc dù màu hồng này cho cháu ở đó cùng với cái ví đính cườm. Bác có thấy nó mở đánh tách một cái không? Cháu có hai mươi xu trong ấy, và phải trụ cho được ba tháng, để mua tem, giấy, mực. Mẹ nói bác Mirandy sẽ không muốn mua những thứ ấy bởi bác còn phải nuôi ăn nuôi mặc cháu và trả tiền sách cho cháu.”

“Paris chẳng có gì hay ho cả,” bác Cobb chê bôi. “Đấy là cái chỗ chán nhất ở bang Maine. Ta đánh xe đến đó suốt.”

Một lần nữa Rebecca thấy cần phải phản bác lại bác Cobb, khéo léo và nhẹ nhàng, nhưng cũng phải thật cứng rắn, mặc dù sự phản bác ấy được thể

hiện bằng một cái liếc mắt, đưa sang thật nhanh và rút về cũng nhanh chẳng kém.

“Paris là thủ đô của Pháp, và phải đến đó bằng thuyền chứ bác,” cô bé nói bằng giọng giảng giải. “Sách địa lý của cháu viết: ‘Người Pháp vui vẻ và lịch sự, yêu thích khiêu vũ và rượu vang.’ Cháu hỏi thầy giáo rượu vang là cái gì, thì thầy cho là nó gần giống như rượu táo, hoặc có thể như bia gừng. Chỉ cần nhắm mắt lại là cháu có thể nhìn thấy Paris rõ như ban ngày. Những tiểu thư xinh đẹp luôn vui vẻ nhảy múa khắp nơi với những chiếc dù màu hồng và ví đính cườm, những đức ông sang trọng thì khiêu vũ rất lịch sự và uống bia gừng. Nhưng bác thì có thể nhìn thấy Milltown gần như mỗi ngày với hai mắt mở to,” Rebecca nói vẻ thèm thuồng.

“Milltown cũng chả có gì đỉnh cả,” bác Cobb đáp lại, với cái vẻ như là bác đã tới mọi thành phố trên thế giới này và đều thấy chúng chẳng ra làm sao. “Giờ thì cháu hãy xem ta văng tờ báo này lên đúng phóc bậc cửa nhà bà Brown nhé.”

Véo! Bọc báo rơi xuống đúng nơi nó cần đến, trên tấm thảm bên vỏ ngô bên ngoài cửa lưới.

“Ôi, tuyệt quá!” Rebecca khoái chí reo lên. “Cứ y như người ném dao mà Mark đã thấy ở đoàn xiếc ấy. Ước gì có một hàng dài những ngôi nhà với tấm thảm vỏ ngô và một cái cửa lưới ở chính giữa, và một tờ báo để ném nữa!”

“Ta có thể hựt một vài cái đấy,” bác Cobb nói, rặng lên với một niềm tự hào nho nhỏ. “Nếu bác Mirandy của cháu cho phép thì hè này ta sẽ chở cháu xuống Milltown hôm nào xe còn chỗ.”

Một niềm hân hoan sung sướng chạy khắp người Rebecca, từ đôi giày mới lên mãi chiếc mũ rơm và xuống cái đuôi sam đen. Cô bé háo hức tì mạnh lên đầu gối bác Cobb và nói bằng giọng nghẹn lại vì những giọt nước

mắt hạnh phúc lẫn ngỡ ngàng, “Ôi, không thể tin nổi, không thể tin nổi; cháu không nghĩ rằng có ngày cháu sẽ thấy Milltown. Cứ như là có một bà tiên hỏi ta ước gì và ban cho ta điều ước đó vậy! Bác đã bao giờ đọc *Công chúa lọ lem*, hay là *Chú lùn màu vàng*, hay là *Hoàng tử cóc*, hay là *Cô gái xinh đẹp có những lọn tóc vàng* chưa?”

“Chưa,” bác Cobb đáp đầy thận trọng, sau một chút ngẫm nghĩ. “Ta không nhớ là đã đọc những cuốn ấy. Cháu đọc ở đâu ra mà được lắm thế?”

“Ôi, cháu đã đọc nhiều sách lắm,” Rebecca trả lời rất bình thản. “Sách của cha, của cô Ross và các thầy cô giáo ở trường, và tất cả những quyển có trong thư viện trường Giáo lý. Cháu đã đọc *Người thắp đèn*, *Những thủ lĩnh Scotland*, rồi *Ivanhoe*, rồi *Người thừa kế tòng nam Redclyffe*, rồi *Cora*, *vợ người bác sĩ*, và *David Copperfield*, rồi *Vàng ở Chickaree*, rồi *Những cuộc đời của Plutarch*, rồi *Thaddeus ở Warszawa*, rồi *Chuyến đi của người hành hương*, và nhiều nhiều nữa. Bác đã đọc gì rồi ạ?”

“Ta thì chưa bao giờ đọc những quyển ấy; nhưng ta đọc nhiều lắm! Ta đã đọc vô số chứ! Đạo này hơi chán rồi nên ta thường đọc *Almanac*, tờ *Argus* hằng tuần, rồi thì *Nông nghiệp bang Maine*. Lại có sông nữa rồi kìa; đây là ngọn đồi dài cuối cùng, rồi khi lên tới đỉnh chúng ta sẽ thấy ống khói của Riverboro phía xa xa. Đi chẳng mấy nữa đâu. Ta sống cách ngôi nhà gạch chừng nửa dặm.”

Bàn tay Rebecca lấn bấn trên lòng và cô bé cựa quậy trên ghế. “Lúc đầu cháu không nghĩ là mình lại lo lắng đâu,” cô bé nói như hụt hơi, “nhưng có lẽ là có, chỉ một tí thôi, khi bác bảo là sắp đến nơi rồi.”

“Cháu không định quay về đấy chứ?” bác Cobb tò mò hỏi.

Cô bé đá về phía bác một ánh nhìn gan dạ và đáp với vẻ tự hào, “Cháu sẽ không bao giờ quay về - có thể là cháu sợ, nhưng bỏ chạy thì thật là đáng xấu hổ. Đến nhà bác Mirandy cũng như đi xuống dưới hầm để đồ vào

ban đêm vậy. Có thể có quái vật hoặc là thú dữ dưới đó, nhưng, như cháu đã bảo chị Hannah ấy, cũng *có thể* có cả các chú lùn, những nàng tiên và những chàng hoàng tử cóc! Làng có phố chính không hả bác, như ở Wareham ấy?”

“Ta đồn rằng cháu có thể gọi nó là phố chính được đấy, và bác Sawyer của cháu sống trên phố chính đó, nhưng chẳng có cửa hiệu hay nhà xưởng gì đâu, làng chỉ bé tí tẹo thôi! Phải sang bên kia sông phía nhà ta thì cháu mới mong thấy được cái gì đó.”

“Cháu cứ thấy tiêng tiếc,” cô bé thở dài, “vì sẽ thật tuyệt biết bao nếu như được đi xe ngựa dọc một con phố chính thực thụ, được ngồi trên này với bác sau hai chú ngựa đẹp tuyệt, rồi cháu xòe chiếc dù hồng ra nữa, và mọi người trong thị trấn ai nấy đều bắn khoản không biết bó hoa tử đinh hương và chiếc rương là của ai. Sẽ thật giống y như tiểu thư xinh đẹp trong cuộc diễu hành nọ. Hè năm ngoái đoàn xiếc đã đến Temperance, và buổi sáng họ đi diễu hành. Mẹ cho phép chúng cháu đi cùng còn Mira được đẩy trong xe nôi, vì chúng cháu không có tiền đến rạp xiếc chiều hôm ấy. Có ngựa và những con vật dễ thương nằm trong cũi, và các chú hề thì cười ngựa; mãi ở cuối đoàn có một cỗ xe do hai chú ngựa non kéo đi, và trong xe, trên tấm ghế nệm nhung là người thôi miên rần, mặc toàn đồ xa tanh và đính trang kim. Cô ấy đẹp không gì sánh nổi, bác Cobb ạ, đẹp đến nỗi ngắm cô ấy mà người ta phát ghen ở cổ họng và có cảm giác lạnh lạnh chạy dọc sống lưng ấy. Bác có hiểu ý cháu không bác? Bác đã bao giờ thấy một ai khiến bác cảm thấy như thế chưa?”

Bác Cobb có cảm giác khó ở rõ rệt hơn bất kỳ lúc nào trong cái buổi sáng đầy ắp sự kiện này, nhưng bác khéo léo lảng tránh câu hỏi bằng cách đáp lại rằng, “Ta thấy cũng chẳng chết ai nếu chúng ta đi vào thị trấn với cung cách oách nhất mình có được. Ta sẽ trưng cái roi lên, ngồi ngay ngắn,

và đánh xe thật nhanh; còn cháu thì ôm bó hoa vào lòng, và mở cái dù nhỏ màu hồng kia lên, chúng ta sẽ khiến dân làng phải trố mắt lên mà nhìn!”

Khuôn mặt đứa trẻ bừng lên trong phút chốc, nhưng cái lấp lánh ấy phai đi nhanh chóng khi cô bé đáp, “Cháu quên, mẹ cho cháu vào ngồi bên trong, và chắc mẹ muốn cháu ngồi đó khi cháu tới nhà bác Mirandy. Có lẽ cháu sẽ lịch thiệp hơn khi ở trong ấy, và rồi cháu sẽ không phải nhảy xuống làm cho váy bay tung lên, mà mở cửa ra và bước xuống như một cô nương. Bác dừng lại một phút được không, bác Cobb, để cháu đổi chỗ ạ?”

Bác xà ích nhân hậu kéo ngựa lại, bế sinh linh bé nhỏ sôi nổi kia xuống, mở cửa, giúp cô bé bước vào xe, đặt bó hoa tử đinh hương và chiếc dù màu hồng bên cạnh cô.

“Chúng ta đã có một chuyến đi thật tuyệt,” bác nói, “và chúng ta đã thật là thân rồi, phải không nào? Cháu sẽ không quên chuyện Milltown đấy chứ?”

“Không bao giờ!” cô bé hào hứng đáp, “và bác chắc là bác cũng không quên chứ?”

“Không bao giờ! Bác thề đấy!” bác Cobb nghiêm túc thề, đoạn lại trèo lên ghế đánh xe; và khi chiếc xe ngựa lọc cọc chạy trên con đường làng giữa những cây phong xanh, những ai nhìn qua cửa sổ có thể thấy một bé gái da nâu tí xiu trong bộ váy vải trúc bầu vàng nhạt đang ngồi rất thẳng thớm trên ghế sau, một tay cầm bó hoa thật lớn còn tay kia cầm chiếc dù hồng. Khi chiếc xe ngựa rẽ vào sân bên của căn nhà gạch cũ, nếu ai bị viễn thị thì có thể sẽ còn thấy được một bên cầu vai chiếc váy thô nọ nhô lên hạ xuống đầy hối hả bởi trái tim bên trong váy đang đập thật gấp gáp, màu đỏ thoát đến thoát đi trên hai gò má nhợt nhạt, và một màn nước mắt ứa tới trên đôi mắt sẫm màu đẹp tuyệt kia.

Chuyến du hành của Rebecca đã kết thúc.

“Có xe ngựa vào sân nhà Sawyer kìa,” bà Perkins nói với chồng. “Đấy hẳn là đứa cháu trên Temperance xuống. Hình như họ đã viết thư cho Aurelia mời Hannah, đứa chị cả, nhưng Aurelia nói bà ấy chỉ có thể cho Rebecca đi thôi, nếu Mirandy và Jane thấy hai đứa nó không khác gì nhau; thế là Rebecca đến đây. Con bé sẽ hợp với Emma Jane của chúng ta thôi, nhưng tôi chẳng tin là họ sẽ giữ con bé lại nổi ba tháng! Tôi trông nó đen đúa như là thổ dân ấy; đen đúa và có vẻ nhanh nhẹn. Trước người ta hay bảo nhà Randall có anh con trai lấy một cô người Tây Ban Nha dạy nhạc và ngôn ngữ ở một trường bán trú. Lorenzo có nước da đen, ông nhớ chứ, và đứa bé này cũng thế. Thật ra thì, tôi cũng chẳng biết máu Tây Ban Nha có phải là thực sự đáng xấu hổ hay không, chứ như ngày xưa thì cô ta đáng kính lắm đấy.”

CHƯƠNG II

Họ hàng nhà Rebecca

Người ta đã gọi họ là các cô gái nhà Sawyer từ khi Miranda mười tám, Jane mười hai và Aurelia tám tuổi cùng tham gia nhiều hoạt động khác nhau trong làng; và khi dân làng Riverboro đã quen gọi quen nghĩ thế rồi, họ thấy chẳng có lý do gì mà phải từ bỏ thói quen ấy đi cả, nhất là khi vẫn còn chưa sang thế kỷ khác. Vì thế mặc dù Miranda và Jane đã vào tuổi ngũ tuần khi câu chuyện này bắt đầu, thì dân làng Riverboro vẫn gọi họ là các cô gái nhà Sawyer. Họ là hai bà cô không chồng; còn Aurelia, cô con gái út, đã thực hiện điều mà bản thân bà gọi là một cuộc hôn nhân lãng mạn và các chị gái của bà đặt tên là một cuộc đối chác vô cùng đáng thương. “Có những thứ còn tệ hơn là làm bà cô già,” họ nói vậy; họ có nghĩ như thế thật hay không lại là một chuyện hoàn toàn khác.

Yếu tố lãng mạn trong cuộc hôn nhân của Aurelia tồn tại chủ yếu ở chuyện ông L. D. M. Randall có một tâm hồn bay bổng khỏi những công việc đồng ruộng và buôn bán. Ông là kẻ tôn thờ nghệ thuật. Hằng tuần ông đi dạy ở trường nhạc (khi ấy trường nhạc là một đặc trưng của đời sống thôn quê) ở sáu thị trấn lân cận, ông chơi đàn violin và hát lệnh trong các điệu nhảy bốn cặp, hoặc hòa âm những bản nhạc sâu lắng với cây đàn phong cầm của nhà thờ mỗi Chủ nhật. Ông dạy cho những thiếu niên đã đến tuổi bước ra ngoài xã hội mà còn vụng về điệu nhảy dân gian New England phức tạp, hay cách bước chân trong điệu polka chậm và điệu mazurka, ông là một nhân vật nổi bật trong tất cả các nhóm hội, mặc dù

ông thường vắng mặt trong các buổi họp mặt của thị trấn và những buổi tụ tập của cánh đàn ông ở hàng quán hoặc trên cầu.

Tóc ông dài hơn một chút, đôi tay ông trắng hơn một chút, giày của ông mỏng hơn một chút, cung cách của ông tao nhã hơn một li, so với những người cùng trang lứa; thực chất cái khía cạnh duy nhất của cuộc đời mà ông không tỏ sáng nổi là việc kiếm tiền. May mắn thay ông không phải gánh vác trách nhiệm gì; cha ông và người anh em song sinh với ông đã chết khi ông còn nhỏ, và mẹ ông, người có duy nhất một thành tựu đáng kể trong đời là đặt tên cho hai con trai là Marquis de Lafayette và Lorenzo de Medici Randall, đã tự nuôi dưỡng bản thân và cho con học hành bằng nghề may vá cho đến tận ngày bà trút hơi thở cuối cùng. Bà thường buồn bã nói, “E là năng lực của hai đứa song sinh nhà tôi khác nhau hoàn toàn. Thăng L. D. M là thằng cực kỳ có tài, còn thằng M. D. L. mà còn sống hẳn là đứa rất thực tế.”

“Cái anh L. D. M. mà không thực tế thì đã chẳng vợ được cô con gái giàu nhất làng,” bà Robinson đáp.

“Phải,” mẹ ông thở dài, “lại chuyện đó nữa; nếu cả hai đứa nó lấy Aurelia Sawyer thì tốt. Thăng L. D. M. đủ tài để *lấy* được tiền của Reely, còn thằng M. D. L. sẽ đủ thực tế để *giữ* được chỗ tiền ấy.”

Phần của Aurelia trong số tài sản khiêm tốn nhà Sawyer đã được ông Lorenzo de Medici đẹp trai và kém may mắn tiêu tốn vào hết thứ này đến thứ nọ. Ông có một kiểu cách đậm chất thơ ca và duyên dáng trong việc đầu tư cho mỗi đứa con mới ra đời. “Mỗi món quà sinh nhật cho con của chúng ta, Aurelia à,” ông sẽ nói như thế, “là một cái tổ ấp trứng nho nhỏ cho tương lai;” nhưng có lần Aurelia đã phải chua chát thốt lên rằng chẳng có con gà mái nào có thể ấp mấy quả trứng ấy nở ra được cái của nợ gì cả.

Miranda và Jane gần như đã phui tay rũ Aurelia đi khi bà lấy ông

Lorenzo de Medici Randall. Khi đã xoay xở hết mọi nguồn hỗ trợ ở Riverboro và vùng lân cận, đôi vợ chồng kém may mắn tiếp tục di chuyển hết chỗ này tới chỗ nọ trong cảnh ngày càng nghèo khó cho đến khi họ đến Temperance, định cư tại đây và phó mặc cho số phận thỏa sức xoay vần, một lời mời đã được số phận chấp nhận ngay lập tức. Hai người chị gái không chồng ở nhà viết thư cho Aurelia mỗi năm đôi ba lần, và gửi cho lũ trẻ những món quà khiêm tốn song được cái thiết thực vào dịp Giáng Sinh, nhưng họ từ chối giúp đỡ L. D. M. chi phí sinh hoạt cho cái gia đình liên tục gia tăng dân số của ông. Khoản đầu tư cuối cùng của ông, được thực hiện không lâu trước khi Miranda ra đời (Miranda được đặt tên với kỳ vọng về những sự giúp đỡ không bao giờ thành hiện thực), là một trang trại nhỏ cách Temperance hai dặm. Aurelia một mình xoay xở với nó, nên ít nhất nó cũng được coi là nhà, là chốn ông Lorenzo thất thế ra đi và được chôn cất, cái nghĩa vụ dường như đã bị trì hoãn quá lâu, theo ý nhiều người, mà ông đã thực hiện vào đúng ngày Mira sinh ra.

Chính dưới mái nhà vô tư lự này Rebecca đã khôn lớn. Đó cũng chỉ là một gia đình bình thường; vài ba đứa trẻ con xinh xẻo và lũ còn lại thì tầm tầm, ba trong số chúng khá thông minh, hai đứa chăm chỉ, hai đứa còn lại thì bình thường và chậm chạp. Rebecca thừa hưởng năng khiếu của cha và luôn là học sinh giỏi giang nhất của ông. Cô bé “cảm” giọng nữ trầm bằng tai, biết khiêu vũ mà không cần dạy, biết chơi phong cầm mà không cần học các nốt. Tình yêu sách vở của cô bé được thừa hưởng chủ yếu từ mẹ, một người luôn thấy khó mà quét dọn nhà cửa hoặc nấu nướng hoặc khâu vá được khi trong nhà không có lấy một cuốn tiểu thuyết. May mắn thay sách vở không phải dễ mà có được, nếu không thì đôi khi lũ trẻ đã có thể bị bỏ đói hoặc rách rưới.

Nhưng ở Rebecca còn có cả những phẩm chất khác nữa, những dấu ấn

của tổ tiên xa xưa đã ăn sâu trong con người cô bé. Lorenzo de Medici thì yếu đuối và nhu nhược, Rebecca lại chất chứa lửa nhiệt thành; ông thiếu đi sinh khí và sự quả cảm, Rebecca thì hai tuổi đã bạo lăm và năm tuổi đã gan dạ rồi. Bà Randall và Hannah chẳng có tí hài hước nào cả, Rebecca thì thể hiện óc khôi hài ngay khi còn lăm chằm tập đi và bập bẹ nói.

Tuy vậy, cô bé không thể vừa có được những đức tính tốt của cha mẹ và những vị tổ tiên hào phóng mà lại vừa thoát được những khiếm khuyết trong tính cách họ. Cô bé không có được tính kiên nhẫn của cô chị Hannah hay sức khỏe của cậu em John. Ý thích của cô bé đôi khi ngang ngạnh, và sự dễ dàng mỗi khi cô làm hầu hết các việc khiến cô trở nên thiếu kiên nhẫn đối với những việc khó hoặc đòi hỏi thời gian. Nhưng dù gì đi nữa thì ở trang trại nhà Randall trẻ con luôn được tự do. Lũ trẻ lớn lên, làm việc nhà, chành chọe nhau, ăn ngủ vô tội vạ; yêu thương nhau và yêu thương cha mẹ rất nhiều, nhưng không phải kiểu yêu thương thăm thiết; và mỗi đứa mỗi kiểu, chúng tự học suốt chín tháng mỗi năm.

Kết quả của phương pháp này là Hannah, đứa trẻ chỉ có thể phát triển nhờ vào sự ép buộc, thì tí mỉ, buồn tẻ và năng lực có hạn; trong khi Rebecca, đứa rõ ràng là không cần gì ngoài một không gian để phát triển và vốn từ để diễn đạt ý nghĩ của bản thân, thì cứ lớn lên, lớn lên và lớn lên mãi, sức mạnh nội tâm luôn tỏa ra bên ngoài. Các năng khiếu của cô bé có vẻ như đã được đặt ở trạng thái động ngay khi cô bé ra đời; chúng chẳng cần phải được hồi thúc mỗi ngày, mà tự phát triển theo ý mình - theo hướng chẳng một ai biết được, nhất là bản thân Rebecca. Môi trường thể hiện dành cho bản năng sáng tạo của cô bé thật hạn chế quá thế, cô bé chỉ có thể dùng được nó vào việc hôm nay không cho trứng vào bột bánh mì ngô còn hôm khác thì không cho sữa, để xem kết quả sẽ ra sao; rẽ ngòi cho Fanny lúc thì ngòi giữa, lúc thì ngòi lệch phải, lúc thì ngòi lệch trái; và chơi đủ

mọi trò tai quái với lũ em, thỉnh thoảng cho chúng đóng giả những nhân vật tưởng tượng hoặc nhân vật lịch sử trong những cuốn sách yêu thích của cô rồi mới đưa chúng tới bàn ăn. Rebecca nhìn chung khiến cho mẹ và gia đình rất vui vẻ, nhưng cô bé chẳng bao giờ được coi là người quan trọng thật sự, tuy được cho là “thông minh” và chín chắn hơn tuổi song cô bé cũng chẳng được cho là đặc biệt gì hơn cả. Kinh nghiệm của Aurelia về thiên tài, mà ví dụ điển hình là ông Lorenzo de Medici quá cố, đã khiến cho bà càng thêm ngưỡng mộ những điều đơn giản, thường tình, một khả năng mà Rebecca phải nói thật là lắm lúc vô cùng thiếu thốn.

Hannah là đứa con cưng của bà mẹ, bởi bà thấy mình được quyền thiên vị đứa nọ đứa kia chứ. Một người mẹ phải nuôi ăn nuôi mặc cho bảy đứa trẻ với thu nhập mười lăm đồng một tháng mấy khi có thời gian để ý kỹ sự khác nhau giữa đám con của mình, nhưng Hannah lúc mười bốn tuổi đã biết cùng mẹ lo toan gánh vác mọi chuyện trong gia đình. Cô bé là người trông nom nhà cửa khi Aurelia bận rộn việc trang trại hay đồng áng. Rebecca có thể làm được những việc nhất định, như để mắt đến bốn bé con không cho chúng đánh nhau hoặc nghịch dại, cho gà ăn, lượm củi nhóm bếp, nhặt cuống đậu tây, lau đĩa ăn; tuy vậy bà vẫn thấy không thể trông cậy được gì ở cô bé, và Aurelia, đang rất cần có ai đó để trông cậy (bà chưa bao giờ được hưởng diễm phúc đó với ông Lorenzo tài giỏi), đã chọn Hannah. Và việc ấy ít nhiều đã để lại dấu ấn ở Hannah - cô bé lúc nào cũng mang vẻ mặt mệt mỏi và phong thái khô cứng; nhưng cô là đứa tự lập, ngoan ngoãn, đáng tin cậy, đó chính là lý do hai bà bác mời cô đến Riverboro làm thành viên trong gia đình họ và hưởng lợi lạc từ vị trí danh giá hơn người của họ. Mấy năm rồi Miranda và Jane không gặp lũ trẻ, nhưng họ vẫn hài lòng khi nhớ lại rằng Hannah không hề nói một lời nào suốt buổi trò chuyện, và đó chính là lý do họ mời cô bé đến ở cùng. Còn

Rebecca thì khác, cô bé mặc đồ của John cho chó, và khi được bảo gọi ba đưa em về ăn tối, cô đã giúi chúng xuống cái bóm nước và ép dẹp tóc của chúng xuống da đầu bằng cách chải thật lực, dắt chúng tới bàn ăn trong tình trạng ướt nhẹp và bóng lộn đến kinh dị làm mẹ chúng cảm thấy vô cùng mất mặt. Mái tóc xoăn đen của Rebecca thường được chải gọn để lộ trán, nhưng vào dịp đó cô bé đã tạo ra cái mà tôi chỉ còn biết gọi bằng cái tên duy nhất, một lọn tóc xoăn nước bọt, nó rủ ngay xuống giữa lông mày, là món trang sức mà cô chỉ được diện mỗi một tí, đến khi Hannah mách mẹ, cô bé bị bắt vào phòng trong đuổi ra và khi quay trở lại phải trông đúng như một con chiên ngoan đạo. Yêu cầu của mẹ cô bé có lẽ đã được hiểu quá sát nghĩa đen, bởi cô đã xoay xở trong vòng chỉ hai phút đồng hồ mà ra được một kiểu tóc cực kỳ ngoan đạo, mang lại hiệu quả mạnh mẽ như không muốn nói là giật mình y như kiểu trước. Những trò kỳ quặc này nguyên do nằm cả ở sự bức bối, một trạng thái tâm lý bắt nguồn từ thái độ cứng nhắc, dửng dưng và rất nhà binh của bà bác Miranda Sawyer. Hồi tưởng về Rebecca sinh động đến mức lá thư của cô em Aurelia thực là một cú sốc đối với hai bà cô không chùng trầm lặng trong ngôi nhà gạch; bởi lá thư nói rằng Hannah không thể rời nhà trong vài năm tới được, nhưng Rebecca sửa soạn xong cái là có thể đến ngay; rằng gia đình Aurelia rất trân trọng lời mời của hai bà chị, rằng việc đi học và những ân sủng của nhà thờ, cũng như ảnh hưởng của nhà Sawyer, không nghi ngờ gì nữa, sẽ giúp Rebecca “nên người”.

CHƯƠNG III

Sự khác biệt của những trái tim

“Chả biết tôi có thể khiến đứa trẻ nào nên người được hay không đây,” Miranda vừa nói vừa gấp lá thư của Aurelia lại cất vào chiếc tủ nhỏ để đèn. “Cứ tưởng Aurelia sẽ gửi cho chúng ta đứa chúng ta muốn, nhưng đúng là chỉ cô ta mới có cái kiểu lật lọng để tống cái con bé rồ ấy cho người khác.”

“Chị có nhớ là mình đã nói Rebecca hoặc thậm chí Jenny đến cũng được, trong trường hợp Hannah không thể đến mà,” Jane xen vào.

“Thì biết thế, nhưng chúng ta làm sao hình dung nổi sự việc lại ra nông nỗi ấy,” Miranda càu nhàu.

“Ba năm trước mình gặp nó thì nó còn bé tí,” Jane đánh bạo cho ý kiến, “con bé hẳn đã đủ thời gian để tiến bộ hơn rồi.”

“Và đủ thời gian để hư hỏng hơn!”

“Chẳng phải uốn nắn được con bé là một điều đáng tự hào hay sao?” Jane rụt rè hỏi.

“Tự hào hay không tôi chả biết; nhưng tôi cho là sẽ có cả một đồng việc đây. Nếu cho đến giờ phút này mẹ nó vẫn chưa cho nó vào khuôn khổ được, thì có khối mà tự nó dùng một cái lại ngoan lên được.”

Tư tưởng thất vọng và đáng thất vọng này cứ dai dẳng tới tận cái ngày quan trọng là ngày Rebecca đến.

“Con bé đến mà vẫn bày trò như ngày trước thì chúng ta chẳng còn hy

vọng được ngồi nghỉ gì nữa cả,” Miranda thở dài, phơi mấy cái khăn lau bát đĩa lên bụi hoàng liên gai ngoài cửa hông.

“Nhưng dù có Rebecca hay không có Rebecca thì chúng ta vẫn nên dọn dẹp nhà cửa đi,” Jane giục chị, “mà em không hiểu sao chị lại kì cọ giặt giữ nấu nướng cho con bé thế, còn mua cả đồ thêu thùa vải vóc ở nhà Watson nữa chứ.”

“Nếu như cô không hiểu Aurelia thì tôi có hiểu đấy,” Miranda đáp. “Tôi thấy nhà cô ta thế nào rồi, và tôi đã chứng kiến cái lũ trẻ con ấy, mặc đồ của nhau lẫn lộn cả, lại chẳng thèm quan tâm xem mặc trái hay mặc phải nữa; tôi biết rõ số tiền nhà chúng có để trang trải ăn mặc ra sao, và cô cũng thế. Con bé lại chẳng tới đây với một lô một lốc những thứ đi mượn của tất cả những đứa khác ấy chứ. Chắc nó lại đi giày của Hannah, mặc áo lót của John và đi tất của Mark. Tôi đồ rằng cả đời con bé chưa bao giờ đeo đê khâu, nhưng cứ ở cái nhà này rồi chẳng mấy chốc mà nó sẽ quen ngay thôi. Tôi đã mua một miếng mút xơ lin chưa chuội và một miếng kẻ ca rô nâu để nó may vá; cho nó có cái mà làm. Nó sẽ chẳng bao giờ tự thu dọn được gì hết, cái này thì khỏi phải nói; có khi nó còn chưa thấy cái chổi phủi bụi bao giờ ấy chứ, việc rèn cho nó vào khuôn phép nhà ta sẽ khổn khổ chẳng khác nào tìm đường lên gò đồi đâu.”

“Con bé sẽ thay đổi chứ,” Jane nhìn nhận, “mà biết đâu nó ngoan ngoãn hơn chúng ta nghĩ.”

“Ng ngoan hay không thì nó cũng sẽ để bụng khi bị nhắc nhở,” Miranda vừa khẳng định vừa giũ nốt cái khăn cuối cùng.

Miranda Sawyer có một trái tim, điều đó là đương nhiên, nhưng bà chưa bao giờ dùng nó vào việc gì ngoài bom và tuần hoàn máu. Bà sòng phẳng, tỉ mỉ, tiết kiệm, chịu khó; là người thường xuyên đến nhà thờ và lớp học giáo lý, là thành viên của Hội Truyền giáo bang và hội Truyền bá Kinh

Thánh, nhưng trước những đức tính lạnh lẽo như vậy người ta mong mỗi được thấy một khuyết điểm nho nhỏ dễ gần, nếu không thì một thiếu sót đáng yêu nào đó, một thứ người ta có thể vin vào để thấy rằng bà vẫn là con người bằng xương bằng thịt. Bà không học quá trường huyện, bởi khao khát và tham vọng của bà chỉ tập trung vào việc cai quản nhà cửa, đồng áng và trang trại bò sữa. Khác với bà chị, Jane đã học hết phổ thông, và cả một trường nội trú dành cho nữ sinh; Aurelia cũng thế; nên sau tất cả những năm tháng dài đã lùi vào dĩ vãng vẫn luôn có một sự khác biệt nho nhỏ trong lời ăn tiếng nói và cung cách giữa bà chị cả và hai người em gái.

Jane còn có một nỗi khổ đau khôn xiết của riêng mình; không phải là nỗi đau vốn dĩ khi mất cha mẹ già, bởi bà xác định họ sẽ ra đi; mà là một điều thầm kín hơn rất nhiều. Hồi trẻ bà đã đính hôn với chàng trai Tom Carter, anh chẳng có chút của cải gì, thật vậy, nhưng vẫn luôn tin là mình sẽ có, vào một lúc nào đó. Rồi chiến tranh nổ ra. Tom nhập ngũ đợt đầu tiên. Cho tới tận khi ấy Jane vẫn luôn yêu anh với một thứ tình cảm thầm lặng và gần như tình bạn, và cũng dành cho đất nước mình một xúc cảm nhẹ nhàng giống như vậy. Nhưng cái xung đột, cái nguy hiểm, cái bất an của thời cuộc đã xô tới những luồng sóng cảm xúc mới. Cuộc sống không chỉ còn là ba bữa ăn, không chỉ là vòng xoay nấu nướng, giặt giũ, khâu vá và đi lễ nhà thờ. Người làng gặp nhau không còn nói dăm ba thú chuyện phiếm. Những chuyện lớn lao chiếm chỗ những điều nhỏ nhặt - những người mẹ người vợ mang trong lòng bao nỗi đau cao cả, những người cha người chồng gạt đi cái nỗi đau trong tâm khảm, giờ họ nói về sự hy sinh, lòng cảm thông, niềm mong mỗi được đỡ lấy gánh nặng của kẻ khác. Người ta lớn nhanh hơn trong những ngày tháng đất nước lâm nguy, và Jane đã thức tỉnh khỏi giấc mơ buồn tẻ mờ nhạt mà trước nay cô vẫn gọi là cuộc đời để đối mặt với những niềm hy vọng mới, nỗi sợ hãi mới, động lực

mới. Rồi sau một năm trời lo lắng bồn chồn, một năm không ai đọc báo mà có thể thoát khỏi dự cảm về những điều đáng sợ và thương đau chực chờ, có điện báo đánh về nói rằng Tom bị thương; vậy là thậm chí chẳng kịp xin phép Miranda, cô gói ghém đồ đạc lên đường về miền Nam. Cô đã kịp đến cầm tay Tom trong những giờ phút đau đớn; để cho anh thấy một lần duy nhất trái tim của người con gái New England thùy mị khi nó hùng hực cháy trong tình yêu và nỗi đau; để vòng tay ôm anh cho anh được ra đi trong yêu thương, và chỉ thế mà thôi - chỉ thế, nhưng đã là đủ rồi.

Kỷ niệm ấy đã dìu dắt cô qua những tháng dài mệt mỏi trong vai trò điều dưỡng - chăm sóc những người lính khác vì Tom; nó đã biến cô trở thành một người tốt đẹp hơn khi cô về lại quê nhà. Cô chưa bao giờ rời Riverboro trong suốt những năm sau đó, và ngoài mặt sống như người chị yà tất cả những bà cô không chồng gầy mòn của New England khác, song đó chỉ là vỏ bọc mà thôi, bởi bên trong cô vẫn vang vọng nhịp đập hoang dại từ trái tim của tuổi thanh xuân. Khi đã thấu hiểu được nhịp đập, tình yêu, và nỗi đau, trái tim chân thành tội nghiệp ấy kiên cường chống đỡ, mặc dù nó sống bằng ký ức và vẫn tiếp tục nuôi dưỡng những cảm xúc yếu đuối trong âm thầm.

“Cô ủy mị quá, Jane ạ,” Miranda có lần nói, “ngày xưa đã thế, và cũng mãi như thế thôi. Không có tôi giúp cô vững vàng lên thì tôi tin chắc cô đã tan thành nước chảy từ trong nhà ra ngoài vườn mất rồi.”

Đã quá giờ bác Cobb đánh xe chạy lóc cóc trên phố rồi.

“Xe ngựa lẽ ra đã phải đến rồi chứ,” Miranda nói, lo lắng liếc chiếc đồng hồ cây lần thứ hai mươi. “Tôi nghĩ mọi thứ đã xong hết rồi. Tôi đã đóng đến hai tấm khăn dày lên đằng lưng cái giá rửa và đặt một tấm thảm lót dưới cái âu đựng nước thừa cho con bé; nhưng trẻ con thì phá đồ kinh

lắm. Tôi cho là một năm nữa chúng ta sẽ chẳng còn nhận ra cái nhà này đâu.”

Tâm tưởng của Jane, một cách tự nhiên, nhuộm màu u uất và sợ sệt trước ảnh hưởng từ những linh cảm tối tăm của Miranda về tai họa sắp tới. Điểm khác biệt duy nhất giữa hai chị em trong chuyện này là trong khi Miranda chỉ băn khoăn làm sao để họ chịu đựng được Rebecca, thì Jane lại nghĩ ngợi làm sao để Rebecca có thể chịu đựng nổi họ. Chính nhờ một trong những lần cảm xúc trào dâng như thế bà đã tất tả chạy lên cầu thang phía sau để đặt một bình hoa táo và một cái gối nhỏ cắm kim hình cà chua màu đỏ lên tủ của Rebecca.

Chiếc xe ngựa chạy lóc xóc về bên hông nhà, và bác Cobb đỡ tay Rebecca xuống xe như một quý hành khách thực thụ. Cô bé rạng ngời lên cùng với sự thận trọng cao độ, đặt bó hoa đã héo vào tay bác Miranda, và nhận lấy sự chào đón của bà; sự chào đón ấy cũng khó lòng được coi là một nụ hôn nếu không muốn làm tổn thương cái tên đẹp đẽ của nó.

“Mang hoa hoét làm gì cho thêm phiền,” quý bà lịch thiệp và khéo léo ấy nói, “đến mùa thì vườn này chẳng đầy những hoa.”

Rồi Jane hôn Rebecca, một thứ giống nụ hôn hơn là thứ bà chị đã trao. “Để cái rương lên chỗ cửa đó, bác Jeremiah, rồi chiều nay chúng tôi sẽ nhờ người mang lên gác,” bà nói.

“Tôi sẽ mang lên ngay bây giờ, nếu các cô cần.”

“Thôi, thôi; ai lại bỏ lại lũ ngựa như thế chứ; thế nào cũng có người đi qua, lúc ấy chúng tôi gọi họ cũng được.”

“Vậy thì, tạm biệt Rebecca; chúc một ngày tốt lành, Mirandy và Jane nhé. Các cô có cô cháu sôi nổi thật đấy. Tôi đoán cô bé sẽ là người bầu bạn không thể tuyệt vời hơn của các cô đấy.”

Bà Sawyer rùng mình một cách lộ liễu trước tính từ “sôi nổi” khi nó

được dùng cho một đứa trẻ; bà vốn vẫn tin rằng bất đắc dĩ phải thấy đứa trẻ con quanh quẩn trước mắt thì thôi cũng đành chấp nhận, nhưng nếu có thể bà sẽ tránh để không bao giờ phải nghe thấy tiếng chúng. “Jane và tôi đây không quen ồn ào cho lắm,” bà gay gắt.

Bác Cobb thấy là mình đã sai chiến thuật mất rồi, nhưng bác quá ngây ngô về khoản tranh luận nên chẳng tài nào giải thích ý mình một cách nhanh chóng được, thế là bác đánh ngựa đi ngay, trong đầu vẫn cố nghĩ xem có từ nào an toàn hơn từ “sôi nổi” để miêu tả vị hành khách nhỏ thú vị của mình không.

“Ta sẽ dẫn cô lên phòng, Rebecca,” bà Miranda nói. “Vào thì đóng kín cái cửa lưới lại, kéo ruồi bay vào; chưa đến mùa cô ruồi đâu, nhưng ta muốn cô tập dần đi; mang các thứ của cô lên luôn để khỏi phải quay xuống lần nữa; lúc nào cũng phải dùng cái đầu để đỡ cho cái chân. Chùi chân lên tấm thảm bên; lúc đi qua thì treo mũ và áo khoác ở cửa vào đằng kia.”

“Đây là cái mũ đẹp nhất của cháu đấy ạ,” Rebecca nói.

“Thế thì cầm lên phòng cất trong tủ com mốt; nhưng ta chẳng nghĩ người ta lại đội cái mũ đẹp nhất để đi xe ngựa đâu.”

“Cháu có mỗi cái mũ này,” Rebecca giải thích. “Cái mũ mọi ngày cháu vẫn đội không còn tốt mấy nữa. Fanny sẽ dùng thừa của cháu.”

“Cho dù vào cái tủ ngoài cửa.”

“Bác cho cháu mang nó lên phòng được không ạ? Cháu thấy thế an toàn hơn.”

“Quanh đây không có trộm cắp gì, và nếu có, thì ta đoán chúng cũng chẳng thèm động vào cái dù của cô, nhưng thôi được. Nhớ là luôn lên phòng bằng cầu thang sau; chúng ta không dùng cầu thang trước để còn giữ thảm; chỗ chiếu nghỉ phải cẩn thận không được miết gót giày; phòng ở bên phải. Khi nào rửa mặt mũi chân tay và chải đầu xong thì cô có thể xuống

dưới này, rồi chúng ta sẽ lấy đồ trong rương ra sắp xếp ổn định cho cô trước bữa tối. Chẳng phải cô đang mặc váy đằng trước ngược đằng sau đấy à?”

Rebecca cúi xuống nhìn hàng cúc áo màu xám giả ngọc trai chạy dọc trên khuôn ngực nhỏ phẳng lì của mình.

“Đằng trước ngược đằng sau ấy ạ? Ồ, cháu hiểu rồi! Không, đúng đấy ạ. Nếu bác mà có bảy đứa con thì bác không thể thay ra mặc vào cho chúng suốt cả ngày được ạ - chúng phải tự làm lấy thôi. Nhà cháu ai cũng mặc khuy ra trước. Mira mới ba tuổi mà nó đã mặc khuy đằng trước rồi đấy ạ.”

Miranda chẳng nói gì khi đóng cửa lại, nhưng ngay lập tức ánh mắt của bà không những tương đương mà còn có sức mạnh hơn cả lời nói.

Rebecca đứng im lìm giữa phòng nhìn quanh. Có một tấm vải dầu chống thấm hình vuông đặt trước mỗi thứ đồ vật và một tấm thảm đặt cạnh một chiếc giường có khăn phủ dệt nổi viền tua rua trắng.

Tất cả mọi thứ đều ngăn nắp gọn gàng, nhưng trần nhà thì cao hơn rất nhiều so với những chỗ Rebecca đã quen thuộc. Căn phòng ở phía Bắc, cái cửa sổ vừa dài vừa hẹp nhìn ra những khu nhà phía sau và nhà kho.

Không phải vì căn phòng tiện nghi hơn phòng của Rebecca ở nhà rất nhiều, cũng không phải vì cảnh bên ngoài không đẹp, hay là chuyển đi dài, vì cô bé còn không cảm thấy mệt mỏi; không phải cảm giác sợ hãi ở một nơi xa lạ, bởi cô bé yêu thích những nơi mới lạ và luôn đón nhận những cảm xúc mới lạ; mà vì sự pha trộn lạ lùng của những cảm xúc không thể hiểu nổi đã khiến Rebecca dựng cái dù vào góc phòng, giật mũ ra quăng lên nóc tủ khiến nhúm lông nhún nằm ẹp xuống dưới, rồi kéo tấm phủ giường ra, lao xuống giường rồi kéo tấm chăn trùm kín mặt.

Lát sau cánh cửa khẽ mở ra. Gõ cửa là kiểu lịch sự không tồn tại ở Riverboro, và nếu có thì cũng chẳng bao giờ được thực hiện với một đứa

trẻ con.

Miranda bước vào, và đôi mắt bà đưa quanh căn phòng trống, dừng lại ở cái đại dương chần phủ giường màu trắng như đang có bão, một đại dương bị giầy xé thành những cơn sóng to nhỏ cuộn cuộn.

“*Rebecca!*”

Âm điệu khi cái từ ấy phát ra có sức mạnh ngang với khi nó được thét lớn từ trên nóc nhà.

Một mái đầu đen rối bù và đôi mắt hoảng hốt lộ ra dưới tấm chăn.

“Cô làm cái trò gì mà nằm chềnh ềnh giữa ban ngày ban mặt, tanh bành cả giường chiếu, giầy dép lại còn bôi bẩn cả gối thế kia?”

Rebecca đứng dậy vẻ hối lỗi. Chẳng có lý do gì để vin vào hết. Tội lỗi của cô thật không thể giải thích cũng chẳng thể xin lỗi mà xong được.

“Cháu xin lỗi, thưa bác Mirandy - cháu cảm thấy làm sao ấy; cháu chẳng biết là cảm xúc gì nữa.”

“Thế thì, nếu nó lại sắp đến nữa chúng ta tốt hơn cả là phải tìm cho ra nó là cái gì. Vuốt cho phẳng giường ngay đi, vì Abijah Flagg sắp mang rương lên đây cho cô, và ta chẳng muốn anh ta trông thấy cái phòng bừa bãi lung tung hết lên như thế này đâu; anh ta sẽ kể cho cả thị trấn nghe mất.”

Tối ấy, cho ngựa vào chuồng xong xuôi, bác Cobb bê một cái ghế trong bếp ra hiên sau ngồi cạnh bác gái.

“Mẹ nó ạ, hôm nay tôi đã đưa một cô con gái nhà Randall từ Maplewood về đây. Con bé là họ hàng với hai cô nhà Sawyer và đến đây sống cùng họ,” bác vừa nói vừa ngồi xuống và bắt đầu chuốt chuốt gọt gọt. “Nó là con của Aurelia, cái cô đã bỏ đi cùng con trai Susan Randall ngay

trước khi chúng ta đến đây sống ấy.”

“Con bé bao tuổi?”

“Chừng mười, hoặc khoảng đấy, trông nhỏ hơn tuổi; nhưng trời ơi! Nghe nó nói chuyện thì cứ như nó đến cả trăm tuổi ấy! Nó cứ làm tôi phải cuống cả lên mà kiếm cách trả lời! Trong tất cả những đứa trẻ kỳ lạ tôi đã gặp thì nó là đứa kỳ lạ nhất. Con bé không xinh - mặt chỉ thấy mắt là mắt; nhưng nếu nó lớn lên với đôi mắt ấy và đầy đặn hơn chút nữa thì nó sẽ khiến ai cũng phải ngăm nhìn. Trời đất, mẹ nó ơi! Giá bà được nghe nó nói chuyện.”

“Tôi chẳng hiểu một đứa trẻ như thế thì nói được chuyện gì với một người xa lạ cơ chứ,” bác gái đáp.

“Lạ hay không lạ cũng chẳng có nghĩa lý gì với con bé. Nó có mà nói chuyện với cả cái bom hay cục đá nghiền bột ấy chứ; nó thà nói chuyện một mình còn hơn là im lặng.”

“Nó nói những chuyện gì?”

“Có mà nhắc lại được ấy à. Con bé làm tôi choáng váng chẳng còn đầu óc nào nữa. Nó có một cái dù be bé màu hồng - trông như cái giày Victoria của búp bê, và nó bám chặt lấy cái dù như là cò lau bám lấy tất len ấy. Tôi khuyên con bé mở dù ra - vì trời nắng lắm; nhưng nó bảo không, cái dù sẽ phai mất, và nó giắt cái dù xuống dưới váy. ‘Đây là thứ quý giá nhất đời của cháu,’ con bé bảo, ‘nhưng nó cũng đòi hỏi phải được giữ gìn kinh lắm ạ.’ Nó nói thế đấy, tôi lại chỉ nhớ được có thế. ‘Đây là thứ quý giá nhất đời của cháu, nhưng nó cũng đòi hỏi phải được giữ gìn kinh lắm ạ!’” Đến đây bác Cobb cười hào sảng và đẩy ngửa cái ghế ra sau tựa vào tường nhà. “Còn cái này nữa, nhưng tôi không nhớ chính xác lắm. Con bé kể chuyện đoàn xiếc diễu hành và người thổi miên rần ngồi trên xe ngựa, nó nói là, ‘Cô ấy đẹp không gì sánh nổi, bác Cobb ạ, đến nỗi chỉ nhìn cô ấy thôi cũng

phát ghen trong cổ họng.’ Con bé sẽ qua thăm bà đấy, mẹ nó ạ, lúc ấy bà có thể tự nhận xét. Không biết làm thế nào nó sống được với Mirandy Sawyer đây - tội nghiệp con bé!”

Mỗi bản khoản này được bàn tán ít nhiều lộ liễu ở Riverboro, mà thực tế là có hai luồng ý kiến; một thì nói rằng chưa thấy ai rộng lượng như hai cô gái nhà Sawyer khi nhận nuôi ăn học cho một đứa nhà Aurelia, còn một thì cho là co hội học hành ấy phải trả bằng một cái giá lớn hơn nhiều lần so với giá trị thực của nó.

Những lá thư gửi mẹ đầu tiên của Rebecca dường như ngụ ý rằng cô bé thật sự đồng cảm với luồng ý kiến thứ hai kia.

CHƯƠNG IV

Suy nghĩ của Rebecca

MẸ THÂN YÊU - con đã đến nơi an toàn. Váy của con không bị nhàu lấm và bác Jane đã giúp con là phẳng rồi. Con quý bác Cobb lắm. Bác ấy cứ nhai thuốc lá nhưng lại ném cuộn báo trúng phóc cửa nhà người ta. Con ngồi ở ghế trên một lát, nhưng con quay trở vào trong xe khi sắp tới nhà bác Miranda. Con chẳng thích thế, nhưng con nghĩ mẹ sẽ thích con vào trong hơn. Chữ Miranda dài quá nên chắc con sẽ gọi là bác M. và bác J. trong thư con viết vào Chủ nhật nhé. Bác J. đưa cho con một cuốn từ điển để tra những từ khó. Tra thế lâu ời là lâu và con thấy may là người ta có thể nói chuyện mà không cần phải dừng lại đánh vần từng chữ cái một. Nói chuyện dễ hơn và hai hơn viết nhiều lắm. Ngôi nhà gạch trông y hệt những gì mẹ kể. Phòng khách lung linh đẹp tuyệt đến nỗi nhìn qua cửa cũng muốn nổi da gà rồi. Đồng đạc cũng sang chọng nữa, và tất cả các phòng cũng thế nhưng chẳng có chỗ nào ngồi được cả chữ trong bếp. Con mèo ngày xưa vẫn còn đây nhưng các bác không giữ lại mèo con khi nó đẻ, và nó già quá không thích chơi nữa rồi. Chị Hannah có lần bảo con mẹ đã bỏ nhà để đi cùng cha và con thấy làm thế thật hay. Bác M. mà có bỏ đi thì con nghĩ con sẽ thích sống với bác J. Bác không ghét con nhiều như bác M. Mẹ bảo với em Mark là em có thể dùng hộp màu của con, nhưng con muốn em để lại cho con màu đỏ vì biết đâu con lại về nhà. Con hy vọng chị Hannah và John không quá mệt với những việc nhà con để lại.

Người bạn thân thiết của mẹ

REBECCA

Tái bút: Mẹ đưa đoạn thơ này cho em John nhé vì em thích thơ của con dù nhiều lúc thơ con không hay lắm. Đoạn này không thật hay nhưng đúng sự thật và con mong mẹ không để bụng những gì con viết ra vì mẹ cũng đã phải bỏ đi mà.

Ngôi nhà này tối tăm u ám và yêu ma
Không ánh sáng nào rọi tới dù gần dù xa
Như một nấm mồ.
Và chúng ta những kẻ sống nơi đây
Đã chết như những thượng thần* mãi trên mây
Dù không thể sánh bằng ở lòng tốt.
Thần hộ mệnh của ta đang xay ngũ
Hay ít nhất người cũng chẳng thềm đoái rủ Chao! Ta thật khổ!
Vậy hãy trả ta lại trang trại cô đơn
Nơi không kẻ nào rửa ta những điều ác nhờn Mái nhà tuổi thơ dấu yêu!

Tái bút lần nữa: Con viết bài này bắt chước một đoạn trong sách nhưng lúc đầu con không thể nào gieo đúng vần được. Mẹ thấy “mồ” và “tốt” không vần nhưng mà con muốn dùng “mồ” lắm ấy và vì thiên thần trên mây thì luôn luôn “tốt” nên con không thể bỏ nó được. Con đã viết lại rồi đây. Nó không giống những gì con nghĩ nhưng nó đúng hơn. Mẹ hãy đưa bài hay hơn cho John vì em sẽ cất vào một cái hộp cùng với chỗ trứng chim của em ấy. Đây là bài hay hơn ạ.

Tâm tình ngày Chủ nhật

REBECCA ROWENA RANDALL

Ngôi nhà này tối tăm u ám và yêu ma

Chẳng chút ánh sáng dù gần dù xa

Sẽ chẳng bao giờ có.

Và chúng ta những kẻ sống nơi đây

Đã chết như những chí thần mãi trên mây

Dù không thể sánh bằng sự tốt lành đó.

Thần hộ mệnh của ta đang say ngủ

Hay ít nhất người cũng chẳng thềm đoái rủ

Mà rảo bước ngông chơi.

Vậy hãy trả ta lại trang trại cô đơn

Nơi không kẻ nào rửa ta những điều ác nhờn, Mái nhà tuổi thơ yêu dấu ời!

MẸ THÂN YÊU - sớm nay con ngập trong nỗi buồn. Con lấy câu ấy trong cuốn *Cora vợ người bác sĩ* đấy. Cora có bà mẹ chồng luôn cáu gắt và tàn nhẫn với cô ấy y như bác M. đối với con vậy. Ước gì chị Hannah đến đây chứ không phải là con vì chị ấy mới là người được mời và chị ấy tốt hơn con và không trả lời các câu hỏi nhanh quá. Còn miến vải trúc bầu màu vàng nào của con không ạ. Bác J. muốn có ít vải làm cái khay giả đăng sau để trông con không quá kỳ cục. Bậc thang qua rào nào ở Riverboro trông cũng xinh lắm và bậc thang qua rào ở nhà thờ thì sang chọng hơn ở Temperance nhiều mẹ ạ.

Thị trấn này thật đẹp tươi và duyên dáng,

Và biết bao nhiêu kẻ giàu sang
Nhưng ủ ấm trong vòng tay ta
Vẫn là giấc mơ về Trang trại Bên Suối nơi xa.

Trường học thích lắm mẹ ạ. Cô giáo trả lời được nhiều câu hỏi hơn thầy giáo ở Temperance nhưng vẫn không hết những câu con muốn hỏi. Con thông minh hơn hầu hết các bạn nữ trừ một bạn nhưng không thông minh bằng hai bạn nam. Emma Jane có thể tính nhẩm cộng trừ nhanh như chớp và thuộc lâu lâu quyển tập đọc nhưng chẳng có ý kiến riêng gì cả. Bạn ấy ở lớp Đọc Ba nhưng lại không thích chuyện ở trong sách. Con ở lớp Đọc Sáu nhưng chỉ vì con không thể đọc được bảng nhân bảy mà cô Dearborn giụa sẽ cho con xuống lớp vỡ lòng với hai bé song sinh Elijah và Elisha Simpson.

Đau đốn trái tim, nghiêng ngả niềm
tự hào bướng bỉnh,
Với Lijah và Lisha ta bị buộc vào,
Lòng ta chùn bước như vợ người bác sĩ - Cora,
Xợ mình chẳng đứng vững trước cuộc đời bao la.

Con sẽ thử đi thi đọc nhưng con e là không đạt giải gì. Con không quan tâm đến giải lắm nhưng đọc thơ mà sai thì khủng khiếp lắm. Chủ nhật trước con thấy từ chí thần trong từ điển con thật xấu hổ vì đã viết trí thần nhưng chí không phải là từ có thể đoán được như là một từ khác trong thư này, đọc thế nào viết thế ấy. Cô Dearborn nói nên dùng những từ mình có thể viết đúng và nếu không biết viết từ chí thần thì nên dùng từ thiên thần nhưng mà thiên thần không hẳn là chí thần. Chí thần trắng hơn sáng hơn và

cánh to hơn và con nghĩ là già hơn và chết từ hồi xưa hơn còn thiên thần vừa mới chết và sau một thời gian dài trên thiên đàng bay quanh chiếc ngai trắng khổng lồ mới trở thành chí thần.

Chiều nào con cũng khâu vá kẻ ca rô nâu trong khi Emma Jane và chị em nhà Simpson chơi trò gia đình hoặc là chạy trên những khúc gỗ nổi trên hồ nước khi mẹ chúng không để ý. Mẹ chúng sợ chúng chết đuối còn bác M. sợ là con sẽ ướt váng nên cũng chẳng cho con chơi. Con được chơi từ bốn rưỡi cho đến bữa tối và một chút nữa sau bữa tối và tất cả các chiều thứ Bảy. Thật vui vì con bò ở đây đã sinh một con bê con có đốm. Năm tới sẽ được mùa táo và mùa cỏ khô thế là mẹ và em John có thể vui rồi, và chúng ta lại còn trả thêm được ít nợ cầm cố. Cô Dearborn hỏi bọn con mục đích của dạo dục là gì và con nói mục đích của con là giúp trả nợ cầm cố. Cô nói với bác M. và con bị phạt phải khâu nhiều hơn nữa vì bác nói nợ cầm cố xấu xa không khác gì ăn cắp hay là bệnh đậu mùa và khắp thị trấn sẽ biết rằng nhà chúng ta có nợ. Nhà Emma Jane không phải trả nợ cầm cố và nhà Richard Carter và bác sĩ Winship cũng thế nhưng nhà Simpson thì có.

Phải mạnh mẽ, căng từng sợi nghĩ,
Món cầm cố kia phải xóa đi,
Đáy lòng mẹ biết ơn mi
Gia đình yêu mến bởi xá gì chút hy sinh.

Phải đọc “chút hy sinh” thật nhanh không là nghe sẽ không chuẩn.

Người bạn thân thiết bé nhỏ của mẹ

REBECCA

JOHN THÂN YÊU - Em có nhớ khi mình buột con chó mới vào chuồng

gia súc nó đã cắn dây thừng và tru lên không. Chị giống y như nó chỉ khác chỗ ngôi nhà gạch là chuồng gia súc và chị không thể cắn bác M. vì chị phải biết ơn vì dáo dục sẽ giúp chị nên người và giúp em trả nợ cầm kố khi mình lớn lên.

Yêu em

BECKY

CHƯƠNG V

Đại lộ Khôn ngoan

Ngày Rebecca đến là thứ Sáu, và thứ Hai tuần tiếp đó cô bé bắt đầu đi học ở ngôi trường giữa khu trung tâm Riverboro, cách nhà khoảng một dặm. Bà Sawyer mượn ngựa và xe chở hàng của hàng xóm chở cô đến trường, nói chuyện với cô giáo, cô Dearborn, lo chuyện sắm sách vở, và nói chung là khởi công con đường học vấn dài vô tận cho cô bé. Cô Dearborn, phải nói sơ qua là không được đào tạo gì đặc biệt về nghệ thuật giảng dạy. Cô phù hợp với nghề giảng dạy một cách tự nhiên, gia đình cô nói thế, và có lẽ vì lý do này mà cô, giống như vị mục sư làm gia sư cho Tom Tulliver*, “bắt đầu công việc ấy với sự thống nhất về phương pháp và không phụ thuộc vào hoàn cảnh, mà đó chính là thứ tạo nên sự khác biệt trong hành vi loài vật dưới ảnh hưởng của sự giáo dục trực tiếp của Tự nhiên.” Bạn có nhớ chuyện một nhà tự nhiên học kể về một chú hải ly “một mình hì hục xây một con đập trong một căn phòng trên tầng ba giữa London cứ như thể chú ta đang dựng nó trên một cái hồ ở Bắc Canada vậy. Nhiệm vụ của chú ta là xây dựng, chứ chú không chịu trách nhiệm về việc không có nước hay đập không thể đi vào hoạt động”. Cùng với cung cách ấy, cô Dearborn đặt ra cái mà cô tha thiết tưởng tượng là nền móng cho những tâm hồn trẻ thơ.

Sau buổi đầu tiên đó, Rebecca đi bộ tới trường. Cô bé yêu lắm khoảng thời gian ấy trong ngày. Hôm nào sương không nặng hạt và trời đẹp, cô có thể tới lớp bằng con đường tắt qua rừng. Cô bé rẽ khỏi đường chính, chui

qua hàng rào nhà bác Josh Woodman rồi xua lũ bò nhà bà Carter đi để đặt chân lên cánh đồng cỏ non có lối mòn chạy qua những vườn hoa mao lương vàng và hoa đại trắng, cùng những lùm cây lá mép trắng và bụi giả dương xỉ. Cô đi xuống ngọn đồi nhỏ, nhảy trên những phiến đá nổi hai bờ suối, làm giật mình những chú ếch ngái ngủ đang chớp chớp mắt trong cái nắng sớm mai. Rồi tiếp theo là đến ‘khoảnh rừng’, hai chân cô bé bám chặt xuống thảm lá thông nâu trơn trượt; ‘khoảnh rừng’ ướt đầm sương mai, và chứa đựng bao bất ngờ, - năm mốc màu da cam và đỏ thẫm rực rỡ nở bung quanh những gốc cây bị đốn từ lâu, những thứ tuyệt đẹp ấy sinh sôi chỉ sau một đêm; và đôi khi còn có cả phép màu là một bụi nấm hà hồ màu sáp, may mắn thay cô bé kịp nhìn thấy để không giẫm lên. Rồi cô leo bậc thang qua rào, đi qua một đồng cỏ tươi tốt, chui qua một hàng rào nữa, lại ra đường chính, và thế là đã đi hết được gần nửa dặm.

Tuyệt vời biết bao! Rebecca siết chặt cuốn *Ngữ pháp* của Quackenbos và *Số học* của Greenleaf với cảm giác hứng khởi vì đã thuộc bài. Tay phải vung vẩy hộp ăn trưa, cô bé thích thú khi nhớ rằng mình có hai chiếc bánh quy sô đa phết bơ và si rô, bánh sữa trứng nướng, bánh vòng và bánh quy gừng. Thỉnh thoảng cô bé đọc to một “đoạn” bất kỳ nào mà cô sẽ trình bày vào thứ Sáu tuần tiếp theo.

Một người lính của đoàn quân La Mã
chết mòn giữa Algiers,
Không bàn tay phụ nữ chút chăm,
không nước mắt phụ nữ xót thương.

Cô bé yêu sao nhịp điệu và tứ thơ ấy! Giọng trẻ con của cô rưng rưng làm sao khi tới phần điệp khúc:

Nhưng ta chẳng còn hạnh ngộ nữa nơi Bingen,
Hỡi Bingen yêu dấu của vùng Rhine*.”

Phần điệp khúc ấy vang lên đẹp biết bao bên tai cô bé khi tiếng hát cao vút đầy tâm tư của cô ngân trong không gian trong trẻo sớm mai. Một bài nữa Rebecca yêu thích ngay từ đầu (chúng ta phải nhớ rằng hiểu biết về thể giới thơ ca của Rebecca gói gọn trong các cuốn tập đọc của nhà trường) là bài này:

Bác tiểu phu, xin bác dừng tay!
Đừng chặt cây, dù một nhánh hao gầy!
Tuổi thơ tôi được nương nhờ bóng mát,
Tôi nguyện lòng bảo bọc cho cây.”*

Khi Emma Jane Perkins đi “đường tắt” cùng cô bé, cả hai thường diễn bài thơ thành kịch. Emma Jane luôn chọn vai bác tiểu phu vì cô chẳng phải làm gì ngoài việc giơ cái rìu tưởng tượng lên. Có một lần cô đọc phần lời của nhân vật Tôi đầy mơ mộng nọ, cô tự nhận mình diễn “thật ngốc nghếch kinh khủng” nên không bao giờ chịu đóng lại vai ấy nữa, việc này thật ra lại khiến Rebecca ngấm ngấm sung sướng, vì cô bé thấy vai bác tiểu phu quá tẻ nhạt đối với tham vọng lớn lao của mình. Cô bé đắm chìm trong lời van nài chất chứa xúc cảm của nhà thơ, cô nài nỉ bác tiểu phu tàn nhẫn phải vung cái rìu thật là hung bạo để cô có thể nhập tâm hơn nữa vào lời thoại. Một sớm cao hứng hơn mọi ngày, cô bé còn quỳ xuống túm vạt váy của bác tiểu phu mà khóc thút thít. Có điều cô bé nhận thấy ngay sự quá đà của mình và từ bỏ trò ấy ngay khi diễn xong.

“Không phải thế, thật là ngu ngốc quá đi, Emma Jane nhỉ, nhưng kiểu

đó có thể sẽ hợp với câu chuyện này - chuyện ‘Cho con thêm ba hạt ngô’. Cậu làm mẹ, còn tớ sẽ làm đứa trẻ Ai Len đói khát. Vì Chúa hãy bỏ cái rìu xuống đi; cậu không còn là bác tiêu phu nữa đâu!”

“Vậy tớ sẽ làm gì với đôi tay này đây?” Emma Jane hỏi.

“Làm gì cũng được,” Rebecca chán nản trả lời, “cậu chỉ là một bà mẹ thôi mà. Mẹ *của cậu* làm gì với tay của bà nào? Nào, bắt đầu đây!”

Cho con thêm ba hạt ngô, mẹ ơi,
Chỉ ba hạt ngô thôi,
Để sinh mệnh mong manh được nối dài
Tới bình minh sớm mai.”

Những trò này khiến Emma Jane lúng ta lúng túng, nhưng cô bé là nô lệ của Rebecca và luôn nguyện làm theo mọi thứ, cho dù cô có thấy không thoải mái thế nào đi chăng nữa.

Ở chỗ hàng rào cuối cùng thỉnh thoảng hai cô bé gặp một trong hai đứa trẻ nhà Simpson. Gia đình chúng sống trên đường Đồng Dâu Đen trong ngôi nhà sơn đen có cánh cửa đỏ và nhà kho đỏ sau nhà. Rebecca cảm thấy mến nhà Simpson ngay từ lần đầu tiên, vì nhà ấy rất đông con và quần áo cũng vá chằng vá đụp y như chị em cô ở trang trại Suối Năng.

Trường học nhỏ nằm trên đỉnh đồi có cột cờ trên nóc, hai cửa vào dang trước một cho con trai và một cho con gái, bên này là đồng bãi nhấp nhô, bên kia là cánh rừng thông, xa xa là dòng sông lấp lánh như dát bạc. Trong trường lại không có lấy một cảnh gì đẹp đẽ. Tất cả đều đơn điệu xấu xí và khó chịu hết sức, bởi các làng dọc bờ sông đã tiêu tốn hết tiền của vào việc xây đi sửa lại những cây cầu nên phải hết sức hết kiệm đối với chuyện trường lớp. Bàn giáo viên nằm ở một góc trên bục; có cái bếp cả năm người

ta không động đến quá một lần, một bản đồ nước Mỹ, hai bảng đen, một xô nước mười lít và một cái gáo dài để trên giá ở một góc, chỉ có hai mươi bàn học sinh dài bằng gỗ trong thời gian Rebecca học ở đó. Chỗ ngồi về cuối lớp cao dần lên, học sinh lớp cao hơn và chân dài hơn ngồi ở đó. Vị trí này rất được lũ học sinh thèm muốn, vì nó gần cửa sổ hơn mà lại xa giáo viên hơn.

Trường cũng chia lớp này lớp nọ, dù nhìn chung không học sinh nào học cùng một sách với học sinh khác, hay là nhập học với cùng trình độ ở một môn nào cả. Đặc biệt, Rebecca khó xếp lớp đến nỗi cô Dearborn sau nửa tháng trời cũng phải chào thua. Cô bé học đọc với Dick Carter và Living Perkins, những học sinh đã đủ trình độ học lên phổ thông; học số học với Thuthan Thimthor nói ngọng; học địa lý với Emma Jane Perkins, và học ngữ pháp một mình sau giờ học với cô Dearborn. Dù đầu óc luôn tràn ngập những ý nghĩ tinh quái và những liên tưởng kỳ quặc, cô bé ban đầu lại viết văn khá tẻ. Cái việc viết cho rõ ràng và đúng chính tả, cùng với khó khăn trong việc dùng dấu câu và viết hoa, làm cô bé khó mà thoải mái diễn đạt ý mình. Cô bé học lịch sử với lớp của Alice Robinson. Lớp này đang học tới phần Cách mạng, trong khi Rebecca được chỉ dẫn bắt đầu từ phần khám phá ra châu Mỹ. Sau một tuần cô bé đã nắm được tất cả các sự kiện cho đến tận giai đoạn Cách mạng, và sau mười ngày đã đến phần Yorktown, phần mà cả lớp rõ ràng là dành cho kỳ học hè. Thế rồi khi phát hiện rằng cố gắng học thêm nữa sẽ chỉ dẫn đến việc phải học bài với cậu anh cả nhà Simpson, cô bé cố tình giảm bớt tốc độ lại, bởi đường khôn ngoan sẽ không còn thú vị và nẻo khôn ngoan không còn được bình yên* nếu như người ta buộc phải đồng hành cùng Simpson Bập Bênh. Samuel Simpson thường bị gọi là Bập Bênh, bởi cái tính thiếu quyết đoán của mình. Dù là một vấn đề về sự thật hiển nhiên, về đánh vần, hay về ngày

tháng, về việc chọn giữa đi bơi hay đi câu, về việc chọn sách ở thư viện trường Giáo lý hoặc chọn mua que kẹo ở quán trong làng, cậu ta vừa nghiêng về ý này đã ngay lập tức đổi sang ý kia. Bập Bênh xanh xao, tóc nâu nhạt, mắt xanh, lúc nào cũng lom khom rúm ró, và hể lo lắng là lấp ba lấp bấp. Có thể bởi chính điểm yếu này mà tính cách quyết đoán của Rebecca hấp dẫn cậu, và mặc dù cô bé cứ lờ tít cậu đi đến phát bực mình, cậu vẫn không thể nào rời mắt khỏi cô được. Sự dứt khoát khi cô bé buộc lại sợi dây giày bị tuột, kiểu hất đuôi sam đen ra sau mỗi khi cao hứng, cung cách học hành của cô - sách trên bàn, tay khoanh lại, mắt dán lên bảng - tất cả đều tạo ra sức mê hoặc vĩnh cửu đối với Simpson Bập Bênh. Khi cô bé xin phép cô rời tới chỗ xô nước trong góc lớp lấy gáo múc nước uống, một sức mạnh vô hình đã dựng Bập Bênh dậy để ra uống theo. Không chỉ vì có thứ gì đó kiểu như gần gũi khi cậu được uống nước ngay sau cô, mà còn có một niềm vui sướng pha lẫn lo sợ khi được đụng mặt cô và nhận lấy ánh nhìn lạnh lùng ghét bỏ từ đôi mắt tuyệt đẹp đó.

Có một bữa hè oi bức, Rebecca khát quá thể không chịu được nữa. Cô bé phải xin phép đến lần thứ ba thì cô Dearborn mới gật đầu, nhưng cô nhướn mày khó chịu khi Rebecca đến gần bàn uống nước. Có bé vừa đặt gáo lại chỗ cũ, Bập Bênh ngay lập tức giơ tay xin phép cô giáo, và cô Dearborn mệt mỏi gật đầu.

“Có chuyện gì thế hả, Rebecca?” cô hỏi.

“Sáng nay em ăn cá thu muối ạ,” Rebecca trả lời.

Xem ra đâu có gì buồn cười trong câu trả lời ấy, chỉ là một câu trình bày sự việc thôi, nhưng những tiếng cười khúc khích không nén nổi râm ran khắp lớp học. Cô Dearborn không thích đùa cợt cũng như không bao giờ đùa và không hiểu những lời đùa cợt, nên mặt cô đỏ ửng lên.

“Tôi nghĩ tốt nhất là em ra đứng cạnh xô nước năm phút đi, Rebecca; có

thể em sẽ đỡ khát đấy.”

Trái tim Rebecca đập loạn xạ. Cô mà phải đứng ở góc lớp cạnh xô nước để cho các bạn nhìn vào chăm chăm ư! Cô bé vô thức tỏ thái độ bất đồng và bước thêm một bước về chỗ ngồi, nhưng đã bị cô Dearborn ra lệnh bằng giọng nghiêm hơn trước.

“Ra đứng cạnh xô nước, Rebecca! Còn Samuel, hôm nay em đã xin đi uống nước mấy lần rồi?”

“Đây là lần thứ t... t... tư ạ.”

“Đừng có động vào cái gáo. Cái lớp này chiều nay chẳng làm được việc gì ngoài uống nước cả; làm sao mà còn thời gian học hành được nữa. Chắc sáng em cũng lại ăn món gì muối phải không, Samuel?” cô Dearborn chất vấn với vẻ châm chích.

“Em ăn cá th... th... thu, y... y như Reb... b... becca.” (Cả lớp rúc rích những tiếng cười không nén nổi.)

“Tôi biết ngay mà. Ra đứng phía bên kia xô nước đi, Samuel.”

Mái đầu Rebecca cúi xuống đầy xấu hổ và phẫn nộ. Cuộc đời thật đen tối quá sức chịu đựng. Hình phạt đã tồi tệ rồi, mà còn bị phạt chung với Simpson Bập Bênh thì thật quá giới hạn chịu đựng của con người ta.

Hát đồng ca là phần cuối cùng của buổi chiều, và Minnie Smellie chọn bài “Nào ta hãy cùng tới bên sông”? Đó là một lựa chọn độc ác và dường như có liên quan mơ hồ tới hoàn cảnh hiện tại cùng những sự kiện xảy ra trước đó; dù sao đi nữa, cái cách các học sinh gào đi gào lại lời mời gọi ở phần điệp khúc chắc chắn cũng có một lý do nào đó:

Nào ta hãy cùng tới bên sông,
Con sông xinh đẹp, được không?

Cô Dearborn vừa liếc trộm mái đầu cúi gằm của Rebecca đã phát hốt lên. Khuôn mặt đứa trẻ tái nhợt trừ hai gò má đỏ rực. Nước mắt đọng trên mi, hơi thở gấp gáp, còn bàn tay cầm khăn run như chiếc lá trước gió.

“Em có thể về chỗ, Rebecca,” cô Dearborn nói sau khi dừng bài hát đầu tiên. “Còn Samuel, đứng nguyên đó cho đến khi tan lớp. Và cô phải nói điều này, các em, rằng cô bảo Rebecca đứng bên xô nước chỉ là để bạn bỏ thói quen uống liên tục, một việc hoàn toàn do thiếu suy nghĩ và do thích đi đi lại lại trong lớp chứ chẳng vì cái gì khác. Hôm nay hể Rebecca xin lên uống nước là cả lớp này lại theo đuôi nhau lên uống. Cô hiểu bạn khát thật, và cô phải nói rằng lẽ ra cô đã phạt các em vì bắt chước bạn, chứ không phải phạt bạn vì tội đầu têu. Alice, chúng ta sẽ hát bài gì bây giờ?”

“Bài ‘Chiếc xô gỗ sồi cũ kỹ’ đi ạ.”

“Alice, chọn bài nào đỡ ướn át hơn đi, và chuyển chủ đề đi thôi. À, bài ‘Lá cờ lấp lánh sao’* nếu các em thích, không thì bài khác cũng được.”

Rebecca ngồi sụp xuống ghế và lôi cuốn sách nhạc ra. Lời giải thích trước lớp của cô Dearborn đã giảm bớt sức nặng đè lên trái tim cô bé, và cô cảm thấy lòng tự trọng được nâng lên chút xíu.

Ngụy trang bên dưới lời bài hát nghe thật dễ chịu, đồ lễ của sự cảm thông và tôn trọng bắt đầu được bày ra trước điện thờ của cô bé. Living Perkins chả có khiếu hát hò thả một miếng đường nhựa phong vào lòng Rebecca khi đi ngang qua cô lên bảng vẽ bản đồ bang Maine. Alice Robinson lặn một cây bút chì đá mới tinh trên sàn chỗ Rebecca, trong khi bạn cùng bàn của cô, Emma Jane, đã vo được một đồng nho nhỏ những viên giấy tròn và ghi là “Đạn dành cho kẻ ai cũng biết là ai đấy”.

Tất cả trở nên sáng sủa hẳn lên, và khi còn lại một mình học ngữ pháp với cô giáo, cô bé gần như đã trấn tĩnh lại được, và còn trấn tĩnh hơn cô Dearborn nữa. Bước chân lộp cộp cuối cùng vọng lại ngoài hành lang, cái

ngoái đầu đầy ăn năn của Bập Bênh bị bướng bỉnh đáp trả bằng thái độ đầy lạnh nhạt.

“Rebecca, cô không định phạt em nặng như thế,” cô Dearborn nói, bản thân cô cũng mới mười tám tuổi, và suốt một năm đi dạy vừa rồi cô chưa gặp đứa trẻ nào như Rebecca.

“Em chưa hề bỏ một câu hỏi nào cả ngày hôm nay, cũng chẳng nói chuyện riêng,” kẻ tội đồ giận lẫy, “và em không cho là mình phải bị bêu xấu chỉ vì uống nước.”

“Em đã đầu tên cho các bạn khác, hoặc có vẻ là như thế. Em làm gì các bạn cũng làm theo, cho dù em cười, trả lời sai, ghi bài, xin ra khỏi lớp, hay là uống nước; và việc ấy cần phải dừng lại.”

“Sam Simpson là kẻ chuyên bắt chước!” Rebecca phản ứng dữ dội. “Em không phiền gì việc phải đứng một mình trong góc lớp - tức là không phiền mấy; nhưng em không thể chịu được việc phải đứng chung với cậu ta.”

“Cô thấy là em không thể chịu được rồi, đó là lý do cô bảo em về chỗ, và để mình bạn ấy đứng góc lớp. Nên nhớ rằng em là người mới ở đây, và mọi người để ý hơn đến việc em làm, cho nên em cần phải cẩn thận hơn. Nào hãy xem phần đặt câu đi nào. Đặt cho cô câu có từ ‘có thể’.”

“Em đã có thể vui vẻ.

Cô đã có thể vui vẻ.

Cậu ấy, cô ấy, hoặc nó đã có thể vui vẻ.”

“ ‘Cậu ấy’ hay ‘cô ấy’ đã có thể vui vẻ bởi đó là giống đực và giống cái, nhưng có thể nào lại là ‘nó’ đã vui vẻ được không?” cô Dearborn hỏi, cô vốn rất thích chẻ sợi tóc làm tư.

“Sao không được ạ?” Rebecca hỏi lại.

“Vì ‘nó’ là giống trung.”

“Ta có thể nói, ‘Mèo con có thể đã vui vẻ nếu khi ấy nó biết mình sẽ không bị chết đuối’ không ạ?”

“Đư... ợc,” cô Dearborn dè dặt trả lời, không bao giờ cảm thấy tự tin cho lắm trước những lời phản bác của Rebecca; “có điều mặc dù chúng ta thường dùng ‘nó’ trong trường hợp một em bé, một chú gà, một con mèo con, thì thật ra chúng vẫn hoặc là giống cái hoặc là giống đực, chứ không phải giống trung.”

Rebecca ngẫm nghĩ một hồi rồi hỏi, “Hoa thực quỳ có phải giống trung không ạ?”

“Ồ phải chứ, tất nhiên rồi, Rebecca.”

“Vậy thì, ta có thể nói ‘Cây thực quỳ đã có thể hân hoan vui sướng khi thấy mưa rơi, nhưng có một nụ thực quỳ bé nhỏ yếu ớt đang vươn ra từ thân cây và cây sợ rằng cơn mưa có thể làm đau nụ hoa; thế nên cây thực quỳ hơi lo sợ một chút, thay vì hân hoan vui sướng?’”

Cô Dearborn bối rối đáp, “Tất nhiên rồi, Rebecca, cây thực quỳ không thể lo lắng, vui vẻ, hay là sợ hãi được, thực sự là thế.”

“Em nghĩ là chúng ta không biết chắc được điều đó,” đứa trẻ đáp lại; “nhưng dù sao *em* vẫn nghĩ là có. Giờ em phải làm gì tiếp đây ạ?”

“Chia thức giả định, thời quá khứ hoàn thành của động từ ‘biết’.”

“Nếu tôi biết trước.

Nếu bạn biết trước.

Nếu anh ấy biết trước.

Nếu chúng ta biết trước.

Nếu các bạn biết trước.

Nếu họ biết trước.”

“Ôi, đây là cái thời đáng buồn nhất,” Rebecca than thở; “chẳng có gì ngoài NẾU, NẾU, NẾU! Và nó khiến người ta cảm thấy rằng nếu như người ta biết TRƯỚC được thì mọi chuyện đã có thể tốt hơn!”

Cô Dearborn chưa từng nghĩ đến điều đó, nhưng khi ngẫm lại cô tin rằng thức giả định đúng là một thức “đáng buồn” và “nếu” đúng là một từ đáng buồn vô cùng.

“Cho cô vài ví dụ về thức giả định đi, Rebecca, rồi chúng ta sẽ kết thúc buổi học hôm nay,” cô nói.

“Nếu trước đó em không mê món cá thu thì em đã không khát nước,” Rebecca vừa nói với một nụ cười tinh quái, vừa gấp cuốn ngữ pháp lại. “Nếu đúng là cô yêu quý em, cô đã không bắt em đứng vào góc lớp. Nếu Samuel không khoái làm trò quỷ cậu ta đã không đi theo em tới chỗ xô nước.”

“Và nếu Rebecca tôn trọng quy tắc của trường học, cô bé đã kiềm chế cơn khát,” cô Dearborn kết lại với một nụ hôn và hai cô trò chia tay không còn một chút giận hờn.

CHƯƠNG VI

Tia nắng giữa vùng tối tăm

Ngôi trường nhỏ trên đồi có những khi hân hoan và cũng có cả những lúc đáng buồn, nhưng thật may là Rebecca có sách và bè bạn mới để thấy thú vị và bận rộn, nếu không cuộc đời hẫng đã trở nên nặng nề vào cái mùa hè đầu tiên ở Riverboro ấy. Cô bé cố gắng quý bác Miranda (cái ý tưởng dành tình yêu cho bà đã tan thành mây khói ngay ở phút giây gặp mặt mất rồi), nhưng thất bại thảm hại. Cô bé là đứa trẻ sôi nổi và nhiều khuyết điểm, không mong trở thành thiên thần trong nhà, nhưng cô bé có ý thức trách nhiệm và khao khát làm một đứa trẻ ngoan ngoãn -kiểu ngoan ngoãn đúng mực. Bất kỳ khi nào bị tụt xuống dưới chuẩn tự đặt ra này, cô bé sẽ cảm thấy khốn khổ vô cùng. Cô bé không thích sống dưới mái nhà của bác, được bác nuôi ăn nuôi mặc và cho học hành mà lại luôn căm ghét bác. Trong vô thức, cô bé cảm thấy điều đó vừa sai trái vừa hèn mọn, và bất kỳ khi nào cảm giác ăn năn trào dâng trong lòng, cô bé lại nỗ lực hết sức để làm hài lòng người họ hàng khó tính và cay nghiệt ấy. Nhưng làm sao có thể thành công khi cô chưa bao giờ được là chính mình trước mặt bác Miranda? Ánh mắt soi xét, giọng nói sắc lạnh, những ngón tay xương xẩu, đôi môi mỏng dính, sự im lặng triền miên, phần tóc đằng trước chẳng ăn nhập gì với mái tóc của bà, chỗ “rẽ ngôi” lộ liễu trông như một đường chỉ trắng khâu lên một tấm lưới đen - ở bác không có bất kỳ điều gì khiến Rebecca yêu thích. Có những người già hẹp hòi, khô khan và chuyên quyền dường như luôn khơi dậy tính cách nghịch ngợm, đôi khi là quái quỷ nhất ở

lũ trẻ con. Bà Miranda, nếu như bà sống ở khu đông dân cư, hẳn đã bị rung chuông cửa suốt ngày, bị chúng chọc ghẹo buộc chặt cổng, hoặc bị đào hố bẫy trên lối đi ngoài vườn rồi. Hai đứa bé song sinh nhà Simpson sợ bà đến nỗi đứng gần hết cả tờ te, không dám bén mảng tới cửa hông cả khi bác Jane giơ mãi mấy cái bánh quy gừng ra cho chúng.

Khỏi phải nói, bà bác khó chịu thậm chí với cả từng hơi thở của Rebecca. Cô bé liên tục quên rằng không được đi cầu thang trước vì đây là đường ngắn nhất lên phòng; cô bé để gáo lên kệ bếp chứ không treo trên xô nước; cô bé ngồi vào cái ghế mà con mèo thích nhất; cô bé sẵn sàng chạy đi ngay khi được sai, nhưng thường quên mất được sai việc gì; cô bé để hở cửa lưới làm ruồi bay vào; mồm mép lúc nào cũng như tép nhảy; cô bé hát rồi huýt sáo khi đi nhặt củi nhóm bếp; cô bé luôn nghịch chơi đám hoa cỏ, khi thì cắm vào lọ, khi lại cài lên váy, rồi gắn lên mũ; cuối cùng cô bé không thôi làm người ta nhớ tới người cha vô dụng, ngu ngốc, một kẻ đã lừa được Aurelia bằng khuôn mặt điển trai và cung cách hấp dẫn, và có lẽ, nếu như sau này người ta có phát hiện ra được, thì còn lừa cả những người khác ngoài Aurelia nữa. Nhà Randall là những kẻ xa lạ. Họ không sinh ra ở Riverboro hay thậm chí ở quận York. Nếu bị bắt buộc, Miranda có lẽ đã đồng ý với việc, theo lẽ tự nhiên, nhiều người không nhất thiết phải được sinh ra ở cái quận thiêng liêng này; nhưng bà có quan điểm riêng của mình về bọn họ, và đó chẳng phải là một quan điểm hay ho gì. Giá đưa tới đây là Hannah - Hannah nghiêng về phía gia đình bên ngoại; cô bé “đặc Sawyer”. (Hannah đáng thương! Điều đó là sự thật!) Hannah chỉ trả lời khi được hỏi, thay vì lanh chanh nói trước, nói cuối cùng, hoặc là nói suốt ngày; Hannah mười bốn tuổi đã là thành viên của giáo hội; Hannah thích đan lát; nhẽ ra đã có thể là Hannah, cô gái hội tụ tất cả những đức tính khiêm nhường hơn; nhưng thay vào đó lại là một con bé gypsy tóc đen, mắt to như bánh xe,

chình ình ở giữa nhà thế này.

Đối với Rebecca, bác Jane thật giống tia nắng ấm giữa một miền tăm tối! Bác Jane với giọng nói nhỏ nhẹ, ánh mắt cảm thông, luôn bao biện cho Rebecca trong những tuần đầu tiên chật vật ấy, khi đứa nhỏ lạ lẫm và đầy háo hức nọ cố gắng “nhập gia tùy tục” ở ngôi nhà gạch. Cô bé có tùy tục được, một phần thôi, và có mức độ, nhưng dường như việc không ngừng gò mình theo những chuẩn mực đạo đức ngặt nghèo và lạ lẫm khiến cô bé già đi hơn bao giờ hết so với tuổi.

Đứa trẻ học khâu vá bên cạnh bác Jane trong bếp trong khi bác Miranda đóng đô ngồi quan sát bên cửa sổ phòng khách. Có lúc hai bác cháu làm việc ở mái hiên bên hông nhà có cây ông lão và cây kim ngân che đi cái nắng gay gắt của mặt trời. Đối với Rebecca, miếng vải ca rô nâu thật là rộng đến vô tận. Cô bé chật vật khâu khâu vá vá, làm đứt chỉ, đánh rơi đề khâu vào bụi tử đinh hương, đâm kim vào tay, lau mồ hôi trán, làm lệch ô kê, và khâu rúm khâu ró. Cô bé hết đàm đi đâm lại kim vào bọc bột mài kim hình trái dâu mà kim vẫn rít. Dù vậy lòng kiên nhẫn của bác Jane vẫn không giảm, và một chút khéo léo bắt đầu nhen nhóm xuất hiện trên những ngón tay của Rebecca, những ngón tay cầm bút chì, cầm chổi vẽ, và bút mực thật thành thạo mà lại thật vụng về với những chiếc kim mảnh mai.

Khi chiếc váy ca rô nâu đầu tiên đã xong, đứa trẻ chớp ngay lấy cái mà nó cho là một khoảnh khắc phù hợp để hỏi bác Miranda xem cái váy tiếp theo có thể khâu màu khác không.

“Ta đã mua cả một mảnh lớn vải nâu rồi,” bác Miranda trả lời ngắn gọn. “Chỗ ấy còn đủ thêm hai cái váy cho cô nữa, ống tay thoải mái, gấn vào tháo ra cũng được, và rất tiết kiệm.”

“Cháu biết thế ạ. Nhưng ông Watson nói sẽ đổi cho chúng ta chỗ vải còn lại lấy màu xanh và hồng cùng với giá ấy.”

“Cô đã hỏi ông ấy à?”

“Vâng thưa bác.”

“Đấy không phải việc của cô.”

“Lúc ấy cháu đang giúp Emma Jane chọn tạp dề, và cháu tưởng bác không bận tâm về màu váy của cháu. Màu hồng cũng sạch như màu nâu vậy, và ông Watson nói nó đun sôi cũng không bị phai màu.”

“Gớm, ông Watson phán về chuyện giặt giũ cứ như thánh ấy. Ta không ủng hộ việc trẻ con diện đồ màu mè, nhưng ta muốn hỏi ý kiến bác Jane của cô.”

“Em nghĩ không vấn đề gì nếu cho Rebecca một bộ hồng và một bộ xanh,” Jane nói. “Một đứa trẻ sẽ phát chán với việc khâu vá mãi một màu. Con bé thích thay đổi cũng là lẽ tự nhiên; hơn nữa nó sẽ giống một đứa bé được cứu tế nếu cứ mặc suốt váy nâu và tạp dề trắng. Mặc thế không phù hợp với nó một tí nào!”

“‘Tốt gỗ hơn tốt nước sơn’, tôi là cứ nói vậy. Rebecca sẽ chẳng bao giờ phải tiếc thương cho lắm về nhan sắc của nó, chắc chắn là thế, và không hay ho gì khi khiến nó nghĩ rằng nó xinh đẹp. Tôi đồ rằng bây giờ nó dương dương tự đắc lắm, trong khi chẳng có gì đáng để mà tự đắc.”

“Con bé còn nhỏ tuổi nên thích những màu tươi sáng thôi chứ có gì ghê gớm đâu. Em vẫn còn nhớ cảm giác của em hồi bằng tuổi nó.”

“Cô bị coi là một đứa ngốc hồi bằng tuổi nó đấy, Jane ạ.”

“Phải, đúng vậy, cảm ơn trời! Em chỉ ước mình biết đường giữ lại một ít ngu ngốc ấy, như nhiều người đã làm, để được vui vẻ trong những năm về già.”

Cuối cùng cũng có một bộ ca rô màu hồng, và khi chiếc váy xinh xắn đã xong, bác Jane cho Rebecca một bất ngờ thú vị. Bác chỉ cho cô bé cách

trang trí thêm dải vải lanh trắng, bằng cách gấp thành dải hình răng cưa và khâu thật phẳng bằng những mũi kim nhỏ chắc tay.

“Đây sẽ là công việc rất hay ho cho cháu đấy Rebecca; vì bác Miranda của cháu sẽ chẳng ửng khi thấy cháu đọc sách suốt vào những đêm mùa đông đâu. Giờ nếu như cháu có thể khâu lược hai dải lanh trắng đó lên gấu váy cho thẳng các ô kẻ, bác sẽ khâu cho cháu rồi viền nốt phần eo và phần ống tay, như vậy thì cái váy sẽ đẹp gần như nhất rồi.”

Niềm sung sướng của Rebecca dâng lên vô bờ bến. “Cháu sẽ lược nhanh như chớp luôn!” cô bé tuyên bố. “Gấu váy này phải rộng đến cả ngàn mét chứ chẳng ít, cháu khâu rồi cháu biết; nhưng cháu có thể khâu thêm phần trang trí cho dù nó có dài bằng từ đây đến Milltown. Ôi! Bác có nghĩ là có thể bác Mirandy sẽ cho cháu đi Milltown với bác Cobb không? Bác Cobb lại hỏi cháu, bác biết đấy; nhưng cứ thứ Bảy này thì cháu phải hái dâu, thứ Bảy kia lại bị mưa, mà cháu không nghĩ là bác ấy đồng ý cho cháu đi. Bốn giờ *hai mươi chín phút* rồi, bác Jane ơ, Alice Robinson ngồi dưới bụi lý chua chờ cháu lâu lắm rồi đây. Cho cháu đi chơi được không ạ?”

“Được, cháu có thể đi, nhưng các cháu phải chạy thật xa ra sau nhà kho để bác Mirandy không nghe thấy tiếng nhé. Bác trông thấy Susan Simpson cùng hai đứa song sinh và Emma Jane Perkins trốn sau rào kia kìa.”

Rebecca nhảy phóc xuống khỏi hiên nhà, tóm lấy Alice Robinson dưới bụi lý chua, và dứt được Emma Jane khỏi hai đứa nhà Simpson, cái nhiệm vụ khó khăn vô cùng bởi cô bé phải sử dụng một hệ thống các ký hiệu cực kỳ phức tạp. Chúng còn quá nhỏ để chơi mấy trò đặc biệt đã được lên kế hoạch cho chiều hôm ấy; nhưng không thể coi thường chúng, bởi nhà chúng có cái sân hấp dẫn nhất làng. Trong đó, trong cái mớ hỗn loạn đó, nào là xe trượt tuyết, nào là thùng xe ngựa, rồi là cào cỏ, có cả thùng gỗ

lớn, trường kỷ đã mất phần lưng, khung giường thiếu mất phần đầu, ở đủ mọi mức độ hỏng hóc, và mỗi ngày trông lại mỗi khác. Cô Simpson hiếm khi ở nhà, và nếu có thì cũng chẳng mấy quan tâm đến những gì xảy ra quanh nhà. Một trong những trò chơi được yêu thích nhất là biến ngôi nhà thành một pháo đài, do một toán lính Mỹ dũng cảm đóng để chiến đấu lại đội quân Anh đang vây hãm xung quanh. Chia vai trong trò này phải hết sức Cẩn thận, bởi chỉ được phân chia sao cho không kẻ nào được thắng ngoài quân Mỹ. Simpson Bập Bênh thường chịu đóng vai tổng tư lệnh quân Anh, thật là một thủ lĩnh ù lì thiếu quyết đoán, hay đưa những mệnh lệnh trái ngược và ưa ở mãi tít đằng sau, nên hoàn toàn có thể đưa bất cứ đội quân nào đến chỗ thất bại nhục nhã. Đôi khi ngôi nhà cũ kỹ mệt mỏi lại trở thành một căn chòi gỗ, những cư dân mới tới khai hoang và định cư dũng cảm đánh gục một toán thổ dân Anh điên cuồng hăng hái, hoặc thi thoảng bị chúng giết sạch; nhưng trong cả hai trường hợp thì nhà Simpson đều trông, mượn tạm câu cửa miệng của Riverboro, “như thể ma quỷ vừa thỏa sức lộng hành”.

Bên cạnh cái sân chơi thú vị rất khác biệt này, là “chốn bí mật”, theo quan điểm của lũ trẻ. Có một dải đất mượt như nhung trên đồng cỏ nhà Sawyer đầy những hố những đụn nhấp nhô hấp dẫn, cũng như những khoảnh đất bằng phủ đầy cỏ xanh để xây nhà. Một vạt cây che khuất nó khỏi tầm nhìn từ bên ngoài và tỏa bóng rợp mát lên những ngôi nhà được dựng ở đó. Vừa mệt mà cũng vừa thú vị là cái công khuôn vác hết củi lại gạch đá từ chỗ máy xay lúa mì đến chốn bí mật này, nhất là việc ấy hầu như lại được thực hiện sau bữa tối, trong thời khắc chập choạng nên càng đem lại cảm giác thích thú hơn nữa. Nơi đây, trong những hộp xà phòng cất giấu trên cây là tất cả vật báu của lũ trẻ: những cái giỏ, đĩa và cốc bé tí làm từ quả cây ngưu bàng, những mẫu sứ vỡ dùng cho tiệc tùng, búp bê, chẳng

mấy mà phải vứt đi, nhưng vẫn làm tốt các vai trong những vở kịch bọn trẻ diễn ở đó - chuyện chết chóc, tang ma, cưới xin, rửa tội. Chiều nay một căn nhà cao hình vuông bằng củi được dựng lên quanh Rebecca, và cô bé sẽ là Charlotte Corday tựa vào song sắt nhà tù.

Thật tuyệt khi ở trong ngôi nhà ấy, quần quanh tóc cái tạp dề của Emma Jane; thật tuyệt làm sao khi cô bé tựa đầu lên những chấn song, chúng dường như trở thành những thanh sắt lạnh lẽo; thật tuyệt làm sao khi cô cảm nhận được đôi mắt mình không còn là của Rebecca Randall mà ánh lên ít nhiều nỗi thống khổ của Charlotte Corday.

“Trông đẹp chưa kìa?” hai cô bé hiền lành thốt lên. Hai cô đã làm hầu hết mọi việc, và cũng xuýt xoa thán phục kết quả với vẻ nhiệt tình.

“Phá nó đi thì tiếc đứt ruột,” Alice nói, “nó đẹp quá đi mất.”

“Nếu cậu có thể nhấc mấy hòn đá hàng trên cùng xuống, tớ sẽ bước qua được đấy,” Charlotte Corday gợi ý. “Rồi để mấy hòn đá lại, và ngày mai hai cậu có thể vào ngôi nhà tù làm hai chàng hoàng tử nhỏ trong tháp, và tớ sẽ giết hai cậu.”

“Hoàng tử nào? Tháp nào cơ?” Alice và Emma Jane hỏi dồn. “Kể cho bọn tớ nghe với.”

“Không phải lúc này, tớ phải về ăn tối rồi.” (Rebecca là cô bé giữ kỷ luật tương đối sắt đá.)

“Cậu giết hẳn sẽ êm ái,” Emma Jane nói vẻ trung thành, “mặc dù khi cậu giết ai đó thì rất thật; hay là để Elijah và Elisha làm hoàng tử.”

“Chúng sẽ la hét khi bị giết cho xem,” Alice phản đối; “cậu biết chúng đóng kịch ngổ lăm đấy, tất cả bọn ấy trừ Clara Belle. Với lại bọn mình mà chỉ cho chúng chỗ bí mật này là chúng chơi ở đây suốt đấy, ngộ nhờ chúng trộm đồ thì chết, giống như cha chúng ấy.”

“Không cứ cha chúng ăn trộm thì chúng cũng là ăn trộm,” Rebecca bác lại; “và các cậu đừng có mà nói về chuyện đó trước mặt chúng nếu các cậu còn muốn làm bạn bè đặc biệt và bí mật của tớ. Mẹ tớ bảo không bao giờ được nói những điều không hay về cha mẹ người khác trước mặt họ. Bà nói không ai có thể chịu đựng được điều đó, và làm người ta phải mất mặt vì những điều không phải do lỗi của họ là điều độc ác. Nhớ chuyện Minnie Smellie đấy!”

Nói thật, chẳng khó khăn gì để chúng nhớ lại tình tiết căng thẳng ấy, vì nó mới chỉ diễn ra có vài ngày trước; và một phiên bản của câu chuyện đó có thể làm tan chảy trái tim sắt đá nhất, nó được kể lại với tất cả mọi đứa bé gái trong làng từ chính miệng Minnie Smellie, đứa trẻ đã nuôi dưỡng lòng căm hận và ý định trả thù, vì chính Rebecca là người thắng trong trận chiến ngôn từ ác liệt.

CHƯƠNG VII

Những bí mật của Riverboro

Ông Simpson ít khi ở nhà, cũng bơi cái phương thức kỳ cục gì đó của việc buôn ngựa, hay là việc “đổi chác” dụng cụ nhà nông và các phương tiện đi lại đủ kiểu -những vụ kinh doanh mà khách hàng của ông ta không cố định được mấy nổi. Sau mỗi vụ đổi chác thành công ông ta thường ngồi tù lúc dài lúc ngắn; bởi khi một người đàn ông nghèo không của cải không đất đai lại nhiễm cái thói đổi chác mẫn tính, thì tự nhiên ông ta phải kiếm thứ gì đó để đổi; và vì chẳng có gì, nên hệ quả còn đương nhiên hơn nữa là ông ta phải đổi cái gì đó thuộc về nhà hàng xóm.

Lúc này ông Simpson đang vắng nhà vì ông ta đã đổi xe trượt tuyết của bà quả phụ Rideout lấy cái cày của ông Joseph Goodwin. Ông Goodwin mới chuyển đến Bắc Edgewood gần đây và trước đó chưa bao giờ gặp ông Simpson lịch thiệp cũng như khéo mồm. Cái cày của Goodwin ông Simpson đã nhanh như chớp đổi chác với một ông “tận mạn Wareham”, để lấy một con ngựa già mà chủ nó không cần đến, vì người đàn ông đó sắp rời thị trấn đến ở nhà con gái chừng một năm, ông Simpson vỗ béo con ngựa già trong vài tuần (vào lúc sớm mai hoặc đêm tối) luân phiên khắp các đồng cỏ các nhà hàng xóm, rồi đổi nó lấy chiếc xe một ngựa của một ông ở Milltown. Đúng lúc này bà quả phụ Rideout phát hiện ra chiếc xe trượt tuyết trong nhà để xe đã mất. Bà không dùng nó có đến mười lăm năm rồi và có lẽ cũng chẳng dùng đến trong mười lăm năm sau nữa, nhưng nó là tài sản của bà, và bà không định để mất nó một cách dễ dàng mà

không chiến đấu đến cùng. Khi biết chiếc xe bị mất, bà nghĩ ngay đến ông Abner Simpson - âu cũng bởi cái chiều hướng ngờ vực ấy đã nằm trong căn cốt của người làng. Tuy nhiên, phức tạp là ở bản chất của vụ đổi chác này và sự vòng vèo của nó (một phần vì sự vắng mặt của chủ con ngựa, người đã đi về miền Tây mà không để lại địa chỉ nơi đến), cuối cùng cảnh sát trưởng phải mất vài tuần để chứng minh ông Simpson có tội cho thỏa lòng dân làng và bà quả phụ Rideout. Ông Abner thì thề thốt rằng mình hoàn toàn vô tội, đồng thời kể với hàng xóm là một gã tóc đỏ, sứt môi, mặc bộ cánh màu xám đã gọi ông ta một sớm tinh mơ nọ đề nghị đổi cho một chiếc xe trượt tuyết còn tốt lấy một máy ép nước táo mà ông ta để trước sân. Họ thương lượng và ông ta, Abner, đã phải trả thêm kẻ lạ mặt sứt môi bốn đô bảy mươi nhăm xu; ngay lập tức gã đàn ông bí ẩn kia hạ cái xe trượt tuyết xuống, bỏ máy ép lên xe ngựa đoạn đi mất dạng, không sủi chút tăm hơi từ đấy tới nay.

“Tôi mà tóm được tên trộm già chết tiệt ấy,” ông Abner hùng hồn tuyên bố, “tôi sẽ làm cho ra chuyện - ai lại tổng cho tôi cái xe ngựa ăn cắp và lấy của tôi chỗ tiền với cái máy ép quả chứ, đấy là còn chưa kể đến thanh danh của tôi nữa!”

“Ông sẽ không bao giờ bắt được hăn đâu, Ab ạ,” cảnh sát trưởng nói. “Hăn đã biến mất cùng với cái máy ép táo và thanh danh với lại bốn đô bảy nhăm kia của ông rồi; chưa ai từng thấy những thứ đó ngoài ông, và ông cũng chẳng bao giờ thấy lại nữa đâu!”

Bà Simpson, người không nghi ngờ gì là nửa kia tốt đẹp của ông Abner, nhận việc giặt giũ và đi làm mỗi ngày, còn cả thị trấn chờ đợi cho việc ăn việc mặc của lũ trẻ. George, cậu con trai mười bốn tuổi cao lêu nghêu vụng về thì đi làm thuê vặt ở mấy trang trại loanh quanh, còn những đứa khác, Samuel, Clara Belle, Susan, Elijah và Elisha, thì đi học khi chúng có quần

áo tử tế và không say sưa vào những trò khác.

Không có một bí mật nào tồn tại nổi trong những ngôi làng nằm bên bờ sông Pleasant*. Dân làng cũng có rất nhiều người chăm chỉ, nhưng cuộc sống trôi qua thật chậm chạp và yên bình, nên họ luôn có nhiều thời gian rỗi rãi dành cho chuyện phiếm - dưới gốc cây ban trưa trên đồng cỏ khô; trên cầu khi đêm xuống; quanh bếp lò của cửa hàng bách hóa vào buổi tối. Những chỗ tụ tập này là đất để bàn tán về các sự kiện đương thời từ góc nhìn của cánh đàn ông, trong khi các đội tập hát hợp xướng, các nhóm khâu vá, hội đọc sách, các buổi dã ngoại của nhà thờ, và những thứ tương tự, lại cho phía phụ nữ cơ hội thể hiện quan điểm. Tất cả những điều này được coi là rất bình thường, như một lễ thói, nhưng thỉnh thoảng cũng có một người vô cùng nhạy cảm nào đó gay gắt phản đối, âu cũng là lẽ thường tình.

Ví như bà Delia Weeks, một bà cô không chồng có hàng may quần áo nhỏ; bà bị ốm, và mặc dù được tất cả bác sĩ trong vùng trông nom để mắt đến, vẫn yếu dần yếu mòn trước khi người anh họ Cyrus nhờ bà đến Lewiston trông nom nhà cửa. Bà đi, và trong vòng một năm đã trở thành một phụ nữ tràn trề sức sống, nhiệt tình và vui vẻ. Khi trở về thăm Riverboro một thời gian ngắn, người ta hỏi liệu bà có định nằm xuống ở một chốn không phải là nhà không.

“Chắc chắn là thế rồi, nếu tôi kiếm được bất kỳ chỗ nào khác,” bà thẳng thắn trả lời. “Tôi đã trở thành một bóng ma mòn mỏi ở nơi này, tôi cứ luôn phải cố gắng giữ lấy những bí mật của riêng mình, và chẳng bao giờ thành công cả. Đầu tiên người ta đồn rằng tôi muốn lấy ông mục sư, rồi khi ông ấy lấy bà vợ ở Standish người ta khẳng định là tôi đã rất thất vọng và suy sụp. Rồi suốt năm sáu năm họ đoán già đoán non là tôi đang cố kiếm một chân đi dạy học, mãi tới khi tôi hết hy vọng và quay ra làm may, thì họ lại

thương hại tôi và thông cảm với tôi vì điều đó. Khi cha tôi mất tôi tự dặn mình không được cho ai biết tôi đã sống một mình ra sao, bởi điều đó khiến người ta giận dữ hơn bất cứ điều gì; nhưng rồi người ta vẫn có cách tìm ra, cho dù tôi đã gắng hết sức mình! Rồi còn cả em trai tôi là James, nó chuyển tới Arizona từ hồi mười sáu tuổi. Tôi kể toàn tin tốt của nó trong suốt ba mươi năm ròng, nhưng dì Achsy Tarbox có một người em họ tộc mạch đến Tombstone khám bệnh, bà ta viết thư cho một bác giám đốc bưu điện, hay một ông có chức có quyền nào đó, biết chuyện của Jim liền thư lại cho dì Achsy về nó và về chuyện nó khốn khổ ra sao. Tôi nhớ rằng và làm lại rằng mới người ta cũng biết; tôi đội tóc giả người ta cũng biết; người ta biết cả khi tay bán trái cây rong hỏi tôi làm vợ ba của hãn - tôi chẳng bao giờ kể cho họ, và cô có thể chắc chắn là *anh ta* cũng chẳng bao giờ kể, nhưng ở cái làng này chẳng *cần* kể thì người ta cũng biết; người ta chẳng làm gì cả ngoài việc đoán mò, và người ta đoán đúng tất tần tật. Tôi đã quá mệt mỏi với việc phải cố gắng đánh lạc hướng và qua mắt họ; và vào cái giây phút tôi tới được nơi mà tôi không còn ngày bị soi dưới kính hiển vi, đêm thì bị soi bằng kính thiên văn và được là chính mình mà không phải xin phép, tôi quyết đi ngay. Ông anh họ Cyrus đã già và cũng lắm chuyện lắm, nhưng ông ấy nghĩ rằng tôi cũng đẹp và nói tôi có mái tóc trông tuyệt lắm. Chẳng có người nào ở Lewiston biết về vị mục sư, di chúc của cha, hay là chuyện Jim làm, hay là tay bán trái cây dạo; dù có biết họ cũng chẳng quan tâm mà cũng chẳng nhớ nữa; vì, ơn trời, Lewiston là một nơi bận rộn!”

Bà Delia Weeks có thể đã thôi phòng sự việc ít nhiều, nhưng rất dễ hình dung là Rebecca cũng như tất cả trẻ em Riverboro đã được nghe chuyện cái xe trượt tuyết bị mất của bà quả phụ Rideout và mối hồ nghi về việc ông Abner Simpson có dính dáng tới nó.

Ở một trường làng bình thường thì lấy đâu ra chuyện lịch sự với tế nhị, đám học sinh xì xào với nhau đủ những loại câu đố và vè về nhà Simpson mỗi khi lũ trẻ nhà ấy không có mặt.

Rebecca Randall cũng chơi cùng hội ấy, sự liên quan của cô bé trong những chuyện này cũng chẳng khác nào chúng bạn, vậy nên khó có thể hiểu tại sao cô bé lại ghét thói nói xấu và tránh xa nó một cách vô thức như vậy.

Trong số những đứa bé gái đồng trang lứa ở Riverboro có một đứa đặc biệt với cái tên rất phù hợp với tính người là Minnie Smellie*, chẳng ai ưa nó cả. Con bé có đôi mắt như mắt chồn, tóc vàng, chân dài, và tính tình thì là sự kết hợp giữa một con vẹt và một con cừu. Mọi người nghi con bé nhìn trộm bài ở bảng của những đứa con gái khác, dù chưa bao giờ bắt quả tang. Rebecca và Emma Jane luôn biết rõ hôm nào nó mang bánh nhân hoa quả hay bánh bông lan trong hộp đồ ăn trưa, vì thế nào hôm đó con bé cũng sẽ từ bỏ lũ bạn đông vui đi kiếm một chỗ kín đáo trong rừng, rồi lát sau quay trở lại với một nụ cười tươi trên khuôn mặt đầy thỏa mãn.

Một hôm sau bữa trưa kín đáo đó, Rebecca không thể nhịn được nữa, thấy Minnie ngồi xuống với lũ bạn, cô bé bèn hỏi, “Cậu đỡ đau đầu chưa, Minnie? Để tớ lau mứt dâu trên miệng cho.”

Sự thật là chẳng có vết mứt dâu nào cả, nhưng cái khăn tay tội lỗi của Minnie nhanh như cắt được đưa lên lau cái miệng trên khuôn mặt đỏ như gấc của nó.

Ngay buổi chiều hôm đó Rebecca thú nhận với Emma Jane rằng cô bé cảm thấy xấu hổ vì trò quỷ của mình. “Tớ có ghét cái kiểu của nó,” cô bé khẳng định, “nhưng tớ thấy có lỗi khi để cho nó biết mình nghi ngờ nó; thế nên tớ đã cho nó mẫu san hô tớ vẫn cất trong cái ví đính cườm; cậu biết cái đó không?”

“Tớ thấy cho nó chả đáng, nó tham lam chết đi được,” Emma Jane nhận xét.

“Tớ biết thế, nhưng như thế tớ cảm thấy dễ chịu hơn,” Rebecca rộng rãi, “với lại tớ đã giữ mẫu san hô hai năm nay rồi, nó còn bị vỡ nữa nên cũng chẳng đẹp được như lúc đầu.”

Miếng san hô đã phần nào phục vụ được mục đích làm lành, cho đến một chiều nọ Rebecca về nhà theo đường tắt sau khi ở lại trường để học ngữ pháp như mọi khi. Xa xa đằng trước, bên kia hàng rào, cô bé nom thấy chị em nhà Simpson vừa mới đi tới khoảnh rừng nhỏ. Bập Bênh không có trong nhóm ấy, nên cô bé nhanh chân bước để được đi cùng về nhà. Chúng nhanh chóng đi khuất tầm mắt, nhưng khi sắp bắt kịp chúng, cô bé nghe thấy ở hàng cây trước mặt giọng hát của Minnie Smellie cao vống lên, và cả tiếng một đứa trẻ đang khóc nức nở. Clara Belle, Susan và hai đứa song sinh đang chạy vội trên lối mòn, và Minnie thì vừa nhảy nhót vừa hát tướng lên:

“Sao xe trượt tuyết yêu Simpson đến thế?”

Lũ trẻ háo hức hỏi cô;

“Chao, bởi Simpson yêu xe lắm mà,”

Cô giáo trả lời ngay như vậy.

Bóng dáng lũ trẻ nhà Simpson và vạt áo rách rưới cuối cùng của chúng thoát cái đã mắt hút trên đường. Tiếng một hòn đá nhỏ do “đứa song sinh hung hăng” Elijah ném roi xuống phá vỡ cái yên bình của khu rừng trong phút chốc, nhưng nó không chạm được tới khu vực một trăm mét quanh Minnie, kẻ vừa mới hét tướng “Lũ tù tội!” và sung sướng quay lại thì gặp Rebecca đang đứng im như tượng trên đường với ánh mắt báo cho Minnie

biết rằng đã đến lúc nó phải đền tội.

Khuôn mặt của Minnie trông không được hay ho cho lắm, vì cảnh tượng một kẻ hèn nhát bị bắt quả tang làm điều sai trái thật không đẹp để gì.

“Minnie Smellie, nếu - như - tôi - bắt - được - cậu - hát - như - thế - với - anh - em - nhà - Simpson - lần - nữa, cậu biết tôi sẽ làm gì không?” Rebecca nén giận hỏi.

“Tao không biết và tao không thêm biết,” Minnie đáp vẻ khoái trá, cho dù trông mặt thì rõ là đang nói dối.

“Tôi sẽ lấy lại miếng san hô, và tôi *nghe* là tôi sẽ còn tát cậu nữa đấy!”

“Thách mày!” Minnie trả miếng. “Mày động đến tao là tao mách mẹ tao và cô giáo cho mày biết mặt!”

“Cậu có mách mẹ cậu, mẹ tôi, mách cả họ hàng nhà cậu, cả tổng thống nữa thì tôi cũng cóc sợ,” Rebecca nói, thêm dũng cảm nhờ những từ ngữ cao quý đang tuôn ra. “Cậu có nói với cả thị trấn, cả quận York này, cả bang Maine và... và cả nước này tôi cũng cóc sợ!” cô bé huênh lên. “Giờ thì biến về nhà đi và nhớ những lời tôi nói. Nếu cậu còn làm thế nữa, và đặc biệt là nếu còn nói ‘Lũ tù tội’, tôi sẽ cho cậu biết tay nếu thấy cần phải làm thế.”

Sáng hôm sau vào giờ ra chơi Rebecca để ý thấy Minnie thêu dệt câu chuyện ấy với Huldah Meserve. “Nó *dọa* tớ,” Minnie thì thầm, “nhưng tớ chẳng bao giờ tin lời nó nói.”

Câu thứ hai được nói ra với chủ đích để người khác nghe thấy, vì Minnie thỉnh thoảng cũng có chút gan dạ khi được luật lệ và quy định bảo vệ.

Khi Rebecca trở về chỗ ngồi, cô bé xin phép cô Dearborn gửi một mẫu giấy cho Minnie Smellie và được cô đồng ý. Mẫu giấy ấy thế này:

Trong cả đám con gái nhỏ nhen
Nhỏ nhen Bốc mùi chẳng ai bằng.
Tôi sẽ lấy lại quà đã tặng
Rồi già cho nó câm họng.

Tái bút: *Giờ thì tin chưa?*

R. RANDALL

Hiệu quả của bài về thật đáng thuyết phục, và nhiều ngày sau đó hể Minnie gặp anh em nhà Simpson nơi nào cách ngôi nhà gạch cả dăm con bé cũng rùng mình và khóa chặt mồm miệng.

CHƯƠNG VIII

Màu hoa hồng

Ngày thứ Sáu ngay sau “cuộc chiến đấu khủng khiếp nhất từng có” ấy, như Bunyan viết trong cuốn *Chuyến kinh lý của người hành hương*, có nhiều hoạt động thú vị diễn ra trong ngôi trường nhỏ trên đồi. Chiều thứ Sáu luôn là khoảng thời gian dành để diễn hội thoại, ca hát và đọc diễn cảm, nhưng nó không phải một ngày hội theo đúng nghĩa của từ đó. Hầu hết bọn trẻ ghét “cái khoản nói”; ghét sự lằng nhằng khi phải học thuộc, lo sợ mình đang nói thì quên bống. Thường hôm nào về nhà cô Dearborn cũng đau đầu, cả buổi chiều và tối đó không dậy nổi khỏi giường. Còn bà mẹ đến dự buổi hôm đó ngồi ở ghế đầu thì trán rịn đẫm mồ hôi lạnh khi phải nghe đi nghe lại những đoạn ngập ngừng lúng búng đã quá quen thuộc. Đôi khi có đứa khóc òa lên gục vào lòng mẹ và mẹ phải bế ra ngoài, hôn nựng con không xong thì phải tát vào đít nó; nhưng dù trong trường hợp nào thì sự thất bại càng làm tăng thêm nỗi đáng sợ và u ám của sự kiện đó. Sự xuất hiện của Rebecca không hiểu sao đã truyền cảm hứng mới cho những buổi chiều đáng sợ từ trước đến nay này. Cô bé đã dạy Elijah và Elisha Simpson đọc được ba đoạn thơ với vẻ hài hước khiến cho bản thân chúng, cô giáo, và cả lớp ai ai cũng thấy vui vẻ; trong khi Susan nói ngọng được dành riêng cho một bài thơ vui trong đó cô bé đóng vai một đứa trẻ nói ngọng. Emma Jane và Rebecca thì diễn một đoạn đối thoại, và việc diễn chung khiến Emma Jane cảm thấy tự tin và phấn chấn hẳn lên. Thực tế, cô Dearborn đã tuyên bố vào sáng cái ngày thứ Sáu ấy rằng các phần trình diễn hứa hẹn là

sẽ rất thú vị nên cô đã mời bà vợ ông bác sĩ, bà vợ ông mục sư, hai thành viên trong hội đồng trường, và một vài bà mẹ nữa. Cô giao cho Living Perkins trang trí một bảng còn Rebecca trang trí cái bảng còn lại. Living, họa sĩ đỉnh cao của lớp, chọn vẽ bản đồ Bắc Mỹ. Rebecca thích vẽ những thứ ít thực tiễn hơn, và rất nhanh, trước ánh mắt mê mẩn của cả lớp, hiện ra dưới những ngón tay khéo léo của cô bé là một lá cờ Mỹ vẽ bằng phấn đỏ, trắng và xanh biển, mỗi ngôi sao ở đúng vị trí của nó, mỗi sọc ngang bay phấp phới trong gió nhẹ. Bên cạnh đó là hình nữ thần Columbia, bắt chước hình trên nắp hộp xì gà đựng bút màu.

Cô Dearborn rất vui sướng. “Cô đề nghị cả lớp hoan hô Rebecca vì đã vẽ một bức tranh đẹp tuyệt - bức tranh khiến cả lớp chúng ta có thể tự hào!”

Tất cả học sinh vỗ tay nhiệt tình, và Dick Carter còn vừa vỗ tay vừa hò hét.

Trái tim Rebecca muốn nhảy tung lên vì xốn xang hạnh phúc, cô ngỡ ngàng khi thấy nước mắt mình ngân ngấn. Cô bé gần như không thấy nổi đường về chỗ ngồi, bởi suốt cuộc đời bé nhỏ, cô đơn, tăm tối của cô, cô chưa hề được ai vỗ tay hoan hô riêng một mình mình, chưa hề được ngợi khen, hay được tôn vinh, như trong cái khoảnh khắc tuyệt vời đáng kinh ngạc này. Nếu như “sự cao quý nhen nhóm thêm cao quý*” thì lòng nhiệt thành cũng tạo ra lòng nhiệt thành, và trí tuệ cùng tài năng khơi nguồn cho trí tuệ và tài năng. Alice Robinson đề nghị cả lớp hát bài “Muôn năm lá cờ Đỏ-Trắng-Xanh”! Và khi cả lớp hát đến phần điệp khúc, tất cả đều chỉ về lá cờ của Rebecca. Dick Carter gọi ý Living Perkins và Rebecca Randall nên ký tên dưới hình vẽ của mình, để các khách đến thăm biết được ai đã vẽ chúng. Huldah Meserve xin phép lấy cành khô lấp đầy các lỗ lớn trên tường thạch cao và lấy hoa dại cắm vào xô nước. Tâm trạng Rebecca hân

hoan quá đổi nên không còn để ý được đến những điều thực tế ấy. Cô bé ngồi yên lặng, trái tim ngập tràn hạnh phúc và biết ơn đến nỗi cô hầu như không nhớ nổi lời thoại của mình. Vào giờ chơi cô bé rất yên lặng khiêm tốn, mặc dù cô mới đạt được một thành công lớn, ngoài ra thì nhìn chung sự vụ Smellie-Randall đã được cho qua trong không khí êm đềm và Minnie gom cành phong che lại cái bếp lò xấu xí dưới sự chỉ đạo của Rebecca.

Cô Dearborn cho lớp nghỉ lúc mười hai giờ kém mười lăm, để những bạn nhà gần trường có thể về thay đồ. Emma Jane và Rebecca gần như chạy hết quãng đường về, vì quá vui sướng, chỉ dừng lại thở trước khi leo bậc thang qua rào.

“Liệu bác Mirandy có cho cậu mặc đồ đẹp nhất không, hay chỉ bộ váy trúc bầu vàng thôi?”

“Tớ nghĩ tớ sẽ hỏi bác Jane,” Rebecca đáp. “Ôi! Giá như bộ váy hồng của tớ xong rồi! Tớ phải để bác Jane thừa khuyết giúp!”

“Tớ sẽ xin mẹ cho đeo cái nhẫn đá đỏ của mẹ,” Emma Jane nói. “Nó sẽ lấp lánh trong nắng đẹp tuyệt vời khi tớ chỉ tay lên lá cờ. Tạm biệt, đừng chờ tớ nhé, có thể tớ sẽ được đi nhờ.”

Rebecca thấy cửa hông khóa, nhưng cô bé biết chìa khóa ở dưới bậc thềm, tất nhiên ai ở Riverboro cũng biết, vì mọi người hầu như đều làm như thế. Cô bé mở cửa vào phòng ăn thì thấy phần ăn trưa của mình trên bàn và một tờ giấy bác Jane viết rằng hai bác đã đi Moderation với bà Robinson bằng cái xe ngựa bốn chỗ của bà ấy. Rebecca nuốt ực một miếng bánh mì bơ, và chạy như bay lên cầu thang trước vào phòng mình. Trên giường là chiếc váy ca rô hồng đã được đôi tay yêu thương của bác Jane hoàn tất. Có thể nào, liệu cô bé có dám mặc mà không xin phép hay không? Dịp này có xứng để mặc đồ mới không, hay hai bác nghĩ cô bé phải để đến buổi hòa nhạc ở nhà thờ mới được mặc?

“Mình sẽ mặc,” Rebecca nghĩ vậy. “Các bác chẳng ở đây cho mình hỏi, và có thể các bác cũng chẳng để tâm tí gì chuyện ấy; rốt cuộc thì cũng chỉ là một bộ váy ca rô thôi mà, cũng chẳng quan trọng cho lắm nếu như không phải là vì nó mới tinh, và không có vải viền, và không phải là màu hồng.”

Cô bé gỡ hai bím tóc đuôi sam, chải mượt những gợn tóc xoắn rồi lấy ruy băng buộc lại, đoạn thay giày, mặc vào bộ váy xinh đẹp, cố cài hết các khuy trừ ba khuy giữa, dành để nhờ Emma Jane.

Rồi mắt cô bé bắt gặp chiếc dù hồng yêu quý của mình, đúng bộ luôn, và lũ con gái còn chưa được thấy nó bao giờ. Cũng không hợp với chốn trường lớp cho lắm, nhưng cô chẳng cần mang nó vào phòng làm gì; cô sẽ cuộn nó vào giấy, chỉ cần khoe với chúng bạn thôi, rồi lại mang về. Cô bé liếc vào chiếc gương dưới phòng khách và thấy như có điện giật. Cứ như thể không còn thứ quần áo nào đẹp hơn chiếc váy kẻ ca rô hồng tuyệt trần ấy! Ánh mắt long lanh, gò má ửng hồng, suối tóc óng ả, tất cả bị lu mờ đi trước vẻ yêu kiều không gì sánh nổi của bộ váy áo màu hoa hồng. Trời ạ! Đã một giờ kém hai mươi, không khéo cô bé sẽ muộn mất. Cô nhảy chân sáo ra khỏi nhà lối cửa hông, ngắt một đóa hồng từ bụi hoa trước cổng, và xử lý quãng đường một dặm từ ngôi nhà gạch đến lớp học trong nháy mắt. Cô gặp Emma Jane, cũng rục rờ và hỗn hển không kém, ở cửa lớp.

“Rebecca Randall!” Emma Jane thốt lên, “trông cậu đẹp như tranh ấy!”

“Tớ á?” Rebecca cười khúc khích. “Vớ vẩn! Chỉ là bộ váy ca rô hồng chứ có gì đâu.”

“Không phải ngày nào cậu cũng xinh đẹp,” Emma Jane nhất quyết; “nhưng cậu trông vẫn khác thế nào ấy. Thấy cái nhẫn đá đỏ này không; mẹ tớ đã cạo bằng xà phòng đấy nhé. Làm thế quái nào mà bác Mirandy lại cho cậu mặc bộ váy mới toanh thế hả?”

“Cả hai bác đi vắng nên tớ không hỏi xin ai cả,” Rebecca lo lắng đáp.

“Sao thế? Cậu có nghĩ hai bác sẽ không cho phép không?”

“Chẳng phải bác Mirandy lúc nào cũng không cho phép sao?” Emma Jane hỏi.

“Ph... ải; nhưng chiều nay rất đặc biệt - gần bằng buổi hòa nhạc ở trường Giáo lý còn gì.”

“Ừ,” Emma Jane tán đồng, “tất nhiên rồi; trên bảng có tên cậu, chúng mình thì chỉ lên lá cờ, lại cả màn hội thoại hấp dẫn của bọn mình, và tất cả mọi thứ nữa chứ.”

Chiều hôm ấy là một chuỗi thành công vang dội cho tất cả những ai liên quan. Không có thất bại thật sự nào cả, không nước mắt, không bậc cha mẹ nào phải hổ thẹn vì con. Cô Dearborn nghe rất nhiều lời ngợi khen về khả năng dạy dỗ của mình, và bản khoản không rõ chúng dành cho cô hay, ít nhất một phần, dành cho Rebecca. Đứa trẻ ấy không làm gì nhiều hơn một vài đứa khác, nhưng cô bé bằng cách nào đó luôn nổi bật. Sau này trọng các buổi văn nghệ của làng Rebecca có muốn chìm khuất cũng không được nữa; vị trí ấy đơn giản là không chịu chấp nhận cô. Kẻ thù tệ nhất của cô bé cũng không thể nói rằng cô thích chơi trội được. Cô bé luôn xông xáo và không bao giờ ngưng ngừng; không tìm cách phô trương nhưng cũng không chút dè dặt, thậm chí cô còn hào hứng lôi cuốn người khác vào cuộc vui. Nếu MacGregor ngồi chỗ nào nơi đó sẽ là đầu bàn*, thì tương tự, nơi nào Rebecca đứng cũng trở thành trung tâm của sân khấu. Giọng kim trong vắt của cô bé cao vút lên trên tất cả các giọng khác trong dàn đồng ca, và dù có thế nào thì ai cũng phải nhìn cô bé, quan sát điệu bộ của cô, cách hát bằng cả tâm hồn, và niềm nhiệt thành không thể kiềm chế của cô.

Cuối cùng tất cả cũng kết thúc, Rebecca thả bước trên đường về mà cảm tưởng như thể mình sẽ không bao giờ bình tâm và điềm đạm lại được nữa. Tối nay không còn bài nào phải học, và cái viễn cảnh phải giúp bác làm

mút sáng hôm sau cũng chẳng đáng sợ với cô - nỗi sợ hãi không dám ho he trước ánh sáng chói lọi đang ngập tràn tâm hồn cô. Mây kéo dày đặc trên trời, nhưng cô bé chẳng lo sợ mà còn mừng vì có thể giương cái ô lên. Cô bé vẫn đi trên mây, và có cảm giác mình không hề thuộc về một gia đình bình phàm nào cả, cho đến khi cô bước vào trong sân ngôi nhà gạch và trông thấy bác Mirandy đứng ngay ở cửa. Thế là thoát một cái cô bé rơi bịch xuống đất.

CHƯƠNG IX

Tàn tro của hoa hồng

“Nó kia rồi, muộn hơn một tiếng đồng hồ; thiếu chút nữa là bị mưa, nhưng mà nó chẳng bao giờ thềm để ý gì cả,” Miranda nói với Jane; “nó còn mặc cái tội nữa là dám diện cái váy mới, vừa đi vừa nhảy nhót đúng cái kiểu cha nó, lại còn xoay tít cái dù cho cả thế giới xem như thể nó đang diễn kịch nữa chứ. Cô Jane, nhà này tôi lớn tuổi nhất, và tôi muốn nói cho ra mọi nhẽ; nếu cô không thích cô có thể vào bếp chờ đến khi xong xuôi. Bước vào đây, Rebecca; tôi muốn nói chuyện với cô. Cô đi học thì diện váy mới làm cái gì, mà lại không thềm xin phép nữa?”

“Trưa nay cháu định xin phép bác, nhưng bác không có nhà, nên cháu không xin được,” Rebecca bắt đầu giải thích.

“Cô chẳng có định gì sắt; cô diện nó bởi vì cô chỉ có một mình, cô thừa biết không đời nào tôi lại cho phép.”

“Nếu cháu biết *chắc chắn* là bác không đồng ý, cháu đã không bao giờ làm thế,” Rebecca nói, cố gắng tỏ ra thành thật; “nhưng cháu không *chắc chắn*, và nó cũng đáng để cháu liều mặc thử. Cháu nghĩ chắc bác sẽ cho, nếu như bác biết ở trường có một buổi trình diễn thật sự.”

“Trình diễn!” Miranda thốt lên đầy khinh bỉ; “nguyên cô cũng đã đủ một màn trình diễn rồi, tôi là tôi chắc chắn thế. Cô trình diễn cái dù hả?”

“Cái dù trông đúng thật là ngu ngốc,” Rebecca cúi đầu thừa nhận; “nhưng đây là lần duy nhất trong đời cháu có được thứ hợp với nó, và nó trông đẹp tuyệt khi đi cùng với chiếc váy hồng! Emma Jane và cháu diễn

đoạn hội thoại giữa một cô gái thành phố và một cô gái nông thôn, và đúng trước khi diễn cháu nghĩ bộ váy sẽ rất phù hợp với cô gái thành phố; và đúng thế thật. Cháu không hề làm hư hỏng cái váy một tí nào đâu, bác Mirandy.”

“Cái trò lén lút lấu cá của cô mới là hư hỏng nhất,” Miranda lạnh lùng nói. “Trông mấy trò khác mà cô đã bày ra kia kìa! Cứ như là quý sa tăng đã cướp mất linh hồn cô rồi! Cô lên phòng bằng cầu thang trước, nhưng cô chẳng biết xóa dấu vết, còn cái khăn tay rơi ở cầu thang kia kìa. Cô không thềm đóng cửa lưới cửa sổ phòng cô lại để mời cả bầy ruồi bay đầy nhà. Cô không dọn dẹp bữa trưa cũng chẳng buồn cất một cái đĩa nào đi, và cô để cửa sổ hông mở suốt từ mười hai rưỡi đến ba giờ, để cho bất kỳ ai cũng có thể vào trộm bất cứ thứ gì họ muốn!”

Rebecca nặng nề ngồi xuống ghế khi nghe cái danh sách tội lỗi của mình. Làm sao cô lại có thể sơ suất đến thế? Nước mắt bắt đầu tuôn trào khi cô bé cố gắng giải thích những tội lỗi không bao giờ có thể giải thích và bào chữa được.

“Ôi, cháu vô cùng xin lỗi!” cô bé ấp úng. “Cháu trang trí lớp học, rồi bị muộn, và chạy một mạch về nhà. Mặc váy một mình khó quá, và cháu chỉ kịp ăn mỗi một miếng. Đến phút cuối, cháu thật sự - *thật sự* - nghĩ đến việc dọn dẹp và khóa cửa rồi, nhưng cháu lại nhìn lên đồng hồ và biết là mình khó có thể chạy kịp đến trường để xếp hàng; cháu nghĩ đến muộn thì sẽ thật khủng khiếp và sẽ bị điểm xấu đầu tiên vào chiều thứ Sáu, mà lại có cả vợ ông mục sư, vợ bác sĩ với cả hội đồng trường nữa chứ!”

“Đừng có rên rỉ nữa; khóc lóc về sự đã rồi chỉ vô ích thôi,” Miranda đáp lại. “Một lạng việc tốt đáng giá một cân hối hận. Thay vì cố gắng gây ra ít thiệt hại nhất ở cái nhà chẳng phải nhà cô, có vẻ như cô lại định xem cô có thể quấy rầy bọn ta được đến đâu. Bỏ cái bông hồng trên váy ra để ta xem

cái vết nó để lại trên cầu vai, và hai cái lỗ chỗ cài cái kim băng han gỉ bị ứt nữa. Không có. Nhưng là do may mắn chứ chẳng phải cẩn thận gì. Ta không kiên nhẫn nổi với hoa hoét và bộ tóc cuốn xoắn với trang sức màu mè rồi thì cái kiểu đom dáng của cô, rõ y như cái ông bố ẻo lả của cô.”

Rebecca ngẩng phắt lên. “Bác Mirandy, bác nghe này, cháu sẽ cố gắng ngoan ngoãn theo cách cháu hiểu thế nào là ngoan ngoãn. Cháu sẽ nghe lời và không bao giờ để cửa mở nữa, nhưng cháu sẽ không để người khác bêu riếu cha cháu. Ông là một người cha c... cực kỳ t... tuyệt vời, ông là thế đấy, và bảo ông ẻo lả thế thật là *xấu bụng!*”

“Đừng có mà đáp trả ta cái kiểu hỗn láo ấy, Rebecca, còn nói ta xấu bụng nữa; cha cô là một kẻ chuyên mơ hão, ngu ngốc, bất tài, không chỉ có ta nói thế mà còn ối người nói ra đấy; ông ta nường hết tiền của mẹ cô và để lại cho mẹ cô bảy đứa con để tha hồ nai lưng ra làm mà nuôi chúng.”

“Để lại b... bảy đứa con ngoan ngoãn c... cũng là một điều đáng kể chứ,” Rebecca sụt sùi.

“Thưa với cô là chẳng được điếc gì sắt nếu như người khác phải giúp nuôi ăn nuôi mặc nuôi học hành cho chúng,” Miranda đáp lại. “Giờ thì lên phòng, thay đồ ngủ vào rồi lên giường, ở yên đó cho đến sáng mai. Cô sẽ có một âu bánh quy nhỏ và sữa trên bàn học, và ta không muốn nghe một tiếng gì của cô cho đến bữa sáng mai. Jane, chạy ra rút khăn lau bát đĩa trên dây phoi vào và đóng hết cửa nhà kho lại; sắp mưa to rồi.”

“Em nghĩ là mưa rồi đấy,” Jane nói khẽ, đoạn đi làm những việc bà chị giao. “Em thì em không hay ý kiến ý cùn gì, chị Mirandy; nhưng chị không nên nói như thế về Lorenzo. Chú ấy là người như thế, muốn thay đổi cũng chả được; nhưng dù gì chú ấy cũng là cha Rebecca, và Aurelia cũng luôn nói chú ấy là người chồng tốt đấy thôi.”

Miranda chưa bao giờ nghe câu “Người Anh điêng tử tế duy nhất là

người Anh điêng đã dưới mộ”, nhưng đầu óc bà suy nghĩ theo cách tương tự khi bà nói một cách tàn nhẫn, “Phải, tôi nhận ra rằng những ông chồng đã chết thường là những ông chồng tử tế; nhưng sự thật không sớm thì muộn cũng cần phải được nói ra, và đứa trẻ đó sẽ không bao giờ làm nên trò trống gì nếu nó không bỏ được cái thói của cha nó. Ta mừng là ta đã nói những điều đó.”

“Chắc chắn là chị mừng rồi,” Jane nhận xét với thái độ có thể coi là con dưng cảm mỗi năm một lần của bà; “nhưng cũng vẫn thế thôi, chị Mirandy, như thế chẳng phải phép gì và cũng chẳng phải đạo gì cả!”

Tiếng sấm vang lên làm chấn động ngôi nhà đúng vào lúc ấy không sao át được lời nói của Jane vang lên trong tai Miranda Sawyer khi nó gầm rú réo gọi lương tâm bà.

Có lẽ đó là điều cũng chỉ nên nói một lần mỗi năm để đạt được hiệu quả mạnh mẽ.

Rebecca mệt mỏi leo lên cầu thang sau, đóng cửa phòng, và cởi chiếc váy ca rô hồng ra bằng những ngón tay run rẩy. Chiếc khăn tay bị cuộn chặt lại, mỗi lần cởi xong một cái khuy và chuẩn bị phải cởi cái khó hơn giữa vai và eo, cô bé lại cẩn thận chấm đôi mắt ướt để nước mắt mặn không rơi xuống món đồ quý được mặc với cái giá đắt đỏ nhường ấy. Cô bé cẩn thận vuốt phẳng váy, kéo thẳng chỗ bèo cổ, đoạn vừa cất váy vào tủ vừa khóc thêm chút nữa cho cuộc sống nghiệt ngã của mình. Bông hồng héo úa rơi xuống sàn. Rebecca nhìn nó và nghĩ, “Thật giống như cái ngày hạnh phúc của mình đây!” Không gì có thể cho thấy rõ ràng tâm hồn của đứa trẻ ấy hơn việc cô cảm nhận được ngay tính biểu tượng của bông hồng, cô cất nó vào ngăn kéo cùng với chiếc váy như thể chôn vùi cả quãng thời gian kia với những kỷ niệm buồn của nó. Đó là thứ mộng mơ bản năng trong một đứa trẻ, là khởi nguyên của một tâm hồn phụ nữ đa cảm.

Cô bé tết tóc thành hai bím như mọi khi, cởi đôi giày đẹp nhất ra (đôi giày may mắn đã không bị nhận ra), trong đầu miên man nghĩ đến một lối thoát, từ bỏ ngôi nhà gạch trở về trang trại nhà mình. Cô bé sẽ không được chào đón ở đó - không có hy vọng gì - nhưng cô sẽ đỡ dần mẹ việc nhà để Hannah đến Riverboro thay thế. “Hy vọng chị ấy sẽ thích!” cô bé nghĩ trong con oán giận thoáng chốc. Cô ngồi bên cửa sổ vừa cố hình dung kế hoạch của mình, vừa ngắm chớp nhảy nhót trên đồi và những dòng mưa lớn đuổi nhau xuống theo từng ánh chớp. Ngày hôm nay khởi đầu mới vui vẻ làm sao! Mặt trời rực rỡ trên cao, cô bé tựa bậu cửa sổ học bài và nghĩ rằng cuộc đời này đáng yêu quá đỗi. Thật là một buổi sáng huy hoàng! Phòng học tro trụi xấu xí biến thành căn phòng đẹp tuyệt; cô Dearborn hài lòng vì nhờ cô bé mà hai đứa song sinh nhà Simpson hoàn thành bài đọc thơ trước lớp; đặc quyền được trang trí bảng; ý tưởng hay ho về chuyện về nữ thần Columbia từ hình trên hộp xì gà; cái khoảnh khắc say mê khi cả lớp vỗ tay ngợi khen cô! Và thật là một buổi chiều tuyệt vời! Cái cách nó đi từ hết vinh quang này đến vinh quang kia, bắt đầu với việc Emma Jane nói với cô, Rebecca Randall, rằng cô “đẹp như tranh”.

Cô bé sống lại những kỷ niệm đó, đặc biệt là phần kịch thoại với Emma Jane và sáng kiến dùng cái lò phủ đầy cành phong làm bờ đê râu xanh của cô, nơi cô gái nông thôn ngồi trông đàn vịt. Điều đó khiến Emma Jane có cảm giác thật dễ dàng, cô chưa bao giờ đọc thoại tốt như thế; thật hào phóng làm sao khi có cho cô gái thành thị mượn chiếc nhẫn đá đỏ, và cô gái thành thị say mê tưởng tượng nó sẽ lấp lánh ra sao khi cô cuộn lại chiếc dù và tiến đến bên cô gái chăn cừu đang choáng váng kinh ngạc! Cô bé đã nghĩ bác Miranda có thể sẽ hài lòng khi đưa cháu được bác mời tới từ trang trại đã thành công đến thế nơi trường học; nhưng không, chẳng có hy vọng nào về việc làm cho bác hài lòng bằng bất cứ điều gì. Ngày mai cô bé sẽ đi

xe ngựa với bác Cobb tới nhà bác Ann ở Maplewood rồi từ đó tìm cách về nhà. Hai bác mà nghĩ kỹ chắc sẽ không đồng ý như vậy đâu. Được thôi, thế thì cô bé sẽ lên đi ngay bây giờ để xem có thể ở nhà bác Cobb đêm nay rồi ra đi vào sớm hôm sau trước giờ ăn sáng không.

Rebecca không bao giờ nghĩ ngợi lâu, đó thật ra là một điều đáng tiếc, thế là cô bé mặc bộ váy áo, mũ và áo choàng cũ nhất lên, rồi gói chiếc váy ngủ, lược, bàn chải đánh răng vào một cái bọc đoạn khê khàng thả ra ngoài cửa sổ. Phòng cô nằm ở góc căn nhà hình chữ L và cửa sổ không quá xa mặt đất, mặc dù nếu nó có xa thì cũng chẳng ngăn cản được cô lúc này. Ai đó lên trên mái rửa máng nước đã đóng một cái chêm vào bên tường nhà lưng chừng cửa sổ và nóc mái hiên sau nhà. Rebecca nghe tiếng máy khâu trong phòng ăn và tiếng băm thịt trong bếp. Biết rõ các bác đang ở đâu làm gì, cô bé nhanh chóng bò ra ngoài cửa sổ, tóm lấy cái tầm sét để trượt xuống cái chêm rất hữu ích nọ, nhảy xuống hiên, lấy giàn mắt cáo cho cây kim ngân leo làm thang, và chạy như bay ra đường giữa trời mưa gió trước khi cô có thời gian suy tính các bước đi tiếp theo.

Bác Jeremiah Cobb đang ngồi ăn một mình bên bàn cạnh cửa sổ bếp. “Mẹ nó”, bác vẫn gọi vợ theo cái cách ngày xưa, đang chăm sóc người hàng xóm bị ốm. Bác gái được làm mẹ của duy nhất một tấm bia mộ trong nghĩa trang nhà thờ, nơi yên nghỉ của “Sarah Ann, con gái yêu của Jeremiah và Sarah Cobb, hưởng dương mười bảy tháng”; nhưng cái cách gọi “mẹ nó” tuyệt hơn bất cứ thứ gì, và luôn luôn là lời nhắc nhở về diễm phúc của người phụ nữ của bác.

Mưa vẫn rơi, và trời đất tối mù tối mịt dù chưa đến năm giờ. Ngẩng lên khỏi ly trà, ông già nhìn thấy đứng án ngữ ở cửa là một bộ dạng khốn khổ. Khuôn mặt Rebecca sung húp vì khóc và hiện rõ đau khổ đến nỗi ban đầu

bác không thể nhận ra cô bé. Thế rồi khi nghe thấy giọng cô hỏi, “Cho cháu vào nhà được không, bác Cobb?” thì bác mới kêu lên, “Trời ơi, được chứ! Đây là cô hành khách bé nhỏ của ta đây mà! Đến chơi với ta đây phỏng? Trời, cháu ướt như chuột lột thế kia. Lại gần bên bếp lò đi. Ta đã nhóm lửa rồi, đang nóng lắm đấy, ta định làm món gì nóng nóng cho bữa tối, vắng mẹ nó đấy mà. Tối nay bà ấy có việc phải sang bên nhà Seth Strout. Nào, treo cái mũ ướt của cháu lên móc, quàng áo khoác lên lưng ghế, rồi ngồi quay lưng về phía lò hong cho thật khô đi.”

Bác Jerry chưa bao giờ nói nhiều đến thế trong đời, nhưng bác để ý thấy đôi mắt đỏ và hai má hoen đầy nước mắt của đứa trẻ, và trái tim lớn lao của bác rộng mở chào đón cô bé cùng nỗi khổ đau của cô, gần như không cần biết hoàn cảnh nào đưa đẩy cô tới nông nỗi này.

Rebecca đứng im một chút cho tới lúc bác Jerry ngồi lại xuống ghế, và rồi, không thể kìm nén được nữa, cô bé khóc lóc kể, “Ôi, bác Cobb, cháu trốn khỏi ngôi nhà gạch đấy, cháu muốn quay lại trang trại. Bác có thể cho cháu ở lại đây tối nay và chờ cháu đi Maplewood được không? Cháu chưa có tiền xe, nhưng sau này thế nào cháu cũng sẽ kiếm được tiền.”

“Chà, giữa bác cháu mình đừng nói chuyện tiền nong làm gì,” ông già đáp; “mà dù sao chúng ta chưa bao giờ đi cùng nhau, mặc dù chúng ta định đi xuôi dòng sông, chứ không phải đi ngược lên.”

“Giờ thì cháu không bao giờ còn thấy Milltown nữa rồi!” Rebecca sụt sùi.

“Lại đây ngồi cạnh ta và kể cho ta nghe hết đi nào,” bác Jerry an ủi. “Cứ ngồi xuống cái ghế gỗ nhỏ kia rồi kể.”

Rebecca tựa cái đầu đau như búa bổ lên đầu gối bác Cobb thô ráp và kể lại chuyện rắc rối của cô. Dù với tâm hồn tràn đầy nhiệt huyết và không chịu theo khuôn phép lễ lối nào của cô bé, câu chuyện bi kịch là thế, nhưng

cô vẫn kể một cách trung thực không chút phóng đại.

CHƯƠNG X

Cầu vồng sau mưa

Bác Jerry ho và ngo ngoậy trên ghế liên tục suốt câu chuyện của Rebecca, nhưng bác cẩn thận giấu kín nỗi thương cảm của mình, chỉ thì thầm, “Tội nghiệp con bé! Ta phải xem có thể giúp gì được đây!”

“Bác sẽ đưa cháu đi Maplewood chứ ạ, bác Cobb?” Rebecca đáng thương nài nỉ.

“Cháu không cần phải lo lắng gì hết,” bác trả lời, một ý niệm lơ mơ thành hình trong đầu bác; “kiểu gì ta cũng sẽ giúp cháu mà. Giờ thì lấy gì đó ăn đi, con gái ạ. Phết ít mứt cà chua lên bánh mì mà ăn; lại gần bên bàn đây. Hay là ngồi vào cái ghế của mẹ nó và rót cho ta một cốc trà nóng đi nhỉ?”

Đầu óc bác Jeremiah Cobb rất đơn giản, và nó vận hành không được trơn tru cho lắm mỗi khi bị ảnh hưởng bởi lòng yêu thương hay sự đồng cảm. Tuy vậy trong trường hợp này cả hai cảm xúc đó đều được triệu vời để giúp bác, và, vừa than trách mình dốt nát vừa cầu mong chút ý tưởng lóe lên soi đường cho mình, bác mò mẫm đi tới, đặt niềm tin vào Thượng đế.

Lúc này Rebecca đã dịu lại nhờ giọng nói ấm áp của bác. Cô bé rụt rè tận hưởng niềm vinh hạnh được ngồi chỗ của bác gái và nâng chiếc ấm sứ màu xanh dương lên với nụ cười nhợt nhạt, vuốt lại mái tóc rồi lau nước mắt.

“Ta đồn rằng mẹ cháu sẽ mừng phải biết khi cháu quay về ấy nhỉ?” bác Cobb hỏi.

Một tí tẹo sợ hãi - chỉ rất bé thôi - tận cùng dưới đáy trái tim Rebecca chọt cửa quậ và lớn dần lên khi câu hỏi ấy chạm tới.

“Bà sẽ không hài lòng khi cháu bỏ trốn, cháu nghĩ vậy, và bà sẽ buồn vì cháu đã không làm bác Mirandy hài lòng; nhưng cháu sẽ nói cho bà hiểu, như cháu đã nói cho bác đấy.”

“Ta đồ là bà ấy đã nghĩ đến chuyện học hành của cháu, khi cho cháu xuống đây, nhưng trời đất! Cháu cũng có thể đi học ở Temperance chứ, phỏng?”

“Ở Temperance giờ chỉ có trường học hai tháng thôi, mà từ trang trại đến những trường còn lại thì xa lắm.”

“Ồi chao, thế giới này còn có biết bao nhiêu thứ khác ngoài học mới hành chứ,” bác Cobb đáp lại, tay xắn lấy một miếng bánh táo.

“Ph... phải ạ; mặc dù mẹ nghĩ chỉ có học cháu mới được nên người,” Rebecca buồn bã trả lời, sịt khẽ một tiếng khi nâng cốc trà lên.

“Cả nhà được sống cùng nhau ở trang trại mới thật là thích chứ - một nhà đầy trẻ con thế kia!” người bác lớn tuổi đáng mến nói dối, bác không mong mọi gì hơn là an ủi dỗ dành sinh linh bé nhỏ đáng thương kia.

“Đầy quá như thế thì lại thành rắc rối ạ. Nhưng cháu sẽ thuyết phục chị Hannah đến Riverboro thế chỗ cháu.”

“Trường Mirandy và Jane sẽ nhận con bé hử? Ta e là không đâu. Cháu bỏ về nhà thế họ lại chẳng nổi điên lên ấy chứ, nhưng cháu cũng chẳng trách họ được.”

Đây quả là điều Rebecca không lường trước được -ngôi nhà gạch có thể sẽ đóng chặt cửa với Hannah, bởi vì cô bé, Rebecca, đã quay lưng lại trước sự chào đón dù lạnh lùng của họ.

“Trường học ở Riverboro dưới này thế nào cháu - ổn đấy chứ?” bác

Jerry lại hỏi, bộ não bác đang làm việc với một tốc độ cao chưa từng thấy - cao đến nỗi gần như làm bác phát hoảng lên.

“Ôi, trường tuyệt vời lắm ạ! Và cô Dearborn thật là một cô giáo tuyệt vời!”

“Cháu quý cô lắm phải không? Chắc, cháu phải biết là cô cũng khen cháu lắm đấy. Chiều nay mẹ nó vừa xuống cửa hàng mua thuốc xoa bóp cho Seth Strout, và bà ấy gặp cô Dearborn trên cầu. Họ nói chuyện loanh quanh về trường học, vì mẹ nó trước từng nuôi trợ rất nhiều giáo viên, và rất quý họ. Mẹ nó hỏi, ‘Đứa bé gái từ Temperance học hành thế nào hử cô giáo?’ Cô Dearborn nói, ‘Ôi, cô bé là học sinh xuất sắc nhất cháu từng dạy đấy ạ!’ Cô còn nói, ‘Cháu có thể dạy từ sáng sớm đến chiều muộn nếu như học sinh em nào cũng được như Rebecca Randall.’”

“Ôi, bác Cobb, cô nói thế *thật ạ?*” Rebecca sáng bừng lên, khuôn mặt lấp lánh và tươi tắn ngay lập tức. “Cháu vẫn luôn cố gắng, nhưng bây giờ thì cháu sẵn sàng học hết tất cả mọi chữ trong sách luôn.”

“Ý cháu là cháu sẽ làm thế nếu như cháu ở lại đây chứ,” bác Jerry cắt ngang. “Giờ thì chẳng phải là đáng tiếc quá khi cháu phải từ bỏ mọi thứ chỉ vì bác Mirandy của cháu sao? Chắc, ta khó có thể trách cháu được. Bà ấy hay cáu kỉnh và khó tính; ta thì cứ nghĩ bà ấy ngày xưa được nuôi lớn bằng sữa chua và táo xanh ấy chứ. Sống với bà ấy là phải nhẫn nhịn lắm mới sống được; mà ta đoán là cháu cũng không giỏi nhẫn nhịn cho lắm, hử?”

“Không giỏi lắm ạ,” Rebecca buồn rầu đáp.

“Giá bác cháu mình nói chuyện từ hôm qua,” bác Cobb tiếp tục, “ta tin rằng ta đã khuyên cháu cách khác. Giờ thì quá muộn rồi, ta không nói là cháu đã làm sai hết cả; nhưng nếu được làm lại, ta sẽ nói thế này, chắc, bác Mirandy của cháu cho cháu cơm ăn áo mặc và cả học hành và lại còn tốn kém nhiều nữa mới có thể gửi cháu đến Wareham được. Sống được với bà

ấy khó khăn khiếp chứ, và lại còn kiểu như quăng cả đồng thứ lợi ích ấy lên đầu cháu, cứ như nó là gạch đá vậy; nhưng suy cho cùng chúng vẫn là lợi ích, và có lẽ việc của cháu là phải đáp lại bằng cách xử sự cho phải. Bà Jane thì dễ tính hơn chút so với bà Mirandy hử, hay cũng khó y như thế?”

“Ôi, bác Jane và cháu thì hòa hợp lắm ạ,” Rebecca thốt lên; “bác ấy tốt bụng hết sức, và bao giờ cháu cũng quý bác ấy hơn. Cháu nghĩ bác ấy cũng có vẻ quý cháu; bác ấy có lần còn vuốt tóc cháu. Cháu có thể để cho bác massage suốt ngày, vì bác rất hiền; nhưng bác không thể bênh cháu trước bác Mirandy được; bác ấy cũng sợ bác Mirandy y như cháu vậy.”

“Ta cho là mai phát hiện ra cháu đã bỏ đi bác Jane sẽ rất buồn; nhưng thôi chẳng nghĩ ngợi làm gì nữa, có nghĩ ngợi cũng được gì đâu. Ví thử bà ấy cũng khổn khổ vì cái thói cay nghiệt của bà Mirandy, hẳn là bà ấy phải trân trọng lắm việc có cháu ở bên. Tối hôm nọ mẹ nó mới nói chuyện với bà ấy sau buổi cầu nguyện. ‘Bà không biết chuyện ở ngôi nhà gạch đâu, bà Sarah ạ,’ bà Jane nói. ‘Tôi đang mở trường may vá, học sinh của tôi đã may được ba cái váy rồi đấy. Bà nghĩ sao về đứa bé con nhà tôi nào? Tôi đã bắt đầu đi học ở lớp học giáo lý rồi,’ bà Jane nói thế, ‘và đang nghĩ đến chuyện trẻ lại để đi dã ngoại với Rebecca đây,’ bà ấy nói thế; và mẹ nó tuyên bố rằng chưa bao giờ thấy bà ấy trông trẻ trung và hạnh phúc đến thế.”

Im lặng bao trùm căn bếp nhỏ; cái im lặng chỉ bị phá vỡ bởi tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ và nhịp đập trái tim của Rebecca, với cô bé, nhịp đập trái tim cô đã át cả tiếng đồng hồ. Mưa tạnh, một luồng sáng hồng đột nhiên tràn ngập căn phòng, và bên ngoài ô cửa sổ một dải cầu vồng bắc qua bầu trời như một cây cầu rực rỡ. Những cây cầu đưa người ta qua những đoạn đường khó khăn, Rebecca nghĩ, và bác Jerry có vẻ như đã xây một cây cầu đi qua những chuyện buồn của cô bé, trao cho cô nghị lực bước tiếp.

“Mưa tạnh rồi đó,” người bác có tuổi vừa nói vừa nhét thuốc vào tẩu, “mưa làm không khí trong lành, rửa sạch cả trái đất, mọi thứ ngày mai sẽ tươi sáng và mới mẻ tinh tươm - khi cháu cùng ta đánh xe ngựa ngược dòng sông.”

Rebecca đẩy cốc trà ra xa, đứng dậy, khẽ khàng đội mũ và khoác áo vào. “Cháu sẽ không đi nhờ xe bác ngược sông nữa đâu, bác Cobb,” cô bé nói. “Cháu sẽ ở đây và... đón nhận những viên gạch; đón nhận chúng mà không ném trả. Cháu không biết bác Mirandy có cho cháu về khi cháu đã bỏ đi hay không, nhưng cháu sẽ quay về lúc này khi còn can đảm. Chắc bác không đi được với cháu đâu, bác Cobb nhỉ?”

“Cháu phải biết là bác Jerry già của cháu không có bỏ ngang việc gì cho đến khi xong xuôi đâu đấy nhé,” người bác già kêu lên sung sướng. “Giờ cháu đã hứng đủ những điều cháu có thể chịu đựng rồi, cô bé tội nghiệp ạ, mà không phát ốm lên; và Mirandy sẽ bực bội khó chịu, không thể nói chuyện được với bà ấy đâu; thế nên kế hoạch của ta là thế này: ta sẽ đánh cái xe một ngựa xịn của ta đưa cháu về ngôi nhà gạch; cho cháu ngồi sát vào một góc, đến nơi ta sẽ xuống và đến cửa đằng hông nhà; khi ta gọi bác Mirandy và bác Jane của cháu đến kho chứa đồ để bàn kế hoạch chở củi vào tuần này, thì cháu lên ra rồi leo lên lầu. Cửa trước sẽ không khóa chứ hả?”

“Giờ này thì không ạ,” Rebecca đáp; “thường thì lúc nào bác Mirandy đi ngủ mới khóa; nhưng mà bác ời, nếu như cửa khóa thì sao ạ?”

“Chà, không đâu; và nếu nó có khóa, thì chúng ta phải đối mặt với mọi chuyện thôi; mặc dù theo suy nghĩ của ta thì có những thứ không thể đối mặt trực tiếp được mà phải giải quyết cho ổn thỏa trong yên lặng. Cháu cũng thấy là cháu chưa bỏ trốn; cháu chỉ mới đến đây để hỏi ý kiến ta về việc bỏ trốn thôi, và chúng ta đã thống nhất là không nên gây rắc rối. Tội

lỗi duy nhất mà cháu gây ra, như ta thấy, là đã trèo cửa sổ đến đây khi cháu được bảo phải đi ngủ. Cái đó không đến nỗi quá tệ, và cháu có thể nói với bác Jane về chuyện đó vào Chủ nhật này, khi bà ấy ngập tràn lòng ngoan đạo, và bà ấy có thể cho cháu lời khuyên khi nào thì nên nói với bác Mirandy. Đánh lừa người khác ta cũng chẳng muốn đâu, nếu cháu thấy ăn năn thì không bắt buộc phải mang nặng chúng trong lòng; hãy nói với Chúa trời qua những lời xưng tội, như lời thánh ca đó, rồi đừng tiếp tục suy nghĩ về chúng nữa. Giờ thì lên đường thôi; ta chuẩn bị sẵn sàng để qua bưu điện đây; đừng quên cái bọc của cháu đấy; ‘Mẹ, đi xa là khi mà mình mang theo váy ngủ;’ đấy là những từ đầu tiên bác Jerry già nghe cháu nói đó! Ông ấy không nghĩ là cháu sẽ mang váy ngủ đến nhà ông ấy đâu. Lên xe đi và cuộn tròn vào góc kia nhé; không thể để người ta trông thấy những cô bé bỏ nhà đi được, vì họ sẽ bắt đầu theo dõi linh tinh lên thôi!”

Khi Rebecca mò mẫm lên cầu thang, cởi đồ trong bóng tối, và cuối cùng cũng được yên ổn trên giường đêm đó, mặc dù mọi dây thần kinh đều rần rần đau nhức, cô bé cảm thấy một sự bình an xâm chiếm mình. Cô bé đã được cứu vớt khỏi sự ngốc nghếch và lầm lỗi; được ngăn không gây ra rắc rối cho người mẹ tội nghiệp; không làm các bác tức giận và mất thể diện.

Trái tim cô bé giờ đã mềm đi, cô quyết tâm đạt được sự ủng hộ của bác Mirandy bằng bất cứ phương cách liêu lĩnh nào, và cố quên đi điều day dứt nhất, lời dạy nghiêm cha mình, người mà cô bé ngưỡng mộ nhất, người mà cô chưa bao giờ thấy bị chỉ trích; bởi những buồn phiền thất vọng Aurelia Randall chịu đựng chưa bao giờ được để lộ cho lũ trẻ thấy.

Có lẽ linh hồn nhỏ bé tổn thương buồn bã kia sẽ được an ủi chút ít nếu nó biết bà Miranda Sawyer đang trải qua một đêm bồn chồn, và rằng trong lòng bà thấy hối tiếc về thái độ gay gắt của mình, một phần bởi bà Jane đã thể hiện một thái độ cao thượng và bao dung trong chuyện đó. Bà không

thể chịu được sự phản đối của bà Jane, mặc dù bà không bao giờ thừa nhận điểm yếu đó.

Khi đánh xe về nhà dưới bầu trời sao, vô cùng hài lòng về cố gắng gìn giữ hòa bình của mình, bác Jerry băng khuâng nghĩ về mái đầu Rebecca ngả lên gối mình, suối nước mắt của cô bé tràn trong tay bác; về suy nghĩ chín chắn mà dịu dàng khi cô bé đứng trước một vấn đề đặt ra trước mắt; về quyết định nhanh chóng của cô bé khi cô đã thấy được con đường trách nhiệm của mình; về nỗi khát khao đầy xúc động về tình yêu thương và sự thấu hiểu -biểu trưng tính cách của cô bé. “Hỡi Đấng Toàn năng!” bác khẽ thốt lên, “Hỡi Đấng Toàn năng! Ai lại đi hành hạ và sỉ nhục một đứa trẻ như thế bao giờ! Không hẳn là *sỉ nhục*, ta biết thế, hoặc là đối với những đứa trẻ ngộ nghịch thì không phải thế; nhưng đối với một linh hồn mong manh nhạy cảm thì một từ nặng nề cũng như một cái roi quất rồi. Mirandy Sawyer sẽ tốt hơn biết bao nhiêu nếu bà ấy có một tấm bia mộ nhỏ để mà thương nhớ, như mẹ nó và ta đây.”

“Tôi chưa bao giờ thấy đứa nào làm việc tiến bộ như Rebecca hôm nay cả,” Miranda Sawyer nhận xét với Jane vào tối thứ Bảy. “Việc tôi mắng nó nên thân hôm nọ có lẽ là thứ nó cần, và tôi dám nói là nó sẽ còn hiệu quả được cả tháng cũng nên.”

“Em mừng là chị thấy hài lòng,” Jane đáp. “Thứ chị muốn là một con giun quăn, chứ chẳng phải một đứa trẻ vui vẻ, tươi tắn. Em trông Rebecca như thể con bé vừa trải qua Cuộc chiến Bảy năm vậy. Khi con bé xuống lầu sớm nay em trông như nó đã già hẳn đi chỉ qua một đêm ấy. Nếu chị nghe lời khuyên của em, một việc chị hiếm khi làm, thì hãy để em đưa con bé và Emma Jane xuống chơi sông chiều mai và mời Emma Jane Chủ nhật tới ăn một bữa tối ngon lành. Rồi nếu chị cho con bé đi Milltown với nhà Cobb

vào thứ Tư, thì con bé sẽ vui vẻ lên và lại ăn được ngon miệng. Thứ Tư coi như là ngày nghỉ vì cô Dearborn về nhà ăn cưới chị gái, với lại nhà Cobb và nhà Perkins cũng muốn đi dự Hội chợ Nông nghiệp nữa.”

CHƯƠNG XI

“Các thể lực nổi dậy”

Chuyến đi của Rebecca tới Milltown thật đúng như những gì trí tưởng tượng phong phú của cô bé đã vẽ nên, trừ việc những bài đọc gần đây về Rome và Venice nhen nhóm suy nghĩ trong đầu cô rằng xét đến vẻ đẹp như tranh vẽ thì những thành phố đó có thể còn hơn cả Milltown. Tâm hồn cô bé vượt ra khỏi giới hạn của nó thật nhanh chóng bởi ngay sau khi thấy được Milltown trí tưởng tượng của cô bé đã vươn tới viễn cảnh về Portland; nơi đó, với những hòn đảo, bến cảng và hai tòa tháp công cộng, chắc chắn phải đẹp hơn nhiều so với Milltown. Cô bé cảm nhận rằng điều đó sẽ biến nó thành một nơi đáng tự hào trong số tất cả các thành phố trên trái đất này, bởi vì nó là nơi buôn bán sầm uất chứ không phải vì sức hấp dẫn khó cưỡng đối với trí tưởng tượng.

Không thể có hai đứa trẻ nào thấy được nhiều hơn, làm nhiều hơn, đi bộ nhiều hơn, nói nhiều hơn, ăn nhiều hơn, hay hỏi nhiều hơn những gì Rebecca và Emma Jane đã làm vào cái ngày thứ Tư đầy ắp sự kiện ấy.

“Con bé là bạn đồng hành tuyệt vời nhất mà tôi từng gặp đấy,” bà Cobb nói với chồng tối hôm ấy. “Cả ngày mình chẳng có lấy một phút nào chán được. Con bé lại thật ngoan; nó chẳng đòi hỏi gì cả, mà nhận được cái gì cũng đều rất biết ơn. Ông có trông khuôn mặt nó lúc mình vào cái rạp đang diễn vở *Túp lều bác Tôm* không? Và ông có để ý thấy cái cách con bé kể cho mình nghe về cuốn sách khi chúng ta ngồi ăn kem không? Tôi dám nói với ông rằng chính Harriet Beecher Stowe cũng không thể kể hay hơn thế

được.”

“Tôi thấy hết chứ,” bác Cobb đáp, lúc này đang rất hài lòng vì “mẹ nó” cũng đồng ý với mình về Rebecca. “Tôi không chắc lắm nhưng con bé sẽ nên trò trống đấy - ca sĩ, nhà văn, hay là nữ bác sĩ như cô Parks trên Comish đấy.”

“Nữ bác sĩ thường chỉ loanh quanh một chỗ thôi, phỏng?” bác Cobb gái hỏi, không cần phải nói thì ai cũng biết rõ ràng bà có những hình dung rất cổ hủ về nghề y.

“Trời, không đâu, mẹ nó ời; làm gì có chuyện ngồi một chỗ với cô Parks - cô ấy đánh xe đi khắp cái nước này ấy chứ.”

“Dù sao thì tôi cũng không hình dung Rebecca làm bác sĩ được,” bác Cobb gái trầm ngâm. “Tài ăn nói của con bé sẽ làm nên chuyện đấy; có thể nó sẽ đi dạy, hay đọc truyện, như cái óng đọc truyện từ Portland đến đây vào bữa tối mừng mùa gặt đó.”

“Tôi đoán con bé còn tự viết truyện làm thơ được ấy chứ,” bác Cobb tin tưởng nói; “con bé có thể sáng tác nhanh hơn cả đọc từ sách ra.”

“Thật tiếc là con bé trông thường quá nhì,” bác Cobb gái vừa nhận xét, vừa thổi tắt ngọn nến.

“*Trông thường ấy ư, mẹ nó?*” chồng bác thốt lên ngạc nhiên. “Trông cái đôi mắt nó kìa; trông mái tóc kìa, và nụ cười, lại còn cái lúm đồng tiền đó! Nhìn Alice Robinson mà xem, nó được cho là đứa bé xinh nhất dọc con sông này, nhưng Rebecca tỏa sáng làm lu mờ cả nó đi ấy chứ! Mong là Mirandy sẽ cho con bé qua thăm chúng ta thật thường xuyên, vì nó sẽ xả bớt bức xúc ở đây, và ngôi nhà gạch sẽ được yên ổn hơn nhiều cho con bé cũng như hai bà bác nó. Chúng ta đã biết nhà có trẻ con thì như thế nào, cho dù đó là chuyện đã hơn ba mươi năm trước, và chúng ta có thể xuê xoa đi cho chúng được nhiều chuyện.”

Mặc dù vợ chồng bác Cobb hết lời khen, nhưng lúc này Rebecca đang rất non tay ở môn viết luận. Cô Dearborn cho cô bé mọi thứ chủ đề mà cô đã từng đặt ra cho chính mình: những bức tranh vẽ mây, Abraham Lincoln, tự nhiên, lòng nhân đạo, nô lệ, sự bê tha, niềm vui và bốn phận, nổi cô đơn; nhưng chẳng chủ đề nào Rebecca có vẻ nắm bắt được một cách thỏa đáng.

“Cứ viết như em nói thôi, Rebecca,” cô Dearborn tội nghiệp khẳng khái, dù trong lòng biết chính mình cũng chẳng bao giờ có thể viết tốt được.

“Nhưng chào ôi, cô Dearborn! Em không nói chuyện về tự nhiên và nô lệ. Em không thể viết trừ phi em có cái gì để nói về nó, phải không ạ?”

“Đó chính là mục đích của việc viết luận,” cô Dearborn đáp lại dù không chắc chắn cho lắm; “để cho ta có cái mà nói. Nào với chủ đề gần nhất vừa rồi, về nổi cô đơn, em chưa nói được điều gì thú vị cho lắm, bài văn vẫn bình thường quá. Lặp từ ‘ban’ rồi ‘của bạn’ nhiều quá; đôi chỗ em phải đổi sang ‘một người’, thế nghe nó hay hơn. ‘Một người mở một cuốn sách yêu thích’; ‘Một người có những suy nghĩ tốt lành để xoa dịu lòng mình’, kiểu kiểu như thế.”

“Những gì em biết về nổi cô đơn chẳng nhiều hơn những gì em biết về niềm vui và bốn phận như trong bài luận tuần trước đâu ạ,” Rebecca lầu bầu.

“Em đã cố gắng hài hước khi viết về niềm vui và bốn phận,” cô Dearborn nói với ý khiển trách; “thế nên tất nhiên là em không làm tốt rồi.”

“Em không biết cô lại bắt bọn em đọc bài của mình lên,” Rebecca đáp với một nụ cười ngượng ngịu khi nhớ lại.

“Niềm vui và bốn phận” đã là chủ đề đầy lý thú cho lớp học sinh lớn hơn trong bài viết năm phút.

Rebecca đã hì hục, vật lộn, toát mồ hôi hột ra mà không viết được. Khi đến lượt mình đọc, cô bé buộc phải thú nhận là không viết được gì.

“ít nhất cũng được hai dòng chữ, Rebecca,” cô giáo vẫn không cho qua, “cô trông thấy em viết trên bảng rồi cơ mà.”

“Cô cho em không đọc đi cô; em viết chẳng ra gì hết,” Rebecca nài nỉ.

“Cứ đọc những gì em viết đi, hay hay không cũng phải đọc, ít hay nhiều cũng phải đọc; cô không châm chước cho ai cả.”

Rebecca đứng dậy, ngập chìm trong nỗi lo lắng về những tiếng cười thầm của chúng bạn và nỗi xấu hổ; rồi bằng giọng lí nhí cô bé đọc hai câu đó:

Khi niềm vui và bốn phạt đối đầu

Hãy cho bốn phạt đi châu diêm vương

Mái đầu Dick Carter thoát biến mất dưới gầm bàn, trong khi Living Perkins thì phát sắc vì cười.

Cô Dearborn cũng cười to; cô chỉ lớn hơn một cô bé gái một chút thôi, và việc rèn luyện trí óc trẻ thơ hiếm khi đi cùng sự hài hước.

“Rebecca, em phải ở lại sau giờ học để viết lại,” cô giáo nói, nhưng với một nụ cười. “Ý thơ của em chưa hay cho lắm đối với một cô bé ngoan cần phải yêu mến bốn phạt.”

“Không phải ý tưởng của *em* đâu ạ,” Rebecca đáp với vẻ hối lỗi. “Khi thấy cô sắp rung chuông để báo hết giờ em mới chỉ viết được câu đầu. Em đã có ‘đối đầu’ nhưng không thể nghĩ được gì nữa ngoại trừ ‘sầu’ hoặc là ‘hầu’ hoặc là ‘châu’. Em sẽ đổi thành câu này:

Khi niềm vui và bốn phận đối đầu,
Thì niềm vui phải đi châu diêm vương.”

“Như thế thì hay hơn,” cô Dearborn trả lời, “mặc dù cô không nghĩ ‘đi châu diêm vương’ nghe thơ cho lắm.”

Nghe cô bảo dùng đại từ không xác định “một người” sẽ làm văn trau chuốt và uyển chuyển hơn, Rebecca tỉ mỉ viết lại bài văn về nỗi cô đơn, dựa toàn bộ vào lời gợi ý của cô Dearborn. Sau đó nó đã trở thành bài này, một bài không thể khiến cả cô giáo lẫn học sinh hài lòng được:

NỖI CÔ ĐƠN

Sẽ là sai lầm nếu nói rằng một người có thể cảm thấy cô đơn khi một người có những suy nghĩ tốt lành để xoa dịu lòng một người. Một người ngồi một mình, đúng là vậy, nhưng một người suy nghĩ; một người mở cuốn sách yêu thích của một người ra và đọc câu chuyện yêu thích của một người; một người nói chuyện với bác của một người hoặc em trai của một người, vuốt ve con mèo của một người, hoặc xem cuốn album của một người. Và cũng có cả công việc của một người nữa: sẽ là một niềm vui đối với một người, nếu như một người thích làm việc. Tất cả những việc vặt trong nhà của một người khiến một người không cảm thấy cô đơn. Liệu một người có bao giờ cảm thấy mất mát khi một người nhặt gỗ nhóm bếp nấu bữa tối của một người? Hoặc khi một người rửa xô sữa của một người trước khi vắt sữa bò? Một người sẽ không thấy như vậy đâu.

R. R. R

“Không thể khủng khiếp hơn,” Rebecca thở dài khi cô bé đọc lên lúc ở lại sau giờ học. “Lúc nào cũng ‘một người’ thế này chẳng giống sách gì cả, nghe lại còn ngớ ngẩn nữa.”

“Em nói thật lạ quá,” cô Dearborn phản đối. “Cô không hiểu điều gì khiến em làm vậy cả. Sao em cho cả những thứ bình thường như là nhặt gỗ nhóm bếp vào?”

“Vì em đang nói về ‘việc vặt trong nhà’ ở câu trước, và đây *chính việc* một trong những việc nhà của em mà. Cô có nghĩ là gọi bữa ăn tối là ‘bữa ăn buổi tối của một người’ nghe đáng yêu không ạ? Và ‘mất mát’ có phải là một từ hay không ạ?”

“Có, phần đó nghe rất tốt. Cô không thích là không thích chỗ con mèo, gỗ nhóm và xô sữa ấy.”

“Thôi vậy!” Rebecca thở dài. “Bỏ những thứ đó đi vậy; con bò có bỏ không ạ?”

“Có, cô không thích trong văn có bò,” cô Dearborn khó tính đáp.

Chuyến đi Milltown không phải là không có hậu quả nho nhỏ nào; bởi tuần sau đó mẹ của Minnie Smellie nói với Miranda Sawyer rằng bà nên để mắt tới Rebecca, vì cô bé có cái thói “nói bậy chửi tục”; rằng chiều đó cô bé đã nói mấy lời rất chối tai, nói trước mặt Emma Jane và Living Perkins, mà hai cô bé đó chỉ cười phá lên rồi bỏ ra đi bằng hai tay hai chân mà đuổi theo Rebecca.

Khi bị bác Miranda hỏi tội, Rebecca đã chối bỏ đầy cảm phần, và bác Jane tin cô bé.

“Cố nhớ lại đi, Rebecca, và thử nghĩ xem Minnie đã nghe thấy cháu nói gì,” bác năn nỉ. “Đừng bướng bỉnh và xị mặt ra cháu, nghĩ kỹ xem nào.

Chúng đuổi theo cháu lúc nào, và cháu đang làm gì?”

Một ánh sáng bất ngờ rọi xuống vùng tăm tối bao trùm Rebecca.

“Ôi! Giờ cháu hiểu rồi,” cô bé thốt lên. “Trời mưa to suốt buổi sáng, bác biết đấy, và đường thì toàn vũng là vũng. Emma Jane, Living và cháu đang đi trên đường, cháu đi trước. Cháu trông thấy nước chảy từ đường xuống mương, nó khiến cháu nhớ tới vở *Túp lều bác Tom ở Milltown*, khi Eliza bế con chạy qua sông Mississippi trên những tảng băng và lũ chó săn đuổi theo sau. Chúng cháu không thể nhịn cười sau khi ra khỏi rạp vì họ diễn trên một sân khấu bé đến nỗi Eliza cứ phải chạy vòng vòng, lúc thì đúng là con chó săn đuổi theo cô ấy, nhưng lúc sau lại là cô ấy đuổi theo chó săn. Cháu biết Living cũng nhớ, nên cháu bỏ áo mưa ra quần sách làm em bé; rồi cháu kêu, ‘Chúa ơi! Sông!’ chỉ thế thôi - y hệt những gì Eliza làm trong vở kịch; rồi cháu nhảy từ vũng này sang vũng khác, còn Living và Emma Jane thì giả làm chó săn đuổi theo cháu. Đúng thật con bé Minnie Smellie ngu ngốc không hiểu nổi là người ta đang chơi trò chơi nữa. Và Eliza không chửi thề khi cô ấy nói ‘Chúa ơi! Sông!’ Nói là cầu nguyện thì đúng hơn.”

“Hừm, cô không có lý do gì để mà cầu nguyện, cũng như chửi thề giữa đường giữa sá như vậy,” bác Miranda nói; “nhưng ta thấy may là sự việc không tồi tệ hơn thế. Cô sinh ra là để gây rắc rối hiển nhiên như thể lửa thì bốc lên trời vậy, và ta sợ rằng cô cứ mãi như thế nếu cô không học được cách kìm cái mồm liến thoắng của mình lại.”

“Thình thoảng cháu cũng ước cháu có thể kìm được cái mồm con Minnie,” Rebecca lẩm bẩm khi đi dọn bàn ăn tối.

“Con bé *đúng là* đứa kỳ lạ chưa từng thấy!” Miranda vừa nói vừa tháo kính ra và đặt món đồ đang khâu dở xuống. “Cô không nghĩ con bé hơi điên điên sao Jane?”

“Em không nghĩ con bé giống như chúng mình đâu,” Jane đáp lại với vẻ đầy suy ngẫm và một chút lo lắng hiện trên khuôn mặt dịu dàng của bà; “nhưng như thế là tốt hay xấu thì phải đợi con bé lớn lên mới biết được. Con bé là đứa có năng lực, Rebecca ấy; nhưng đôi lúc em cảm thấy như thế chúng ta không phù hợp để giải quyết các vấn đề của nó.”

“Nói vớ nói vẩn!” bác Miranda nói. “Chỉ có cô như thế thôi. Tôi thấy mình giải quyết được bất kỳ đứa trẻ nào từng sinh ra trên đời này!”

“Em biết là chị thấy thế, Mirandy ạ; nhưng việc thấy thế không *khiến* cho sự thật là như thế đâu,” Jane đáp lại với một nụ cười.

Thói quen không ngần ngại nói ra những điều mình nghĩ chắc chắn đang lớn dần lên ở bác Jane với mức độ vô cùng đáng kinh ngạc.

CHƯƠNG XII

"Thấy kẻ tử vì đạo yếu ớt"

Khoảng thời gian này Rebecca đang đọc câu chuyện về cậu bé Spartan và cô bé hình thành tư tưởng rằng hình thức tự trừng phạt ở mức độ nhẹ có thể được áp dụng vào lúc nào đó khi cô tin tưởng đó là điều đáng làm. Nguyên nhân trực tiếp của quyết định này là một tai nạn đáng tiếc hơn bình thường, cho dù với cô thì luôn có hàng tá tai nạn mỗi ngày.

Hôm ấy, Rebecca diện bộ cánh đẹp đẽ nhất đến nhà bác Cobb uống trà; nhưng khi đi qua cầu, thấy choáng ngợp trước vẻ đẹp của dòng sông, cô bé bèn từ người lên thành cầu mới son để ngắm cho đã mắt dòng chảy hùng mạnh của thác nước. Tựa khuỷu tay lên thanh ngang cao nhất, và nghiêng thân mình mảnh khảnh về phía trước thật thoải mái, cô bé đứng đó mơ màng.

Con sông trên đập nước trong như gương với đủ vẻ yêu kiều của thiên đường màu xanh dương và hai bờ xanh lục soi bóng xuống mặt nước; thác nước là một kỳ quan cuộn chảy, cứ mãi miết đổ mình không mỗi một trong những đợt tuôn trào lóng lánh ánh vàng rồi chìm nghỉm dưới lớp bọt trắng như tuyết. Lấp lánh trong ánh sáng mặt trời, lung linh dưới trăng đêm hè, lạnh lẽo và u ám dưới bầu trời tháng Mười một, nhỏ giọt cạn kiệt lên con đập trong những ngày hạn khô cháy của tháng Bảy, dềnh lên với sức mạnh bất kham sau những cơn mưa rào tháng Tư, biết bao nhiêu đôi mắt tuổi trẻ đã chăm chú nhìn sâu vào bí ẩn và uy nghi của những thác nước trên con sông ấy, và biết bao nhiêu trái tim tuổi trẻ đã mơ về tương lai khi tựa lên

thành cầu, đã nhìn thấy “tương lai xán lạn” phản chiếu ở đó và cũng nhìn thấy nó nhòa dần đi trong “ánh sáng của những ngày bình thường”^{*}.

Rebecca chưa bao giờ đi qua đây mà không tựa vào thành cầu để suy nghĩ và mơ mộng, vào khoảnh khắc đặc biệt này cô bé đang trau chuốt lại lần cuối một bài thơ.

Hai cô gái bên bờ sông thơ thần
Giữa vùng Maine.
Một người tên gọi Rebecca,
Người kia Emma Jane.
“Mong đời tôi như sông,”
Emma Jane thủ thỉ,
“Tĩnh lặng và êm đềm,
Không vương chút muộn phiền.”

“Tôi muốn làm giọt nước
Ở trong những thác ghềnh!
Làm dòng sông lặng lẽ,
Thì nỗi buồn dâng đầy!”
(Lời của Rebecca
Cô gái da bánh mật,
Hai cô là bạn thân
Không ruột rà máu mủ.)

Nhưng số phận, chao ôi!

Khéo ngoài tay chúng tôi;
Lặng thầm tôi phải sống,
Hối hả bạn đương đầu!

“Mình không thích câu ‘Hối hả bạn đương đầu’, nhưng mình chả nghĩ được gì khác. Ôi! Mùi son kinh quá đi! Ối! Son dính vào *mình* rồi! Chết thật! Dính khắp váy mình! Ôi bác Miranda sẽ nói gì đây!”

Đôi mắt tuôn trào những giọt nước mắt ân hận, Rebecca chạy như bay lên đồi, biết chắc rằng sẽ được thông cảm, và hy vọng trong nỗi tuyệt vọng rằng mình sẽ được giúp đỡ.

Bác Cobb gái vừa liếc qua đã nắm ngay được tình hình. Bác tuyên bố mình có thể xóa được bất kỳ vết bẩn nào trên gần như mọi thứ vải; và khả năng đó được bác Jerry chứng thực bằng cách thề rằng mẹ nó có thể tẩy sạch được bất kỳ thứ gì. Năm thì mười họa bà cũng tẩy thùng cả vải ra cùng với vết bẩn, nhưng bà rất có nghề, mẹ nó ấy.

Rebecca cởi bộ váy dính son ra, choàng lên người chiếc áo choàng trúc bầu xanh của bác Cobb gái rồi đi sửa sang bàn tiệc. Còn bác Cobb đem chiếc váy đi ngâm phần dính son vào dầu thông.

“Đừng có bỏ ăn bỏ uống gì chí vì cái váy nhé,” bác Cobb gái nói nhỏ. “Ta có bánh quy kem và mật ong cho cháu đấy. Nếu dầu thông không được, ta sẽ thử phấn Pháp, ma nhê xít và nước xà phòng ấm. Nếu vẫn không được, thì bố nó phải chạy qua bên cửa hàng nhà Strout mượn cái món mà Marthy kiếm được ở Milltown về tẩy vết bánh lý chua trên váy cưới cô ấy đấy.”

“Ta vẫn chưa hiểu nổi cái vụ dính son này đâu nhé,” bác Jerry đùa giỡn khi đưa mật ong cho Rebecca. “Nhất là khi mấy cái biển SƠN MỚI treo đầy trên cầu, ngay cả một tên ngốc bị mù cũng không thể không thấy cho

được, ta thật không thể lý giải nổi việc cháu bị dính vào cái thứ rách việc kia.”

“Cháu không nhìn thấy mấy tấm biển,” Rebecca buồn bã nói. “Chắc tại cháu đang ngấm thác nước.”

“Thác nước có ở đó từ đời tám hoánh nào rồi, và ta đồ là nó còn ở đó mãi; việc gì mà cháu phải hấp tấp đến ngấm nó cho bằng được. Trẻ con rất hay vội vàng, mẹ nó ạ, nhưng tôi cho là mình phải kệ chúng thôi!” bác vừa nói vừa nháy mắt với bác gái.

Khi bữa tối đã xong, Rebecca nhất quyết đòi rửa và lau bát đĩa, trong khi bác Cobb gái vẫn xoay xở với cái váy bằng một sự tập trung cao độ, một điều phản ánh tầm nghiêm trọng của vấn đề. Rebecca chốc chốc lại rời chốt của mình ở chậu rửa bát để tới chú người nhòm chậu giặt xem tiến độ công việc của bác gái, trong khi bác Jerry thỉnh thoảng lên tiếng góp ý.

“Chắc hẳn cháu đã nằm bò cả ra cầu ấy, cô bé ạ,” bác Cobb gái nói; “vì son không những trên hai cùi chỏ, cầu vai và thắt lưng, mà gần như khắp cả phần trước cái váy.”

Khi chiếc váy bắt đầu trông khá hơn, tâm trạng của Rebecca cũng hào hứng lên nhanh chóng. Một lát sau đó cô bé phoi váy lên cho khô rồi vào phòng khách.

“Bác ơi, bác có tờ giấy nào không ạ?” Rebecca hỏi. “Cháu định viết lại bài thơ cháu làm khi nằm lên chỗ sơn ấy.”

Bác Cobb gái ngồi bên giở đồ khâu, bác Jerry thì lấy xuống một cái túi kẻ ô đựng đầy dây dợ và mãi mê ngồi tháo các nút thắt - một thú vui ưa thích vào buổi tối của bác.

Rebecca nhanh chóng viết ra bài thơ với nét chữ học trò tròn trịa, thay đổi một số chỗ khi đã ngẫm nghĩ sáng suốt hơn.

Hai điều ước

REBECCA RANDALL

Bang Maine, bên bờ sông

Thần thơ hai cô gái.

Rebecca đen lắm,

Emma Jane thì không.

“Mong đời tôi như sông,”

Emma Jane thủ thỉ,

“Tịch lặng và êm đềm,

Chìm trôi hết muộn phiền.”

“Tôi muốn làm giọt nước

Gieo thân trong thác ghềnh!

Làm dòng sông lặng lẽ,

Ôi buồn mới mong menh!”

(Lời của Rebecca

Cô gái da bánh mật,

Hai cô là bạn thân

Chứ họ hàng không phải.)

Nhưng số phận, chao ôi!

Khéo ngoài tay chúng tôi;

Lặng thầm tôi phải sống,

Hối hả bạn đương đầu!

Cô bé đọc to lên, và hai bác Cobb nghĩ nó không chỉ rất đẹp, mà là một tuyệt tác.

“Tôi cho là ông nhà văn phố Congress ở Portland mà nghe được bài thơ của cháu thì sẽ rất ngạc nhiên cho xem,” bác Cobb gái nói. “Nếu như cháu có hỏi ta, thì ta nói rằng bài thơ này hay ngang với bài thơ của ông ấy, bài ‘Đừng buông những con số ai oán’*; nhưng dễ hiểu hơn nhiều.”

“Đến bố ta cũng chịu chả hiểu nổi ‘những con số ai oán’ là gì,” bác Cobb nói đầy chỉ trích.

“Vậy thì cháu đoán bác chưa bao giờ học phân số rồi!” Rebecca tỏ vẻ. “À, bác Jerry, bác Sarah, có cần làm thêm nữa không ạ, đặc biệt là cho khổ kết bài ấy, như người ta thường làm - thêm mấy câu có ‘tính chiêm nghiệm’ - để cho nó có kết thúc hay hơn?”

“Nếu cháu chỉ cần quay cái cán là nghiền được ra thơ, thì ta thấy làm càng nhiều càng hay chứ; nhưng ta thật khó hình dung làm sao cháu có thể có kết thúc hay hơn được nữa,” bác Cobb nhận xét.

“Cái kết này dở chết đi được!” Rebecca làu bàu. “Đáng ra cháu không được cho ‘tôi’ vào kia. Cháu đang làm thơ cơ mà. Không ai cần biết *chính* là cháu đang đứng bên sông; phải là ‘Rebecca’, hay là ‘cô gái da bánh mật’ và ‘Hối hả bạn đương đầu’ thì đúng là nghe chán chết. Có những lúc cháu nghĩ sẽ không bao giờ làm thơ nữa, viết được một bài vừa hay lại vẫn khó kinh lên ấy; nhưng cũng có lúc cứ tự nó tuôn ra thôi. Cháu đang nghĩ có thể như thế này thì hay hơn chẳng?”

Nhưng chao ôi, số phận!

Vốn nằm ngoài tay ta

Lòng phàm dầu thiết tha

Phận đâu do mình muốn.

Cháu không biết thế hay hơn hay là dở hơn nữa. Giờ thì sửa đoạn cuối thôi!”

Sau vài phút thi sĩ ngẩng đầu lên, má đỏ hồng và lòng đầy hân hoan. “Dễ như không ấy ạ. Hai bác nghe nhé!” Và cô bé đọc chậm chậm, với giọng diễn cảm lâm ly:

Cười qua thu đến hạ,
Hay một kiếp lệ tràn,
Bởi Chúa đã định an
Thản nhiên con đón nhận.

Hai bác Cobb trao nhau ánh mắt lặng câm đầy khâm phục; thậm chí bác Jerry còn phải quay mặt về phía cửa sổ lén lau mắt bằng cái túi đựng dây.

“Làm thế nào cháu có thể viết được thế chứ?” bác Cobb gái thốt lên.

“Ôi, dễ ấy mà,” Rebecca trả lời; “những bài thánh ca ở nhà thờ đều như thế cả. Bác thấy đấy, có một tờ nguyệt san cho trường học in ở Trường Trung học Tư thực Wareham. Dick Carter bảo biên tập viên cho tờ ấy tất nhiên bao giờ cũng là nam sinh; nhưng anh ấy cho phép nữ sinh thử viết cho tờ ấy, và rồi sẽ chọn ra bài hay nhất. Dick nghĩ là cháu có thể được chọn.”

“Được chọn ấy à!” bác Jerry thốt lên. “Ta sẽ chẳng ngạc nhiên chút nào nếu cháu có phải viết bài cho toàn bộ tờ báo ấy; và cái đứa học sinh nam làm biên tập viên kia, ta cá với cháu là cháu có thể viết hay hơn cả nó dù có bị buộc quặt một tay ra đằng sau ấy chứ.”

“Chúng ta có thể xin cháu bài thơ này để cho vào trong cuốn Kinh Thánh của gia đình được không?” bác Cobb gái hỏi đầy trân trọng.

“Ồi! Bác thích thật ạ?” Rebecca hỏi. “Được chứ ạ! Cháu sẽ chép một bản thật sạch sẽ đẹp đẽ bằng mực tím và bút xịn. Nhưng cháu phải đi xem cái váy tội nghiệp của cháu đã.”

Đôi vợ chồng già đi theo Rebecca vào bếp. Chiếc váy đã khô, và nói thật thì nhờ bác Sarah nên nó đã khá hơn một chút; nhưng màu đã bị phai đi vì cọ xát, các họa tiết thì mờ đi, và đôi chỗ có vài vệt lờ mờ màu đất. Cuối cùng mọi người cũng chỉ còn biết mang nó đi là cho thật phẳng phiu. Xong xuôi đâu đấy hai bác giục Rebecca mặc lên, để xem liệu những vết kia còn rõ nữa hay không.

Đúng là còn, không thể chối cãi được, dù đối với đôi mắt vô ý nhất. Rebecca xem xét một lượt, đoạn vừa lấy mũ treo trên móc cạnh cửa ra vào vừa nói, “Cháu nghĩ cháu phải về thôi. Chúc hai bác ngủ ngon! Nếu có bị mắng thì cháu cũng mong là không bị mắng nhiều.”

“Tội nghiệp con bé xui xẻo!” bác Jerry thốt ra khi nhìn dõi theo cô xuống chân đồi. “Mong là con bé để ý một chút đến con đường dưới chân nó; nhưng tôi thề rằng nếu con bé mà là con chúng ta thì muốn mắng nó ta cũng phải để nó đổ hết cả son đầy ra nhà đã rồi mới mắng. Đây là bài thơ con bé để lại. Đọc to lên đi, mẹ nó. Chà chà!” bác vừa nói vừa bật cười khe khẽ, chiêm chiếc tẩu lỏi ngô; “tôi có thể hình dung ngay cái cảnh đuôi áo của thằng bé biên tập viên kia bay tung lên lần cuối khi cu cậu chạy quần vào rừng, trong khi Rebecky đang hoàng ngồi xuống cái ghế xoay của cậu ta! Tôi hơi thắc mắc không hiểu công việc biên tập kia chính xác là làm cái gì; nhưng con bé sẽ biết làm ngay ấy mà, Rebecky ấy. Và con bé sẽ biên tập cho ra biên tập chứ lại!

Bởi Chúa đã định an
Thản nhiên con đón nhận.

Chao ôi, mẹ nó ạ! Chuẩn quá đi, giống như là sách Phúc Âm vậy. Bà nghĩ làm sao mà con bé có thể nghĩ ra được như thế?”

“Con bé ngần ấy tuổi thì chưa thể tự nghĩ ra được,” bác Cobb gái nói; “hắn nó đoán thế thôi. Chúng ta vẫn biết được một số thứ kể cả khi không ai nói cho mà, Jeremiah.”

Rebecca chịu trận mắng mỏ (rất đáng phải gánh chịu) như một người lính. Trận mắng ấy thật rõ nhiều, và bà Miranda day nghiêng, ngoài bao nhiêu những day nghiêng khác, rằng một đứa trẻ đầu óc trên mây đến thế thì chắc chắn lớn lên sẽ thành một kẻ điên loạn suốt ngày thò lò mũi xanh mà thôi. Cô bé bị cấm đến tiệc sinh nhật Alice Robinson, và bị bắt phải mặc cái váy ấy, cái váy dính bẩn và đầy vết sồn xước ấy, cho đến khi hỏng. Sáu tháng sau bác Jane xoa dịu nỗi đau dầy ấy bằng cách may cho cô bé một cái váy ngoài vải sọc nổi có viền đăng ten, cắt rất khéo léo để che hết các vết bẩn. Thật may là bác sẵn sàng chữa cháy cho kẻ tội đồ nhỏ đáng thương sau những hậu quả của tội lỗi đó.

Khi Rebecca nghe xong án phạt và trở về phòng mình ở phía Bắc căn nhà, cô bé bắt đầu suy nghĩ. Nếu như có gì đó cô không mong trở thành, thì chính là một đứa điên loạn, đặc biệt là một đứa điên loạn thò lò mũi xanh; và cô kiên quyết tự phạt mình mỗi lần phạm phải cái mà cô cho là nỗi phiền toái thật sự với người họ hàng đáng kính của mình. Cô không bận lòng chuyện phải tránh xa nhà Alice Robinson. Cô đã nói với Emma Jane rằng bữa tiệc sẽ như một buổi dã ngoại ở nghĩa địa, vì nhà Robinson đã xoay xở hết sức để ngôi nhà của họ trông chẳng khác nấm mồ là mấy. Trẻ con

thường phải vào nhà bằng cửa sau, và bị yêu cầu đứng lên giấy báo khi tới nhà đẩy chơi, thế nên các bạn nài nỉ Alice là hãy “đón tiếp” trong nhà kho hoặc chuồng ngựa khi nào có thể. Bà Robinson không chỉ “ngăn nắp khủng khiếp” mà còn “hà tiện khủng khiếp”, thế nên đồ ăn thức uống rất có thể chỉ là kẹo bạc hà và nước giếng.

Sau khi xem xét các giá trị tương quan giữa một tấm vải dệt từ lông ngựa mặc vào người với một hòn sỏi để trong giày, cô bé quyết định bỏ qua cả hai hình thức hành xác ấy. Tấm vải dệt từ lông ngựa thì không kiếm đâu ra được, còn sỏi sẽ bị bà bác có đôi mắt tinh tường phát hiện ngay, ngoài ra việc đó cản trở một cách ngu ngốc tới những hoạt động của một người phải làm việc nhà và đi bộ một dặm rưỡi đến trường học.

Cố gắng thử nghiệm tự hành xác đầu tiên không được thành công cho lắm. Cô bé đã ở nhà không đi dự buổi hòa nhạc ở trường Giáo lý, một buổi lễ mà, vì chưa từng biết đến buổi lễ nào hấp dẫn hơn, cô bé rất mê. Hậu quả của việc cô vắng mặt là hai đứa trẻ thường dựa dẫm vào cô để được nhắc bài (cô bé thuộc bài của đám trẻ ấy hơn cả chúng) đã không được tích sự gì. Lớp mà cô bé dự phải lần lượt đọc một chương khó trong Kinh Thánh, và đám học trò mất cả buổi chiều khốn khổ dựa vào chỗ ngồi để tính toán phần mình phải đọc, tập đọc các đoạn nhất định sẽ rơi vào mình. Chúng quá ngốc nghếch nên không hiểu được rằng sự vắng mặt của Rebecca sẽ khiến tất cả mọi thứ lộn tùng phèo, và cú đòn giáng mạnh xuống khi những đứa ít có khả năng xoay xở với những cái tên như Jebusite, Amorite, Gergashite, Hivite và Perizzite thì lại vớ phải đúng những từ ấy.

Việc tự trừng phạt, như vậy, để có mức độ vừa phải và phù hợp, phải bắt đầu từ trong nhà, giống như làm từ thiện, nhưng không như từ thiện, nó chỉ được kết thúc ở phạm vi trong nhà mà thôi. Rebecca ngồi bên cửa sổ, lơ đãng nhìn quanh phòng. Cô phải từ bỏ một thứ gì đó, và nói thật là cô

chẳng có gì nhiều để mà từ bỏ, hầu như chẳng có thứ gì - phải rồi, cái đó có thể được, cái dù hồng đáng yêu. Cô bé không thể giấu nó trên gác mái, bởi trong một vài phút yếu lòng chắc chắn cô sẽ lại lấy ra. Cô sợ mình không đang tâm đập tan nó ra thành từng mảnh. Anh mắt cô di chuyển từ chiếc dù tới những cây táo trong vườn hồng nhà, và rơi xuống nơi thành giếng. Chỗ đó được đấy; cô sẽ quàng món đồ yêu thích nhất của mình xuống nước sâu thăm thẳm. Như thường lệ, hành động nhanh chóng nối tiếp quyết định. Cô bé mò xuống dưới nhà trong đêm, lén ra cửa trước, tiến đến nơi cúng tế, nhấc nắp giếng lên, rùng mình một cái dứt khoát và lấy hết sức mình quăng chiếc dù xuống. Vào cái khoảnh khắc rũ bỏ tối quan trọng ấy, cô bé thấy được an ủi rất nhiều khi nhớ rằng mình rất giống với những bà mẹ Hindu dâng con mình cho cá sấu sông Hằng.

Cô bé ngủ ngon và tỉnh giấc đầy sáng khoái, như cái cảm giác mà một linh hồn đã thoát bỏ được tội lỗi bao giờ cũng phải có nhưng thỉnh thoảng mới thật sự có. Tuy nhiên sau bữa sáng hôm ấy, có một vấn đề lớn nảy sinh là kéo nước rất khó khăn. Rebecca, sau khi tự trừng phạt mình và tinh thần lên rất cao, đã tới trường. Abijah Flagg được gọi tới. Anh nâng nắp giếng lên xem xét thì thấy ngay cái lý do gây rắc rối nọ, và với sự tinh khôn của dân Yankee anh đã lấy được nó lên. Hóa ra tay cầm bằng gỗ của chiếc dù mắc vào xích kéo, và khi anh kéo nước, vật tể thần bé nhỏ của con tim ăn năn kia bị lôi lên, bẻ cong, những cái gọng cắm vào thành giếng và mắc vào một cái rễ cây. Cũng chẳng cần phải nói rằng không một nhà ảo thuật, dù chuyên nghiệp đến cỡ nào, có thể thực hiện được kỳ công này, trừ phi được sức mạnh của bóng đêm giúp đỡ; nhưng một đứa trẻ không may mắn trong việc làm việc tốt thì chỉ cần phẩy tay một cái là xong.

Chúng ta sẽ kéo tấm màn che lại cái cảnh diễn ra sau khi Rebecca từ trường về. Quý vị độc giả có thể đã lớn tuổi, có thể là người có tài ăn nói,

khéo léo trong lập luận; nhưng ngay cả như thế quý vị vẫn có thể nao núng khi nghĩ tới việc phải giải thích diễn biến tâm lý quanh co vòng vo dẫn quý vị đến chỗ ném chiếc dù hồng yêu mến của mình xuống giếng của Miranda Sawyer. Có thể quý vị cảm thấy chẳng khác nào bàn luận về hiệu quả của việc tự trừng phạt tinh thần với một người mím chặt môi lại và nhìn quý vị với đôi mắt vô cảm, không chịu thấu hiểu! Lý lẽ thông thường, sự đúng đắn và logic đều xếp hàng đứng về phía bà bác Miranda. Khi cô bé Rebecca tội nghiệp bị dồn tới chân tường, phải thừa nhận những lý do đằng sau việc hy sinh chiếc dù của mình, bác cô nói, “Nghe này Rebecca, cô lớn quá rồi ta không thể đánh được, mà ta cũng chả thèm đánh; nhưng khi cô nghĩ rằng cô bị phạt thế còn chưa đủ, thì cứ nói với ta, và ta sẽ cố nghĩ thêm cho cô vài hình phạt nữa. Ta không thông minh bằng một số người, nhưng ta có thể làm được việc đó; và dù là cái gì đi nữa, thì nó cũng không phải thứ trừng phạt luôn cả cái nhà này, để rồi bắt họ phải uống nước có bụi ngà, mùn gỗ và giẻ rách.”

CHƯƠNG XIII

Bạch Tuyết, Hồng Đỏ

Ngay trước thềm lễ Tạ ơn, vụ Simpson đã lên tới điểm có thể gọi là khủng hoảng, thậm chí ngay trong gia đình họ, cái gia đình được sinh sôi và nuôi lớn trong tình trạng nghèo nàn bấp bênh đầy hiểm họa.

Riverboro đang cố gắng hết mình để đưa cả nhà Simpson về quê cha đất tổ, với suy nghĩ thấu tình rằng mảnh đất đã sinh ra họ, chứ không phải mảnh đất đã nuôi nấng họ sau này, nên cưu mang gia đình họ đến khi lũ trẻ có thể tự lập. Trong nhà miếng ăn đã thiếu thốn thì manh áo còn thiếu hơn, mặc dù bà Simpson vẫn luôn cố gắng làm hết sức mọn của mình. Lũ trẻ cũng xoay xở được đủ ăn bằng cách ngồi nhẩn nhịn ngoài cửa bếp nhà hàng xóm khi sắp đến bữa. Người ta không hắt hủi chúng, nhưng nhiều bà nội trợ có lòng vẫn cho chúng ít thức ăn thừa.

Ấy nhưng cuộc sống thật u ám và ảm đạm, trong cái lạnh lẽo tối tăm của tiết trời tháng Mười một, với cảnh gà tây của mọi nhà béo căng những mỡ, bí ngô cùng bí dài và ngô vàng ruộm của mọi nhà được tấp về trong kho, lũ trẻ nhà Simpson dò dẫm kiếm tìm chút niềm vui rẻ tiền, và cuối cùng chúng quyết định đi bán xà phòng để kiếm phần thưởng. Suốt mùa thu trước đi bán xà phòng cho hàng xóm chúng đã có đủ tiền mua một cái xe đẩy nhỏ, chốt xe tuy yếu nhưng cũng đẩy được đi khắp đường quê. Với sự sắc sảo trong việc buôn bán lớn và khả năng tổ chức hẳn được thừa hưởng từ cha mình, giờ đây chúng tính mở rộng phạm vi buôn bán ra một vùng rộng lớn hơn, cung cấp xà phòng cho các ngôi làng lân cận, nếu như chúng

có thể thuyết phục dân ở những làng đó mua cho. Công ty Xà phòng Excelsior trả một khoản tiền lời rất nhỏ cho những đại lý phân phối là trẻ con có rải rác khắp nơi trong bang. Bằng những tờ quảng cáo có hình những phần thưởng in màu bắt mắt tương ring với số bánh xà phòng bán được, nó thổi bùng lên trí tưởng bở của lũ trẻ. Chính vì điều này, Clara Belle và Susan Simpson đã phải hỏi ý kiến Rebecca, và Rebecca ngay lập tức nhập cuộc, hứa hẹn rằng mình và Emma Jane Perkins sẽ giúp đỡ. Những phần thưởng nằm trong khả năng của chúng là ba thứ: một cái giá sách, một cái ghế êm có tựa đầu và một chiếc đèn bàn tiệc. Tất nhiên mấy đứa trẻ nhà Simpson chẳng có lấy một cuốn sách nào cả, và cũng chẳng cần bản khoản mà gặt luôn chiếc ghế êm, một thứ cũng có thể có ích trong cái gia đình bảy người này (không kể ông Simpson, người thường ngồi ở những chỗ chạy bằng kinh phí của thị trấn). Thay vào đó, lũ trẻ say mê tưởng tượng về cái đèn bàn tiệc, một thứ nhanh chóng trở nên đáng ao ước hơn cả thức ăn, nước uống, hay áo mặc. Cả Emma Jane lẫn Rebecca đều không thấy có gì bất hợp lý trước việc lũ trẻ nhà Simpson khát khao một cái đèn bàn tiệc. Lũ trẻ ngày nào cũng ngắm nghía hình chiếc đèn và biết rằng nếu chúng là các đại lý tự do thì chúng sẽ lẫn lộn, chịu đựng khổ sở, trầy mình xước mẩy vì cái diễm phúc được ở chung một phòng với chiếc đèn kia qua những đêm đông dài sắp tới. Nhìn trong hình, chiếc đèn cao khoảng hai mét rưỡi, Emma Jane khuyên Clara Belle nên đo chiều cao phòng nhà Simpson; nhưng một dòng chú thích bên lề tờ quảng cáo nói nó sẽ cao gần một mét khi đặt trang trọng lên một chiếc bàn phù hợp, nếu muốn cái bàn thì thêm ba đô la nữa. Tờ quảng cáo còn nói chiếc đèn chỉ được làm bằng đồng thau đánh bóng nhưng trông chẳng khác nào vàng đúc, và chiếc chụp đèn đi cùng với nó (sẽ được tặng kèm nếu như đại lý đó bán thêm được ít nhất một trăm miếng xà phòng nữa) làm bằng giấy kép

nhấn với cả tá màu sắc hấp dẫn cho đại lý may mắn nọ chọn lựa.

Simpson Bập Bênh không tham gia vào nhóm này. Clara Belle là một đại lý phân phối khá thành công, nhưng Susan, đứa chỉ có thể nói “thà thòng”, chưa bao giờ đạt được lợi nhuận cao, và hai đứa song sinh còn bé quá nên mấy đứa lớn chỉ dám giao cho chúng sáu bánh mỗi lần, và bắt chúng khi đi bán hàng phải mang theo mảnh giấy ghi giá từng bánh, từng tá và từng hộp. Rebecca và Emma Jane đề nghị được đi khoảng hai, ba dặm theo một hướng tùy chọn và xem xem chúng có thể khơi dậy đến đâu nhu cầu đối với hai loại xà phòng Bạch Tuyết và Hồng Đỏ, loại đầu dành cho việc giặt giũ còn loại kia cho nhà vệ sinh.

Công tác chuẩn bị cho sự kiện này thật háo hức làm sao, có cả một cuộc họp hội đồng lâu thật là lâu trên tầng áp mái nhà Emma Jane. Để chuẩn bị một bài nói cho phù hợp, hai cô bé có trong tay tờ quảng cáo của công ty xà phòng và, thậm chí còn tốt hơn nữa, chút hồi ức về lời rao của một ông bán thuốc dạo ở Hội chợ Milltown. Một khi đã được xem phương pháp, hay điệu bộ, hay cách khua môi múa mép của ông ấy, người ta sẽ không bao giờ quên. Thế là Emma Jane thực hành với Rebecca, rồi Rebecca lại thực hành với Emma Jane.

“Mời bà mua chút xà phòng cho cháu đi ạ! Cháu có hai loại là Bạch Tuyết và Hồng Đỏ, mỗi hộp xinh xắn thế này là sáu bánh, xà phòng trắng thì hai mươi xu còn đỏ cũng chỉ hai lăm xu thôi. Chúng được làm từ những nguyên liệu tinh khiết nhất nên ai có tàn phế mà muốn ăn cũng được, vừa ngon vừa bổ đấy ạ.”

“Ồi làng nước ơi, Rebecca, đừng có bốc giòi lên thế chứ!” Emma Jane cười lẫn lộn cắt ngang. “Nói thế tớ thấy như hâm!”

“Cậu thì hơi tí là như hâm, như hâm,” Rebecca khiển trách, “làm tớ nhiều lúc nghĩ cậu hâm thật đấy. Nói thế thì hâm gì mà hâm; thôi tiếp nào,

cậu không thích thì bỏ qua đoạn ăn đấy đi cũng được.”

“Bạch Tuyết là loại xà phòng giặt tuyệt vời nhất từng được sản xuất. Hãy nhúng quần áo vào một chậu nước, nhẹ nhàng xát xà phòng lên chỗ bẩn; rồi cứ để ngâm quần áo từ tối tới sáng hôm sau, và thế là một đứa trẻ nít cũng giặt được mà chẳng mất chút sức lực nào.”

“*Em bé*, không phải đứa trẻ,” Rebecca chỉnh lại theo tờ quảng cáo.

“Nghĩa như nhau cả mà,” Emma Jane cãi lại.

“Tất nhiên *nghĩa* như nhau rồi; nhưng trong quảng cáo thì đứa trẻ con phải được gọi là em bé hay là bé con, cũng như trong thơ ca vậy! Cậu có thích dùng từ bé con không?”

“Không,” Emma Jane làu bàu, “bé con còn tệ hơn cá em bé. Rebecca, cậu có nghĩ mình nên làm như tờ quảng cáo nói không, để cho Elijah hay là Elisha thử dùng xà phòng trước khi mình đem bán ấy?”

“Tớ không thể hình dung nổi một em bé lại giặt giũ được dù là với bất kỳ thứ xà phòng nào đi nữa,” Rebecca trả lời; “nhưng chắc chắn đó phải là sự thật chứ, nếu không họ đã không dám in ra như thế, nên đừng có lo. Ôi! Sẽ thật vui biết bao, Emma Jane nhỉ? Sẽ có những nhà không biết tớ là ai, thế là tớ không phải sợ hãi, và sẽ diễn trơn tru cái bài loằng ngoằng về người tàn tật, em bé, cùng tất cả những thứ khác nữa. Nếu nhớ thì tớ phải nói cả cái câu cuối cùng nữa: ‘Chúng tôi có thể làm hài lòng tột đỉnh cung bậc cảm xúc của quý vị’.”

Cuộc nói chuyện này diễn ra vào một chiều thứ Sáu ở nhà Emma Jane, nơi mà Rebecca, với niềm vui sướng vô hạn, đã được ở lại đến tận Chủ nhật, vì hai bác cô phải đi Portland dự đám tang một người bạn cũ. Thứ Bảy nghỉ học, cả hai sẽ được dùng con ngựa già lông trắng, đánh xe ngựa đi Bắc Riverboro cách đó ba dặm, ăn bữa trưa lúc mười hai giờ ở nhà anh chị họ Emma Jane, rồi trở về nhà đúng bốn giờ chiều.

Khi hai đứa trẻ xin phép bà Perkins được tạt vào một vài nhà trên đường về để cố bán lấy một ít xà phòng giúp cho nhà Simpson, ban đầu bà nhất định không cho. Tuy nhiên, bà vốn chiều con và thật sự khó có thể phản đối Emma Jane mua vui theo cách kỳ lạ ấy; chỉ có điều Rebecca là đứa cháu của bà Miranda Sawyer khó tính mà bà phải dẫn đi ngại ngùng như vậy; nhưng khi biết chắc chắn việc buôn bán ấy là vì mục đích từ thiện, bà đã bằng lòng.

Hai cô bé dừng ở cửa hiệu của ông Watson, chuẩn bị mấy hộp xà phòng lớn đem đi bán cho Clara Belle Simpson. Chúng bê hộp lên để đằng sau xe ngựa, và chưa bao giờ có người nào đánh xe trên con đường quê ấy lại hân hoan hơn Rebecca và người bạn đồng hành của cô. Đó là một ngày hè Anh điêng rực rỡ chẳng gọi chút gì giống với lễ Tạ ơn cho dù nó đã đến rất gần. Đó là một ngày vàng gi sét, một ngày đỏ tươi và vàng sậm, vàng nhạt và đỏ son, vàng đồng và đỏ thắm. Sồi và phong lá vẫn còn nhiều, phô sắc đỏ lẫn trong sắc nâu cùng sắc vàng rực rỡ. Không gian như thứ rượu táo lóng lánh làm lòng người say mềm, và cánh đồng nào cũng chất đồng lương thực vào mùa thu hoạch chín vàng ruộm hoặc đỏ ối, tất cả đều sẵn sàng đi về nhà kho, vào nhà máy lúa mì và ra chợ. Chú ngựa quên cả hai mươi năm tuổi già mà hít hà không gian tươi sáng ngọt lành, rong ruổi như một chàng ngựa câu giòn; núi Nokomis khoác một màu thiên thanh từ đằng xa đã trông thấy rõ; Rebecca đứng dậy, lòng dâng đầy niềm cảm khái yêu đời, cô họa lại thế gian thơ mộng:

Diễm tuyệt và bao la,

Nước ôm ấp thịt da,

Cỏ biếc che bầu ngực,

Thế gian bỏ bùa ta!

Đối với Rebecca, cô bé Emma Jane chậm chạp chưa bao giờ gần gũi đến thế, thân thiết đến thế, gần gũi đến thế và chân thật đến thế; còn Rebecca, trong trái tim chân thành của Emma Jane, chưa bao giờ tuyệt vời, kỳ lạ, lôi cuốn như trong chuyến đồng hành này, khi mà hai cô bé được ở bên nhau, được tự do và được tận hưởng những hân hoan của chuyến buôn bán đầy thú vị.

Một chiếc lá đẹp tuyệt bay vào trong xe ngựa.

“Màu sắc có làm cậu thấy như nôn nao không?” Rebecca hỏi.

“Không,” Emma Jane trả lời sau một lúc lâu; “không, không một chút nào cả.”

“Có lẽ nôn nao không phải là một từ thích hợp, nhưng là từ gần đúng nhất. Tớ thích ăn màu sắc, và uống, và ngủ trong đó nữa. Nếu cậu là một cái cây thì cậu thích làm cây gì nhất?”

Emma Jane đã thích thú thưởng thức nhiều lần trò này, và Rebecca đã thành công trong việc khai thông đôi tai cô, mở rộng tầm mắt cô và huấn luyện mồm miệng cô, để cô có thể “chơi trò đó” tạm tạm.

“Tớ thích làm cây táo nở hoa - cái cây nở hoa màu hồng cạnh chuồng lợn nhà tớ ấy.”

Rebecca cười phá lên. Câu trả lời của Emma Jane bao giờ cũng không thể đoán trước được. “Tớ sẽ chọn làm cây phong đỏ bên hồ kia kìa,” - cô lấy cái roi da mà chỉ. “Như thế tớ sẽ thấy được biết bao nhiêu thứ hơn cái cây táo hồng bên chuồng lợn của cậu. Tớ có thể nhìn thấy mọi thứ trong rừng, thấy chiếc váy đỏ của tớ trong chiếc gương của tớ, ngắm những cái cây vàng và nâu lớn cao lộn ngược dưới nước. Khi đủ lớn để có thể kiếm tiền, tớ sẽ mua một cái váy như chiếc lá này, toàn một màu ruby - mỏng manh, cậu biết đấy, với một cái đuôi rủ dài, viền mép uốn lượn và xếp nếp bằng phẳng; tớ nghĩ là tớ sẽ kiếm một cái khăn choàng màu nâu như thân

cây kia, và tớ sẽ mặc màu xanh chỗ nào nhỉ? Họ có váy lót màu xanh lá cây không nhỉ? Tớ thích thỉnh thoảng lại để lộ chiếc váy lót xanh lá cây bên trong để cho người ta thấy lá của tớ trông thế nào trước khi tớ thành một cây phong đỏ.”

“Tớ nghĩ như thế thì xấu kinh dị,” Emma Jane nói. “Tớ sẽ kiếm một chiếc váy xa tanh trắng và khăn choàng hồng, tất hồng, dép đồng, và một chiếc quạt giấy trang kim.”

CHƯƠNG XIV

Chú Aladdin

Một tiếng đồng hồ của cuộc buôn bán đầy thăng trầm chỉ làm hạ bớt nhiệt thành của hai đứa trẻ một chút xíu. Hai cô bé không đi cùng nhau đến gõ cửa từng nhà các nạn nhân của mình, vì các cô thấy chắc chắn nếu đi cùng thì không thể tiếp cận đối tượng một cách nghiêm túc được; hai cô bé chia tay nhau trước cổng mỗi nhà, một người giữ ngựa trong khi người kia mang mẫu xà phòng đến nói chuyện với bất kỳ ai trông có vẻ dễ tiếp cận. Emma Jane đã bán được ba bánh, Rebecca được ba hộp nhỏ - vì ngay từ đầu đã có sự khác biệt về khả năng thuyết phục người khác, mặc dù không ai đổ nguyên nhân của thành công hay thất bại cho bất kỳ thứ gì ngoài sự cấp bách của hoàn cảnh. Các bà nội trợ nhìn thấy Emma Jane thì chẳng thấy cần tí xà phòng nào; họ lắng nghe cô bé quảng cáo xong vẫn chẳng thấy cần tí nào. Tuy nhiên việc buôn bán của Rebecca được những ngôi sao khác chiếu mệnh. Những người cô bé nói chuyện nếu không nhớ ra là họ đang cần xà phòng thì cũng tự nhủ rằng sau họ sẽ cần đến; điều đáng nói trong trường hợp này là cô bé Rebecca may mắn đạt được, gần như không tốn sức tí nào, những kết quả mà Emma Jane bé nhỏ tội nghiệp không thể dù đã lao động thật vất vả và chăm chỉ.

“Rebecca, đến lượt cậu đấy, may quá,” Emma Jane vừa nói vừa kéo ngựa dừng bên cổng một nhà và chỉ về ngôi nhà nằm xa đường cái. “Từ cái nhà vừa nãy ra tớ vẫn chưa hết run.” (Một bà lão đầu từ cửa sổ tầng trên ra quát, “Đi đi, con bé kia; dù mày có gì trong cái hộp kia thì ta cũng không

cần đâu.”) “Chẳng biết ai sống ở đó nữa, rèm cửa đang trước buồng cả. Nếu không có ai ở nhà thì không tính nhé, như thế nhà tiếp theo vẫn là của cậu.”

Rebecca rảo bước trên lối đi và đến cửa bên hông nhà. Có một mái hiên ở đó, và đang ngồi trên chiếc ghế ngựa lật vỏ ngô là một người trẻ tuổi ưa nhìn, hay là đã trung niên nhỉ? Rebecca không thể xác định được. Dù thế nào thì ông ấy cũng có vẻ là người thành thị - râu cạo nhẵn nhụi, ria mép tía cẩn thận, quần áo vừa vặn. Rebecca hơi ngại ngùng trước cuộc gặp bất ngờ này, nhưng không thể làm gì khác ngoài việc giải thích cho sự xuất hiện của mình, cô đành hỏi, “Thưa, bà chủ có nhà không ạ?”

“Lúc này tôi chính là bà chủ nhà này đây,” người lạ nọ đáp, với một nụ cười kỳ quái. “Tôi có thể làm gì cho cô đây?”

“Chú đã bao giờ nghe thấy - chú có muốn, ý cháu là -chú có cần xà phòng không ạ?” Rebecca đặt câu hỏi.

“Trông tôi có vẻ gì là cần không?” không ngờ ông ta đáp lại như vậy.

Rebecca mỉm cười lộ lúm đồng tiền. “Cháu không có ý đó; cháu đang đi bán xà phòng; cháu định là sẽ giới thiệu cho chú một loại xà phòng đặc biệt, loại tốt nhất trên thị trường. Tên nó là...”

“Ồ! Hẳn là tôi đã biết loại đó rồi,” quý ông nọ cười mở đáp. “Làm từ dầu thực vật tình khiết nhất, phải không?”

“Loại tình khiết nhất ạ,” Rebecca chứng thực.

“Không có a xít?”

“Không chút nào ạ.”

“Và thậm chí một đứa trẻ có thể giặt giũ cả đồng quần áo mà không mất chút sức lực nào.”

“Một em bé,” Rebecca chữa lại.

“Ồ! Em bé hử? Đứa trẻ đó mỗi năm lại trẻ hơn một chút, thay vì lớn hơn - đứa trẻ này thông minh thật đấy!”

Thật là một điều may mắn lớn khi gặp vị khách đã biết hết các lợi ích của mặt hàng. Rebecca càng lúc càng cười tươi hơn, và khi được mời, cô bé ngồi xuống chiếc ghế đầu bên cạnh ông ta gần mép hiên, vẻ đẹp của chiếc hộp xà phòng Hồng Đỏ được hé lộ, và giá cả của cả hộp đó lẫn hộp Bạch Tuyết được đưa ra. Ngay lúc ấy cô bé quên tiệt người bạn yên ắng của mình ngoài cổng và bắt đầu chuyện trò như thể cô đã biết con người không tầm thường này cả đời rồi.

“Tôi trông nhà hôm nay, nhưng tôi không sống ở đây,” quý ông vui vẻ giải thích. “Tôi chỉ đến thăm bác tôi thôi, bà đã đi Portland rồi. Hồi nhỏ tôi hay ở đây và rất thích chỗ này.”

“Cháu không nghĩ là có gì thay thế được trang trại mà một người sống khi còn nhỏ cả,” Rebecca nhận định, gần như vỡ òa với niềm tự hào rằng cuối cùng cô đã thành công trong việc sử dụng đại từ không xác định trong cuộc nói chuyện bình thường.

Người đàn ông liếc nhanh về phía cô và đặt bắp ngô xuống. “Vậy cô cho rằng tuổi thơ của cô đã là một thứ trong quá khứ chẳng, quý cô?”

“Cháu vẫn có thể nhớ được,” Rebecca trả lời bạo dạn, “mặc dù có vẻ như tuổi thơ ấy đã qua lâu lắm rồi.”

“Tôi có thể nhớ tuổi thơ của tôi rất rõ, và đó là một tuổi thơ đặc biệt không được vui vẻ cho lắm,” người lạ mặt nói.

“Của cháu cũng thế ạ,” Rebecca thở dài. “Chuyện tệ nhất của chú là gì ạ?”

“Cơ bản là thiếu ăn và thiếu mặc.”

“Ồi!” Rebecca thốt lên đầy cảm thông, “tuổi thơ của cháu thì chẳng có

giày, nhà quá thừa con mà lại thiếu sách vở. Nhưng chú ổn cả và hạnh phúc rồi đấy, phải không ạ?” cô bé hỏi đầy nghi ngờ, bởi mặc dù ông ta trông ưa nhìn, no đủ và giàu có, bất kỳ một đứa trẻ nào cũng có thể thấy rằng đôi mắt của ông ta trông mệt mỏi và cái miệng thì trông rõ buồn bã mỗi khi ông im lặng.

“Tôi cũng khá ổn, cảm ơn cô,” người đàn ông nói với một nụ cười tươi tắn. “Giờ thì kể cho tôi nghe nào, hôm nay tôi phải mua bao nhiêu xà phòng đây?”

“Thế bác của chú đã có bao nhiêu rồi nào?” nhà đại lý khiêm tốn và thiếu kinh nghiệm gợi ý, “và bà ấy cần chừng bao nhiêu ạ?”

“Ồ, tôi chẳng biết đến chuyện ấy đâu; xà phòng cũng để được lâu mà, phải không?”

“Cháu không chắc lắm,” Rebecca đáp với vẻ chu đáo, “nhưng cháu sẽ xem trong tờ giới thiệu - chắc chắn là nó có nói;” nói rồi cô bé lôi tờ giấy trong túi ra.

“Cô sẽ làm gì với lợi nhuận khá khẩm từ việc buôn bán này?”

“Chúng cháu không bán cho chúng cháu ạ,” Rebecca tiết lộ. “Bạn cháu đang giữ ngựa ngoài cổng kia là con một bác thợ rèn rất giàu, nên chẳng cần đến tiền. Cháu nghèo, nhưng cháu sống với hai bác của cháu ở một ngôi nhà gạch, và tất nhiên hai bác chẳng muốn cháu làm nghề bán rong. Chúng cháu đang cố bán để kiếm quà thưởng giúp mấy người bạn.”

Rebecca chưa từng nghĩ đến việc kể về tình cảnh ấy với những khách hàng trước đó, nhưng trong vô thức, cô bé đang kể về ông Simpson, bà Simpson và gia đình Simpson; sự nghèo khổ, cuộc đời không niềm vui và mong ước khốn khổ của họ về một cây đèn bàn tiệc để thắp sáng cuộc đời họ.

“Chuyện này không cần phải nói thêm nữa,” người đàn ông cười phá lên

đoạn đứng dậy nhìn ra phía “cô con gái bác thợ rèn giàu có” ở ngoài cổng. “Chắc hẳn lũ trẻ phải có được chiếc đèn nếu chúng muốn, nhất là khi cô muốn chúng có nó. Tôi hiểu cái cảm giác không có đèn bàn tiệc nó ra làm sao chứ. Giờ thì đưa tôi tờ quảng cáo, và thử tính toán xem nào. Nhà Simpson còn thiếu bao nhiêu nữa?”

“Nếu chúng bán được hai trăm bánh trong tháng này và tháng sau, chúng có thể kiếm được cây đèn vào Giáng Sinh,” Rebecca đáp, “và đến hè là chúng có thể kiếm được cái chụp đèn; nhưng cháu sợ rằng sau hôm nay cháu không giúp được gì nhiều nữa, vì bác Miranda có thể sẽ không cho cháu đi bán thế này đâu.”

“Tôi hiểu rồi. Chà, cũng được thôi. Tôi lấy ba trăm bánh, và như thế là đủ cả chụp đèn và tất tần tật nhé.”

Rebecca đang ngồi trên ghế đầu gần mép hiên, nghe thấy thế cô bé bỗng giật mình, thế là bị ngã ngửa ra, và biến mất vào lùm cây tử đinh hương. May thay cái hiên cũng không cao lắm, và nhà tư sản đang thích thú kia đỡ cô đứng lên, phủi bụi đất cho cô. “Lẽ ra cô không bao giờ nên tỏ ra ngạc nhiên khi nhận được một đơn đặt hàng lớn,” ông ta nói; “cô phải đáp lại rằng ‘Quý khách có thể lấy ba trăm rưỡi bánh được không?’ thay vì ngã ngửa ra với cái cung cách thiếu dày dạn thương trường như vậy.”

“Ồ, cháu không bao giờ có thể nói như thế được!” Rebecca thốt lên, lúc này đã đỏ hồng cả má vì xấu hổ với cú ngã vừa rồi. “Nhưng chú mua nhiều như thế thật không phải chút nào. Chú chắc là chú mua được hết chứ?”

“Nếu không được thì tôi sẽ không mua một số thứ khác để tiết kiệm tiền,” nhà hảo tâm hài hước đáp.

“Thế nếu như bác của chú không thích loại xà phòng đó thì sao?” Rebecca lo lắng hỏi lại.

“Bác của tôi bao giờ cũng thích những thứ tôi thích,” ông ta đáp.

“Bác của cháu thì không như vậy!” Rebecca thốt lên.

“Vậy thì bác cô có gì đó không bình thường!”

“Hoặc là chính cháu,” Rebecca cười to.

“Tên cô là gì, quý cô?”

“Rebecca Rowena Randall, thưa chú.”

“Cái gì?” ông ta nở nụ cười thích thú. “Cá *hai cơ à?* Mẹ cô thật hào phóng quá.”

“Bà nói bà không thể chịu được việc phải bỏ tên nào đi.”

“Cô có muốn nghe tên tôi không?”

“Cháu nghĩ là cháu đã biết rồi,” Rebecca trả lời, với một tia nhìn bùng sáng. “Cháu chắc chắn chú là chú Aladdin trong *Nghìn lẻ một đêm*. Ôi, cháu có thể chạy đi cho Emma Jane biết chuyện được không ạ? Bạn ấy chờ chắc đã mệt lắm rồi, biết được chuyện này bạn ấy sẽ vui lắm đây!”

Khi người đàn ông gật đầu đồng ý Rebecca chạy như bay dọc lối đi, hét lớn hết sức khi đã đến gần xe ngựa, “Ôi, Emma Jane! Emma Jane! Chúng mình bán hết rồi!”

Chú Aladdin đi theo mỉm cười để chứng thực chuyện kinh ngạc đến khó tin này; bê hết các hộp xà phòng sau xe hai cô bé, lấy tờ quảng cáo, hứa tối đó sẽ viết cho Công ty Excelsior về món quà thưởng.

“Nếu các cô có thể cố gắng giữ bí mật được - hai cô ấy - thì sẽ là một bất ngờ thú vị cho nhà Simpson khi được nhận chiếc đèn vào ngày lễ Tạ ơn, phải không nào?” ông ta hỏi và quàng tấm khăn choàng chân cũ thật ấm quanh chân hai cô bé.

Cả hai vui vẻ đồng ý, rồi rít cảm ơn đi cảm ơn lại. Rebecca rơm rớm nước mắt hạnh phúc.

“Ồ, có gì đâu mà cảm ơn!” chú Aladdin cười to, nhấc mũ chào. “Tôi có

thời cũng là một người bán rong - nhiều năm trước - và tôi thích được thấy công việc trôi chảy. Tạm biệt cô Rebecca Rowena! Cứ cho tôi biết mỗi khi cô cần bán gì, vì chắc chắn là tôi sẽ cần nó.”

“Tạm biệt, chú Aladdin! Nhất định cháu sẽ cho chú biết!” Rebecca hét lớn, hất hai đuôi bím tóc đầy hào hứng và vẫy tay.

“Ôi, Rebecca!” Emma Jane thì thầm đầy kinh ngạc. “Chú ấy nhắc mũ chào bọn mình, mà bọn mình còn chưa được mười ba tuổi! Phải năm năm nữa mình mới là các quý cô được.”

“Chẳng có gì đâu,” Rebecca trả lời; “chúng ta đã *bắt đầu* làm các quý cô rồi, ngay lúc này đây.”

“Chú ấy còn choàng khăn vào chân cho chúng mình nữa,” Emma Jane tiếp tục hồi tưởng trong nỗi phấn khích. “Ôi! Chú ấy lịch thiệp nhỉ? Lại còn mua sạch cho tụi mình mới dễ thương chứ! Không ngờ lại được cả cây đèn và cái chụp trong một ngày làm việc nhỉ! Cậu có vui vì đã mặc chiếc váy hồng không, dù mẹ tớ bắt cậu mặc đồ ấm flanel ở trong? Cậu mặc đồ hồng và đỏ trông xinh lắm, Rebecca ạ, còn đồ xám và nâu thì xấu lắm!”

“Tớ biết thế,” Rebecca thở dài. “Tớ ước tớ được giống cậu - mặc màu gì cũng đẹp!” Và Rebecca thêm thường nhìn đôi má hồng hào mồm mím của Emma Jane; đôi mắt xanh dương của cô, đôi mắt chẳng chịu nói lên điều gì cả; cái mũi gọn gàng, cái mũi chẳng có gì nổi bật; đôi môi đỏ của cô, đôi môi mà chưa một từ nào đáng nghe được thốt lên.

“Không sao đâu!” Emma Jane an ủi. “Ai cũng nói cậu thông minh sáng dạ vô cùng, và mẹ tớ nghĩ cậu càng lớn càng xinh đẹp mà. Cậu không tin đâu, nhưng trước tớ là một đứa bé xấu xí kinh khủng, đến tận một hai năm trước mới đỡ vì mái tóc đỏ của tớ bắt đầu sẫm màu hơn. Cái chú tốt bụng ấy tên gì thế?”

“Tớ không nghĩ ra phải hỏi tên chú ấy mới chết chứ!” Rebecca thốt lên.

“Bác Miranda hẳn sẽ nói đúng là cái kiểu đếnh đoảng của tớ, và đúng thế thật. Nhưng tớ gọi là chú Aladdin vì nhờ chú ấy mà chúng ta có đèn. Cậu biết câu chuyện ‘Aladdin và cây đèn thần’ không?”

“Ôi, Rebecca! Sao mới gặp mà cậu dám đặt biệt hiệu cho người ta rồi?”

“Aladdin cũng không hẳn là một biệt hiệu; dù sao, chú ấy cũng đã cười và có vẻ thích nó.”

Nhờ vào nỗ lực phi phàm và bằng cách khóa miệng chặt chưa từng thấy, hai cô bé đã giữ được cái tin tức tuyệt vời nọ trong lòng, mặc dù ai để ý cũng thấy rõ thần trí hai đứa đang trong tình trạng không bình thường.

Vào ngày lễ Tạ ơn, chiếc đèn được gửi đến trong một cái hộp, và Simpson Bập Bênh mang ra lắp ngay. Cậu chàng bấy giờ mới bắt đầu thán phục và nể tài buôn bán của mấy cô em gái. Rebecca nghe tin chiếc đèn đã đến nơi rồi, nhưng cô bé chờ đến chập choạng tối mới hỏi xin phép đến nhà Simpson, để cô có thể nhìn thấy cây đèn tuyệt diệu nọ được thắp lên và tỏa ra luồng hào quang rực rỡ đỏ thắm qua lớp giấy chụp đèn màu đỏ.

CHƯƠNG XV

Cây đèn bàn tiệc

Hôm lễ Tạ ơn, ngôi nhà gạch có khách đến dùng bữa vào lúc một giờ chiều - đó là chị em nhà Burnham sống ở vùng giữa Bắc Riverboro và làng Shaker, suốt hơn một phần tư thế kỷ qua năm nào họ cũng đến dự ngày lễ này với nhà Sawyer. Rebecca ngồi yên lặng đọc sách sau khi rửa bát đĩa xong xuôi, đến gần năm giờ cô mới xin phép đến nhà Simpson.

“Cô lẽo đẽo theo mấy đứa nhà Simpson làm gì vào ngày lễ Tạ ơn kia chứ?” bác Miranda hỏi. “Cô không ngồi yên được một tí nghe người lớn nói chuyện mà học hỏi hay sao? Có chơi một mình có chết ai đâu mà lúc nào cũng phải chạy nhăng lên thế!”

“Nhà Simpson có cây đèn mới, Emma Jane và cháu hứa sẽ đến xem nó thấp sáng, và chúng cháu sẽ làm một bữa giống giống bữa tiệc nữa.”

“Nhà ấy cần đèn làm cái quái gì chứ, mà họ lấy tiền đâu mà mua đèn? Nếu Abner có ở nhà thì ta đã nghĩ ngay rằng ông ta lại giở trò đổi chác đấy,” bà Miranda nói.

“Bọn trẻ nhà Simpson bán xà phòng được thưởng đấy ạ,” Rebecca đáp; “chúng đi bán thế một năm nay rồi. Cháu có bảo với bác rằng Emma Jane và cháu đi bán giúp chúng chiều cái hôm thứ Bảy bác đi đám ma ở Portland đó.”

“Chắc là ta không để ý rồi, vì giờ ta mới nghe nhắc đến cây đèn. Thôi, cô có thể đi một tiếng đồng hồ, và không hơn đâu. Nhớ là sáu giờ trời đã tối như mực rồi đấy. Cô có muốn cầm theo ít táo Baldwin không? Cô có cái

gì trong túi cái váy mới kia mà nó xệ xuống thế hả?”

“Là hạt hạch và nho khô trong bữa tiệc hồi trưa cháu để dành ạ,” Rebecca đáp, cô bé chưa bao giờ giấu giếm nổi hành động dù vô tội khỏi đôi mắt bác Miranda; “đấy chỉ là phần bác cho vào đĩa cháu ạ.”

“Sao cô không ăn đi?”

“Vì cháu ăn no rồi, cháu nghĩ là mang đến nhà Simpson thì bữa tiệc nhà họ sẽ đầy đủ hơn ạ,” Rebecca lúng túng, cô bé rất ghét bị mắng và bị kiểm tra trước mặt người khác.

“Đấy là phần của cháu mà, Rebecca,” bác Jane xen vào, “và nếu cháu muốn giữ lại để đem cho thì cũng không sao cả. Chúng ta không thể để ngày này trôi qua mà không cho hàng xóm xung quanh thứ gì để họ cảm thấy biết ơn, thay vì suốt ngày nghĩ đến thân mình.”

Chị em nhà Bumham gật đầu tán thành khi Rebecca đi ra, và nhận xét rằng họ chưa bao giờ thấy một đứa trẻ nào lớn và trưởng thành nhanh đến thế.

“Nó còn khối thứ phải trưởng thành hơn nữa, các cô sẽ biết ngay thôi nếu như con bé sống cùng một nhà với các cô,” Miranda trả lời. “Nó tham gia vào mọi trò có thể gọi tên được ở cái làng này, không những tham gia, mà nói chung là còn đầu têu nữa, đặc biệt là các trò tai quái. Trong tất cả mọi thứ ngu ngốc tôi từng nghe đến thì cái đèn ấy là độc nhất. Cái lũ nhà Simpson có khác, nhưng tôi không nghĩ rằng lũ trẻ con ấy đầu óc đủ tinh khôn để mà bán được cái gì cả.”

“Một trong số chúng chắc là có đấy,” cô Ellen Bumham nói, “bởi cái đứa con gái bán xà phòng cho nhà Ladd trên Bắc Riverboro được Adam Ladd nhận xét là một đứa đặc biệt và có sức thu hút nhất mà anh ta từng thấy.”

“Chắc là Clara Belle, nhưng ta chẳng bao giờ thấy con bé ấy có gì đặc

biệt,” bà Miranda trả lời. “Adam lại về nhà đấy hả?”

“Phải, anh ta ở lại vài ngày với bà bác. Nghe bảo anh ta kiếm tiền như nước; mà lần nào về anh ta cũng có quà cho tất cả láng giềng. Lần này anh ta mua một bộ áo choàng lông thú cho bà Ladd; tôi cứ nhớ hồi anh ta chân còn đi đất áo chẳng có mà thay nữa! Là nhiều tiền thế mà vẫn chưa lấy vợ đâu nhớ. Nhưng anh ta yêu trẻ con đến nỗi lúc nào cũng có một lũ lóc nhóc bu lấy chân.”

“Vẫn còn có hy vọng cho anh ta chứ,” bà Jane mỉm cười; “vì tôi đoán anh ta cũng chưa thể trên ba mươi được.”

“Có trăm năm mươi tuổi thì anh ta cũng vẫn lấy được vợ ở Riverboro này,” bà Miranda nhận xét.

“Bác của Adam nói anh ta rất ấn tượng với đứa con gái bán xà phòng (chị nói là Clara Belle phải không nhỉ?) nên tuyên bố sẽ tặng nó một món quà Giáng Sinh,” cô Ellen nói.

“Chà, sở thích mỗi người thật khác nhau quá nhỉ,” bà Miranda thốt lên. “Clara Belle mắt lác và tóc đỏ, nhưng ta sẽ là người cuối cùng hãy cho nó một món quà Giáng Sinh; Adam Ladd cho nó càng nhiều thứ thì càng ít thứ cái thị trấn này phải cho nó.”

“Nhà Simpson không còn đứa con gái nào nữa sao?” cô Lydia Bumham hỏi; “vì đứa này không thể lác mắt được; tôi nhớ là bà Ladd bảo Adam khen con bé có đôi mắt đẹp lắm mà. Anh ta nói đôi mắt ấy chính là lý do anh ta mua ba trăm bánh xà phòng. Bà Ladd phải xếp đống trong nhà kho đấy.”

“Ba trăm bánh xà phòng!” bà Miranda thốt lên. “Chao, thật đúng là có một cái loại mùa vụ chưa bao giờ thất thu Ở Riverboro này!”

“Mùa gì đấy ạ?” cô Lydia lịch sự hỏi.

“Mùa ngu,” bà Miranda đáp ngắn gọn, và đổi luôn chủ đề, đúng theo sự cầu mong của Jane, bởi bà đã lo lắng bồn chồn suốt cả mười lăm phút qua. Đứa trẻ nào ở Riverboro có thể được miêu tả là đặc biệt và có sức thu hút, nếu không phải là Rebecca? Đứa trẻ nào có đôi mắt đẹp tuyệt, trừ chính cô bé Rebecca ấy? Và cuối cùng, trên đời này có đứa trẻ nào có thể khiến người ta mua hàng trăm bánh xà phòng, nếu không phải là Rebecca kia chứ?

Trong khi đó cái đứa trẻ “đặc biệt” nọ đã phóng như bay trên đường trong ánh hoàng hôn dần tắt, nhưng cô chưa đi được bao xa thì đã nghe tiếng bước chân vội vã, và nhìn thấy một dáng hình quen thuộc hướng về phía mình. Trong phút chốc cô và Emma Jane gặp mặt và trao nhau cái ôm nghệt thở.

“Có một chuyện kinh khủng đã xảy ra,” Emma Jane thở hỗn hển.

“Đừng có nói là nó vỡ đấy nhé,” Rebecca kêu lên.

“Không! Ôi, không! Không phải thế! Nó được bọc bằng rom, và tất cả các thứ ngon lành hết; tớ đã ở đó, và tớ chưa bao giờ nói một lời nào về việc cậu bán được ba trăm bánh xà phòng để kiếm được cái đèn, để khi cậu nói thì có mặt cả hai chúng mình.”

“*Cả hai* chúng mình bán ba trăm bánh xà phòng chứ,” Rebecca chỉnh lại; “công của chúng ta như nhau mà.”

“Không, tớ có làm được gì đâu, Rebecca Randall. Tớ chỉ ngồi ngoài cổng giữ ngựa thôi.”

“Phải, nhưng ngựa của *ai* đã chở chúng ta đi Bắc Riverboro chứ? Với lại vô tình đến phiên tớ thôi mà. Nếu cậu có vào và gặp chú Aladdin thì cậu cũng sẽ nhận được cây đèn tuyệt vời ấy thôi; nhưng vấn đề là gì thế?”

“Nhà Simpson không có dầu mà cũng chẳng có bác. Tớ đoán là họ nghĩ

cây đèn bàn tiệc tự phát sáng và cháy mà không cần làm gì cả. Bập Bênh đã đến nhà bác sĩ xem có thể mượn được cái bắc không, và mẹ tớ đã cho tớ xin nửa lít dầu, nhưng mẹ nói không cho thêm nữa đâu. Chúng mình quên bég chi phí để đốt đèn đấy Rebecca.”

“Ừ, chúng mình chả nghĩ ra nhĩ, nhưng khoan hãy lo việc đó đã. Tớ có một nắm hạt hạch và nho khô cùng mấy quả táo đây.”

“Tớ có kẹo bạc hà và đường nhựa phong đây,” Emma Jane nói. “Nhà Simpson có một bữa tiệc Tạ ơn hẳn hoi rồi đấy; bác sĩ cho họ khoai lang, nam việt quất và củ cải; cha tớ gửi cho sườn lợn, còn bác Cobb cho một con gà và một lọ thịt băm.”

Vào lúc năm rưỡi chiều người ta có thể nhìn qua những ô cửa sổ nhà Simpson và thấy một bữa tiệc đang vào hồi cao trào. Bà Simpson đã tắt bếp và bế đứa bé con ra ngắm cảnh tượng linh đình nọ. Chiếc đèn là trung tâm bữa tiệc, và nó làm nhiệm vụ tiếp đón các vị khách. Lũ trẻ đã lấy chiếc bàn nhỏ trong nhà đặt vào góc xa của căn phòng. Trên đó là thứ lũ trẻ hằng ao ước, yêu thích, thờ phụng; đẹp gần bằng và to gần bằng nửa hình trong tờ quảng cáo. Đồng thau sáng lấp lánh như vàng, và chụp đèn đỏ thắm tỏa sáng như một viên ruby khổng lồ. Trong cái quầng sáng mà nó vung ra sàn nhà, anh em nhà Simpson ngồi quây quần, trong im lặng tôn lánh và trang nghiêm, Emma Jane và Rebecca tay trong tay đứng phía sau. Dường như không ai cần đến chuyện trò; cái dịp hiếm có này hồi hộp và nghiêm túc đến nỗi không thể nói chuyện được. Ai cũng cảm nhận được dù không nói ra, rằng cây đèn làm tôn lên bữa tiệc, và nó mang đến niềm hạnh phúc đủ đầy đơn giản chỉ bằng sự hiện diện của mình; nó có thua gì một chiếc đàn dương cầm hoặc một dàn nhạc dây.

“Ước gì cha được thấy nó,” Clara Belle chân thành nói.

“Nếu tha thấy thì thắc thẩn lại đem đổi mất thôi,” Susan lẩm bẩm ra vẻ hiểu sự đời.

Vào giờ đã định Rebecca miễn cưỡng rời khỏi cái cảnh tượng đẹp đẽ ấy.

“Tớ sẽ tắt đèn đi khi tớ nghĩ cậu và Emma Jane đã về đến nhà,” Clara Belle nói. “Và, ôi! Tớ rất vui vì từ nhà các cậu có thể nhìn thấy cây đèn tỏa sáng từ cửa sổ nhà tớ. Tớ không rõ nó sẽ cháy được bao lâu mà không rót thêm dầu nếu tớ chỉ đốt một tiếng mỗi tối thôi nhỉ?”

“Em không cần tắt đi chỉ vì không có dầu đâu,” Bập Bênh nói, vừa đi vào từ nhà kho, “vì có hẳn một thùng sáu mươi lít đang nằm kia kìa. Ông Tubbs mang từ Bắc Riverboro đến và bảo có người gửi thư đến đặt hàng.”

Rebecca siết chặt cánh tay Emma Jane, và Emma Jane sung sướng siết lại tay bạn. “Là chú Aladdin đấy,” Rebecca thì thầm, cả hai chạy ra cổng. Bập Bênh theo hai cô bé và hào phóng đề nghị tiễn “từng cô” một đoạn đường, nhưng Rebecca từ chối thẳng thừng đến nỗi cậu ta không dám nài ép thêm, mà mơ về cô trong giấc ngủ đêm ấy. Trong giấc mơ đó đôi mắt cô tóe lên những tia sét, và có cầm trên tay hai thanh gươm cháy bùng bùng.

Rebecca bước vào phòng ăn rất vui vẻ. Chị em nhà Bumham đã về và hai bác đang đan.

“Thật là một bữa tiệc tuyệt vời,” cô bé kêu lên, bỏ mũ và áo choàng ra.

“Quay ra xem đã đóng cửa chặt chưa, rồi khóa nó lại,” bác Miranda nói với vẻ nghiêm khắc thường thấy.

“Thật là một bữa tiệc tuyệt vời,” Rebecca quay trở vào lại nói, hồ hởi đến nỗi khó có thể bị làm cho cụt hứng, “và ôi! Bác Jane, bác Miranda, chỉ cần vào bếp nhìn qua cửa sổ chỗ bồn rửa bát thôi, các bác sẽ thấy chiếc đèn bàn tiệc tỏa sáng đỏ rực, cứ như là nhà Simpson đang bốc cháy vậy.”

“Và có lẽ chẳng bao lâu nữa thì đúng như thế đấy,” bác Miranda nhận

xét. “Ta không đủ kiên nhẫn cho mấy trò ngu ấy.”

Bác Jane đi theo Rebecca vào bếp. Mặc dù từ xa chỉ thấy được tia sáng le lói mờ nhạt chứ không rực rỡ như Rebecca tả, bác vẫn cố gắng tỏ ra hào hứng hết sức.

“Rebecca, ai đã bán ba trăm bánh xà phòng cho cậu Ladd trên Bắc Riverboro thế?”

“Cậu gì ạ?” Rebecca thốt lên.

“Cậu Ladd, ở Bắc Riverboro.”

“Đấy có phải là tên thật của chú ấy không ạ?” Rebecca hỏi lại vẻ sửng sốt. “Cháu đoán quả không tồi chút nào;” và cô bé khẽ bật cười.

“Bác hỏi cháu ai đã bán xà phòng cho Adam Ladd?” bác Jane lại hỏi.

“Adam Ladd! Vậy chú ấy cũng là A. Ladd nữa; hay thế!”

“Trả lời bác đi, Rebecca.”

“Ôi! Cháu xin lỗi, bác Jane, cháu đang mải nghĩ. Emma Jane và cháu đã bán xà phòng cho chú Ladd.”

“Cháu có nài ép hay quấy rầy để người ta phải mua không đấy?”

“Kìa, bác Jane, làm sao cháu có thể ép người lớn mua bất kỳ thứ gì nếu chú ấy không muốn cơ chứ? Chú ấy rất rất cần xà phòng để làm quà cho bác chú ấy.”

Bác Jane trông vẫn còn chưa tin lắm, tuy thế bác chỉ nói, “Bác hy vọng bác Miranda không phiền chuyện đó, nhưng cháu biết bác ấy kỹ tính thế nào đấy, Rebecca, nên bác thật sự hy vọng cháu không làm việc gì bất thường mà không hỏi bác ấy trước, vì những việc cháu làm rất là lạ.”

“Lần này chắc chắn là không có gì sai đâu ạ,” Rebecca tự tin đáp. “Emma Jane bán xà phòng cho họ hàng của bạn ấy và bác Jerry Cobb, còn cháu đầu tiên đi đến mấy khu tập thể mới gần xưởng gỗ, và rồi đến nhà

Ladd. Chú ấy mua hết chỗ chúng cháu có và bắt chúng cháu hứa giữ bí mật cho đến khi phần thưởng được gửi đến, và từ lúc ấy cháu cứ có cảm giác như chiếc đèn bàn tiệc đang thấp sáng trong cháu và cháy lên, cho tất cả mọi người nhìn thấy.”

Tóc Rebecca tuột ra rủ xuống trán thành những gợn sóng; đôi mắt cô bé sáng long lanh, đôi má đỏ hây hây; gương mặt cô phảng phất bao điều - vừa có sự đa cảm vừa có nét tinh tế lại cũng bộc lộ tâm hồn mãnh liệt; có nét dịu dàng của hoa thán năm quện lẫn cái quật cường của cây sồi non, nhưng người ta có thể dễ dàng đoán được cô là một trong

Những linh hồn thanh cao trong cốt cách,
Bị cơ hàn kéo xuống chốn tầm thường.

“Trông cháu đúng thế thật, bởi cứ như là có chiếc đèn đang cháy lên trong cháu thật ấy,” bác Jane thở dài. “Rebecca! Rebecca! Bác mong sao cháu hãy nhìn nhận mọi chuyện bằng con mắt đơn giản thôi; đôi lúc bác thấy lo sợ cho cháu vô cùng.”

CHƯƠNG XVI

Mùa trưởng thành

Tháng ngày cứ thế trôi qua; hè tan chảy thành thu và thu nhường lối cho đông. Cuộc sống ở ngôi nhà gạch đạo này đã trầm lắng hơn, bởi Rebecca đã chú tâm hơn đến công việc của mình cũng như biết giữ yên lặng hơn khi vui chơi, và cô bé dần dần hiểu ra rằng một câu trả lời nhẹ nhàng có đủ sức mạnh để triệt tiêu một cơn giận dữ.

Miranda có lẽ không còn nhiều cơ hội để nổi nóng, nhưng như thế cũng chỉ có nghĩa là bà không còn buồn năm lấy cơ hội ấy nữa.

Dù vậy cũng đã có một trận lôi đình nổ ra rất chính đáng do thói quen quá hiếu khách của Rebecca, cái thói quen sau này thậm chí còn thể hiện ở mức độ mạnh mẽ và bất ngờ hơn nữa.

Một chiều thứ Sáu nọ cô bé xin phép bác Miranda mang nửa phần bánh mì và sữa của mình lên lầu cho một người bạn.

“Lạy Chúa tôi, cô có bạn nào ở trên lầu thế hả?” bác Miranda nghiêm giọng hỏi.

“Em bé nhà Simpson ạ, em tới chơi đến Chủ nhật; đấy là nếu như bác cho phép, bác Simpson nói thế. Cháu mang em xuống cho bác xem nhé? Em bé mặc cái váy cũ của Emma Jane trông đáng yêu lắm ạ.”

“Cô có thể mang nó xuống nhưng không được để ta nhìn thấy! Cô có thể tuồn nó ra ngoài bằng đường cô lén lút cho nó vào và mang trả ngay cho mẹ nó. Thế quái nào mà cô nghĩ ra cái trò ấy hử, đi mượn một đứa bé để chơi vào ngày Chủ nhật!”

“Bác đã quá quen với một ngôi nhà không có trẻ con đến nỗi bác không biết nó tẻ nhạt đến thế nào đâu,” Rebecca thở dài về cam chịu khi quay ra cửa; “nhưng ở trang trại nhà cháu thì lúc nào cũng có một đứa bé xinh xẻo để chơi và ôm ấp. Đúng là cũng hơi nhiều trẻ con quá, nhưng như thế không tệ bằng nửa việc không có lấy một đứa nào. Thôi cháu sẽ dẫn em bé về nhà. Nó nhất định sẽ thất vọng khủng khiếp và bác Simpson cũng thế. Bác ấy đã định đi Milltown.”

“Thế thì bà ấy có thể thay đổi kế hoạch rồi đấy,” bà Miranda nhận xét.

“Hay là cháu lên đó trông em bé được không ạ?” Rebecca đề nghị. “Cháu đã mang em bé về nhà để vừa trông được em vừa làm được việc của thứ Bảy.”

“Ở nhà này cô đã có đủ việc để làm rồi, không cần phải mượn thêm một đứa trẻ về nữa cho thêm việc. Nào, đừng có mà cãi nữa, cho nó ăn tối rồi mang về trả mẹ nó đi.”

“Bác không muốn cháu đi xuống bằng cầu thang trước, hay là cháu cứ đi qua phòng này và cho bác xem em bé nhé? Em có mái tóc vàng và đôi mắt xanh! Bác Simpson nói em thừa hưởng các nét của cha nó.”

Bà Miranda cười khẩy khi nói con bé không thể thừa hưởng các nét của cha nó được, vì có gì ông ấy đều mang đi hết trước khi nó ra đời rồi!

Bác Jane đang trong phòng cất chăn ga trên lầu chọn tấm trải giường và vỏ gối sạch sẽ cho thứ Bảy tới, thì Rebecca lên tìm chút an ủi từ bác.

“Cháu mang em bé nhà Simpson về nhà, bác Jane ạ, cháu cứ nghĩ nó sẽ làm cho ngày Chủ nhật nhà mình bớt buồn tẻ, nhưng bác Miranda không cho em ở lại. Emma Jane đã hứa sẽ dẫn em về nhà bạn ấy Chủ nhật tuần sau và Alice Robinson thì Chủ nhật kế tiếp. Bác Simpson muốn cháu là người đầu tiên trông em giúp vì cháu đã có nhiều kinh nghiệm trông trẻ con rồi. Bác vào mà xem em bé ngồi trên giường cháu này, bác Jane! Trông yêu

không cơ chứ? Em bé bụ bẫm xinh xẻo chứ không gầy gò hay quấy khóc như nhiều đứa khác, và cháu cứ tưởng sẽ được thay đồ cho em ngày hai lần cơ đấy. Ôi trời! Ước gì cháu có một cuốn sách in tất cả những việc cháu được làm, và thế là cháu không phải thất vọng thường xuyên nữa.”

“Không cuốn sách nào vừa ý cháu đâu, Rebecca ạ,” bác Jane trả lời, “vì không ai có thể hình dung trước được những thứ cháu sẽ muốn làm. Cháu sẽ bế đứa bé nặng trĩch ấy về nhà ư?”

“Không, cháu sẽ cho em lên chiếc xe chở xà phòng và kéo về. Nào, bé con! Bỏ ngón tay ra khỏi miệng và đi với Becky nào.” Cô bé vươn đôi tay khỏe khoắn bế lấy đứa bé con đang bập bọ đoạn ngồi xuống ghế, dốc ngược đứa trẻ, tháo cái kim băng đã cong ở cạp váy quăng đi, rồi cắp nó (vẫn trong cái tư thế lộn ngược) đến tủ quần áo, chọn một cái kim băng lớn và ghim cái váy lót bằng vải flanel màu đỏ vào cái áo kiểu như sơ mi mà đứa bé đang mặc. Cho dù phải nằm sấp, hay lộn đầu xuống đất chân hươ lên trời, thì đứa bé nhà Simpson cũng biết chắc là mình đang nằm trong tay một chuyên gia, nên nó tiếp tục yên trí bập bọ trong khi bác Jane quan sát vở kịch không lời trước mắt trong nỗi sững sờ.

“Lạy Chúa tôi, Rebecca,” bà thốt lên, “sao cháu lại xoay sở được với lũ trẻ con tài thế nhỉ!”

“Cháu phải thế chứ ạ; cháu đã chăm cho lớn những ba đứa rưỡi rồi,” Rebecca hào hứng đáp, tay kéo đôi tất của đứa bé con nhà Simpson lên.

“Bác nghĩ cháu hẳn sẽ thích búp bê lắm nhỉ,” bác Jane nói.

“Cháu có thích, nhưng búp bê thì chẳng bao giờ thay đổi gì cả; nó lúc nào cũng là con búp bê cũ kỹ muôn thuở ấy, và mình phải giả vờ là nó bần gắt hay ốm đau, hay nó yêu mình, hoặc không chịu nổi mình. Trẻ con thật thì lắm chuyện hơn, nhưng mà thích hơn.”

Bà Jane đưa cánh tay gầy gò đeo chiếc nhẫn vàng mỏng manh ra, đứa

nhỏ liền vòng những ngón tay đầy ngón quanh ngón tay bà và nắm thật chặt.

“Bác đeo nhẫn trên ngón dành cho nhẫn đính ước phải không, bác Jane? Có bao giờ bác nghĩ là sẽ lập gia đình không ạ?”

“Có, cô bé ạ, từ lâu lắm rồi.”

“Chuyện gì đã xảy ra vậy bác?”

“Người ấy đã mất - ngay trước lúc cưới.”

“Ôi!” Đôi mắt Rebecca ngấn lệ.

“Bác ấy đi lính và mất vì trúng đạn, trong bệnh viện dưới miền Nam.”

“Ôi! Bác Jane!” tiếng Rebecca thốt lên khe khẽ. “Khi bác đang ở xa ư?”

“Không, bác đã ở bên bác ấy.”

“Bác ấy có trẻ không ạ?”

“Có; trẻ, dũng cảm và đẹp trai, Rebecca ạ; bác ấy chính là người em tên Tom của ông Carter.”

“Ôi! Cháu mừng là bác đã ở bên bác ấy! Bác ấy cũng vui lắm chứ, phải không bác Jane?”

Jane nhìn lại những năm tháng đã phôi phai, và hình ảnh hạnh phúc của Tom trở về: nụ cười phờ phạc của ông, nước mắt trong đôi mắt mệt mỏi, đôi cánh tay vươn ra, giọng nói yếu ớt của ông, “Ôi, Jenny! Jenny yêu dấu! Anh đã mong chờ em biết bao, Jenny!” Như thế đã là quá nhiều! Bà chưa bao giờ hở ra lời nào về chuyện ấy với một ai khác, bởi sẽ không ai có thể hiểu được. Giờ đây, với vẻ ngượng nghịu, và để giấu đôi mắt ngấn lệ, bà tựa đầu lên bờ vai trẻ trung bên cạnh và nói, “Chuyện đau đớn lắm, Rebecca ơi!”

Đứa bé nhà Simpson đã khoanh tròn ngủ say trong lòng Rebecca, đầu ngửa ra và miệng mút ngón tay cái say sưa. Rebecca ngả đầu dần xuống

chạm vào mái tóc muối tiêu của người bác, vừa khẽ khàng vỗ về bà vừa nói, “Bác Jane ơi, cháu rất tiếc!”

Đôi mắt cô bé dịu dàng âu yếm và trái tim trong lồng ngực cô lớn thêm một chút; lớn lên ở sự ngọt ngào, ở trực giác và ở chiều sâu cảm xúc. Nó đã nhìn thấu một trái tim khác, cảm nhận nhịp đập của nó, và lắng nghe tiếng thở dài của nó; trái tim người ta trưởng thành như thế.

Những khoảnh khắc như thế làm sinh động cuộc sống yên bình mỗi ngày, cái cuộc sống đã trầm lắng nhiều đi khi Dick Carter, Living Perkins và Huldah Meserve rời nhà đi học ở Wareham, trường chỉ còn lại một nhóm học sinh ít ỏi khi vào đông, và trong nhóm đó những đứa bé hơn đều được bố mẹ cho ở nhà suốt tiết trời giá lạnh.

Tuy nhiên, cuộc đời không bao giờ có thể toàn màu u ám tẻ nhạt hay thiếu đi phiêu lưu đối với một đứa trẻ có tính cách như Rebecca. Trong con người cô có thừa khả năng thích nghi, thay đổi, tiếp nhận. Cô bé kết bạn ở mọi nơi cô đến và phát hiện ra người quen ở tất cả mọi ngóc ngách cô qua.

Cô là người chạy ra nhà kho lấy đồ ăn cho bác bán thịt và bác bán cá; cô cũng là người biết rõ gia cảnh của mấy bác bán hoa quả và bán đồ thiếc rong; cô chính là người được mời đến ăn tối hay ngủ lại một đêm với lũ trẻ làng bên - con của những người hai bác cô còn chưa bao giờ nghe tới. Những tình bạn đối với con mắt hời hợt của người ngoài thì có vẻ như nhiều quá thế này cũng có nhiều kiểu lắm, và trong khi cô bé hào hứng say sưa theo đuổi, chúng lại để cho cô một cảm giác không thỏa mãn và thậm chí là đói khát trong tim; chúng chưa bao giờ là những mối thân tình mà cứ như thế sinh ra bởi bản tính hời hợt. Cô yêu quý Emma Jane, nhưng đó là một tình bạn nảy sinh từ sự gần gũi về khoảng cách và hoàn cảnh, chứ không thật sự nhờ sự đồng cảm. Cô yêu sự dễ gần, trung thành và hết mình của người bạn hàng xóm, và mặc dù biết trân trọng những phẩm chất này,

cô vẫn luôn kiếm tìm phẩm chất của tinh hoa trí tuệ; vẫn tìm kiếm, và chưa bao giờ thấy được, bởi vì Emma Jane dù lớn nhưng suy nghĩ vẫn còn non nớt. Huldah Meserve tính tình hóm hỉnh tự nhiên rất hấp dẫn Rebecca; cô cũng có hiểu biết đáng nể về thế giới bên ngoài, nhờ việc đến thăm các chị gái đã có gia đình ở Milltown và Portland, nhưng mặt khác cô lại có sự sắc sảo nhất định và thiếu đi tính cảm thông khiến Rebecca khó chịu hơn là thích thú. Với Dick Carter ít nhất cô có thể nói chuyện một cách trí tuệ về các bài học. Cậu ta rất có tham vọng, đầy kế hoạch cho tương lai, những kế hoạch mà cậu bàn luận rất thoải mái với Rebecca, nhưng mỗi khi cô gọi mở về chủ đề tương lai của cô thì cậu ta giảm hẳn hứng thú. Hình ảnh một thế giới có một Emma Jane, một Huldah và một Dick lý tưởng chưa bao giờ le lói, và ý thức về điều này luôn là cái hố sâu hiện hữu giữa những cô cậu đó và Rebecca.

Bác Jerry và bác Sarah Cobb là những người bạn thân thiết theo kiểu khác, một kiểu rất thú vị và có lẽ hơi mạo hiểm nữa. Mỗi cuộc viếng thăm của Rebecca luôn khiến họ riu rít sung sướng. Những câu chuyện vui vẻ của cô bé và nói chung những nhận xét lạ lùng của cô về cuộc đời khiến đôi vợ chồng già tương đối bất ngờ, hai người già ấy luôn mong chờ nghe từng lời của cô như thể những lời của nhà tiên tri; và Rebecca bị mắc phải tật lấy làm vui sướng trong việc gây kinh ngạc cho người khác, thậm chí chỉ với hai người bác già nhàm chán như hai bác Cobb, mặc dù trước đó cô chưa bao giờ như thế. Hễ thấy bóng dáng gầy nhỏ của Rebecca xuất hiện trên triền đồi là bác gái tất tả tới chạn bếp hoặc hầm trữ đồ ăn, và chắc chắn sẽ có bánh thạch hoa quả hay bánh kem mang ra cho cô bé. Và hình ảnh bác Jerry già gầy gò vận chiếc sơ mi dài tay màu trắng sạch sẽ bất kể mọi thời tiết luôn khiến trái tim Rebecca ấm lại khi cô nhìn thấy bác ngồi ngóng đợi bên cửa sổ bếp. Trước mùa tuyết rơi, rất nhiều lần bác ra ngồi trên

chồng ván ngoài cổng để xem liệu cô có đang leo lên đồi đến nhà bác chơi không. Vào mùa thu Rebecca thường làm bạn với người bác già ấy trong khi bác dỡ khoai tây hoặc bóc vỏ đậu, và giờ đây giữa mùa đông giá, khi có một chút lo công việc đó thay bác, chiều tối cô bé thỉnh thoảng vẫn ở bên xem bác vắt sữa bò. Có thể chắc chắn rằng bác là người duy nhất ở Riverboro sở hữu lòng tin tuyệt đối của Rebecca; người duy nhất mà cô có thể dốc bầu tâm sự, về vô vàn hy vọng, ước mơ, và tham vọng còn đang thành hình. Ở ngôi nhà gạch cô bé còn đang chạy gam và luyện ngón, nhưng bên chiếc phong cầm nhà bác Cobb cô bé đã hát như một chú chim, phần nhạc cô đệm đối với những thánh giả mù tịt về nhạc kia đúng là kỳ diệu quá đỗi. Ở đây cô bé được hạnh phúc, ở đây cô được yêu thương, ở đây cô được thỏa sức vượt ra khỏi chính mình, được thán phục và coi trọng. Nhưng, cô bé nghĩ, nếu có một ai đó không chỉ yêu thương mà còn hiểu được cô; người nói cùng một thứ tiếng với cô, hiểu được khao khát của cô, và đáp lại những mong đợi sâu kín của cô! Biết đâu trong thế giới rộng lớn của Wareham sẽ có những người suy nghĩ, mơ mộng và băn khoăn như cô vậy.

Thực tế Jane không hiểu được cô cháu gái nhiều hơn Miranda là mấy; nhưng sự khác biệt giữa hai chị em là, Jane tuy bối rối song lại cảm thấy thích thú, và trong khi vẫn còn phải lần tìm lời giải thích cho những hành động kỳ lạ bất thường của cô bé thì bà cũng thấy cảm thông với những lý do có khả năng đứng đằng sau đó và bà luôn tin vào những điều tốt đẹp nhất. Hơn ai hết trong ngôi nhà gạch, một sự thay đổi lớn đã đến với Jane, nhưng nó diễn ra hết sức bí mật và được che giấu vô cùng cẩn thận, người ngoài khó mà thấy được. Cuộc vốn sống thiếu vắng động lực thì giờ đây đã có. Bữa sáng không còn ở trong bếp nữa, vì nhà có ba người, cũng đáng để trải tấm khăn bàn đẹp trong phòng ăn lắm; bữa ăn cũng đầy đủ hơn hồi nhà

không có trẻ con. Buổi sáng rộn ràng hơn nhờ công tác chuẩn bị đi học của Rebecca, nào gói đồ ăn trưa, nào lời nhắc nhở mang ô, áo mưa, hay đôi ủng; rồi câu động viên khi chia tay và sự vô tình ngóng đợi cái vẫy tay cuối cùng bên cửa sổ. Bà thấy mình tự hào khi Rebecca ngày càng ưa nhìn, cái cổ và đôi má tròn trịa hơn, da dẻ hồng hào hơn. Bà thường nhắc đến mái tóc dài của Rebecca và xuýt xoa về độ mượt mà của nó vào những lúc bà Perkins trở nên khoe khoang thái quá về nước da trắng hồng của Emma Jane. Bà một lòng một dạ đứng về phía cô cháu gái khi có tranh luận về chuyện may váy bông pha len màu đỏ thắm hay màu nâu, và ra sức đấu tranh với bà chị để mua cho Rebecca một con chim đỏ dính lên cái mũ nỉ đen. Không có ai hiểu được niềm hạnh phúc âm thầm trong tim bà khi nhìn thấy mái đầu xanh của cô bé nghiêng nghiêng bên bàn học mỗi tối, cũng không thể hình dung được niềm sung sướng của bà vào những tối Miranda đi dự buổi cầu nguyện. Những khi ấy Rebecca sẽ đọc to bài thơ “Hiawatha” hay là “Barbara Frietchie”, “Tiếng kèn”, hay “Con suối”. Sự tồn tại nhỏ bé khiêm nhường của bà bung nở nhờ những giọt sương rơi xuống từ tâm hồn trong trẻo kia; nỗi u ám của bà bừng sáng nhờ trái tim non trẻ kia rọi vào, cháy lên nhờ “tia sáng truyền sự sống của ngọn lửa thiên đường” dường như luôn phát ra từ Rebecca.

Ý muốn trở thành hoạ sĩ như cô Ross của Rebecca dần phai nhạt đi, do việc tìm kiếm người hướng dẫn là khó khăn không thể nào khắc phục được. Bác Miranda thấy việc nuôi dưỡng khiếu tài năng đó thật chẳng khôn ngoan gì và cũng không thể hiểu nổi cái nghề đó thì làm sao kiếm ra được tiền. Dân Riverboro chẳng mấy ai đánh giá cao “tranh vẽ tay”, trong khi những tác phẩm khắc crôm vui nhộn và khắc thép đầy tính tôn nghiêm rất được coi trọng và có giá. Có một chút hy vọng, rất ít thôi, là Rebecca có thể được học nhạc với cô Morton, người chơi phong cầm ở nhà thờ, nhưng

chuyện này phụ thuộc hoàn toàn vào việc mẹ cô Morton có đồng ý nhận cái máng cỏ khô làm tiền công một năm dạy nhạc của con gái hay không. Bà đã suy nghĩ kỹ về lời đề nghị ấy, nhưng còn chưa quyết định vì chút bản khoăn không biết sẽ đem bán hay cho thuê cánh đồng cỏ khô của nhà. Âm nhạc, cũng như các môn năng khiếu khác, bị bà Miranda cho là trò giải trí phù phiếm, vô dụng và ngu ngốc. Dù vậy bà cũng cho phép Rebecca tập một giờ mỗi ngày với cây dương cầm cũ, và thêm một ít thời gian cho việc học nữa, nếu bác Jane có thể chắc chắn là không phải trả bằng tiền mặt.

Tin tức từ trang trại Suối Năng tốt hơn bao giờ hết. Chồng bác Ann đã mất và John, cậu em trai yêu quý nhất của Rebecca, đã tới nhà bác để làm trụ cột trong nhà. Cậu sẽ được học hành cẩn thận nếu chịu khó coi sóc đàn ngựa, bò, chuồng gia súc, và hơn cả là được sử dụng thư viện y khoa có tới hơn ba chục cuốn của người bác sĩ đã mất. Trái tim John đã hướng trọn về mơ ước được làm bác sĩ vùng quê, và được Rebecca giúp trông nom việc nhà, viễn cảnh ấy chân thực và gần gũi đến nỗi cậu đã có thể hình dung ra chú ngựa của mình đang lặn lội trong tuyết trong những chuyến thăm bệnh, hay, bớt gay gắt hơn nhưng không kém phần hấp dẫn, là hình ảnh chiếc xe bác sĩ gợn gàng lóc cóc trên con đường quê phủ bóng mát, hòm thuốc để giữa hai chân cậu, bác sĩ Randall, và cô Rebecca Randall mặc váy lụa đen ngồi bên cạnh.

Hannah giờ đã búi tóc cao sau đầu và mặc váy dài qua mắt cá chân một chút, tất cả cũng chỉ vì cô đã cao lên nhiều. Mark bị gãy xương đòn, nhưng nó đang lành lại khá nhanh. Mira bé bỏng ngày một xinh xắn. Người ta còn đồn dự án đường xe lửa chạy từ Temperance đến Plumville có thể chạy qua gần trang trại nhà Randall, nếu đúng như vậy thì đất sẽ từ không đáng đồng cắc trở nên có giá. Bà Randall từ chối xem xét bất cứ khả năng cải thiện kinh tế nào cho gia đình. Chuyên chú làm việc từ rạng sáng tới mờ tối để

đổi lấy cuộc sống tối thiểu cho con cái, bà sống bằng tương lai của chúng, không phải hiện tại của mình, như những người mẹ vẫn luôn làm khi số phận họ gặp nhiều trắc trở và muộn phiền.

CHƯƠNG XVII

Ngày u ám và ngày vàng son

Một hai năm sau buổi tiệc Tạ ơn nhà Simpson, Rebecca nhìn lại và chỉ thấy những mốc đáng nhớ nổi bật lên giữa những tháng ngày trôi đi lặng lẽ ấy.

Mốc đầu tiên là ngày Giáng Sinh. Đó là một bình minh tươi mới long lanh, những dải băng buông xuống từ cành cây như những dải hoa tai đẹp lung linh, và một lớp men xanh nhạt phủ trên mặt tuyết. Chuông ngựa màu đỏ nhà Simpson nổi bật lên một khối màu rực rỡ trên nền tuyết trắng. Từ mấy tuần trước đó Rebecca đã bận rộn chuẩn bị quà Giáng Sinh cho bảy người ở trang trại Suối Năng, một công việc có phần khó khăn với lượng ngân quỹ năm mươi xu ít ỏi nhờ công sức tiết kiệm vô cùng vất vả. Tuy nhiên, cuối cùng cô bé cũng thành công, và bọc quà quý giá đã được gửi qua đường bưu điện hai ngày trước đó. Bà Sawyer mua tặng cháu gái bộ bao tay và khăn choàng màu xám lông sóc, những thứ trông có khi còn chán hơn cả những đồ phục trang Rebecca đã có; còn bác Jane thì may cho cô bé một chiếc váy đẹp nhất trần đời bằng len cashmere màu xanh lá cây, một màu xanh rất, rất nhẹ như lá non. Chiếc váy đơn giản, nhưng màu sắc của nó thật tươi vui. Rồi mẹ còn gửi cho cô bé một chiếc cổ áo đăng ten rất xinh, bác Cobb gái thì tặng cô đôi bao tay màu đỏ tươi, còn quà của Emma Jane là một chiếc khăn tay.

Về phần Rebecca, cô bé đã tự thiết kế một chiếc áo bọc tách trà cầu kỳ thêu chữ M, và một chiếc gối giặt kim có diềm xếp nếp thêu chữ J, để tặng

hai bác, tổng thể cả ngày hôm ấy rõ ràng đã là một thành công lớn, nếu như không có gì xảy ra. Nhưng rồi lại có chuyện xảy ra.

Vào giữa bữa sáng nhà có người gõ cửa. Rebecca ra mở cửa, một cậu bé hỏi cô rằng có phải cô Rebecca Randall sống ở đó không. Khi cô xác nhận, cậu ta đưa cho cô một gói đề tên cô, và cô cầm lấy nó như một đồ vật trong giấc mơ đoạn trở lại phòng ăn.

“Chắc chắn là quà rồi; chắc chắn rồi,” cô kêu lên, vẫn còn vẻ bàng hoàng; “nhưng cháu không nghĩ ra ai gửi.”

“Muốn biết thì tốt nhất là mở ra mà xem,” bác Miranda bảo.

Rebecca mở ra, thấy bên trong có hai gói nhỏ. Cô run run mở tiếp gói đề tên mình. Khi ấy ai mà không run được chứ! Trong đó là một cái hộp, khi mở nắp ra, bên trong là một vòng san hô màu hồng - cuối chiếc vòng có một hình thánh giá tạo nên từ những nụ hồng bằng san hô. Một tấm thiệp viết “Chúc Giáng Sinh an lành - Chú Aladdin” nằm bên dưới thánh giá.

“Chao ôi!” hai người bác đứng bật dậy thốt lên. “Ai gửi thế?”

“Ông Ladd ạ,” Rebecca nói lí nhí.

“Adam Ladd! Thật không thể tin được! Chị có nhớ Ellen Bumham nói anh ta sẽ gửi cho Rebecca một món quà Giáng Sinh không? Nhưng em không thể tin được là anh ta vẫn nhớ chuyện đó,” bác Jane nói. “Thế còn cái gói kia?”

Trong hộp còn lại là chiếc vòng bạc có trái tim để lồng ảnh phủ men màu xanh biển, đề tặng Emma Jane. Chu đáo quá - ông ấy nhớ đến cả hai cô! Còn có cả một lá thư nữa, rằng:

“THÂN GỬI CÔ REBECCA ROWENA - Tôi quan niệm quà Giáng Sinh phải là món quà không mang tính thực dụng và thiết yếu. Khi tặng những món quà như thế tôi thấy mọi người bao giờ cũng thích, thế nên tôi hy vọng hai cô cũng vừa lòng. Chiều

nay tôi sẽ đánh chiếc xe trượt tuyết mới đến đón hai cô đi dạo nên mong cô hãy đeo chiếc vòng để tôi được nhìn thấy nó trên cổ cô. Bác tôi rất thích chỗ xà phòng ấy. Bạn của cô,

ADAM LADD

“Chà chà!” bác Jane thốt lên, “có tốt bụng không cơ chứ? Lyddy Bumham bảo anh ta thích trẻ con lắm mà. Nào, giờ thì ăn sáng đi thôi, Rebecca, sau khi dọn dẹp bát đĩa xong cháu có thể sang nhà Emma đưa quà cho bạn ấy. Có chuyện gì thế, con gái?”

Các cung bậc cảm xúc của Rebecca dường như luôn được cất trong những ngăn thông với nhau, nên chúng thường xuyên bị trộn lẫn. Vào lúc này, mặc dù niềm vui sướng của cô lớn lao không lời nào diễn tả được, miếng bánh mì bơ lại suýt làm cô nghẹn, và chốc chốc một giọt nước mắt len lén lăn trên má cô.

Ladd đến như đã hẹn, anh chào hỏi hai bác, chỉ sau năm phút là đã như quen biết hàng bao nhiêu năm. Rebecca lặng lẽ ngồi trên ghế đầu gần lò sưởi thoáng chút ngượng ngịu. Ý thức về những thứ đẹp đẽ mình đang mang trên người và sự có mặt của bác Miranda làm cô bé không thể thốt nổi lời nào. Đây là một trong những “ngày tươi đẹp” của cô. Niềm hạnh phúc, sự hồ hởi, sắc xanh của chiếc váy và sự điểm tô của chiếc vòng san hô hồng đáng yêu, tất cả đã biến con chim hồng tước bé nhỏ màu nâu thành một chú chim rực rỡ, và Adam Ladd ngắm cô bé với sự hài lòng ra mặt. Sau đó là chuyến đi dạo trên xe trượt tuyết. Trong chuyến đi ấy cô bé đã lấy lại được tinh thần và hót như khướu, kết thúc một ngày Giáng Sinh huy hoàng. Suốt nhiều đêm sau đó Rebecca đi ngủ mà tay luôn đặt lên chiếc vòng san hô quý giá dưới gối để chắc chắn nó được an toàn.

Một mốc đáng nhớ khác là sự ra đi của nhà Simpson, cùng đủ các loại hành lý, chiếc đèn bàn tiệc là món đồ nổi bật nhất. Thật dễ chịu khi không

còn phải thấy Bập Bênh đáng ghét; nhưng ngoài điều đó ra thì việc mất đi cùng một lúc mấy người bạn khiến “nhóm trẻ” của Riverboro hổng mất một lỗ lớn, và Rebecca bắt buộc phải làm thân với đứa bé nhà Robinson, cũng là đứa còn ẵm ngửa duy nhất trong làng mùa đông năm ấy. Cậu Bập Bênh si tình còn gọi cô ở cửa bên hông nhà vào đêm trước hôm đi. Khi Rebecca mở cửa, cậu ta đã lắp bắp một cách rất nghiêm túc, “Tớ c...có thể làm b... bạn với cậu khi cậu l...l... lớn được không?”

“Chắc chắn là *không*,” Rebecca trả lời và đóng sập cửa lại trước mũi cậu chàng yêu sớm.

Ông Simpson về vừa đúng lúc để chuyển nhà cửa vợ con về vùng đất chôn nhau cắt rốn không chút hồ hởi dang tay chào đón họ. Nhà Simpson ra đi dưới sự giám sát của giới chức trách trong làng và vẻ quan sát lo lắng của tất cả dân làng. Dù họ đã rất cẩn trọng, một cái ghế của mục sư, mấy cây đèn dầu và một cái bếp lò nhỏ trong nhà thờ vẫn biến mất và được đổi chác thành công trong chuyến đi của ông Simpson từ nhà cũ sang nhà mới. Rebecca yà Emma Jane đã buồn rầu rất nhiều khi biết ngôi làng nọ, trước ngón nghề của ông Abner Simpson và thông qua một vị mục sư trẻ nhiều tham vọng, đã kiếm chác được một chiếc đèn bàn tiệc tuyệt đẹp để trang trí phòng khách nhà thờ. Chuyện này không dùng đến một đồng cắc nào; bởi vị mục sư nọ đã đổi một chiếc xe đạp cũ để lấy chiếc đèn đó. Điều dễ chịu duy nhất trong chuyện này là ông Simpson, vì không thể an ủi được lũ trẻ trước sự mất mát món đồ yêu quý ấy, đã leo lên xe đạp đi mất dạng suốt nhiều ngày sau đó.

Năm ấy còn đáng nhớ ở việc Rebecca chột lớn bỗng lên như măng mọc. Cô bé dường như không lớn thêm một li nào từ hồi mười tuổi, nhưng một khi bắt đầu lớn, cô ra sức cho việc đó như vẫn ra sức trong tất cả những việc khác - với nguồn năng lượng lớn đến nỗi bác Jane, trong suốt nhiều

ngày tháng, chẳng làm gì khác ngoài việc nối dài váy áo và nói vòng eo cho cô. Cuối cùng thì dù bác Jane có sử dụng biết bao nhiêu phương cách của một phụ nữ tảo tiện vùng New England, việc nói thả cũng có giới hạn của nó, và thế là các loại váy áo được gửi về trang trại Suối Năng để sửa thành đồ cho Jenny.

Còn có một mốc lớn nữa, một mốc rất đáng buồn, đánh dấu bằng ngôi mộ nhỏ dưới một cây liễu ở trang trại Suối Năng. Mira, đứa con nhỏ nhất của gia đình Randall, đã mất. Dịp ấy Rebecca về thăm nhà hai tuần. Cảnh tượng hình hài bé nhỏ bất động từng là em Mira, đứa bé thuộc trách nhiệm chăm sóc đặc biệt của cô từ khi mới sinh, gợi ra cho cô biết bao điều suy ngẫm và kinh ngạc; bởi đôi khi, bí ẩn của chết chóc lại có thể thức tỉnh ta về những bí ẩn còn lớn lao hơn của sự sống.

Đó là một chuyến trở về đau buồn đối với Rebecca. Cái chết của Mira, sự vắng mặt của John - người đồng chí đặc biệt của cô - nỗi buồn của mẹ, sự cô độc của ngôi nhà nhỏ, tiền bạc eo hẹp, tất cả dồn lại khiến một đứa trẻ nhạy cảm với cái đẹp và sự hài hòa như Rebecca trở nên phiền muộn.

Hannah dường như đã trở thành phụ nữ trong khoảng thời gian Rebecca đi vắng. Phong thái của cô trước nay vốn đã lạ lùng bởi không có nét trẻ thơ nào, nhưng giờ đây từ nhiều góc Hannah trông còn già hơn cả bác Jane nữa - điềm tĩnh hơn, và chúi chấn hơn. Cô xinh xắn, dù theo một cách nhạt nhòa; xinh xắn và tháo vát.

Rebecca dạo qua những sân chơi cũ, những chốn yêu thích của tuổi thơ mình; tất cả những nơi thân thương và bí mật; có chỗ John cũng biết, và có chỗ chỉ mình cô biết. Có một chỗ là nơi cây hà hồ mọc đầy; một chỗ đất ẩm, nơi long đóm từng nở những bông hoa to nhất và xanh nhất; cây phong đá nơi cô tìm thấy tổ chim vàng anh; bờ rào nơi lũ chuột đồng làm tổ; gốc cây mục đầy rêu mà lũ nấm độc trắng sinh sôi như có phù phép; cái lỗ ở

gốc thông già là nhà của một con cóc già đáng kính; đây là những chốn đầy kỷ niệm của tuổi thơ cô bé, và cô nhìn lại chúng như từ một khoảng cách không gì đo được. Con suối nhỏ đầy nắng đáng yêu, người bạn thân thiết nhất của cô sau John, cũng thật ủ ê vào mùa này. Không có dòng nước nào lung linh khúc khích trong nắng. Vào mùa hè dòng nước tươi vui đã nhảy nhót trên những viên sỏi trắng trên đường chu du đến những hồ sâu nơi nó có thể dừng lại nghỉ ngơi và suy ngẫm. Giờ đây, cũng như em Mira, nó lạnh lẽo và im lặng, bọc trong tấm vải liệm bằng tuyết; nhưng Rebecca vẫn quỳ xuống bên bờ suối, áp tai vào bề mặt đóng băng, tưởng tượng rằng, ở nơi từng là nơi sâu nhất của con suối, cô có thể nghe một tiếng róc rách rất nhỏ, rất khẽ thôi. Cũng có sao đâu! Rồi Suối Nắng sẽ lại hát ca vào mùa xuân; và có khi Mira cũng sẽ lú lo ở nơi nào đó - cô chỉ không rõ là ở đâu và bằng cách nào.

Trong những chuyên đi dạo đơn độc ấy, cô chỉ nghĩ về một chuyện duy nhất. Hannah chưa bao giờ có một cơ hội; chưa bao giờ thoát ra khỏi công việc ngày ngày của gia đình và trang trại. Chính cô, Rebecca, bấy lâu nay mới là kẻ hưởng mọi điều tốt đẹp. Cuộc sống ở ngôi nhà gạch chắc chắn không phải con đường trải thảm hoa hồng, nhưng còn có nhiều niềm an ủi, có bạn bè và có cơ hội học hành, sách vở. Bản thân Riverboro không phải là cả thế giới, nhưng nó cho người ta nhìn thấy một phần của thế giới và chắc chắn như thế tốt đẹp hơn rất nhiều so với việc không thấy gì. Rebecca đã rơi nước mắt nhiều hơn một lần trước khi cô có thể tự tin đưa ra lời đề nghị hy sinh cái cơ hội mà hơn ai hết, có cũng khao khát cho riêng mình. Thế rồi một sớm nọ khi chuyển thăm nhà gần kết thúc, cô thẳng thắn lên tiếng đề cập đến vấn đề ấy, “Chị Hannah, hết kỳ này em sẽ ở nhà và để chị đến nhà các bác. Bác Miranda vẫn luôn muốn có chị, và bây giờ đến lượt chị mới là công bằng.”

Hannah đang mạng tất, cô đan nốt mũi đan cuối, cắt chỉ, rồi mới trả lời, “Cảm ơn em, nhưng không đâu, Becky ạ. Mẹ không xoay nổi nếu không có chị, mà chị cũng ghét đi học. Chị có thể đọc, viết và làm tính như bất kỳ ai rồi, thế là đủ. Chị thà chết chứ không theo nghề dạy học đâu. Mùa đông sẽ qua nhanh, vì Will Melville sẽ cho chị mượn cái máy khâu của mẹ anh ấy, và chị sẽ may áo lót trắng từ tấm vải mút xơ lin bác Jane gửi cho, may gấp gấu lên cho chắc chắn nữa. Rồi còn có trường nhạc và hội nhóm ở Temperance sau lễ Năm mới nữa, và giờ đây chị lớn rồi nên sẽ có nhiều thứ vui chơi hơn. Chị không cô đơn đâu, Becky,” Hannah kết lại với hai má đỏ bừng, “Chị yêu nơi này.”

Rebecca hiểu rằng chị đang nói thật, nhưng cô không hiểu cái đỏ mặt ấy mãi cho đến một hai năm sau này.

CHƯƠNG XVIII

Rebecca thay mặt gia đình

Vẫn còn một dấu mốc nữa; có khi còn hơn thế, đó là một “sự kiện”; một sự kiện gây ấn tượng sâu sắc suốt nhiều quý sau đó và kéo theo nó một chuỗi các sự kiện nhỏ. Đó là việc Đức cha Amos Burch và vợ đến Riverboro sau chuyến truyền giáo ở Syria về.

Hội Thiện nguyện tổ chức một cuộc gặp gỡ vào một thứ Tư trong tháng Ba cái năm Rebecca kết thúc kỳ học ở Riverboro để đi học ở Wareham. Đó là một ngày rét căm căm gió buốt, tuyết phủ trắng và còn báo hiệu tiếp tục rơi. Cả Miranda và Jane đều bị cảm nên quyết định không ra khỏi nhà giữa thời tiết ấy, và việc không thực hiện được nghĩa vụ của mình khiến Miranda lo lắng, bởi bà là một trong những người đứng đầu hội. Sau khi khiến bữa sáng trở nên tồi tệ và than vãn rằng Jane không nên cứ đòi ốm đúng lúc mình ốm, Miranda quyết rằng Rebecca phải thay hai bà đến buổi gặp mặt. “Rebecca, có cô đến vẫn còn hơn không có ai cả,” bà bác vuốt ve; “bác Jane sẽ viết thư xin phép cho cô nghỉ học buổi chiều, cô có thể đi ủng và về nhà bằng lối nhà thờ. Ông Burch này, nếu ta không nhầm, là chỗ quen biết với ông ngoại Sawyer của cô, và đã ở đây một lần khi ông ấy vẫn còn đang tranh cử. Có thể ông ấy sẽ tìm người nhà ta ở cuộc gặp mặt, thế nên cô phải đi đại diện cho gia đình ta, gửi lời thăm hỏi của chúng ta tới ông ấy nữa. Cư xử cho cẩn thận đấy. Khi cầu nguyện phải cúi đầu; phải hát đủ các bài thánh ca, nhưng không được hát quá to và quá lộ liễu; nhớ hỏi thăm sức khỏe con trai bà Strout; nhớ nói cho mọi người biết chúng ta cảm

lạnh không đi được; nếu thấy thuận tiện thì nhớ lấy khăn tay lau bụi trên cây đàn trước buổi gặp mặt; và lấy hai mươi nhăm xu trong cái hộp diêm ngoài phòng khách vì khéo lại có kêu gọi quyên góp.”

Rebecca đồng ý ngay. Cô bé quan tâm đến mọi thứ, cho dù đó là một buổi truyền giáo của làng, và cái ý tưởng được thay mặt cả gia đình thật hấp dẫn biết bao.

Buổi giảng diễn ra trong phòng học trường Giáo lý, và dù Đức cha Burch đã ở trên bục khi Rebecca bước vào, cũng chỉ có khoảng hơn mười người dự. Cảm thấy hơi ngượng ngùng và quá nhỏ tuổi so với mọi người ở buổi gặp gỡ này, cô vội tìm kiếm một gương mặt thân quen. Khi nhìn thấy bà Robinson ở một ghế bên gần hàng đầu, cô bé liền bước lên ngồi cạnh bà.

“Cả hai bác cháu đều bị cảm nặng,” cô bé khẽ nói, “hai bác cử cháu đến đại diện.”

“Bà Burch và chồng trên bục kia,” bà Robinson thì thầm. “Bà ấy da ngăm đi nhiều nhi? Nếu muốn cứu rỗi các linh hồn, chắc người ta phải quên đi sắc đẹp của mình thôi. Eudoxy Morton vẫn chưa đến; mong là cô ấy sẽ đến, nếu không thì bà vợ viên trợ tế Milliken sẽ bắt nhịp cao đến nỗi có leo thang chúng ta cũng chẳng hát nổi; cháu có bắt nhịp trước khi cô ấy lấy được hơi và hăng giọng xong không?”

Bà Burch có thân hình nhỏ nhắn, mảnh dẻ, yếu đuối, với mái tóc sẫm màu, một vầng trán thấp mà rộng và một khuôn miệng nhẵn nạy. Bà mặc bộ váy lụa đen đã cũ, và trông vẻ mệt mỏi khiến Rebecca không khỏi động lòng.

“Nhà họ nghèo rớt mồng tơi,” bà Robinson thì thầm, “nhưng nếu có ai biếu họ thứ gì, họ sẽ mang ngay ra cho những kẻ ngoại đạo. Giáo đoàn rộng lớn cho đến tận Parsonsfield của ông ấy đã gom góp lại tặng cái đồng hồ đeo tay bằng vàng ông ấy đang đeo kia kìa; ta đồn là ông ấy cũng đã đem

cho ngay, nếu không phải vì lũ ngoại đạo chỉ xem giờ bằng cách nhìn mặt trời. Eudoxy không đến rồi; nào vì tất cả mọi người, Rebecca, cháu phải lên trước bà vợ viên trợ tế Milliken mà bắt nhịp thấp thôi nhé.”

Buổi lễ bắt đầu bằng bài cầu nguyện và rồi Đức cha Burch xướng lễ theo điệu Mendon, rằng:

Giáo hội Chúa ta! Hồi sinh và tỏa sáng,
Rạng ngời ánh chân lý thiêng liêng;
Để soi rọi nơi nơi ánh hào quang,
Vươn tới tất cả thế gian.

Nào ngoại đạo nào chúa vua cũng sẽ được,
Soi sáng và cảm phục cùng yêu thương;
Họ tới như mây trôi khắp trời,
Như cánh bồ câu tới bên cửa sổ.

“Có ai ở đây giúp chơi đàn được không nhỉ?” ông bất chợt hỏi.

Tất cả mọi người nhìn nhau, và không ai nhúc nhích; thế rồi một giọng thân tình từ góc xa vọng lại, “Rebecca, cháu chơi được đấy nhỉ?” Đó là tiếng bác Cobb gái. Rebecca có thể chơi được điệu Mendon kể cả trong bóng tối kia mà, thế là cô bé bước đến bên cây đàn và chơi chẳng khó khăn gì, bởi không một ai trong gia đình có mặt để cô phải ngại.

Bài giảng sau đó cũng không khác bình thường là mấy. Đức cha Burch thỉnh cầu tha thiết việc truyền giảng kinh Phúc Âm, ông còn khẩn cầu thêm rằng những người không thể trực tiếp gặp gỡ những đối tượng còn ở trong tà tối phải đóng góp hết sức mình cho những người có thể làm được việc

đó. Nhưng ông còn làm được hơn thế. Ông nói chuyện chân thành và dễ chịu, xen cài bài giảng của mình với những câu chuyện cuộc sống ở chốn xa xôi kia - về cung cách, tập quán, nói năng, quan điểm; thậm chí cả một chút giới thiệu về cuộc sống thường nhật, nhiệm vụ chung, về gia đình của chính ông, công việc của người trợ tá tận tụy của ông và bảy con của họ, tất cả lũ trẻ ấy được sinh ra dưới bầu trời Syria.

Rebecca ngồi lắng nghe như bị mê hoặc trước một thế giới lạ lẫm khác đang mở ra trước mắt. Riverboro mờ đi; căn phòng học trường Giáo lý, tấm khăn choàng ca rô màu đỏ của bà Robinson, bộ tóc giả của bà Milliken xoắn tít, những hàng ghế trơ trọi và những cuốn thánh ca sờn cũ, những bản đồ và bài học treo trên tường không còn thấy rõ nữa, và cô bé nhìn thấy trời xanh cùng những ngôi sao chói sáng, những chiếc khăn xếp màu trắng và màu sắc tươi vui; ông Burch không kể, nhưng có lẽ còn có cả những nhà thờ đạo Hồi, thánh thất và tháp nhà thờ cùng những cây chà là. Chúng còn biết cả những chuyện gì nữa, những đứa trẻ sinh ra dưới bầu trời Syria ấy! Rồi cô lại được gọi lên đọc bài “Chúa Giê Su ngự trị nơi có ánh mặt trời”.

Chiếc hộp quyền góp được chuyển đi và Đức cha Burch cầu nguyện. Khi mở mắt ra để hát bài ca cuối cùng, ông nhìn số người ít ỏi ở đó, nhìn những đồng xu lác đác trong chiếc hộp quyền góp, và ngẫm nghĩ rằng sứ mệnh của mình không chỉ là quyền góp xây nhà thờ, mà còn là gìn giữ tình yêu đối với mục đích sống là niềm tin cho những năm tháng tương lai ở những vùng xa xôi hẻo lánh này.

“Nếu như trong số các bà các chị đây có ai hảo tâm mở vòng tay,” ông nói, “thì bà Burch và tôi đây sẽ ở lại tối nay và ngày mai. Nếu được vậy chúng tôi sẽ tổ chức một buổi gặp gỡ tại tư gia. Vợ tôi và một trong số lũ trẻ sẽ mặc trang phục truyền thống, chúng tôi sẽ trưng bày một số mẫu thủ công của Syria, và chúng tôi sẽ kể về phương pháp giáo dục con trẻ. Cuộc

gặp gỡ thân mật này cho phép sự trao đổi gần gũi, đây thường là cách tạo sự quan tâm đối với những đối tượng không thường dự lễ ở nhà thờ. Vậy nên tôi nhắc lại, nếu có ai trong giáo đoàn hôm nay có lòng hảo tâm cho chúng tôi ngụ lại thì chúng tôi sẽ rất vui mừng ở lại trò chuyện thêm về công việc của Chúa.”

Im lặng bao phủ căn phòng. Cũng dễ hiểu tại sao “các bà các chị” ở đây không có nhã ý đón tiếp cho lắm. Người thì không đủ chỗ, người thì nhà đang lúc thiếu thốn cái ăn, người lại đang chăm người nhà ốm đau, rồi người thì lại “trộn chung vào một ỗ nhốn nháo với những kẻ ngoại đạo” không ưa gì các mục sư xa lạ. Đôi tay gầy guộc của bà Burch lúng túng lần vải váy. “Không có ai lên tiếng hay sao?” Rebecca nghĩ thầm, trái tim cô bé rưng rưng thương cảm. Bà Robinson nghiêng sang và thì thầm với vẻ trầm trọng, “Các vị truyền giáo trước đây thường được tiếp đãi ở nhà gạch đấy; hồi còn sống ông cháu không bao giờ chịu để họ ngủ lại ở nhà khác đâu.” Bà ta nói vậy là nhắm thẳng vào cái tính bủn xỉn của bác Miranda, bởi bà biết ngôi nhà gạch có bốn phòng trống không luôn đóng cửa suốt từ tháng Giêng đến tháng Chạp; nhưng Rebecca thì nghĩ đó là một lời gợi ý. Nếu đó đã là lẽ, có thể các bác sẽ muốn cô làm điều nên làm; vì nếu không thì việc cô đại diện cho gia đình nghĩa là thế nào? Thế là, mừng rỡ khi thấy trách nhiệm của mình đã được vạch đường thật rõ ràng, cô bé đứng dậy và cất giọng dễ thương, cung cách duyên dáng và chín chắn rất khác các bạn đồng lứa, “Hai bác của cháu, bác Miranda và bác Jane Sawyer, sẽ rất hân hạnh được đón tiếp gia đình ông ở ngôi nhà gạch, bởi các vị mục sư trước đây vẫn thường lui tới khi ông ngoại cháu còn sống ạ. Các bác gửi lời chào trân trọng tới ông qua cháu đây.” “Lời chào trân trọng” ấy thành ra lớn lao chẳng khác nào tự do của thành phố hay một pho tượng kỳ mã khi được gửi với cung cách này, và có lẽ các bác sẽ phát rùng mình nếu biết cô cháu gái

như thế; nhưng các khán giả ở đây thì ấn tượng rất mạnh, ai mà ngờ được bà Miranda lại sắp lên thiên đường cơ chứ, nếu không thì cái gì có thể giải thích nổi sự thay đổi chóng mặt này của bà?

Ông Burch cúi đầu rất lịch sự chấp nhận lời mời cũng với cái cung cách ấy, rồi đề nghị viên trợ tế Milliken xướng lời cầu nguyện.

Nếu như tai Chúa trời có lúc mỗi mệ, thì nó đã được nghỉ ngơi rất lâu trước khi lắng nghe trợ tế Milliken, người đã mang lời nguyện cầu hầu như không thay đổi suốt bốn mươi năm qua đến ngai ân sủng. Bà Perkins là người nối tiếp; bà luôn có sẵn một vài lời cầu nguyện chân thành và tốt đẹp, nhưng lại có phần khô cứng và rời rạc, được kết hợp cầu kỳ từ những đoạn trong Kinh Thánh. Rebecca luôn băn khoăn vì sao bà hay kết thúc ở những lúc thanh bình nhất bằng câu, “Hãy ở bên chúng con, hỡi vị thần Tranh đấu, khi chúng con đang bước tới tương lai như những chiến sĩ Cơ Đốc”; nhưng vào lúc này đối với cô mọi thứ nghe đều chân thực hết. Cô bé đang mang một tâm thế mộ đạo, và rất nhiều điều ông Burch nói khiến cô xúc động đến kỳ lạ. Khi cô bé ngẩng đầu lên, vị mục sư nhìn thẳng vào cô và hỏi, “Người chị em trẻ tuổi có thể cầu nguyện để kết thúc buổi lễ của chúng ta chứ?”

Mọi mạch máu trong người Rebecca như đông lại và trái tim cô bé như ngừng đập. Hơi thở hồi hộp của bác Cobb gái nghe rõ mồn một giữa không gian im ắng. Lời mời của ông Burch thật ra không có gì đặc biệt cả. Trong những chuyến du hành tới các giáo đoàn ở mọi vùng quê, ông thường xuyên gặp các con chiên trẻ tuổi “thấm nhuần tư tưởng tôn giáo” cũng như tham gia các hoạt động của nhà thờ từ khi chín mười tuổi. Rebecca lúc này đã mười ba, cô bé đã chơi đàn, đã quần ca, đã truyền đạt lời mời của các bác với phong thái lịch duyệt chín chắn, và cha xứ, sau khi kết luận rằng cô hẳn phải là một thành viên trụ cột của nhà thờ, đã mời cô một cách rất tự

nhien.

Hoàn cảnh của Rebecca lúc này thật đáng thương. Làm sao cô bé từ chối được đây; làm sao cô có thể giải thích được rằng cô không phải là “thành viên của giáo hội”; làm sao cô có thể cầu nguyện trước các bà lớn tuổi xung quanh đây! Thầy tu John Rogers trên cọc thiêu cũng không thể khốn khổ hơn đứa trẻ tội nghiệp đang từ từ đứng dậy mà quên mất rằng phụ nữ ngồi cầu nguyện, chỉ có người trợ tế đứng mà thôi. Tâm trí cô bé đã biến thành một mê cung những hình ảnh mà Đức cha Burch vẽ ra. Cô bé biết cách diễn đạt thông thường; tất nhiên, có đứa trẻ nào ở New England mà không biết khi nó đã quen dự các buổi lễ tối thứ Tư? Nhưng những lời cầu nguyện bí mật của cô bé thì khác. Tuy vậy, cô vẫn chậm chạp và run run bắt đầu:

“Người Cha của tất cả chúng ta trên thiên đường... Người là Chúa trời ở Syria và cả ở Maine đây;... hôm nay ở đó là trời xanh sao vàng và mặt trời nóng bỏng... những ngọn cây lớn khỏe vẫy gọi trong nắng ấm, khi ở đây là tuyết phủ dày dưới chân chúng ta... nhưng Chúa có thể đến mọi nơi bất kể gần xa, và Người ở đây bên chúng ta cũng như Người ở bên những anh em nơi xa ấy... tâm trí chúng ta hướng về Người ‘như những cánh bồ câu tới bên cửa sổ’...”

Chúng ta không thể đều là người truyền giáo, cảm hóa con dân Đức Chúa... vẫn còn những người trong chúng ta chưa biết hướng thiện, nhưng nếu con dân phải hướng tới Nước Trời và phụng ý muốn Người ở đây dưới đất này cũng như trên thiên đường, tất cả chúng ta phải cố gắng, tất cả chúng ta phải chung tay giúp đỡ... những ai già yếu và những ai còn trẻ khỏe... Những đứa trẻ chúng ta đã nghe kể, những đứa trẻ sinh ra dưới bầu trời Syria, có trách nhiệm lạ lùng và thú vị trước Người, và một vài người trong chúng ta sẽ muốn chu du tới những vùng miền viễn để làm những

điều dũng cảm tuyệt vời cho những người ngoại đạo và khéo léo lấy đi tượng thần gỗ đá của họ. Nhưng có lẽ chúng ta phải ở ngay chính nơi này để làm việc cần làm... đôi khi có những việc ta không muốn... nhưng đó hẳn là ý nghĩa trong lời thánh ca ta hát về mùi hương ngọt ngào tỏa ra vào mỗi sớm cúng dâng... Đây là cách Chúa trời dạy ta nhu thuận và kiên nhẫn, và chỉ cần nhớ rằng phận số đều do Chúa đã định an, ta nên坦然 đón nhận là sẽ có đủ sức mạnh vượt qua sợ hãi mà bước tiếp. Amen.”

Đứa trẻ ngốc nghếch và kỳ cục đáng thương! Lời thỉnh cầu của cô bé đơn giản là xâu chuỗi lời lẽ trong nhiều bài thánh ca, cùng những hình ảnh vị mục sư đã dùng đến trong bài giảng của mình, nhưng cô kết hợp lại và vận dụng chúng theo cách riêng của mình, thậm chí đưa chúng vào mối liên kết rất mới lạ, và thế là chúng vẫn là của riêng cô, kỳ lạ thay. Với một vài người, lời nói của họ nhìn chung có thể luôn đi cùng một dấu trừ đằng sau, trừ ở đây là trừ đi cá tính của người nói; nhưng những lời nói của Rebecca thì dường như luôn đi cùng một dấu cộng.

Sau câu “Amen”, cô bé ngồi xuống, hoặc nghĩ rằng mình ngồi xuống cái mà cô bé cho là ghế. Cuối cùng là lời chúc phúc. Một lát sau, khi căn phòng ngừng quay tròn quanh mình, cô bước lên chỗ bà Burch, bà liền ôm hôn cô nồng nhiệt và nói, “Cô gái nhỏ, thật mừng là chúng ta được ở lại với gia đình cô. Chúng ta đến lúc năm rưỡi thì có muộn quá không? Bây giờ là ba giờ, chúng ta còn phải trở lại ga đón các con và hành lý. Chúng ta đã gửi chúng lại đó vì không chắc là sẽ quay về hay nghỉ lại đây.”

Rebecca nói rằng năm rưỡi là giờ ăn tối của nhà mình, rồi đồng ý đi cùng xe về nhà với bác Cobb gái. Khuôn mặt cô bé vẫn đỏ bừng và mới còn run run nên bác Sarah nhận thấy ngay, và chuyển đi về hầu như chỉ có im lặng. Tuy nhiên, cơn gió hoang và sự yên lặng của bác Sarah đã đưa cô bé trở về hiện thực. Cô bé trở về nhà với tâm trạng hớn hờ. Không đủ kiên

nhấn để tháo bỏ ủng ngoài cửa hông trong khi đang mang biết bao nhiêu tin tức về, cô cẩn thận cầm tấm thảm bện vào trong phòng khách, đứng lên đó và bắt đầu trình bày.

“Đôi giày của cháu đang hong bên lò kia kìa,” bác Jane nhắc. “Vừa nói vừa đi giày vào đi.”

CHƯƠNG XIX

Người kể tục của viên trợ tế Israel

“Buổi gặp gỡ ít người lắm, bác Miranda ạ,” Rebecca bắt đầu, “nhưng vị truyền giáo cùng vợ ông ấy rất dễ thương, họ sẽ tới đây nghỉ qua đêm nay và ngày mai với bác. Cháu hy vọng bác không phiền ạ.”

“Đến đây ăy hả!” bác Miranda thốt lên, đánh rơi cả tấm len đan dở xuống lòng. Bác bỏ kính ra, như vẫn làm mỗi khi bất ngờ tột độ. “Họ tự đòi đến đây à?”

“Không ạ,” Rebecca đáp. “Cháu phải mời họ đến cho bác đấy ạ, nhưng cháu nghĩ bác sẽ thích tiếp đón những vị khách thú vị nhường ấy. Đó cũng là cách...”

“Khoan giải thích đã, nói ta hay khi nào họ sẽ đến đây. Ngay bây giờ hả?”

“Không ạ, phải hai giờ nữa cơ. Khoảng năm rưỡi.”

“Vậy thì cô có thể giải thích ngay bây giờ rồi đấy, nếu như cô có thể, ai cho cô cái quyền mời một đồng người lạ về qua đêm, khi cô biết rõ chúng ta không đón khách khứa gì suốt hai mươi năm qua, và cũng chẳng có ý định đón khách khứa nào trong vòng từng ấy năm nữa - hay ít nhất là khi ta còn làm chủ cái nhà này.”

“Đừng vội kết tội con bé, chị Miranda, hãy nghe hết chuyện nó kể đã,” bác Jane can. “Em cũng đã nghĩ đến chuyện đó, chúng ta mà đến dự thì chắc cũng làm thế thôi, vì ông Burch là chỗ quen biết với cha mình mà.”

“Buổi gặp gỡ ít người thôi ạ,” Rebecca bắt đầu. “Cháu đã nói như bác dặn. Mọi người đều thất vọng vì các bác không đi được, bói chủ tịch hội không đến. Bà Mathews phải đứng ra làm chủ tọa, tội lắm ạ, vì cái ghế không đủ to cho bà ấy ngồi, và bà ấy khiến cháu nhớ đến một câu thánh ca ta vẫn hát, rằng ‘To lớn như những nước ngoại đạo’, bà ấy còn đội cái mũ kiểu làm vườn bằng lông hải ly cứ hay lệch sang một bên nữa chứ. Ông Burch kể chuyện về xứ Syria ngoại đạo hay tuyệt, phần hát thì ổn cả, và hình như chỉ có tầm bốn mươi xu trong cái hộp quyên góp thôi. Bảng ấy thì chẳng cứu nổi một em bé ngoại đạo ấy chứ, bác có nghĩ thế không? Rồi ông Burch nói, nếu như các bà các chị nào có thể tiếp đãi, họ sẽ nghỉ lại qua đêm, rồi mai sẽ tổ chức một buổi gặp gỡ tại tư gia ở Riverboro này, khi ấy bà Burch sẽ mặc đồ truyền thống của Syria, và trưng bày những đồ đặc truyền thống của họ nữa. Thế rồi ông ấy cứ chờ mãi chờ mãi, chẳng có ai nói gì hết. Cháu lo lắng quá chẳng biết làm gì cả. Và rồi ông ấy nhắc lại lần nữa, giải thích vì sao ông ấy muốn ở lại, hẳn các bác đã biết ông ấy nghĩ đó là trách nhiệm của mình. Đúng lúc ấy bà Robinson thì thầm bảo cháu rằng các vị truyền giáo thường nghỉ lại ở nhà mình hồi ông ngoại còn sống, rằng ông không bao giờ chịu để họ nghỉ đêm ở nhà khác. Cháu không biết là bác thôi không đón tiếp họ nữa, vì chưa có vị truyền giáo nào tới kể từ ngày cháu ở Riverboro này, trừ có một người vào đúng một buổi sớm Chủ nhật. Thế nên cháu nghĩ cháu phải mời họ thôi, vì bác không ở đó để mời, mà bác bảo rằng cháu phải đại diện cho gia đình.”

“Cô đã làm gì - lên gặp họ và tự giới thiệu sau khi mọi người về hết à?”

“Không ạ; cháu đứng ngay dậy trong buổi nói chuyện ấy. Cháu phải làm thế, vì ông Burch đang cảm thấy chạnh lòng vì không ai lên tiếng cả. Thế là cháu bảo, ‘Hai bác của cháu, bác Miranda và bác Jane Sawyer, sẽ rất hân hạnh được đón tiếp gia đình ông ở ngôi nhà gạch, bởi các vị mục sư trước

đây vẫn thường lui tới khi ông ngoại cháu còn sống ạ. Các bác gửi lời chào trân trọng tới ông qua cháu đây.’ Xong cháu ngồi xuống; rồi ông Burch cầu nguyện cho linh hồn ông ngoại, gọi ông là người của Chúa, cảm tạ Cha Thiên thượng của chúng ta vì linh hồn ông vẫn còn sống mãi ở thế hệ sau này (chính là các bác đấy ạ), và vì ngôi nhà thân thương xưa nơi các thầy dòng đến từng được thiết đãi trợ giúp, cho mạnh mẽ vững vàng hơn để tiếp tục cuộc chiến đấu, nay vẫn rộng mở cửa đón người xa lạ và kẻ du hành.”

Có những khi các thiên thể nằm trong đúng một trật tự nào đó, và thiên nhiên khi ấy dường như là tuyệt tác hoàn mỹ nhất, để rồi khơi gợi trong con người ta những lời nói, những việc làm xuất phát từ trái tim, không chút toan tính.

Cánh cửa tâm hồn Miranda Sawyer đã đóng chặt suốt nhiều năm; không phải sập vào một lần mà dần dần khép lại, chính bà cũng không ý thức được. Rebecca có trù tính khôn khéo đến đâu và bao lâu đi nữa cũng không thể cạy nới cánh cửa vào vùng đất cấm ấy, vậy mà giờ đây, khi cả hai bác cháu đều không tưởng tượng nổi, cánh cửa ấy lại mở bung ra cùng tiếng bản lề khó dầu kéo kẹt, và cơn gió lợi dụng thời cơ ủa tới đây nó mở rộng mãi ra. Mọi thứ hòa hợp với nhau một cách kỳ diệu để làm nên những điều tốt đẹp. Ký ức xưa cũ sống lại, cuộc đời người cha đáng kính và ngoan đạo hiện về trong tâm trí bà; họ Sawyer trước nay vẫn được tôn trọng và ngợi khen; Rebecca đã chứng tỏ mình xứng đáng là cháu gái của viên trợ tế Israel Sawyer, và khẳng định rằng cô bé không hề “rất thối nhà Randall” như vẫn hay bị mắng mỏ. Những việc ấy khiến Miranda thấy được vuốt ve xoa dịu rất nhiều, mặc dù bà không có ý định bộc lộ điều đó, hay là cho người khác lý do để hy vọng rằng sự hiếu khách này trở thành tiền lệ cho những dịp khác trong tương lai.

“Thôi được, Rebecca, ta thấy là cô chỉ làm việc bắt buộc phải làm thôi,”

bà nói, “và cô nói năng như thế cũng không thua kém người ta rồi. Giá bác Jane và ta đây không ốm liệt thế này; nhưng như thế cũng để thấy là nhà cửa luôn sạch sẽ bao giờ cũng có lợi, cho dù nhà có khách hay không, và thức ăn luôn được chuẩn bị đầy đủ để ngộ nhờ có khách thì khỏi phải bị động hay bị chê cười dù bất kỳ chuyện gì xảy ra. Phải có đến dăm người có thể thết đãi nhà Burch ở buổi đó, phải cái tội bọn họ keo kiệt và lười biếng quá. Sao hai vị truyền giáo ấy không về luôn đây?”

“Họ còn phải trở lại ga đón con và lấy hành lý ạ.”

“Cả trẻ con nữa à?” bác Miranda rên lên.

“Vâng ạ, thưa bác Miranda, chúng sinh ra ở Syria đấy ạ.”

“Bà nội Syria ời!” bác Miranda gọi (không phải bà nội thật đâu nhé).
“Bao nhiêu đứa?”

“Cháu quên không hỏi rồi; nhưng cháu sẽ chuẩn bị hai phòng ngủ, và nếu đông quá thì cháu có thể cho chúng ngủ cùng với cháu ạ,” Rebecca đáp, lòng thầm mong điều đó là sự thật. “Giờ thì vì cả hai bác đều đang ốm, bác cho cháu chuẩn bị đón khách được không ạ, chỉ một lần này thôi? Khi nào cháu gọi thì bác có thể lên kiểm tra. Bác nhé?”

“Chắc phải thế thôi,” bác Miranda thở dài miễn cưỡng. “Giờ ta vào nằm nghỉ với bác Jane một chút xem lát nữa có khỏe hơn để đi nấu bữa tối không. Ba rưỡi rồi - cô không được để ta ngủ quá năm giờ một phút nào đâu đấy. Thật tình ta cũng chẳng hiểu sao lại đi hầm cả một nồi đậu vào giữa tuần, ấy vậy mà nó thành ra được việc. Cha hay nói không có gì ngon lành để đãi các vị truyền giáo hơn là thịt lợn với đậu hầm và bánh mì đen mà. Rebecca, cô dọn hai phòng ngủ đằng Nam đi nhé.”

Thế là Rebecca, được thả tự do lần duy nhất trong đời, phóng như bay lên lầu. Mọi căn phòng ở ngôi nhà gạch đều rất gọn gàng ngăn nắp, cô bé chỉ việc kéo rèm cửa lên, quét sơ sàn nhà, rồi phủi bụi trên đồ đạc. Hai bác

có thể nghe thấy tiếng chân vội vã của cô bé khắp các góc phòng, nào đập gối và giường, nào giũ khăn tắm, nào leng keng sắp xếp khay đĩa, và miệng thì ca hát:

Trong tuyệt vọng Người không thôi ban phát
Bao yêu thương bao ân sủng thiên đường;
Kẻ ngoại đạo ôi trước chân ngẫu tượng
Mắt quáng mù mà vái lạy không thôi.

Cô bé đã trở thành đứa trẻ tháo vát, và với những việc có thể làm được cô bé làm nhanh như chớp, thế nên lúc nằm giờ khi gọi hai bác lên kiểm tra, cô đã khiến họ sững sờ. Khăn sạch để trên bàn và ở chỗ rửa tay, giường phẳng phiu đẹp đẽ, các bình nước được đổ đầy, xà phòng cùng diêm được bày sẵn; báo, củi mỗi, củi đốt nằm trong thùng, và một khúc củi lớn đang cháy âm ỉ trong mỗi ngăn lò đóng kín. “Cháu nghĩ mình nên sưởi nhà ấm một chút,” cô bé giải thích, “vì họ từ Syria về mà; à đúng rồi, cháu nên xem lại sách địa lý trước khi họ đến đây nữa.”

Không có gì phải chê trách cả, thế là hai bác xuống lầu thay đồ. Khi họ đi qua phòng khách, Miranda cảm giác như nghe thấy tiếng lách tách, bà ngó vào. Rèm cửa đã được kéo lên, một ngọn lửa ấm đang nhảy nhót trong bếp lò ở phòng khách phía trước và một ngọn lửa đang cháy trong lò sưởi phòng ở phía sau. Chiếc đèn của Rebecca, món quà Giáng Sinh thứ hai của Aladdin, đặt trên chiếc bàn mặt cẩm thạch ở góc phòng, ánh sáng dịu nhẹ tỏa ra từ chụp đèn hồng phấn biến căn phòng khô khan u ám thành nơi người ta có thể ngồi trò chuyện thân tình.

“Lạy Chúa tôi, Rebecca,” bác Miranda gọi vọng lên lầu, “cô nghĩ là chúng ta nên mở cả cửa phòng khách à?”

Rebecca vừa chạy ra chiếu nghỉ vừa bận tay bện tóc.

“Nhà mình cũng làm thế hồi lễ Tạ ơn và Giáng Sinh, cháu nghĩ dịp này trang trọng không kém ạ,” cô bé đáp. “Cháu đã mang hoa sấp trên mặt lò sưởi ra chỗ khác cho khỏi chảy và cất vỏ sò, san hô, với lại con chim nhồi bông màu xanh lá cây lên chỗ ấy không thì bọn trẻ con lại đòi chơi. Trợ tế Milliken sẽ đến gặp ông Burch bàn bạc công việc, và cháu cũng không ngạc nhiên nếu gia đình bác Cobb có tạt qua. Hai bác không xuống hầm đâu nhé; chờ cháu một phút để cháu xuống cho.”

Miranda và Jane đưa mắt nhìn nhau.

“Chẳng phải nó là đứa trẻ kỳ lạ nhất trên đời hay sao!” Miranda thốt lên, “nhưng khi chú tâm để ý thì nó cũng được việc lắm!”

Lúc năm giờ mười lăm mọi thứ đã sẵn sàng, và bốn bên hàng xóm tò mò hết sức, ít nhất là những nhà có thể nhìn được ngôi nhà gạch (ngôi nhà nổi bật lên khi đông đến cây trơ cành trụi lá). Rèm cửa cả hai gian phòng khách được kéo lên kìa! Rèm cửa hai phòng ngủ phía Nam cũng thế! Và các lò sưởi nữa chứ - nếu có thể tin vào mắt người, thì rõ ràng là lò sưởi cháy rực ở khắp các phòng kia kìa. Nếu không nhờ một bà đã đi dự buổi gặp mặt ghé một hai nhà giải thích về sự chuẩn bị cầu kỳ này, thì rất nhiều nhà đêm nay sẽ phải mất ngủ vì không hiểu ra sao.

Gia đình truyền giáo họ đến rất đúng giờ, và chỉ có hai đứa trẻ mà thôi, bảy tám đứa còn lại được gửi ở chỗ người anh em ở Portland để tiết kiệm chi phí đi lại. Bác Jane đưa họ lên lầu, trong khi bác Miranda trông nom bếp núc; còn Rebecca ngay lập tức dụ được hai đứa nhỏ rời váy mẹ, cởi bớt đồ cho chúng, chải mượt tóc rồi dẫn chúng xuống bếp hít hà mùi đậu hầm.

Bữa tối thật thịnh soạn, và sự hiện diện của những nhân vật tí hon đã tước hết đi vẻ khô khan của nó. Bác Jane giúp thu dọn bàn và cất thức ăn, trong khi bác Miranda tiếp khách trong phòng khách; còn Rebecca và hai

đứa bé nhà Burch thì phụ trách rửa chén đĩa và lập thành một lễ hội trong bếp, gây ra chút thiệt hại không đáng kể - vỡ một cái cốc và một cái đĩa đã nứt từ trước, đổ nước rửa còn sót một cái thìa bạc ra ngoài cửa sau (một việc không chấp nhận được ở ngôi nhà gạch), và đổ bột cà phê vào chậu. Sau khi mọi dấu vết tội lỗi đều được Rebecca xóa sạch và thiệt hại thì được khắc phục theo cách thỏa đáng nhất, cả ba bước vào phòng khách, nơi vợ chồng bác Cobb và vợ chồng viên trợ tế Milliken đã có mặt.

Buổi tối thật dễ chịu! Thịnh thoảng họ để mặc cho kẻ ngoại đạo mù quáng sì sụp lạy ngẫu tượng, cũng không lâu lắm, để cho bản thân (và chính người kia) có thời gian mà thở, và rồi nhà Burch kể những câu chuyện vừa kỳ lạ vừa thú vị lại hết sức tuyệt vời. Hai đứa nhỏ hát song ca, và bởi bà Burch cứ nài nỉ mãi nên Rebecca đã ngồi xuống bên cây đàn dương cầm cũ kỹ chơi bài “Ồi cô gái Anh điêng hoang dã lang thang, nàng Alfarata tươi trẻ” thật sôi nổi và có phong thái.

Lúc tám giờ cô bé bước tới chỗ bác Miranda đưa bác chiếc quạt lá cọ, giả vờ để bác che cho đỡ bị ánh đèn làm chói mắt; nhưng thực ra là để có cớ sang thì thăm hỏi bác, “Mang bánh quy ra bác nhé?”

“Cô cho có đáng không?” bác Miranda nói qua hàm răng sin sít.

“Nhà Perkins toàn làm thế ạ.”

“Được. Cô biết nó ở chỗ nào rồi đấy.”

Rebecca khẽ đi về phía cửa, và hai đứa trẻ bám theo ngay như thể chúng không chịu nổi việc phải xa cô một giây. Năm phút sau cả ba quay lại, hai đứa nhỏ bê hai đĩa bánh mỏng hạt hoa tán - hình trái tim, hình kim cương và hình tròn, tất cả được rắc nhẹ ít đường, lốm đốm những hạt hoa tán trồng trong vườn sau nhà. Đây là món tử của bác Jane. Còn Rebecca thì bưng một khay có sáu ly pha lê bé xíu đựng rượu bồ công anh, món nổi tiếng xưa nay của bác Miranda. Cố trợ tế Israel lúc sinh thời luôn dùng thứ

đồ uống này, và chính tay ông đã chọn mua mấy chiếc ly ở Boston. Bác Miranda yêu chúng lắm, không chỉ vì chúng xinh xắn mà còn vì chúng nhỏ xíu. Trước khi có mấy cái ly này, rượu bồ công anh được tiếp trong ly lớn dùng để uống vang ngọt.

Ngay sau khi mọi người cùng thưởng thức xong bữa tráng miệng - thường gọi là “bữa nhẹ” ở Riverboro - Rebecca đang ngồi trong góc dành cho trẻ con liền nhìn đồng hồ rồi đứng dậy vui vẻ nói, “Nào! Đến giờ các vị truyền giáo tí hon đi ngủ rồi!”

Tất cả mọi người bật cười, to nhất là hai vợ chồng truyền giáo khổng lồ, khi hai đứa nhỏ bắt tay và biến mất cùng với Rebecca.

CHƯƠNG XX

Trái tim đối khác

“Cô cháu gái của bà đúng là cô bé cực kỳ nhất mà tôi từng gặp trong suốt bao nhiêu năm qua,” ông Burch nói khi cánh cửa đóng lại.

“Có vẻ dạo này nó đã khôn lớn hơn rồi đấy, chứ bình thường đầu óc nó cứ lơ ma lơ mơ,” bà Miranda đáp, “và bằng chẳng thì khỏi phải nói.”

“Chúng ta phải luôn nhớ rằng sự thiếu thốn sinh khí, chứ không phải tràn trề sinh khí, mới là nguyên nhân gây ra rắc rối,” ông Burch trả lời.

“Cô bé sẽ là một người truyền giáo tuyệt vời,” bà Burch nói, “giọng nói tốt, có sức cuốn hút người khác, lại biết cách chọn từ nữa.”

“Phải chọn thứ nó phù hợp hơn trong hai thứ, thì tôi nói thật là nó hợp làm kẻ ngoại đạo hơn,” bà Miranda thẳng thừng nhận xét.

“Chị tôi đây không cho việc khen ngợi con trẻ là cần thiết,” bác Jane vội vã chen vào, khi nhìn sang thấy bà Burch đang có vẻ sốc và hình như đang định hỏi rằng Rebecca không phải “tín đồ” à.

Bà Cobb đã đợi câu hỏi này suốt buổi tối hôm nay, chỉ sợ rằng có ai lại bóng gió nói cô cháu yêu của mình là khéo cầu kinh. Chiều hôm đó bà đã sinh lòng ác cảm vô lý với Đức cha Burch vì ông gọi Rebecca lên để cầu nguyện. Bà đã trông thấy khuôn mặt tái nhợt, ánh mắt sợ hãi, hàng mi run rẩy của cô bé nên nhận ra cô đang khổ sở vô cùng. Định kiến của bà đối với vị mục sư đã dịu lại khi thấy cung cách nói chuyện và phong thái ân cần của ông. Nhưng khi thấy bà Burch sắp gọi ra cái chủ đề nguy hiểm kia, bà vội vã hỏi từ Riverboro đến Syria có phải chuyển tàu nhiều không. Bà

cảm giác đấy chẳng phải là câu hỏi thích hợp cho lắm, nhưng dù sao cũng được việc.

Trợ tế Milliken, trong khi ấy, quay sang hỏi bà Sawyer, “Mirandy, cô biết Rebecca khiến tôi nhớ đến ai không?”

“Tôi đoán thừa đi chứ,” bà đáp.

“Vậy thì cô cũng nhận ra rồi nhỉ! Ban đầu tôi nghĩ, con bé giống cha nó nhiều nét quá, chắc cũng đặc tính cách cha nó thôi; nhưng hóa ra không phải, nó lại giống ông cụ nhà cô, ông Israel Sawyer, mới hay chứ.”

“Tôi không hiểu làm sao ông có thể nói thế được,” Miranda thảng thốt.

“Chiều nay tôi chợt nhận ra khi con bé đứng dậy thay hai cô mời gia đình nhà Burch. Cũng kỳ lạ lắm, con bé chọn ngồi ngay cái chỗ ông cụ vẫn hay ngồi khi ông ấy còn là người đứng đầu trường Giáo lý. Cô biết cái cách ông ấy hếch cằm lên đầu hơi ngửa ra sau một chút mỗi khi đứng dậy phát biểu không? Đấy, con bé làm y hệt; cô phải nhìn thấy cơ!”

Khách khứa ra về trước lúc chín giờ, và vào giờ đó (cái giờ mọi sự phải ngừng nghỉ ở ngôi nhà gạch) cả gia đình về phòng nghỉ. Khi Rebecca mang nệm lên lầu cho bà Burch và có cơ hội ở riêng với bà một lát, cô bé ngượng ngùng nói, “Bà có thể nói giúp cháu với ông Burch rằng cháu không phải là tín hữu được không ạ? Lúc chiều khi ông bảo cháu lên cầu nguyện cháu chẳng biết làm thế nào. Cháu không dám nói là cháu chưa làm thế bao giờ, và cũng không biết làm thế nào cả. Cháu không nghĩ được gì; cháu hoảng quá chỉ muốn đổ sụp xuống đất thôi. Cháu thấy thật trơ trẽn và xấu xa khi cầu nguyện trước bao nhiêu tín hữu lớn tuổi để họ lại tưởng cháu tốt đẹp lắm; nhưng nhờ đâu Chúa trời lại nghĩ là cháu xấu xa vì không sẵn sàng cầu nguyện khi một mục sư gọi cháu lên?”

Anh nấn tỏ trên khuôn mặt xúc động đỏ bừng của Rebecca. Bà Burch cúi xuống hôn cô bé chúc ngủ ngon. “Đừng lo lắng gì cả,” bà nói. “Ta sẽ

nói với ông Burch, và ta nghĩ Chúa sẽ hiểu thôi.”

Sáng hôm sau Rebecca thức dậy trước sáu giờ, không ngủ được vì còn biết bao nhiêu việc nhà cần làm. Cô bé đến bên cửa sổ nhìn ra ngoài; vẫn còn tối, hôm nay sẽ là một ngày mưa gió ầm ào.

“Bác Jane bảo mình là bác sẽ dậy lúc sáu rưỡi và cả nhà ăn sáng lúc bảy rưỡi,” cô bé nghĩ, “nhưng mình dám chắc là cả hai bác vẫn cảm nặng, và bác Miranda sẽ rối tinh lên với bao nhiêu khách trong nhà thế này. Mình nghĩ mình sẽ lén xuống nhà chuẩn bị mọi thứ cho bác bất ngờ.”

Cô bé khoác chiếc áo bông, xỏ đôi dép lê rồi rón rén xuống nhà bằng cầu thang trước vốn bị cấm đoán, cẩn thận đóng cánh cửa bếp lại để không ai bị đánh thức, hì hụi suốt nửa tiếng đồng hồ với những công việc buổi sớm mà cô đã thuộc lòng, rồi quay lên phòng thay đồ trước khi đánh thức lũ nhỏ dậy.

Trái với dự tính, bác Jane, dù tối hôm trước thấy khỏe hơn cả bác Miranda, lại đổ bệnh nặng sau một đêm, và không thể rời nổi giường. Miranda lâu lâu không ngồi miệng trong lúc vội vàng làm vệ sinh cá nhân, đổ lỗi cho tất cả mọi người trên thế gian này vì nổi thống khổ mà bà phải gánh chịu suốt ngày hôm ấy; bà thậm chí còn than trách cả Hội đồng Truyền giáo đã phái nhà Burch đi Syria và ra vẻ khách quan mà rằng những kẻ đã du hành đến những vùng xa xôi để cứu rỗi dân ngoại đạo thì cứ ở đấy mà cứu họ, chứ lang thang khắp nơi với một đồng con cái làm gì, lại còn đi hết nhà nọ đến nhà kia trong khi chẳng ai cầu.

Bác Jane thì nằm trần trọc, đầu sốt cao và đau nhức không hình dung nổi bà chị sẽ xoay xử một mình thế nào nữa.

Miranda khó nhọc đi qua phòng khách, đầu quần tẩm khăn choàng cho đỡ gió máy. Bà định sẽ nhóm lửa làm bữa sáng rồi gọi Rebecca xuống, giao

việc cho cô bé, và định trong lúc đó sẽ giảng cho cô một bài về cách thay mặt gia đình cho đúng ở một buổi gặp gỡ truyền giáo.

Bà mở cửa bếp và ngơ ngác nhìn quanh, không hiểu nổi có phải mình vừa đi nhầm vào nhà người khác hay không.

Rèm cửa bếp đã kéo lên, một ngọn lửa bùng bùng cháy trong lò; ấm nước vừa sùng sục reo vui vừa phả ra một làn hơi nước và bay phất phơ trên miệng cái vôi to nửa tờ giấy nguệch ngoạc “Rebecca kính tặng”. Ấm cà phê đang sôi, bột cà phê đã đông sẵn ra bát, và vỏ trứng bóp vụn để giúp bã cà phê lắng xuống đáy ấm đã đặt sẵn bên cạnh. Khoai tây lạnh và thịt bò muối nằm trên khay gỗ, và một mẫu giấy “Kính mến, Rebecca” giắt bên dưới con dao. Ổ bánh mì đen đã được bày ra, bánh mì trắng đã được bày ra, giá để bánh mì đã được bày ra, sữa đã gạn váng, bơ đã được mang ra.

Miranda tháo chiếc khăn quăn quanh đầu ra, ngồi sụp xuống chiếc ghế ngựa, thốt lên qua hơi thở, “Chưa thấy đứa nào kỳ cục như con bé này! Nó đúng là người nhà Sawyer rồi!”

Ngày và tối hôm ấy trôi qua mà ai nấy đều được mát mặt, kể cả bác Jane, người đã được nghỉ ngơi thoải mái cho khỏi hằn kéo lại do bệnh nặng thêm và làm mọi người mất vui. Nhà Burch từ biệt đầy nuối tiếc, những nhà truyền giáo tí hon nước mắt ngấn nước mắt dài thề thốt tình bạn vĩnh viễn với Rebecca, còn cô bé thì nhét vào tay chúng một bài thơ sáng tác trước bữa sáng.

Gửi Mary và Martha Burch

Sinh ra dưới bầu trời Syria

Nơi mặt trời nóng bỏng hơn ta

Lũ trẻ lớn xinh và rực rỡ
Như bé nhỏ vùng nhiệt đới những đóa hoa

Ánh sáng đầu tiên kiếp phù sinh
Hắt từ xứ ngoại đạo điêu linh
Chẳng phải núi vùng Greenland băng giá
Hay biển san hô đất Ấn Độ đẹp xinh.

Đất nước kia bí ẩn và u minh
Người dân kia da sẫm như bóng tối
Ánh sáng Chúa trời chưa rọi tới
Đưa họ về chân tín ngưỡng của Người

Hãy mở lòng cùng Hội Truyền giáo
Kiếm tìm người da màu vô đạo
Cho họ biết có Chúa trên cao
Chớ lạy nữa dưới chân ngẫu tượng.

REBECCA ROWENA RANDALL

Có thể thấy ngay rằng chuyến viếng thăm Riverboro của gia đình truyền giáo này không phải không có những hiệu ứng lâu dài. Bản thân ông bà Burch thường ngẫm lại và cho đó vẫn là một trong những niềm vui hiếm hoi trong nửa năm họ ở lại quê nhà. Làng xóm thì xôn xao bàn tán mãi về sự kiện ấy; tranh luận, bác bỏ, nghi ngờ, quả quyết, hồi tưởng, và đoán này đoán nọ. Trợ tế Milliken góp mười đô với niềm tin có thể thay đổi ý thức

tôn giáo của Syria, làm bà Milliken phát ốm vì sự hào phóng liều lĩnh của chồng.

Giá mà có thể nói Miranda Sawyer đã hoàn toàn thay tâm đối tính sau dịp đó, nhưng sự thật không phải vậy. Cái cây đã cong suốt hai mươi năm không thể duỗi cho thẳng trong chớp mắt được. Tuy nhiên, điều chắc chắn là mặc dù với người ngoài thì sự khác biệt là rất nhỏ, nó cũng vẫn tồn tại, bởi bà đối xử với Rebecca đã bớt phần quá quắt, nhận định về cô đã bớt phần cay nghiệt và cho rằng vẫn có thể cứu vớt được linh hồn cô bé. Nguyên nhân của sự thay đổi này chủ yếu là do bà bỗng đâu phát hiện ra rằng Rebecca, suy cho cùng, cũng thừa hưởng chút gì đó từ phía nhà Sawyer chứ không phải giống y đúc cái lũ nhà Randall từ suy nghĩ, người ngợm, đến cả tính cách. Tất cả những gì thú vị ở Rebecca, và tất cả những bằng chứng về sức mạnh, năng lực, hay năng khiếu thể hiện về sau này, Miranda đều nhận là nhờ sự rèn giũa của ngôi nhà gạch, và điều này khiến bà cảm thấy tự hào một cách chân thành, niềm tự hào của một người thợ giỏi đã tạo tác thành công từ chất liệu kém hứa hẹn nhất; nhưng chưa bao giờ, cho tới lúc cuối đời, ngay cả khi sức lực suy yếu, sắt thép trong bà mềm đi, mọi thành trì gục ngã, cũng không một lần bà thể hiện niềm tự hào hay bộc lộ tình cảm của mình.

Ông Lorenzo de Medici Randall tội nghiệp sinh bất phùng thời đã bị bạn bè xem thường, bị coi là kẻ nực cười và vô tích sự chỉ vì ông không một chút nào giống họ! Nếu Riverboro đột nhiên bị hòa trộn vào một cộng đồng lớn hơn, với những quan điểm đa dạng và linh hoạt hơn, có lẽ ông sẽ là cá nhân duy nhất trong toàn thể dân số ấy không hề thu hút sự chú ý nào. May mắn thay, con gái ông thừa hưởng được một chút năng lực thực tế từ gia đình bên ngoại, nhưng nếu Lorenzo chưa từng làm điều gì khác trên đời này thì ông có thể vỗ ngực tự hào vì đã không để Rebecca hoàn toàn giống

người nhà Sawyer. Bản thân thất bại là thế, một cách tuyệt đối và trọn vẹn, nhưng ông đã hào phóng trao lại cho cô bé tất cả những gì đẹp đẽ nhất của mình, và khôn ngoan giữ lại những thứ không đáng giá. Hiếm có người cha nào lại có khả năng tách bạch tinh tế nhường ấy.

Không có chuyện ngôi nhà gạch ngay lập tức trở thành một dạng quán trọ những lúc lỡ độ đường, một chốn ăn chơi vô tư và chào đón thân tình; nhưng những vị khách truyền giáo thì luôn được sẵn sàng đón tiếp, vậy nên bà Miranda dọn sẵn một phòng ngủ “trong trường hợp cần thiết”, và các ly pha lê thì để ở tầng dưới thay vì tầng trên cùng trong tủ đồ sứ. Trước Rebecca phải leo lên ghế mới lấy được, bây giờ thì cô bé đã với tới rồi; và điều này tượng trưng cho việc cô bé, một cách vô tình, đã vượt qua được bức tường thành kiến và độc đoán của bác Miranda.

Miranda thậm chí còn nói rằng bà không phiền nếu như nhà Burch lâu lâu lại đến thăm, nhưng bà cũng sợ rằng ông ta sẽ kể lể khắp nơi về chuyến viếng thăm của mình và rồi các gia đình truyền giáo sẽ nối chân nhau đến không ngừng. Để minh họa cho điều đó, bà khéo léo nhắc đến chuyện một con chó hoang nếu được bữa ngon ở nhà nào đó sẽ để lại dấu hiệu cho cả lũ chó hoang biết nơi chúng có thể kiếm được một bữa tương tự.

Điều đáng ngại là có chút ít sự thật trong minh họa thô thiển nọ, và nỗi lo lắng của Miranda về trách nhiệm trong tương lai của mình là có cơ sở, mặc dù không chính xác như những gì bà hình dung. Người ta nảy sinh những thói quen xấu và tốt đều dễ dàng như nhau cả, và khoảnh khắc một cuộc đời bắt đầu bùng nổ những lời hay việc thiện cũng chính là khoảnh khắc một chuẩn mực đạo đức mới ra đời. Hàng xóm láng giềng sẽ háo hức trông vào và chờ đợi bạn tiếp tục thể hiện sự cởi mở, lòng cảm thông, sự dè dóm sẵn có, tình thân ái, hay cảm hứng mà bạn từng thể hiện. Cứ ra quả và một hai mùa đi, rồi thế giới bên ngoài sẽ không hài lòng khi vườn mọc hoa

kế nữa đâu.

Tác động từ chuyến viếng thăm của nhà Burch đối với Rebecca thật không dễ tả nổi. Tuy vậy, khi nhìn lại sự kiện ấy nhiều năm sau này, cô cảm thấy giây phút ông Burch đề nghị cô cầu nguyện đã đánh dấu một thời kỳ mới trong đời mình.

Nếu như bạn từng để ý mình lịch thiệp, trang nhã và trang trọng thế nào khi khoác lên mình chiếc áo mới đẹp đẽ; nếu như bạn từng để ý cảm giác sùng kính choáng ngợp mình khi nhắm mắt, chấp tay lại và cúi đầu; nếu như bạn từng cảm nhận cảm giác căm ghét đối với ai đó mềm yếu đi chút một qua cách hành xử lịch thiệp mỗi ngày, bạn sẽ hiểu được việc thực hiện nghi thức bề ngoài dễ thấy lại ảnh hưởng kỳ lạ lên trạng thái tâm linh bên trong tương ứng của nó.

Chỉ khi người ta già cỗi và trì trệ, tâm hồn mới trở nên nặng nề và không còn muốn phấn chấn lên nữa. Một tâm hồn trẻ lại như được chấp cánh; chỉ cần một hơi thở cũng cuốn nó vào cơn lốc bốc lên cao. Rebecca đã được đề nghị làm nhân chứng cho cảm xúc hay suy tư mà cô bé chỉ mơ hồ cảm nhận được chúng có tồn tại. Cô đã chấp thuận lời đề nghị ấy, và khi cô thốt ra lời, lời ấy trở thành sự thật; khi cô thốt ra ước vọng, ước vọng ấy nảy sinh.

Như bồ câu bay về bên cửa sổ, tinh thần cô vút lên nơi có vầng sáng vĩ đại, ban đầu chỉ mơ hồ, nhưng càng gần càng rực rỡ. Cảm nhận sự hiệp nhất với Thánh tâm trước khi cảm giác chia lìa tới, đó chính là con đường đẹp nhất cho cô bé tìm Chúa trời.

CHƯƠNG XXI

Chân trời rộng mở

Cái thời khắc được mong chờ bao ngày tháng cuối cùng đã đến. Rebecca đã trở thành học sinh ở Wareham. Những ai đã tận hưởng cảm giác hoang mang trước xã hội rộng lớn và cả những ưu điểm của chân trời mới, hay là đã hòa mình vào giới học thuật ở các trường đại học lớn một cách tự nhiên, có lẽ chẳng mong chờ Wareham sẽ là một trải nghiệm đặc biệt. Nhưng đó lại là một bước tiến lớn, cũng như Riverboro chẳng khác nào một ngôi làng nhưng đã là một bước tiến lớn so với trang trại Suối Năng. Kế hoạch của Rebecca là hoàn thành khóa học bốn năm trong ba năm vì những người có liên quan đều cảm thấy khi đủ trưởng thành ở độ tuổi mười bảy cô sẽ phải sẵn sàng tự nuôi dưỡng mình và giúp cho các em đi học nữa. Trong khi cô bé băn khoăn làm sao để đạt được mục đích đó, một vài cô bé khác lại ngồi ngẫm xem có cách nào để cưỡi ngựa xem hoa cho hết bốn năm và ra trường với lượng kiến thức không khác gì so với hồi bắt đầu. Đây gần như là một nhiệm vụ khó khăn và không thể thực hiện được, nhưng thật ra lại có thể và nó đã từng thành hiện thực ở những chốn học hành khác chứ không phải Wareham khiêm tốn này.

Từ tháng Chín đến dịp Giáng Sinh Rebecca sẽ đi đi về về bằng xe lửa, và sẽ phải nội trú ở Wareham vào ba tháng lạnh nhất. Cha mẹ Emma Jane vẫn luôn cho rằng một hai năm ở trường trung học Edgewood (cách Riverboro ba dặm) là vừa đủ cho cô con gái cũng như trang bị cho cô hành trang tri thức vừa sức để cô bước ra thế giới bên ngoài. Suốt thời gian qua

Emma Jane vẫn hoàn toàn tán thành quan điểm đó, bởi nếu có điều gì mà cô căm ghét thì đó chính là việc học hành. Với cô, cuốn sách nào cũng chán như nhau mà thôi, và cô có thể vừa nhìn những thư viện của thế giới chìm xuống đáy đại dương vừa thưởng thức được bữa tối một cách ngon lành. Nhưng cục diện vấn đề thay đổi khi cô sẽ được gửi đến Edgewood còn Rebecca thì đến Wareham. Cô chịu đựng được một tuần - bảy ngày dài đằng đẳng không có người bạn yêu quý, người mà cô chỉ có thể gặp mỗi tối khi cả hai đều bận rộn sách vở. Chủ nhật là cơ hội để đưa vấn đề đó ra bàn với cha cô, và cha tỏ ra rất cứng rắn. Ông không tin vào giáo dục và cho rằng cô học hành thế cũng đủ rồi. Ông chưa bao giờ có ý định làm nghề rèn mãi khi cho thuê nông trại để đến Riverboro. Gần đây ông đang dự tính sẽ quay lại đó chừng nào Emma Jane học xong và có thể bắt tay giúp đỡ mẹ cô trông nom đàn bò sữa.

Một tuần nữa trôi qua, Emma Jane héo hon đi trông thấy và kêu ca luôn miệng. Trông cô bé nhợt nhạt, ăn uống (trong bữa) gần như không được thứ gì.

Mẹ cô bóng gió than vãn rằng nhà Perkins chỉ toàn xấu xí ốm yếu dần đi; rằng bà đã luôn lo da dẻ Emma Jane đẹp quá nên cô khó mà khỏe mạnh được; rằng có nhiều người thì tự hào vì có cô con gái tham vọng, và sẵn lòng cho chúng điều kiện tốt nhất; rằng bà lo sợ học ở Edgewood mà đi buổi là quá sức cô gái, nên ông Perkins phải thuê ai đó đánh ngựa đưa Emma Jane đi học; và cuối cùng rằng với một cô gái đam mê học hành như Emma Jane, việc làm trái mong muốn đó thật là độc ác.

Ông Perkins chịu được vài ngày cho đến khi lòng kiên nhẫn, sự ngon miệng và chức năng tiêu hóa của ông bị ảnh hưởng rõ rệt. Vậy là ông đành cúi đầu chịu thua trước điều buộc phải xảy ra, và Emma Jane như một tù nhân được phóng thích bay vút tới nhà người bạn cô yêu quý. Lòng can

đảm của cô bé cũng chẳng mấy may giảm bớt, dù nó được thử lửa bằng những bài kiểm tra khủng khiếp khi cô bước vào môi trường học thuật Wareham. Cô chỉ qua được hai môn, nhưng vẫn vui vẻ bước vào ban dự bị với năm môn điều kiện, quyết rằng sẽ chỉ để cho dòng suối học hành chảy êm đềm qua lòng suối trí óc mình chứ không để nó dềnh lên lênh láng. Không thể làm ngơ một thực tế là Emma Jane học dốt; nhưng sự trung thành bền bỉ và kiên định, cùng tình cảm yêu thương vô tư và hết mình, suy cho cùng, cũng là những năng khiếu ở một khía cạnh nào đó và trong cuộc sống có thể chúng cũng có giá trị ngang với trí thông minh toán học hay ngôn ngữ.

Wareham là một ngôi làng xinh xắn có con phố chính thênh thang phủ bóng những cây đu và cây phong to lớn. Làng có một hàng dược, một nhà thợ rèn, một hàng sửa ống nước, một vài cửa hiệu tạp hóa, hai nhà thờ, và rất nhiều nhà trọ; nhưng tất cả những gì quan trọng nhất của làng nằm ở hai trường phổ thông. Những chốn học hành này không tốt hơn cũng không tệ hơn những trường khác nhưng lại khác biệt về hiệu quả, phụ thuộc vào việc vị hiệu trưởng có cơ hội đứng đầu có quyền lực và cảm hứng hay không. Những cô cậu học trò tụ về từ khắp chốn trong quận và bang, thuộc đủ thành phần xuất thân, giai cấp giàu nghèo. Cơ hội cho những hành xử ngốc nghếch và thiếu thận trọng là có, nhưng nhìn chung, điều đáng kinh ngạc là cơ hội đó không mấy bị lợi dụng. Trong số các sinh viên năm thứ ba và thứ tư có nhiều cô cậu đi về bằng tàu theo đôi theo cặp; một vài cậu chàng hì hục mang những cuốn sách nặng cho bạn gái khi cuộc bộ leo đồi, và đôi khi có cả những trò ngốc của những cô gái vô tâm và lớn sớm, trong đó có Huldah Meserve. Cô tương đối thân thiện với Emma Jane và Rebecca, nhưng ngày càng bớt gần gũi. Cô xinh đẹp vô cùng, với mái tóc dày màu hung đỏ và một vài nốt tàn nhang tí xíu mà cô suốt ngày nhắc đến, vì

không ai có thể nhận ra nổi chúng mà không thấy làn da mịn màng như sứ và hàng mi cong vút của cô. Cô có đôi mắt biết cười, nét hơi trẻ con so với độ tuổi cô, và ai cũng thấy ở cô cái cung cách làm người ta bị lôi cuốn. Riverboro lấy đâu ra nhiều anh chàng trẻ tuổi bảnh bao, thế nên cô quyết định sẽ vui vẻ tận dụng hết mọi cơ hội trong bốn năm học ở Wareham. Niềm vui của cô là những cậu chàng hâm mộ thay nhau hầu hạ cô, càng công khai càng tốt; những trêu chọc cùng tiếng cười không ngớt, những cuộc trò chuyện vui vẻ trôi chảy và hiệu quả nhờ ánh nhìn tinh quái và cái liếc mắt ẩn ý. Cô có thói quen phớt lờ các anh chàng bị mình đốn ngã cho những cô gái khác kém may mắn hơn và than vãn về những tổn hại liên miên mà mình gây ra; thứ tổn hại mà cô tự nhận là mình vô tình vô tội, ngây thơ như một chú cừu non. Một tình bạn bình thường có thể đổ vỡ mà không cần quá nhiều lần hành xử như vậy, vì vậy chẳng mấy chốc Rebecca và Emma Jane thì ngồi ở một đầu xe lửa, còn Huldah ngồi đầu kia với triều thần của mình. Đôi khi việc này lại hay ho không gì tả nổi, đáng kể đến là một cậu Monte Cristo choai choai thứ Sáu nào cũng bỏ ba mươi xu mua vé khứ hồi đi từ Wareham đến Riverboro chỉ để được ở gần Huldah; cũng có khi đám con trai quanh cô thu hẹp lại chỉ còn cậu bán bỏng ngô và đậu phộng trên tàu, và cậu này xem chừng cũng được việc khi cô không có con mồi nào khá khẩm hơn.

Rebecca vẫn ngây thơ như cái độ tuổi của cô; đám con trai là các đồng môn tốt, nhưng chỉ thế thôi; cô bé thích học cùng lớp với họ vì mọi thứ có vẻ trôi chảy hơn; nhưng cô bé được lý tưởng của chính mình bảo vệ khỏi những lời tán tỉnh già trước tuổi và thô tục. Trong số những cậu chàng cô từng gặp chưa có ai khiến cô rung động, bởi cuộc sống của cô có những thứ thú vị hơn nhiều. Tình yêu học trò nhăng nhít kiểu Huldah không phải là điều cô bé mơ tới, mỗi khi giấc mơ len lỏi vào tâm trí nhạy cảm của cô.

Trong số các giáo viên ở Wareham có một người ảnh hưởng rất lớn đến Rebecca, là cô Emily Maxwell, người dạy môn văn học Anh và viết luận. Cô Maxwell, cháu gái của một cựu thống đốc bang Maine và con gái của một giáo sư trường Bowdoin, là một nhân vật cực kỳ ở Wareham. Điều may mắn nhất là một vài năm đi dạy ít ỏi của cô lại rơi đúng vào những năm Rebecca đi học. Mỗi quan hệ cô trò ngay lập tức thắt chặt không chút chần chừ hay chậm trễ; trái tim Rebecca bay như một mũi tên tới trúng đích của nó, và trí tuệ cô bé, khi gặp được trí tuệ siêu việt hơn, ngay lập tức bộc lộ một lòng tôn kính sùng bái vĩnh viễn.

Người ta vẫn bảo cô Maxwell có “viết lách”. Cái từ ấy, khi được nói với một giọng điệu nhất định, được hiểu rằng không phải là cô biết viết chữ nghệ thuật, như kiểu chữ Spencer hay gì đó, mà nghĩa là cô đã có tác phẩm được xuất bản.

“Cậu sẽ thích cô ấy cho xem; cô viết lách đấy,” Huldah thì thầm với Rebecca trong giờ cầu nguyện của buổi sáng đầu tiên, khi các giáo viên ngồi ngay ngắn ở hàng đầu. “Viết lách gì chứ, có mà khoe mẽ.”

Dường như không một ai có thông tin chính xác để đáp ứng cơn khát đối thông tin, nhưng người ta tin là có ít nhất một người từng nhìn thấy tận mắt bài của cô Maxwell được đăng trên một tạp chí. Thành công ở tầm cao này khiến Rebecca có phần ngượng ngùng với cô, nhưng cô bé nhìn cô giáo với con mắt đầy ngưỡng mộ; điều mà hầu hết cả lớp đều không thể làm được với khả năng nhìn bình thường mà tạo hóa ban cho. Ánh mắt cô Maxwell luôn bắt gặp ánh nhìn của một đôi mắt đen háo hức; khi giảng được một câu gì rất hay, cô lại kiểm tìm sự đồng tình ở góc hàng ghế thứ hai, nơi mọi cung bậc cảm xúc cô muốn khơi gợi đều hiện ra trên một gương mặt tươi trẻ nhạy cảm.

Một ngày, khi cả lớp thảo luận về bài luận đầu tiên, cô đề nghị các học

sinh mới mang đến một bài viết từ năm trước để cô có thể đánh giá và biết được trình độ của các em. Rebecca nán lại sau buổi học, và ngưỡng ngó đến bên bàn.

“Em không mang bài luận nào ở đây cả, thưa cô Maxwell, nhưng thứ Sáu em sẽ về nhà lấy. Em cất chúng trong cái hộp trên gác mái.”

“Buộc cẩn thận bằng ruy băng hồng và xanh chứ gì?” cô Maxwell hỏi với một nụ cười tinh quái.

“Không ạ,” Rebecca lắc đầu dứt khoát; “em cũng muốn dùng ruy băng, vì các bạn gái khác đều làm thế, trông rất đẹp, nhưng em cố tình buộc bằng dây bện; và bài viết về sự cô đơn thì em thắt bằng một dây giày cũ để cho nó biết suy nghĩ của em về nó!”

“Sự cô đơn!” cô Maxwell nhướn mày và bật cười “Em được chọn chủ đề cho mình à?”

“Không ạ, cô Dearborn nghĩ bọn em chưa đủ lớn để biết chọn chủ đề hay.”

“Những chủ đề khác là gì nào?”

“Là về cuốn *Phút mộng mơ bên lò sưởi*, cuốn *Grands làm chiến sĩ*, cuốn *Suy ngẫm về cuộc đời P.T. Barnum*, cuốn *Những thành phố bị chôn vùi*; em không nhớ thêm được chủ đề nào nữa. Bài em viết thì tệ lắm ạ, em chẳng muốn ai đọc cả. Em làm thơ thì dễ dàng hơn và khá hơn cô Maxwell ạ.”

“Thơ kia à!” cô Maxwell thốt lên. “Cô Dearborn yêu cầu em viết à?”

“Ôi không ạ; em hay làm thơ từ hồi còn ở trang trại. Em mang hết cho cô xem được không cô? Không nhiều lắm đâu ạ.”

Rebecca mang cuốn vở trắng lưu bản chép tay những tình cảm dào dạt của mình đến nhà cô Maxwell, hy vọng sẽ được mời vào để được chuyện trò riêng tư với cô; nhưng một người hầu ra mở cửa và cô bé đành thất

vọng ra về.

Vài ngày sau cô bé trông thấy cuốn vở bìa đen trên bàn cô Maxwell thì biết giây phút nhận xét bài đáng sợ đã đến, thế nên cô cũng chẳng lấy gì làm ngạc nhiên khi được đề nghị ở lại sau buổi học.

Căn phòng vắng lặng; lá đỏ xao xác bay trong gió rồi sà vào ô cửa sổ để ngỏ, mang theo lời hỏi thăm đầu tiên của mùa thu. Cô Maxwell đến ngồi bên Rebecca.

“Em có thấy những bài này hay không?” cô vừa hỏi vừa đưa lại những bài thơ.

“Không hay cho lắm ạ,” Rebecca thú thực, “nhưng tự đánh giá thì cũng khó. Các bác nhà Perkins và Cobb toàn nói là chúng hay tuyệt, nhưng khi bác Cobb gái bảo rằng còn hay hơn cả thơ của ông Longfellow thì em thấy lo, vì làm sao có chuyện đó được chứ.”

Nhận xét ngây thơ này khẳng định đúng cảm nhận của cô Maxwell rằng Rebecca là người biết lắng nghe lời nhận xét chân thành để tiến bộ từ đó.

“Cô bé ạ,” cô mỉm cười nói, “những người bạn lớn của em đã sai và em đã đúng; xét theo các chuẩn mực thì những bài thơ này còn rất tệ.”

“Vậy em phải từ bỏ mọi hy vọng sáng tác rồi!” Rebecca thở dài, miệng như nếm thấy vị đắng ngắt của cây độc cần, và không rõ liệu mình có thể kìm nổi dòng nước mắt cho đến sau buổi nói chuyện này không.

“Đừng vội vàng thế,” cô Maxwell ngắt lời. “Dù chưa hẳn là thơ nhưng mấy bài này cũng chứng tỏ rằng ở một vài khía cạnh, em có nhiều hứa hẹn. Em gần như không có bất kỳ lỗi nào về gieo vần và vận luật, điều đó cho thấy em biết thơ thể nào là đúng; tức là em ‘hiểu được thể thức’, nói như cách mà các nhà thơ hay nói. Khi em lớn hơn nữa, có chút ít kinh nghiệm - đúng ra là khi em có một điều gì muốn nói, cô nghĩ em có thể làm thơ rất hay. Thơ ca cần sự hiểu biết và tầm nhìn, kinh nghiệm và trí tưởng tượng,

Rebecca ạ. Em chưa có ba điều đầu tiên, nhưng cô dám chắc em có một chút điều thứ tư rồi.”

“Em không được tiếp tục làm thơ nữa hay sao ạ, ngay cả chỉ để cho vui?”

“Chắc chắn là có chứ; thế sẽ giúp em viết văn tốt hơn. Giờ thì nói về bài luận đầu tiên nhé. Cô sẽ yêu cầu tất cả các học sinh mới viết một lá thư tả về thị trấn và sơ qua về cuộc sống học đường.”

“Em có phải bắt buộc là chính em không ạ?” Rebecca hỏi.

“Ý em là gì?”

“Thư Rebecca Randall gửi chị gái Hannah ở Trang trại Suối Năng, hay là gửi bác Jane ở ngôi nhà gạch ở Riverboro nghe thật ngốc nghếch và nhàm chán, nếu nó là thư thật nhưng nếu em có thể giả vờ là một người hoàn toàn khác và viết thư cho một người chắc chắn sẽ hiểu mọi điều em nói, thì em có thể viết hay hơn nhiều.”

“Được chứ; cô nghĩ làm thế thú vị đấy,” cô Maxwell nói; “thế em định sẽ là ai nào?”

“Em rất thích các cô gái là người thừa kế,” Rebecca trầm ngâm đáp. “Tất nhiên em chưa biết một ai như vậy bao giờ, nhưng những điều thú vị luôn xảy ra với các cô gái được thừa kế, đặc biệt là các cô gái tóc vàng. Nữ thừa kế của em không rộng tuếch và ngạo mạn như hai cô em trong câu chuyện *Cô bé Lọ Lem* đâu; cô ấy cao quý và rộng lượng. Cô ấy bỏ một trường danh giá ở Boston để đến đây vì đây là nơi cha cô sống hồi ông còn trẻ, trước khi gây dựng nên cơ nghiệp. Người cha giờ đã mất, và cô ấy có một người giám hộ, một người tốt và nhân hậu nhất trên đời, tất nhiên ông ấy rất già, và đôi lúc cũng lặng lẽ và nghiêm khắc, nhưng khi nào vui vẻ, ông cũng vui tính lắm, thế nên Evelyn không sợ hãi gì ông cả. Phải, cô gái ấy sẽ tên là Evelyn Abercrombie, và người giám hộ của cô là chú Adam

Ladd.”

“Em biết chú Ladd sao?” cô Maxwell ngạc nhiên hỏi.

“Có ạ, chú ấy là người bạn thân thiết nhất của em,” Rebecca sung sướng kêu lên. “Cô cũng biết chú ấy ạ?”

“Ồ có chứ; chú ấy là một trong những ủy viên của hai trường này, chú ấy hay đến đây lắm. Nhưng nếu cô để em ‘giả dụ’ thêm chút nữa, chắc em sẽ kể hết cả lá thư ra mất và như thế thì cô chẳng còn bất ngờ thú vị nào nữa.”

Rebecca nghĩ về cô Maxwell thế nào thì chúng ta đều đã biết; còn người giáo viên nhìn nhận cô học trò ra sao thì có thể thấy rõ qua lá thư sau đó vài ba tháng dưới đây.

Wareham - Ngày mùng Một tháng Mười hai.

CHA THÂN YÊU - Như cha vẫn biết đấy, con không mẫn mà cho lắm với việc dạy học. Cái nhiệm vụ nhồi nhét kiến thức vào lũ trẻ tự mẫn và bất tài cả nam lẫn nữ này nhiều khi khiến con chán nản. Càng ngu dốt, chúng càng không ý thức được điều đó. Nếu dạy bộ môn địa lý hay toán học, con tin con có thể cảm thấy mình còn đạt được điều gì đó, vì ở những môn này chỉ cần chuyên tâm và chăm chỉ là có kết quả tốt; nhưng với môn văn và viết luận thì học trò cần phải có đầu óc, biết rung cảm và tưởng tượng! Tháng này qua tháng khác con vất vả kì cạch cạy hết con hầu này đến con khác mà vẫn hiếm khi tìm được ngọc. Kỳ này con thật sung sướng biết bao khi chẳng cần nhọc công cạy mở gì con đã gặp được một viên ngọc quý hiếm; một viên màu đen, nhưng bóng mượt như xa tanh và đẹp rực rỡ! Cô bé tên là Rebecca, trông không khác gì Rebekah bên giếng trong cuốn Kinh Thánh của gia đình ta; mái tóc và đôi mắt cô bé đều màu sẫm như thể có dòng máu Ý hoặc Tây Ban Nha vậy. Cô bé chẳng là một ai đặc biệt cả. Rất trong sáng; gia đình hết sức bình thường, không tiền bạc, học hành ở chốn quê mùa không tên tuổi, không có lấy bất kỳ một điều kiện hơn người nào; nhưng Tạo hóa đã dang tay nói với cô bé mà rằng:

Đứa trẻ này ta đây nhận lấy;

Là của ta và ta sẽ biến
Thành Nàng yêu của riêng ta.
(Đứa trẻ này ta đây nhận lấy;
Con của ta ta nâng đỡ chở che
Biến con thành viên minh châu ngời sáng.)

Chúa phù hộ Wordsworth! Sao ông có thể khiến chúng ta hiểu được điều đó cơ chứ!
Và viên ngọc kia đến giờ mới được biết tên ông! Cha thử hình dung khi cha đọc
chùm thơ “Lucy” cho cả một lớp, và khi dừng lại, cha trông thấy một đôi môi mười
bốn tuổi đời run rẩy vì hạnh phúc, và một đôi mắt ngấn lệ đầy đồng cảm!

Cha thân yêu tội nghiệp của con! Cha cũng biết nỗi thất vọng khi gieo những hạt
giống tốt xuống đồng đất sỏi đá, xuống cát, xuống nước, và (đôi khi cả bùn nữa; khi
biết rằng nếu có hạt nào nảy mầm, đó sẽ là một cái cây đói khát. Và sung sướng biết
bao khi tìm được một bộ óc thật sự; khi gieo được hạt giống vào mảnh đất ấm áp,
màu mỡ mà ta biết chắc chắn sẽ có tán cây phủ bóng mát, hoa nở và quả đậu đúng
mùa! Giá con không thiếu kiên nhẫn và tham lam về kết quả như thế! Con không hợp
với nghề giáo viên; không ai cảm thấy khinh miệt sự ngu dốt nhiều như con cả...
Viên ngọc kia sáng tác những bài thơ quê mùa kỳ cục, dở như vè vẩy; nhưng bằng
cách này hay cách khác, cô bé luôn xếp đặt vào đó một dòng thơ, một suy ngẫm, một
hình ảnh, cho người ta thấy rằng cô sở hữu một điều gì bí mật, song cô lại không hề ý
thức được điều đó... Tạm biệt cha; con sẽ mang Rebecca về thăm nhà một thứ Sáu
nào đó, để cha mẹ có thể tự cảm nhận được về cô bé.

Con gái yêu của cha,

EMILY

CHƯƠNG XXII

Hoa đại và hương dương

*“*Các cậu thế nào rồi?” Huldah Meserve ngó vào phòng hỏi. “Dừng học một tí cho tớ vào thăm phòng được không? Nay, tớ mới từ tiệm về mua được đôi găng tay này đây, mùa đông này nhất định tớ không đeo bao tay nữa đâu; trông quê chết. Năm nay là năm đầu của các cậu, mà các cậu còn kém tuổi tớ nữa, nên tớ đoán các cậu chả quan tâm, nhưng tớ mà không ăn mặc cho ra dáng một tí tớ không chịu được. Nay, phòng của các cậu xinh không gì tả nổi đấy! Thế này chả phòng nào bì được rồi. Không biết cái gì khiến phòng này trông lộng lẫy thế nhỉ, cái rèm dài, hay là cái bình phong tao nhã, hay là cây đèn của Rebecca; nhưng đúng là các cậu rất khéo sắp xếp đấy. Tớ cũng thích có phòng xinh xắn, nhưng tớ chẳng có thời gian mà chăm sóc phòng; tớ lúc nào cũng bận bịu quần áo đến nỗi gần như lúc nào cũng phải đến trưa tớ mới dọn nổi cái giường; vả lại, chả có khách khứa nào ngoài mấy đứa bạn gái thì dọn cũng thế mà thôi. Khi nào tốt nghiệp xong, tớ sẽ sửa sang lại phòng khách ở nhà tớ sao cho thật vương giả. Tớ đã học được cách làm đề can dán tường rồi, tớ sẽ sơn lại phòng nữa rồi gắn thêm rèm trướng, vải phủ, bảng biển khắc trang trí, gối tựa xô pha, và xin mẹ nhóm lò sưởi để đón tiếp bạn bè vào buổi tối. Tớ hong chân ở chỗ cửa sưởi của các cậu được không? Tớ không đi nổi ủng trừ phi bùn tuyết cao đến đầu gối, chúng khiến chân trông to khủng khiếp luôn. Tớ vất vả lắm mới kiếm được đôi bốt gót Pháp này nên không định tùy tiện xỏ vào ủng để làm hỏng dáng của nó được. Tớ tin là bọn con trai để ý đến đôi bàn chân

trước tiên. Hôm qua Elmer Webster giẫm lên chân tớ khi tớ vô tình để chân ra ngoài lối đi, sau buổi học cậu ấy xin lỗi và nói không thể đổ lỗi hết cho cậu ấy được, vì chân tớ nhỏ quá cậu ấy không trông thấy. Cậu ấy có tuyệt không? Tất nhiên đấy chỉ là cách nói khéo, vì suy cho cùng tớ cũng chỉ đi số hai thôi, nhưng cái gót kiểu Pháp và mũi giày nhọn đúng là khiến chân trông nhỏ hơn hẳn. Người ta cũng bảo lòng bàn chân lõm nhiều thì chân trông nhỏ hơn là lòng bàn chân đầy đặn. Trước tớ cứ nghĩ là chân mình có tật, nhưng ai cũng bảo nó đẹp tuyệt. Để chân các cậu ra đây cạnh chân tớ một tí đi, xem xem khác nhau thế nào nào; tớ không quan tâm lắm đâu nhưng mà để cho vui thôi.”

“Chân tớ để ở đây thấy thoải mái lắm rồi,” Rebecca lạnh lùng đáp lại. “Tớ không thể bỏ học đại số chỉ để đi đo lòng bàn chân được; tớ để ý thấy cậu có cái kiểu thò chân ra ngoài lối đi từ hồi có giày mới kia, chẳng trách mà bị giẫm lên.”

“Có lẽ ban đầu đôi này còn khá kích nên tớ cứ thấy tức tức chân, đi một thời gian mới ổn dần. Này, chẳng phải các cậu cũng có bao nhiêu đồ mới đấy sao?”

“Ý cậu là quà Giáng Sinh của bọn tớ ấy à,” Emma Jane lên tiếng. “Vỏ gối là của bác Cobb gái, thảm từ chị họ Mary của tớ ở Bắc Riverboro, giở đựng rác của Living và Dick. Bọn tớ tặng nhau cái tủ nhỏ và vỏ gối tựa, còn cái bình phong là quà chú Ladd tặng tớ.”

“Ôi, các cậu gặp được ông ta thật là may mắn quá! Chao ôi! Tớ ước tớ gặp được ai đó như thế. Ông ấy còn duy trì tình bạn bao lâu nữa chứ! Cái bình phong này che luôn cái giường đi nhỉ, tớ thấy phòng nào mà có giường chình ình là trông chả ra cái thể thống gì - nhất là lại phải cái phòng nào bừa bộn nữa thì càng tệ; bọn cậu còn có cả tường thụt để kê giường, mà đây là phòng duy nhất trong cả tòa nhà này như vậy đấy. Sao mới đến

mà các cậu đã kiếm được phòng ngon thế?” cô hỏi về bất bình.

“Lẽ ra là không đâu, nhưng vì Ruth Berry phải trở về tang cha. Phòng này trống, thế là cô Maxwell xin cho bọn tớ ở đây,” Emma Jane trả lời.

“Khiếp, năm nay cái bà Max vĩ đại và kênh kiêu kia hắc xì dầu chưa từng thấy,” Huldah nói. “Tớ hết muốn làm bà ấy hài lòng rồi, vì bà ấy chẳng biết công bằng là gì sắt; đứa nào bà ấy quý thì bà ấy tốt với đứa đấy, còn đâu chẳng thèm đoái hoài gì đến bất kỳ đứa nào khác, ngoài mĩa mai người ta về những thứ chẳng liên quan gì đến bà ấy. Hôm qua tớ còn định bảo với bà ấy rằng việc của bà ấy là dạy tớ tiếng Latin, chứ không phải là ứng xử.”

“Tớ không muốn nghe cậu nói năng như thế về cô Maxwell.”

“Biết rồi, chả hiểu sao cậu lại chịu được bà ấy như thế.”

“Tớ không chỉ chịu được, mà tớ còn yêu quý cô ấy!” Rebecca hét lên. “Tớ không muốn nắng chiếu bóng da cô, hay là gió thổi làm cô lạnh. Tớ muốn lấy một tảng đá cẩm thạch làm bục giảng cho cô và một chiếc ghế bọc nhung cho cô ngồi bên chiếc bàn bằng vàng.”

“Chà, đừng có ầm lên chứ! Cô ấy ngồi chỗ nào tớ cũng mặc; tớ còn phải nghĩ đến những việc hay ho hơn.”

“Giờ này cậu không phải học à?” Emma Jane cắt ngang cuộc tranh luận.

“Phải, nhưng hôm qua tớ đánh mất cuốn ngữ pháp Latin rồi; tớ để ngoài sảnh nửa tiếng, lúc đấy tớ đang nói chuyện với Herbert Dunn. Tớ không nói chuyện với anh ấy cả tuần rồi, còn phải trả anh ấy cái huy hiệu tốt nghiệp nữa. Anh ấy tức điên lên. Rồi khi tớ quay lại thì quyển sách đã biến mất. Tớ phải xuống thị trấn mua đôi găng tay và tới phòng thầy hiệu trưởng xem có ai trả lại sách chưa, thế nên chẳng việc gì phải vội vàng.”

Huldah mặc một chiếc váy len vốn là màu ghi nhưng đã được nhuộm

thành màu xanh dương. Cô đính thêm ba hàng viền trắng và khuy ngọc trai trắng lên chiếc áo khoác màu ghi, để cho nó trông “sành điệu” hơn. Cái mũ nỉ màu ghi có một chiếc lông chim trắng, và một tấm mạng mỏng trắng với những chấm bi to càng tôn làn da mịn màng của cô. Rebecca thấy búi tóc đỏ dưới cái mũ đáng yêu làm sao, và màu tóc phía trước do bị uốn sấy nhiều đã nhạt đi biết bao nhiêu. Chiếc áo khoác để hở khuy của cô làm lộ ra một loạt các đồ lưu niệm đính trên nền màu xanh dương của váy - một lá cờ Mỹ, một huy hiệu Câu lạc bộ Chèo thuyền Wareham, và một hai huy hiệu đoàn thể nào đó. Những đồ trang sức này minh chứng cho độ nổi tiếng của cô y như những vật kỷ niệm khi tham gia văn nghệ treo trong phòng một cô hoa khôi thời thượng. Từ lúc bước vào phòng cô liên tục tháo ra đính vào chiếc mạng mỏng, hy vọng rằng hai cô bạn sẽ hỏi về chiếc nhẫn mà tuần này cô đang đeo; nhưng dù cả hai đều nhận ra chiếc nhẫn mới ngay, thì có cả đàn ngựa hoang cũng không thể kéo nổi ra một câu hỏi từ miệng hai cô. Khao khát được hỏi thăm của Huldah quá lộ liễu. Với bộ cánh chải chuốt, những “gật đầu đưa cằm và nụ cười rạng rỡ,”* và tiếng cười khúc khích, Huldah rất giống với con vẹt trong thơ Wordsworth:

Tinh quái và vẹt ta luôn vui vẻ
Ham vui nên rất thích giao du
Khao khát là trung tâm vũ trụ
Thích được người ta tán phục mình!

“Thầy Morrison đoán là sách sẽ được trả lại, nên cho tớ mượn tạm một cuốn,” Huldah tiếp tục. “Thầy rất cáu vì tớ để sách ngoài sảnh. Còn có một quý ông rất tao nhã lịch thiệp trong văn phòng thầy, tớ chẳng biết là ai, hy vọng đó là thầy giáo mới, nhưng làm gì may mắn đến thế. Anh ấy trẻ lắm,

không thể là phụ huynh được, là anh thì lại già quá, nhưng mà đẹp trai như tranh ấy, lại còn ăn mặc sành điệu vô cùng nữa chứ. Anh ấy nhìn tớ không rời một giây suốt lúc tớ ở trong ấy. Tớ xấu hổ đến nỗi thầy Morrison hỏi mà tớ chẳng trả lời được cho tử tế.”

“Chẳng bao lâu nữa cậu sẽ phải đeo mặt nạ nếu như cậu muốn được yên ổn, Huldah ạ,” Rebecca nói. “Anh ấy có đề nghị cho cậu mượn huy hiệu tốt nghiệp không, hay là anh ấy tốt nghiệp lâu quá rồi nên không còn đeo nữa? Mà thầy hiệu trưởng có xin cậu một lọn tóc để kẹp vào đồng hồ của thầy không thể?”

Những lời này được nói ra một cách vui vẻ, nhưng có những lúc Huldah không thể khẳng định được là Rebecca đang mỉa mai mình hay là đang ghen tị; cô cứ coi đó đơn giản là cảm giác ghen tị mà thôi, cũng là chuyện bình thường với một đứa con gái ít được chú ý đến.

“Anh ấy chẳng mang đồ trang sức gì ngoài cái ghim khăn mặt đá chạm và cái nhẫn tuyệt đẹp - cái loại là lạt quấn nhiều vòng quanh ngón tay ấy. Ôi trời, tớ phải chạy thôi! Đã hết một tiếng đồng hồ rồi ư? Có chuông học bài rồi!”

Rebecca căng tai ra khi nghe những lời đó của Huldah. Cô bé nhớ đến một cái nhẫn rất đặc biệt, thuộc về một người duy nhất trên đời này (ngoài cô Maxwell nhé) có thể khiến cô mơ mộng - chú Aladdin. Cảm nhận của cô với anh, và của cả Emma Jane nữa, là sự đan xen giữa niềm ngưỡng mộ vừa lãng mạn vừa thành kính đối với chính anh và lòng biết ơn nồng nhiệt với những món quà đẹp đẽ của anh. Kể từ khi hai cô bé gặp được anh, chưa một Giáng Sinh nào trôi qua mà anh không nhớ tới hai cô; những món quà được lựa chọn với khiếu thẩm mỹ và sự cẩn thận hiếm có. Emma Jane chỉ mới gặp anh hai lần, nhưng anh đã đến thăm ngôi nhà gạch vài lần rồi, và Rebecca cũng hiểu thêm về anh hơn. Cũng chính cô bé là người luôn gửi

cho anh những lá thư cảm ơn và tốn nhiều công viết sao cho thư của Emma Jane thật khác thư của mình. Thỉnh thoảng anh gửi thư từ Boston hỏi thăm tình hình Riverboro, và cô bé lại gửi hàng mấy trang giấy kể lể những chuyện trẻ con và kỳ quặc, đôi chỗ viết thêm những đoạn thơ mà anh đọc đi đọc lại rất thích thú. Nếu như người lạ mặt mà Huldah kể là chú Aladdin, liệu chú có đến thăm cô không, để cô và Emma Jane được cho chú thấy căn phòng đẹp đẽ của hai cô cùng bao nhiêu món quà của chú?

Khi đã ổn định cuộc sống trọ học ở Wareham, cả hai đều cảm thấy chưa bao giờ sung sướng đến thế. Thực tế mùa đông đầu tiên này là quãng thời gian hạnh phúc và bình yên nhất trong suốt đời đi học của Rebecca - một mùa đông mà mãi về sau cô vẫn nhớ đến. Cô bé và Emma Jane ở chung phòng, cả hai gom góp chút tài sản ít ỏi lại để trang hoàng cho căn phòng thật xinh đẹp và ấm cúng. Căn phòng ban đầu đã sẵn có thảm đỏ nhuộm sợi tươi tắn và bộ bàn ghế giường tủ bằng gỗ sồi. Phần còn lại, Rebecca lên ý tưởng, Emma Jane tìm đồ về thực hiện ý tưởng ấy, một phương pháp phân công vô cùng hợp lý. Cha bà Perkins vốn là chủ một cửa hàng tạp hóa, khi mất đi ông để lại cho cô con gái đã lập gia đình toàn bộ hàng hóa mình có. Mật mía, dấm, và dầu hỏa đủ cung cấp cho cả gia đình tới năm năm, tầng áp mái nhà Perkins vẫn là một kho báu cất trữ các loại vải ca rô, cốt tông, và đồ thêu thùa khâu vá. Thế là nhờ có Rebecca tác động vào, bà Perkins đã làm rèm cửa dài và trang trí diềm bằng vải trúc bầu rồi buộc lại bằng dải vải cốt tông Thổ Nhĩ Kỳ màu đỏ. Có hai tấm khăn trải bàn cùng tông màu, và mỗi cô bé có một góc học riêng. Sau khi nịnh nọt chán chê, Rebecca đã được phép mang đến cây đèn quý giá, thứ có thể khiến bất cứ căn phòng nào cũng trở nên sang trọng, và khi những món quà Giáng Sinh vừa rồi của chú Aladdin được gửi đến - tấm bình phong Nhật Bản cho Emma Jane và một giá sách nhỏ gồm tác phẩm của các thi hào Anh cho Rebecca - thì các

cô tuyên bố rằng như thế thật thú không kém gì đi lấy chồng và được quản lý gia đình.

Cuộc viếng thăm của Huldah là vào thứ Sáu, và cứ ngày này từ ba đến bốn rưỡi Rebecca được tự do làm một việc mà cô bé háo hức trông đợi suốt cả tuần. Cô luôn chạy dọc lối mòn đầy tuyết xuyên qua rừng thông sau trường phổ thông để tới một con phố yên ắng, rồi đi thẳng tới ngôi nhà lớn màu trắng nơi cô Maxwell sống. Người hầu đa nhiệm mở cửa cho cô; cô bỏ mũ và cởi áo choàng ra treo ngoài sảnh, để đôi ủng và ô cẩn thận vào góc nhà và mở cánh cửa tới thiên đường. Hai bên tường phòng khách của cô Maxwell là các tủ sách lớn, và Rebecca được phép ngồi bên lò sưởi xem sách thỏa thích khoảng một tiếng hoặc hơn thế. Rồi cô Maxwell từ trường về và cuộc trò chuyện quý giá diễn ra trong khoảng nửa tiếng trước khi Rebecca tới ga gặp Emma Jane để bắt tàu về Riverboro. Nơi ấy, cô bé sẽ nghỉ ngơi suốt thứ Bảy và Chủ nhật, được giặt giũ, là ủi, khâu vá, kiểm tra, được khen ngợi và khiển trách, răn đe và khuyến nhủ đủ cho tuần tiếp theo.

Thứ Sáu tuần này cô bé vui mặt vào khóm hoa phong lữ đang nở rộ trên giá trồng hoa của cô Maxwell, chọn lấy cuốn *Romola* trên giá sách, ngồi xuống bên cửa sổ với một niềm thỏa mãn vô bờ bến. Chốc chốc cô bé lại liếc mắt nhìn đồng hồ, không quên cái ngày cô mãi mê đắm vào thế giới của *David Copperfield* đến nỗi tâm trí không còn chỗ cho chuyến tàu về Riverboro nữa. Cô bé Emma Jane không thấy bạn đâu thì đâm ra lo lắng không chịu về trước, bèn chạy từ ga về nhà cô Maxwell tìm bạn. Chỉ còn một chuyến tàu nữa, mà nó dừng ở một ga quá Riverboro những ba dặm, thế là hai cô bé về đến nhà thì trời đã tối om, rã rời sau chuyến đi bộ trong tuyết lạnh.

Sau khi đọc được ba mươi phút cô bé liếc ra ngoài cửa sổ và thấy hai dáng người bước ra từ lối mòn trong rừng. Búi tóc rực màu và chiếc mũ

đom dáng chỉ có thể là của một người duy nhất; và người đồng hành của cô, khi cả hai tiến lại gần ngôi nhà, hóa ra không ai khác chính là chú Aladdin. Huldah nâng chiếc váy thật thanh nhã và lựa chỗ đặt chân thật an toàn cho đôi giày cao gót của mình, đôi má cô ửng hồng, đôi mắt long lanh dưới tấm voan trắng chấm đen.

Rebecca bỏ chỗ ngồi bên cửa sổ lại chỗ tắm tắm bên lò sưởi đang rực rực cháy và tựa đầu lên chiếc ghế nghỉ lớn. Cô thấy hoảng sợ trước cơn giông bão trong tim mình trước sự xuất hiện đột ngột của nó, cũng như trước cảm xúc đầy lạ lẫm đang trào dâng. Ngay lập tức cô bé thấy mình không chịu nổi việc phải chia sẻ tình bạn của chú Aladdin với Huldah: Huldah quá rực rỡ, nồng nhiệt và xinh đẹp, vui vẻ và phóng khoáng, và là một người bầu bạn tuyệt vời! Cô vẫn luôn vô tư chấp nhận Emma Jane trong mối quan hệ quý giá ấy, nhưng có lẽ cô vô tình tự nhận thấy Emma Jane chỉ luôn đứng ở vị trí thứ hai trong mỗi quan tâm của chú Aladdin; nhưng suy cho cùng, cô là ai mà lại mong đứng ở vị trí đầu tiên chứ?

Bất chợt cánh cửa khẽ mở và ai đó nhìn vào, ai đó nói rằng: “Cô Maxwell nói tôi có thể tìm thấy cô Rebecca Randall ở đây.”

Rebecca giật nảy mình trước âm thanh đó và đứng bật dậy, hào hứng nói, “Chú Aladdin! Ôi! Cháu biết chú đã ở Wareham, nhưng cháu nghĩ chú không có thời gian để thăm chúng cháu.”

“‘Chúng cháu’ sao? Các bác không ở đây đấy chứ?Ồ, ý cô là cô con gái ông thợ rèn giàu có ấy hả, cái cô bé mà tôi không bao giờ nhớ nổi tên được. Cô ấy cũng ở đây sao?”

“Vâng, cậu ấy là bạn cùng phòng với cháu,” Rebecca trả lời, thầm nghĩ tiếng chuông tận số của chính mình đã vang lên, khi chú còn quên cả tên Emma Jane.

Ánh sáng trong phòng dịu đi, lò sưởi lách tách vui vẻ, và họ nói về đủ

thứ chuyện, cho đến khi cảm giác thân quen và gần gũi len lỏi trở lại chiếm ngự trái tim Rebecca. Adam đã không gặp cô bé mấy tháng rồi, có biết bao nhiêu chuyện cần kể về trường học từ góc nhìn của cô; anh cũng đã hỏi thăm qua thầy Morrison về chuyện học hành của cô.

“Chà, cô Rebecca bé nhỏ ạ,” cuối cùng anh nói, như tự đánh thức chính mình, “tôi phải tính đến chuyện đánh xe về Portland thôi. Ngày mai có một cuộc họp ban giám đốc đường sắt, tôi luôn tận dụng cơ hội ấy để về thăm trường và góp ý kiến về các vấn đề của trường, giáo dục và tài chính.”

“Cháu hình dung chú là ủy viên của trường thì thấy hơi buồn cười,” Rebecca ngẫm ngợi. “Cháu không thấy hợp cho lắm.”

“Cô thật là một cô bé thông thái và tôi hoàn toàn đồng ý với cô,” anh trả lời; “sự thực là,” anh nói thêm, vẻ trầm ngâm, “tôi đồng ý làm ủy viên trường vì người mẹ đáng thương của tôi, bà đã có những năm tháng hạnh phúc cuối cùng ở trường này.”

“Thế thì chắc phải lâu lắm rồi!”

“Để xem nào, tôi ba mươi hai; chỉ mới ba hai thôi, mặc dù tóc đã có vài sợi bạc. Mẹ tôi lấy chồng một tháng sau khi tốt nghiệp; và bà chỉ sống đến khi tôi mười tuổi; phải, hồi mẹ tôi học ở đây là đã lâu lắm rồi, mặc dù tôi nghĩ khi ấy trường mới chỉ mười lăm hai mươi năm tuổi thôi. Cô có muốn xem hình mẹ tôi không, cô Rebecca?”

Cô gái nhỏ khẽ đón lấy chiếc khung ảnh gập bằng da, mở ra và thấy một khuôn mặt tinh khôi như đóa hoa cúc trắng hồng, rất đỗi ngây thơ, rất đỗi đa cảm, làm trái tim người ta không khỏi xốn xang. Rebecca thấy mình như lớn hơn, từng trải hơn, và trong lòng trỗi dậy bản năng làm mẹ. Khoảnh khắc ấy cô mong mỗi được vỗ về và nâng đỡ tâm hồn mong manh trong trẻo ấy.

“Ôi, một khuôn mặt dịu dàng tinh khiết như hoa vậy!” cô bé thì thầm.

“Bông hoa đã phải hứng chịu đủ mọi thứ bão giông”, Adam đau đớn. “Thời tiết khắc nghiệt đã bẻ cong cành hoa mảnh mai, vùi bông xuống đất đen. Tôi chỉ là một đứa trẻ và đã không thể làm gì để bảo vệ và nuôi dưỡng cành hoa ấy, không một ai đứng ra che chắn cành hoa ấy trước những nghiệt ngã của giông bão. Giờ đây tôi có được thành công, tiền bạc và quyền lực, tất cả những thứ sẽ giúp bà sống vui và hạnh phúc, nhưng đã quá muộn. Bà mất vì thiếu tình yêu và sự chăm sóc, gần gũi và yêu thương, và tôi không bao giờ quên được điều đó. Những gì tôi đạt được ngày hôm nay đôi lúc như là vô dụng, vì tôi không thể nào chia sẻ được cùng bà nữa!”

Đây là một chú Aladdin thật mới, thật khác, khiến trái tim Rebecca trào lên lòng cảm thương và đồng cảm. Câu chuyện này giải thích về một mối trong mắt chú, và phảng phất đâu đây ngay khi chú vui vẻ nói cười.

“Cháu mừng là cháu đã được biết chuyện,” cô bé nói, “và thật hay khi cháu được thấy bà trong hình ảnh một cô gái buộc dải mũ trúc bầu trắng dưới cằm với lọn tóc xoắn vàng và đôi mắt xanh dương. Hẳn bà đã hạnh phúc lắm. Ước gì bà được sống mãi như thế, để thấy chú lớn lên mạnh giỏi. Mẹ cháu thì bận bịu và buồn rầu suốt, nhưng một lần khi mẹ nhìn em John cháu nghe mẹ nói, ‘Thằng bé bù đắp cho tất cả.’ Đó là những gì mẹ chú sẽ nghĩ về chú nếu như bà còn sống - và có lẽ ngay bây giờ bà cũng nghĩ như thế.”

“Cô thật là biết an ủi người khác, Rebecca ạ,” Adam nói, đoạn đứng dậy.

Khi Rebecca đứng dậy, những giọt nước mắt vẫn còn rung rinh đọng trên mí mắt, anh nhìn cô bất chợt như nhận ra điều gì.

“Tạm biệt!” anh nói, nắm lấy đôi tay mảnh mai rám nắng và thốt lên như thể mới gặp cô lần đầu, “Chao, cô Bạch Tuyết-Hồng Đỏ nhỏ bé đang

lớn lên thành một cô gái khác! Đốt dầu hăng đêm học cho hết chương trình bốn năm trong vòng ba năm lẽ ra phải khiến đôi mắt mờ đi và đôi má nhợt nhạt, vậy mà đôi mắt Rebecca vẫn rực sáng và đôi má vẫn tươi tắn hồng hào! Hai bím tóc dài luồn vào nhau thành chữ u màu đen phía sau lưng và buộc bằng hai chiếc nơ lớn! Cô ấy cao sắp đến vai tôi rồi. Không thể vô lý như thế được! Làm sao chú Aladdin sống nổi khi không có người bạn nhỏ thân thiết này đây! Ông ta không thích các cô gái trưởng thành với những chuỗi hạt và áo quần đẹp đẽ; họ chỉ làm ông ấy sợ hãi và ngán ngấm thôi!”

“Ôi, chú Aladdin!” Rebecca phấn chấn thốt lên vì tin lời trêu đùa của anh; “cháu còn chưa được mười lăm, và phải ba năm nữa cháu mới là người trưởng thành; xin đừng vội thất vọng về cháu!”

“Tôi sẽ không như thế đâu; tôi hứa đấy,” Adam nói. Ngừng lại một chút, anh nói “Rebecca, cô gái trẻ với bộ tóc đỏ xinh đẹp và kiểu cách thành thị kia là ai thế? Cô ấy đưa tôi qua đồi; cô biết tôi đang nói ai chứ?”

“Chắc là Huldah Meserve; chị ấy cũng ở Riverboro.”

Adam đưa một ngón tay nâng cằm Rebecca lên và nhìn vào mắt cô; đôi mắt dịu dàng, trong trẻo, vô tư, và vẫn trẻ con như hồi cô mới mười tuổi. Anh nhớ đến đôi mắt xanh dương kia đầy thách thức với cái liếc mắt khêu gợi qua đôi mi nhắm hờ nằm dưới cặp mày cong cong, bắn sang anh những ánh nhìn như mũi tên. Đoạn anh nghiêm giọng nói, “Đừng học theo cô ấy, Rebecca ạ; hoa dại mọc trên cánh đồng bên Suối Năng không thể nằm chung một bó với hướng dương sắc sỡ được; chúng ngọt ngào hơn, thơm hơn, và trong sáng hơn nhiều.”

CHƯƠNG XXIII

*Ngọn đời Gian nan**

Năm học đầu tiên đầy hạnh phúc ở Wareham với chân trời rộng mở, tầm nhìn cao xa cùng những cơ hội tuyệt vời hơn, đã trôi qua mãi mãi. Rebecca miệt mài học suốt kỳ nghỉ hè, và khi trở lại vào kỳ mùa thu cô bé đã qua được một số môn giúp cô có khả năng hoàn thành được chương trình học trong vòng ba thay vì bốn năm, nếu như năm sau cô vẫn thực hiện được kế hoạch này. Cô bé không có được thành công nào rực rỡ - việc đó là điều không thể bởi chương trình đào tạo của cô đầy bất cập; nhưng cô bé lại xuất sắc ở một vài môn bắt buộc, và học tốt ở các môn còn lại nên điểm tổng kết rất đáng nể. Có lẽ cô sẽ chẳng bao giờ là học sinh nổi bật trong bất kỳ hoàn cảnh nào, và cô thua xa khoảng một chục học sinh nữ khác về môn toán và các môn tự nhiên khác. Nhưng không hiểu bằng cách nào sau nhiều tháng cô bé đã trở thành nhân vật đứng đầu trong trường. Mỗi khi quên sạch các số liệu thông tin để có thể trả lời đầy đủ và chắc chắn, cô thường đưa ra được một cách kiến giải độc đáo nào đó; không phải lúc nào cũng đúng, nhưng chúng luôn độc đáo và đôi khi thú vị. Cô bé chỉ thuộc loại khá ở môn Latin và tiếng Pháp, nhưng khi đụng đến dịch thuật, thì sự tự do, cảm quan ngôn ngữ và năng lực cảm được cái hồn văn bản khiến cô trở thành niềm hứng khởi của các giáo viên và nỗi tuyệt vọng của các đối thủ.

“Con bé có thể hoàn toàn không biết gì về một vấn đề,” cô Maxwell nói với Adam Ladd, “nhưng một khi đã có chút gợi mở thì cực kỳ thông minh. Phần lớn những nữ sinh khác thì có đầy thông tin nhưng đầu óc lại không

nhảy bén.”

Năng khiếu của Rebecca trong năm đầu tiên hầu như chưa được phát hiện, chỉ trừ một vài cá nhân, khi cô bé còn lảng lạng tìm đường thích nghi với hoàn cảnh xung quanh. Dễ thấy cô bé xuất thân nghèo khó; không quần áo đẹp để hấp dẫn người khác, không khách khứa, không bè bạn trong thị trấn. Cô bé có nhiều thời gian học hành hơn, và nhờ thế cô ít đàn dúm với chúng bạn, song vẫn vui vẻ như vẫn vui vẻ chào đón sự nhộn nhịp của cuộc sống học đường. Dù vậy, giống như nước luôn tìm được đúng mức của nó, vào mùa xuân năm học thứ hai, bằng một cách rất tự nhiên, cô bé lấy được vị trí đứng đầu như khi còn ở lớp học nhỏ ở Riverboro. Cô được nhất trí bầu làm phó ban biên tập tờ *Hoa tiêu Học đường Wareham*, trở thành nữ sinh đầu tiên đạt được cái ghế đáng ghen tị ấy, cho dù đó là vị trí vất vả và chẳng béo bở gì. Khi số đầu tiên do cô phụ trách đến tay nhà Cobb, bác Jerry và bác Sarah sung sướng tự hào đến mức ăn ngủ không yên.

“Nó lúc nào cũng được bầu,” Huldah Meserve nhận xét khi nói về cuộc bầu chọn, “vì dù nó có biết hay chẳng biết quái gì đi nữa, thì trông cứ như thể là nó biết hết, và dù nó có khả năng làm tròn trách nhiệm hay không, thì trông cứ như thể là nó có vậy. Tôi chỉ mong tôi cũng cao và da cũng rám nắng, có tài làm cho người khác tin là tôi cực kỳ như Rebecca Randall. Có một điều: dù lũ con trai bảo nó xinh, thì ai cũng thấy là chúng chẳng để ý mấy đến nó.”

Trên thực tế thái độ của Rebecca đối với giới kia vẫn là thờ ơ, dù cô đã mười lăm tuổi rưỡi! Không ai nhìn cô bé mà lại nghi ngờ khả năng hấp dẫn ẩn giấu đâu đó của cô, nhưng tiềm năng ấy trong cô vẫn còn vui vẻ chờ thời cơ. Một người chỉ có thể tập trung vào một việc ở một thời điểm nhất định, và đương nhiên là để thỏa mãn nhu cầu cấp thiết nhất, nổi khao khát

cháy bỏng nhất, tham vọng cao nhất. Rebecca lúc nào cũng có những lo lắng sợ hãi, bởi mọi chuyện ở ngôi nhà gạch không được xuôi chèo mát mái và ở trang trại quê nhà cũng chẳng xán lạn gì. Cô quá bận rộn, vai đầy gánh nặng, và những suy nghĩ của cô một cách tự nhiên đều hướng về những gian nan khó nhọc của cuộc sống thường nhật.

Cô bé nhận thấy suốt mùa thu và mùa đông năm ấy, bác Miranda, nếu không tính khoảng thời gian đầu tiên khi cô mới đến ngôi nhà gạch, chưa bao giờ khó tính và xét nét đến thế. Một thứ Bảy nọ Rebecca chạy vội lên lầu và òa khóc, “Bác Jane ơi, chắc cháu chẳng thể chịu nổi khi bác ấy mắng mỏ suốt thế này đâu. Cháu chẳng bao giờ làm vừa lòng bác Miranda được cả; bác ấy mới nói cháu phải mất cả đời mới tổng hết được giống Randall ra khỏi cháu, mà cháu không nghĩ rằng mình muốn như thế tí nào!”

Luôn là người kín đáo giấu tâm tình, bác Jane cũng phải bật khóc cùng Rebecca khi vỗ về cô bé.

“Cháu phải kiên nhẫn vậy,” bác nói, lau nước mắt mình rồi lau cho Rebecca. “Bác chưa nói với cháu, bởi cháu lo học hành đã đủ vất vả nên bác không muốn cháu lo thêm, nhưng bác Miranda không khỏe đâu. Một buổi sáng thứ Hai khoảng một tháng trước bác ấy bị ngất; không nặng lắm, nhưng bác sĩ e rằng đó có thể là một cơn sốc, và nếu đúng thế thì nó báo hiệu sức khỏe bác ấy đang xuống dốc. Bác để ý thấy từ lần đó bác ấy yếu dần đi, tính tình trở nên bực bội và dễ cáu bẳn. Bác ấy còn có những mối lo khác nữa mà cháu không biết được, nên nếu cháu không yêu thương bác ấy lúc này, cháu gái ơi, thì sau này cháu sẽ phải ân hận đấy.”

Mọi giận dữ tan biến trên khuôn mặt Rebecca. Cô bé ngừng khóc và nói đầy hối lỗi, “Ôi, tội nghiệp bác ấy! Giờ thì cháu chẳng để bụng những điều bác ấy nói nữa. Bác ấy vừa bảo cháu mang cho bác ấy ít bánh mì sữa, cháu cứ sợ sợ, nhưng giờ thì mọi chuyện khác rồi. Bác Jane, bác đừng vội lo gì

cả, vì có khi mọi chuyện không tệ như bác lo sợ đâu.”

Thế là, lát sau khi cô bé mang bánh mì đến cho bác, bánh được đặt trên cái đĩa sứ viền vàng đẹp nhất, cùng một chiếc khăn ăn tua rua đặt trên khay và một nhánh phong lữ đặt ngang trên hũ muối.

“Đây rồi, bác Miranda,” cô bé hồ hởi nói, “hy vọng bác sẽ nếm thử và khen ngon; vì đây không phải là bánh mì Randall, mà là bánh mì Sawyer đấy ạ.”

“Cô cứ giở trò với tôi hết lần này đến lần khác,” bác Miranda trả lời. “Bánh mì ngon đấy; nhưng giá cô đừng có phí cảnh phong lữ xinh đẹp kia.”

“Sao lại phí chứ bác,” Rebecca lý sự; “biết đâu cảnh phong lữ ấy mong được làm cho bữa tối của ai đó ngon miệng từ lâu lắm rồi, thế nên bác đừng làm nó thất vọng bằng cách vờ như không thích nhé. Cháu đã thấy phong lữ khóc rồi đấy - vào lúc sáng sớm tinh mơ bác ạ!”

Rắc rối mà bác Jane nhắc đến là thật, nhưng vẫn được giữ kín tuyệt đối. Hai nghìn rưỡi đô la trong gia sản khiêm tốn nhà Sawyer được đầu tư vào công việc kinh doanh của một người bạn ông Israel, và hằng năm đem lại cho họ lợi tức một trăm đô la. Người bạn nợ đã mất năm năm nay, nhưng con trai ông kế tục sự nghiệp của cha và mọi thứ tiếp diễn tốt đẹp như cũ. Bất thành linh, một lá thư gửi đến nhà nói rằng công ty đã phá sản, việc kinh doanh đổ bể hoàn toàn, và rằng số tiền nhà Sawyer bị cuốn trôi cùng tất cả mọi thứ khác.

Mất đi một trăm đô la mỗi năm là một việc bình thường, nhưng nó lại là sự thay đổi từ tiện nghi sang chịu đựng đối với hai bà cô già. Cách sống của hai bà vốn vẫn chặt bóps đến mức khó có thể tiết kiệm hơn được nữa, mà tai họa lại ập đến đúng vào lúc khó khăn nhất, bởi chi phí ăn học của Rebecca, dù nhỏ bé thôi, cũng phải trả đúng kỳ hạn và bằng tiền mặt.

“Chúng ta có tiếp tục giữ kín được không? Hay đành phải cho con bé biết chuyện?” bà Jane đau đớn hỏi chị.

“Đã đâm lao thì phải theo lao thôi,” Miranda trả lời bằng giọng kiên quyết nhất; “chúng ta đã lấy con bé khỏi vòng tay mẹ nó và cho nó ăn học, chúng ta phải giữ lời hứa. Nó là hy vọng duy nhất của Aurelia sau này, tôi có thể thấy như vậy. Anh chàng của Hannah đã chiếm hết thời gian và tâm trí con bé rồi, nó mà đi lấy được chồng thì cũng chả còn nhớ tới mẹ đâu. Thằng John thì không chịu làm nông, cứ thích thành bác sĩ cơ - làm như giờ thiên hạ ốm đau hết lượt, không đẻ đâu ra được mấy tay bác sĩ vắt mũi chưa sạch để giúp họ xuống huyết ấy. Đừng, Jane ạ; chúng ta phải chặt bóp lại, và tính cách xoay xở với chỗ lợi tức của chúng ta cách này hay cách khác, nhưng dù thế nào đi nữa cũng không được đi ngược lại nguyên tắc của mình.”

“Đi ngược lại nguyên tắc của mình”, theo những phụ nữ New England tằn tiện, là một tội ác chỉ đứng sau tội đốt nhà, trộm cướp, giết người; và mặc dù đôi khi theo lẽ thường, nguyên tắc ấy hơi quá đáng - như trong trường hợp này, khi hai bà cô già tuổi đã sáu mươi có thể lấy một chút từ khoản tích cóp của mình trong lúc cần thiết - rõ ràng nó chỉ có thể mang lại điều tốt đẹp chứ không phải xấu xa giữa cộng đồng.

Rebecca không hay biết gì về chuyện tiền nong kinh doanh của hai bác, chỉ thấy rằng càng ngày hai bác càng tiết kiệm hơn, thẳng tay cắt chỗ nợ giảm chỗ kia. Thịt thà cá mú mua ít đi; người phụ nữ gần đây đến giặt giũ, là ủi, cọ rửa trong nhà hai lần một tuần bị cho nghỉ; những chiếc mũ cũ từ mùa trước được chỉnh sửa lại cho mùa này; không còn những chuyến đi Moderation hay Portland nữa. Chính sách tiết kiệm được thi hành triệt để; nhưng mặc dù trong cung cách và chuyện trò Miranda vẫn giữ cái ảm đạm và cứng rắn mà một người phụ nữ có thể làm, ít nhất thì bà cũng không hề

trách mắng cô cháu gái là gánh nặng của mình; thế nên Rebecca chỉ có thể chia sẻ vận hạn với hai bác bằng cách mặc lại váy áo, mũ nón, áo khoác cũ, mà không hề trông chờ vào chút thay đổi nào.

Tuy nhiên, những chuyện xảy ra ở Suối Nắng thì chẳng bị giấu giếm gì, hàng loạt những rủi ro lũ lượt dạt nhau đến trong suốt một năm trời. Vụ khoai tây thất bát; táo không có lấy một quả; đồng cỏ khô xơ xác; Aurelia bị những cơn chóng mặt xoay vần; Mark gãy cổ chân. Đây là tai nạn thứ tư của cậu, nên bác Miranda phải đặt ra câu hỏi không rõ người ta có bao nhiêu xương, “để còn biết khi nào nó gãy hết xương trong người nó nữa chứ”. Thời điểm trả tiền lãi thế chấp, cơn ác mộng giết chết mọi niềm vui trong gia đình Randall, đã đến và đã qua. Lần đầu tiên trong mười bốn năm qua không có lấy một cơ may nào cho họ trả nổi khoản tiền bốn mươi tám đô la. Điểm sáng duy nhất đăng chân trời là Hannah đã đính hôn với Will Melville - anh chàng nông dân có phần đất giáp với Suối Nắng, nhà cửa ổn định và sống có một mình. Hannah thỏa mãn với tương lai xán lạn bất ngờ ấy đến nỗi không nhận ra nỗi lo lắng của mẹ. Có những tính cách được nuôi dưỡng trong nghịch cảnh, nhưng bị bào mòn khi gặp được hào quang bất chợt. Cô đã đến thăm ngôi nhà gạch một tuần; và ấn tượng của Miranda, mà chỉ Jane được biết, là Hannah đúng như một mảnh vỏ cây, ích kỷ vô cùng; leo được lên cao rồi thì đá bay cái thang phía dưới; và khi hai bác ướm hỏi về khả năng đỡ đần các em sau này, cô nói cô nghĩ mình đã chia sẻ gánh vác đủ rồi, và cô sẽ không bắt Will phải cưu mang cả những người thân đói khổ của cô. “Nó đúng là Susan Randall từ trong ra ngoài!” Miranda thốt lên. “Tôi mừng khi thấy nó hướng về phía Temperance. Nếu số tiền thế chấp kia có bao giờ được hoàn trả, thì cũng không phải nhờ Hannah; sẽ phải là Rebecca hoặc là tôi đây!”

CHƯƠNG XXIV

Aladdin cọ cây đèn thần

“Bài báo ‘Hoa đại Wareham’ rất giá trị của cô đã được tờ *Hoa tiêu* nhận rồi, thưa cô Perkins,” Rebecca vừa nói vừa bước vào phòng khi Emma Jane đang ngồi mạng tất cho cả hai. “Tớ ở lại uống trà với cô Maxwell, nhưng về sớm để báo cho cậu biết!”

“Cậu đùa đấy à, Becky!” Emma Jane ngẩng lên ấp úng.

“Không đùa tí nào; trưởng ban biên tập đã đọc và đánh giá rằng nó rất giàu thông tin; bài sẽ đăng vào số sau.”

“Không phải cùng một số với bài thơ của cậu về những cánh cổng vàng đóng lại phía sau lưng khi chúng mình rời trường học đấy chứ?” Emma Jane hỏi và nín thở đợi câu trả lời.

“Đúng thế đấy, thưa cô Perkins.”

“Rebecca,” Emma Jane nói, với kiểu cách đầy bi kịch mà tính cách cô cho phép, “tớ không biết mình có chịu nổi chuyện này không, và nếu có chuyện gì xảy ra với tớ, thì nghiêm túc nhờ cậu chôn số *Hoa tiêu* ấy cùng tớ đấy nhé.”

Rebecca có vẻ không nghĩ đây là biểu hiện cảm xúc hơi quá lỗ bởi cô đáp lại, “Tớ hiểu chứ; ban đầu tớ cũng cảm thấy như vậy, và kể cả bây giờ, bất kỳ lúc nào ở một mình và đọc lại những bài của tớ trong các số trước, tớ như muốn nổ tung vì sung sướng; mà không phải vì chúng hay ho, vì càng đọc tớ càng thấy chúng tệ hơn.”

“Ước gì về già cậu sống cùng tớ trong một ngôi nhà nhỏ,” Emma Jane mơ mộng khi nhìn về phía tường đối diện với chiếc kim mạng vẫn đang giờ lên, “tớ sẽ dọn dẹp nhà cửa và nấu nướng, chép lại thơ cùng truyện của cậu để mang ra bưu điện, còn cậu không phải làm gì khác ngoài việc viết lách. Sẽ thật tuyệt biết bao!”

“Tớ chẳng mong gì hơn thế, nếu như không phải tớ đã hứa sẽ trông nom nhà cửa cho John,” Rebecca đáp.

“Còn lâu cậu ấy mới có nhà riêng, phải không?”

“Phải,” Rebecca buồn rầu trả lời, gieo mình xuống ghế và lấy tay chống đầu. “Trừ phi nhà tớ xoay xở trả cho xong món tiền thế chấp đáng ghét kia. Cái ngày ấy càng lúc càng xa xôi thay vì gần hơn, bởi năm nay nhà tớ chưa trả nổi tiền lãi.”

Cô bé lấy ra một tờ giấy, hí hoáy viết một lát rồi đọc to lên:

“Cô trả nhanh hơn chút được không?”

Giấy thế chấp tôi ở đây đã mười mấy mùa đông.”

“Chẳng phải mình ông mệt mỏi,” Rebecca bật khóc;

“Ước chi chẳng phải thấy mặt ông!”

“Giấy thế chấp cũng có ‘mặt’ cơ đấy,” Emma Jane nhận xét, cô bé rất khá môn hình học. “Tớ không biết là tờ thế chấp cũng có mặt đâu.”

“Thế chấp nhà tớ thì có,” Rebecca hậm hực đáp. “Dù là trong bóng tối tớ cũng vẫn nhận ra. Chờ tớ vẽ cho cậu xem. Sẽ có ích cho cậu đấy, sau này khi cậu lấy chồng và có bảy đứa con thì cậu cũng biết mặt lão để không cho lão mon men đến gần trang trại nhà cậu.”

Bức vẽ Rebecca hoàn thành là một bức mà một người nhát như cáy sắp đi ngủ nên tránh xa. Một ngôi nhà tí xíu bên phải tranh, và một gia đình

đang khóc lóc tím tím trước nhà. Tờ thể chấp được khắc họa dưới hình thù kết hợp giữa ma quỷ và yêu tinh, bàn tay phải đỏ rực giơ cao một cái rìu. Một hình người với những lọn tóc dài đen chặn lại cú đánh đó, và đây, Rebecca giải thích vẽ hài lòng, là để chỉ chính cô, mặc dù cô còn chưa rõ làm cách nào để đạt được mục đích phản kháng của mình.

“Ông ta thật khủng khiếp,” Emma Jane nói, “nhưng mà nhăn nhoe và bé tí tẹo.”

“Chỉ là khoản thể chấp hai nghìn rưỡi,” Rebecca nói, “và đó được coi là khoản nhỏ. Có lần John gặp một ông có khoản thể chấp những mười hai nghìn cơ.”

“Cậu sẽ làm nhà văn hay là biên tập viên?” Emma Jane hỏi rất đơn giản, như thể chỉ cần chọn lựa là mọi việc sẽ xong.

“Tớ nghĩ chắc tớ sẽ làm công việc nào đến tay mình trước.”

“Sao không đi truyền giáo ở Syria đi, như ông bà Burch vẫn khuyên ấy? Hội đồng Truyền giáo sẽ trả mọi chi phí cho cậu.”

“Tớ không quyết định được có làm nhà truyền giáo hay không nữa,” Rebecca đáp. “Thứ nhất là tớ không đủ tốt đẹp, và tớ cũng không thấy mình ‘được Chúa vời’ như ông Burch nói ấy. Tớ muốn làm điều gì đó cho ai đó, khiến mọi thứ thay đổi, ở một nơi nào đó, nhưng tớ không muốn đi hàng ngàn dặm để dạy cho người khác cách sống trong khi bản thân tớ còn chưa học được điều đó. Những người ngoại đạo xem ra không cần tớ lắm; chắc chắn là cuối cùng họ cũng ổn cả thôi.”

“Tớ không hiểu; nếu như tất cả những người phải đi cứu rồi họ đều ở nhà như chúng ta thì sao chứ,” Emma Jane phản bác.

“Vì, dù Chúa trời có là ai, và ở đâu đi nữa, Người cũng sẽ luôn ở đó, sẵn sàng và chờ đợi. Người không đi chỗ nọ chỗ kia mà lỡ bỏ rơi ai đó. Có thể người ngoại đạo sẽ mất nhiều thời gian hơn để tìm được Người, nhưng

chắc chắn Người sẽ suy nghĩ cho họ. Người biết nếu sống ở nơi khí hậu nóng nực như thế thì họ hẳn phải thấy lười biếng và chậm chạp; lũ vẹt cùng hổ rằn và những cây sa kê làm họ phân tâm; và khi không được đọc sách vở, họ cũng chẳng thể suy nghĩ cho thấu đáo; nhưng cách này hay cách khác, lúc này hay lúc khác, họ cũng sẽ tìm thấy Chúa trời thôi.”

“Nếu họ chết trước khi họ tìm thấy thì sao?” Emma Jane hỏi.

“Thì, không thể đổ lỗi cho họ được; họ đâu có muốn chết,” Rebecca đáp trên quan điểm thần học rất dễ chịu.

Những ngày này Adam Ladd thi thoảng lại đến Temperance vì công chuyện có liên quan đến việc mở tuyến đường sắt hay được gọi là tuyến “York và Yank”, ở đó anh nghe phong thanh về chuyện trang trại Suối Năng. Việc xây dựng con đường mới vẫn chưa chắc chắn, và còn ý kiến cho rằng có tuyến khác tốt hơn từ Temperance đi Plumville. Có khả năng con đường sẽ chạy thẳng qua Suối Năng, từ đầu nọ qua đầu kia, và bà Randall sẽ được đền bù; còn một khả năng nữa là lợi ích của bà không thêm cũng không bớt, ngoại trừ đất đai quanh đường tàu có thể sẽ lên giá một chút.

Từ Temperance trở về Wareham một ngày nọ, Adam cùng Rebecca đi dạo và nói chuyện rất lâu. Anh thấy Rebecca như xanh xao gầy gò hơn, đầu vậy cô bé vẫn kiên trì kỷ luật học tập của mình. Cô mặc chiếc váy len cashmere đen từng là chiếc váy đẹp thứ nhì của bác Jane. Chúng ta đã quen với nhân vật nữ chính trong những chuyện tình cảm có bàn chân thanh tú đến nỗi chiếc giày thô nhất cũng không thể che giấu được sự hoàn hảo của nó, và người ta luôn muốn nghi ngờ điều này. Vậy mà, sự thật là sức hấp dẫn kỳ lạ và rất riêng của Rebecca dường như không hề phụ thuộc vào những thứ cô mang trên người. Dáng người của cô cùng màu da màu tóc và màu mắt hiếm có chiến thắng bộ quần áo tiêu tụy, nhưng nếu như có được

áo quần đẹp dễ thì Wareham bé nhỏ này không chừng sẽ ngay lập tức suy tôn cô là người đẹp. Đôi bím tóc đen dài không còn được buông xuống mà quấn theo phong cách kỳ lạ của riêng cô. Chúng được bắt téo đằng sau, vòng ra trước, lại téo lần nữa, đoạn mỏng cuối cùng được bắt xuống giấu vào phần tóc dày nơi gáy. Và rồi để điểm xuyết vẻ nữ tính thuần khiết lên mái tóc uốn lượn chải gọn ra sau, cô để chút tóc gọn sóng được buông lơ lửng mà đổi màu dưới ánh mặt trời.

Adam Ladd nhìn cô bé bằng một ánh mắt khác lạ khiến cô ngượng ngùng che mặt lại vừa cười khúc khích vừa nói, “Cháu biết chú đang nghĩ gì, chú Aladdin - váy của cháu ngắn đi mấy phân so với năm ngoái, và tóc cháu trông khác quá; nhưng cháu chưa thành phụ nữ đâu; thật đấy. Vẫn còn một tháng nữa cháu mới được mười sáu, và chú đã hứa sẽ không chán ghét cháu chừng nào chân váy còn chưa quét đất mà. Nếu chú không muốn cháu lớn lên, thì sao chú không trẻ lại đi? Thế là chúng ta có thể gặp nhau giữa con đường và hưởng thụ cuộc sống. Giờ đây nghĩ lại,” cô bé tiếp, “cháu thấy đó chính là việc chú vẫn làm mà. Khi chú mua chỗ xà phòng ấy, cháu cứ nghĩ chú phải bằng tuổi ông ngoại Sawyer của cháu; khi chú nhảy với cháu ở lễ hội kéo cờ, cháu thấy như chú là cha cháu vậy; nhưng khi chú cho cháu xem bức ảnh của mẹ chú, cháu thấy như chú là em John của cháu, vì cháu thấy chú thật tội nghiệp.”

“Được thế thì thật tốt,” Adam mỉm cười; “trừ phi cô lớn nhanh quá đến nỗi cô thành bà tôi trước khi tôi cần một người bà. Cô học hành vất vả quá, cô Rebecca Rowena!”

“Chỉ một chút thôi ạ,” cô bé thú nhận. “Nhưng chú biết đấy, kỳ nghỉ sắp tới rồi.”

“Và cô sẽ nghỉ ngơi cho đôi lúm đồng tiền trở lại chứ? Chúng xứng đáng được gìn giữ.”

Một bóng đen phủ lên khuôn mặt Rebecca và đôi mắt cô ngấn nước. “Xin đừng ân cần thế, chú Aladdin, cháu không chịu nổi đâu; giờ... giờ đâu phải lúc cháu quan tâm tới lúm đồng tiền!” nói đoạn cô bé chạy vào cánh cổng trường, biến mất cùng một cái vẫy chào.

Adam Ladd trầm ngâm đi về phía văn phòng hiệu trưởng. Anh đến Wareham để bàn một kế hoạch đã cân nhắc từ mấy ngày nay. Năm nay kỷ niệm năm mươi năm thành lập hai trường phổ thông Wareham, và anh định nói với thầy Morrison rằng ngoài món quà một trăm cuốn sách tặng thư viện trường, anh định sẽ mừng dịp này bằng cách tài trợ các giải thưởng cho môn viết luận tiếng Anh, môn mà anh rất thích thú. Anh muốn học sinh của hai khối trên tham gia thi; giải thưởng sẽ được trao cho tác giả hai bài luận hay nhất, về phần các giải thưởng anh chưa quyết định được, nhưng chắc chắn sẽ là một món quà vật chất, hoặc tiền hoặc sách.

Khi cuộc nói chuyện xong xuôi, anh đến thăm cô Maxwell, vừa đi dọc lối mòn trong rừng vừa nghĩ, “Bạch Tuyết - Hoa Hồng cần giúp đỡ, mình chẳng có cách nào giúp cô bé mà không gây điều tiếng cả, nên cô bé phải tự đạt được nó, cô gái nhỏ tội nghiệp! Không biết tiền bạc của mình có phải luôn trở nên vô dụng mỗi khi mình cần đến hay không nữa!”

Chưa kịp chào hỏi chủ nhà anh đã hỏi: “Cô Maxwell, cô có thấy bạn nhỏ Rebecca của chúng ta trông mệt mỏi đến khốn khổ không?”

“Đúng vậy, và tôi đang nghĩ xem có nên đưa cô bé đi cùng mình hay không. Vào kỳ nghỉ mùa xuân tôi thường tới miền Nam, đi tàu biển đến Old Point Comfort ở Virginia và vui cảnh điền viên ở một nơi vắng lặng quanh đó. Tôi chẳng mong gì hơn là có Rebecca làm bạn đồng hành.”

“Chính xác rồi!” Adam nhiệt tình tán thành; “nhưng sao cô giáo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm chứ? Sao không để tôi giúp cùng? Suốt mấy năm qua tôi vẫn quan tâm đến cô bé đấy thôi.”

“Đừng có tưởng là anh phát hiện ra cô bé nhé,” cô Maxwell vui vẻ ngắt lời, “tự tôi phát hiện ra đấy chứ.”

“Cô bé là bạn thân thiết với tôi đây từ trước cả khi cô giáo đến Wareham kia,” Adam bật cười, kể cho cô Maxwell nghe về cuộc gặp gỡ đầu tiên của anh với Rebecca. “Từ đầu tôi đã nghĩ cách làm sao để giúp đỡ cô bé trong quá trình hoàn thiện mình, nhưng chẳng có cách nào hợp lý cả.”

“May mắn thay là cô bé tự lo được chuyện đó,” cô Maxwell đáp. “Theo khía cạnh nào đó cô bé độc lập trước tất cả mọi người và mọi thứ; cô bé theo chân vị thánh của chính mình một cách vô thức. Nhưng cô bé còn cần hàng trăm thứ thực tế khác nữa mà tiền bạc có thể giúp được, than ôi, cái ví của tôi thì mỏng quá.”

“Lấy của tôi đây, xin cô đấy, để tôi có thể qua cô mà giúp đỡ cô bé,” Adam tha thiết. “Tôi không thể chịu nổi cảnh một cái cây non phải gượng vươn lên trong hoàn cảnh thiếu ánh sáng và không khí - một đứa trẻ có năng khiếu thì càng không! Năm ngoái tôi có nói chuyện với hai bác cô bé, ngỏ ý xin tài trợ việc học nhạc cho cô bé. Tôi đảm bảo với họ rằng đó là một việc hết sức bình thường, và rằng tôi sẵn sàng nhận lại số tiền đó về sau nếu họ nhất định phải thế, nhưng không có kết quả. Bà chị nhà Sawyer nói không một ai trong gia đình bà từng phải sống bằng tiền từ thiện cả, và bà nghĩ họ sẽ không bắt đầu thói quen đó vào lúc xế chiều thế này.”

“Tôi khá là thích chất New England không biết thỏa hiệp ấy đấy,” cô Maxwell thốt lên, “và cho đến nay, tôi không thấy hối tiếc một chút nào về những gánh nặng hay buồn khổ mà Rebecca phải hứng chịu. Túng thiếu chỉ khiến cho cô bé kiên cường hơn, nghèo đói chỉ khiến cho cô bé táo bạo và tự lực hơn. Về nhu cầu hiện tại của cô bé thì có những thứ chỉ phụ nữ mới nên làm cho một cô gái, và tôi không muốn anh làm điều đó cho Rebecca; tôi thấy như mình đang làm tổn thương lòng tự trọng của cô bé, mặc dù

chính cô bé cũng không biết được điều đó; nhưng khi cần thiết thì không có lý do gì mà tôi lại không để anh thu xếp chi phí đi lại cho cô bé. Tôi sẽ chấp thuận việc này vì cô bé mà không may mắn xấu hổ, nhưng tôi đồng ý là nên giữ bí mật.”

“Cô giáo đúng là một bà mẹ đỡ đầu thần tiên!” Adam thốt lên, nắm chặt tay cô. “Liệu có bớt phiền hà cho có giáo nếu như cô mời thêm cả bạn cùng phòng của cô bé không - cái cô bé trắng trắng hồng hồng không thể tách rời Rebecca ấy?”

“Không, cảm ơn anh, tôi thích có Rebecca cho riêng mình hơn,” cô Maxwell đáp.

“Tôi có thể hiểu điều đó,” Adam điềm nhiên đáp. “Tất nhiên, ý tôi là một đứa trẻ thì ít rắc rối hơn là hai rồi. Cô bé kia kìa.”

Và Rebecca xuất hiện trong tầm mắt hai người. Cô bé đang đi dọc con phố vắng vẻ cùng một cậu chàng tầm mười sáu. Cả hai đang trò chuyện rất phấn khích, và rõ ràng là đang đọc cho nhau nghe gì đó, bởi cả hai mái đầu đen và nâu xoắn đều cúi xuống một trang thư. Rebecca chốc chốc lại ngẩng lên nhìn người bạn, đôi mắt lấp lánh niềm cảm kích.

“Cô Maxwell,” Adam nói, “tôi là ủy viên của trường này, nhưng xin thề là tôi không tin tưởng vào việc học hành chung của hai giới nam và nữ đâu!”

“Đôi lúc chính tôi cũng nghi ngờ điều đó,” cô trả lời, “nhưng chắc chắn mặt trái của nó bị giảm thiểu tối đa với đối tượng là lũ trẻ con này! Anh đang được hân hạnh chứng kiến một cảnh rất ấn tượng đó, anh Ladd ạ. Dân chúng Cambridge ngày trước còn hau háu nhìn cảnh hai ông nhà thơ Mỹ Longfellow và Lowell khoác tay nhau đi dạo kìa. Ngôi trường bé nhỏ Wareham này cũng hồi hộp run lên khi trông thấy trường ban biên tập và phó ban biên tập tờ *Hoa tiêu* đi cùng nhau!”

CHƯƠNG XXV

Những đóa hồng hạnh phúc

Vào cái ngày trước hôm Rebecca lên đường đi về phương Nam với cô Maxwell, cô bé cùng Emma Jane và Huldah đến thư viện để tra cứu từ điển và bách khoa toàn thư. Lúc chuẩn bị về cả ba đi qua chỗ tủ sách có khóa để tiểu thuyết của thư viện, dành riêng cho giáo viên và dân cư thị trấn, còn học sinh thì bị cấm đọc.

Cả ba say mê nhìn qua khung kính, đọc lần lượt các tựa đề sách để kiểm chút thỏa mãn nhỏ nhoi, như lũ trẻ con đói meo hít hà thứ dinh dưỡng tinh thần từ những chiếc bánh nướng đủ loại bên trong cửa sổ quầy bánh. Đôi mắt Rebecca bắt gặp một cuốn sách mới nằm ở góc, và cô bé hào hứng đọc to tiêu đề: “*Đóa hồng hạnh phúc*. Các cậu nghe này; có đáng yêu không cơ chứ? *Đóa hồng hạnh phúc*. Trông thật đẹp, và nghe cũng thật hay nữa. Không rõ nó có nghĩa gì nhỉ?”

“Tớ đoán là mỗi người có một đóa hồng của riêng mình,” Huldah đáp vẻ khôn ngoan. “Tớ biết đóa hồng của mình là gì, và tớ không thấy xấu hổ vì nó. Tớ muốn sống một năm ở thành phố, tiền thích tiêu bao nhiêu thì tiêu, lúc nào cũng có xe ngựa đưa đón cùng quần áo lụa là và tiệc tùng vui vẻ; hơn cả là tớ muốn sống bên những người diện váy trễ cổ.” (Huldah đáng thương chưa bao giờ thay đồ ra mà quên than vãn rằng cái số cô bị mèo tha đến chốn Riverboro, nơi hai bờ vai trắng trẻo xinh đẹp của cô chẳng bao giờ được khoe ra cả.)

“Như thế cũng vui đấy, ít nhất là trong một khoảng thời gian,” Emma

Jane nhận xét. “Nhưng đó là hưởng lạc chứ có phải hạnh phúc đâu? Ôi, tớ nghĩ thế này!”

“Đừng có thét lên thế!” Huldah giật mình nói. “Làm người ta tưởng là có chuột cơ.”

“Tớ không hay có nhiều ý tưởng lắm,” Emma Jane hồi lỗi, “ý tớ là tớ không hay nghĩ ra được ý gì; ý này đến như là sét đánh ấy. Rebecca này, có thể đó là thành công chẳng?”

“Hay đấy,” Rebecca mơ màng; “tớ có thể hiểu được rằng thành công mang lại hạnh phúc, nhưng dù sao tớ vẫn không hình dung được nó lại là một đóa hồng. Đó có thể là tình yêu chẳng?”

“Ước gì mình có thể xem cuốn sách ấy một tí tẹo thôi! Chắc phải mượn mà lắm đây!” Emma Jane nói. “Mà cậu nói là tình yêu thì tớ lại nghĩ đó là suy đoán gần nhất đấy.”

Suốt cả ngày dài hôm đó bốn từ kia ám ảnh Rebecca không nguôi; cô bé liên tục lẩm nhẩm một mình. Thậm chí cả cô bé Emma Jane vốn khô khan kia cũng bị ảnh hưởng, vì tối hôm ấy cô nói, “tớ không hy vọng cậu tin được chuyện này, nhưng tớ có thêm một ý nữa - thế là một ngày tớ nghĩ được hai ý rồi đấy nhé; tớ nảy ra ý này khi xúc nước hoa lên đầu cậu. Đóa hồng hạnh phúc có thể là sự hữu ích.”

“Nếu đúng là thế, thì đóa hồng ấy lúc nào cũng nở rực rỡ trong trái tim bé nhỏ của cậu, cô bạn Emmie tốt bụng đáng yêu ạ, cô bạn luôn hết mình chăm sóc Becky phiền hà này!”

“Đừng có nói mình là phiền hà! Cậu là... là... là đóa hồng hạnh phúc của tớ, đúng thế đấy!” Và hai cô bé ôm chặt lấy nhau đầy yêu thương.

Nửa đêm Rebecca khẽ chạm lên vai Emma Jane. “Cậu ngủ say chưa, Emmie?” cô thì thầm.

“Chưa hẳn,” Emma Jane lơ mơ đáp.

“Tớ mới nghĩ được ý này. Nếu cậu ca hát hoặc vẽ vời hoặc viết lách - cậu biết đấy, không phải là biết chút chút, mà là rất giỏi rất hay ấy - thì chẳng phải khi được thoải mái làm những việc đó, cậu sẽ có đóa hồng hạnh phúc sao?”

“Có thể, nếu như đó là tài năng thực sự,” Emma Jane đáp, “mặc dù tớ không thích bằng tình yêu. Nếu cậu còn nghĩ ra ý nào nữa thì giữ lấy đến sáng mai nhé.”

“Tớ còn có một ý nữa,” Rebecca lên tiếng vào sớm hôm sau khi cả hai cô đang thay đồ, “nhưng tớ không gọi cậu dậy. Tớ đã tự hỏi đóa hồng hạnh phúc có thể là sự hy sinh không? Nhưng tớ nghĩ sự hy sinh sẽ là một đóa huệ tây, không phải là đóa hồng; cậu có thấy thế không?”

Chuyến đi về phương Nam, lần đầu tiên ngắm đại dương, những cảnh tượng lạ mắt, sự thanh thản và tự do ngọt ngào, tình thân với cô Maxwell, tất cả khiến Rebecca say mê. Trong ba ngày ấy, không những được trở lại là chính mình, cô còn là một chính mình khác, ngập tràn niềm vui, ao ước cùng nhận thức. Cô bé vẫn luôn mang trong mình niềm say mê học hỏi, khao khát yêu thương, thiết tha cái đẹp, âm nhạc, thơ ca của cuộc hiện sinh hữu hạn này! Cô bé đã luôn phải gồng mình lên để khiến thế giới bên ngoài tuân theo giấc mơ của mình. Vậy mà giờ đây cuộc sống đột nhiên trở nên sống động và ngọt ngào, rộng lớn và đủ đầy. Cô bé thỏa sức sử dụng mọi nguồn sáng tạo trời phú; còn Emily Maxwell thì không ngày nào thôi kinh ngạc trước cách thức không mệt mỏi mà cô bé tuôn trào bộc lộ cũng như gom góp hết vào những kho báu ý tưởng và kinh nghiệm thuộc về mình. Cô bé là người mang đến sự sống động, thay đổi bố cục những bức tranh mà mình tham dự bằng cách thêm thắt vào đó những giá trị mới mẻ. Bạn đã

bao giờ thấy một căn phòng màu xanh biển và xanh lá u ám được bừng sáng lên nhờ ánh nắng vỡ òa vào cửa? Với cô Maxwell đó chính là hiệu ứng mà Rebecca mang đến cho những nhóm người lạ đôi khi họ gặp gỡ tiếp xúc. Nhưng thường thì chỉ có hai người, họ đọc cho nhau nghe và rủ rủ trò chuyện. Bài luận để gửi đến cuộc thi chiếm hết tâm trí Rebecca. Trong thâm tâm cô bé biết mình không thể vui vẻ được nếu như không chiến thắng trong cuộc thi ấy. Cô chẳng quan tâm đến giá trị vật chất của nó, và trong trường hợp này thì kể cả niềm vinh dự nữa; cô bé chỉ muốn chú Aladdin hài lòng và muốn chứng minh niềm tin chú dành cho mình là hoàn toàn đúng đắn.

“Lúc nào chọn được chủ đề em sẽ phải hỏi xem cô nghĩ em có viết tốt được không; mà có khi em phải viết trong im lặng và bí mật, không bao giờ đọc cho cô nghe, cũng không đả động đến nó với cô.”

Cô Maxwell và Rebecca đang ngồi bên bờ suối nhỏ một ngày xuân chan hòa nắng ấm. Sau bữa sáng hai người đã tới khoảnh rừng cạnh bờ biển nghỉ ngơi, chốc chốc lại chạy ra bãi cát trắng ấm áp để sưởi nắng, rồi lại quay lại bóng râm kín đáo khi nắng khiến họ mệt mỏi.

“Chủ đề rất quan trọng,” cô Maxwell nói, “nhưng cô không dám chọn cho em đâu. Em đã quyết định chủ đề gì chưa?”

“Chưa ạ,” Rebecca đáp; “mỗi đêm em lại nghĩ về một chủ đề mới. Một cái là Thất bại là gì? Cái khác là Cô ấy và Cậu ấy. Đó là một đoạn đối thoại giữa một cậu học sinh và một cô học sinh khi họ chuẩn bị rời trường, cả hai trò chuyện về cuộc sống lý tưởng của mình. Rồi cô có nhớ có lần có bảo em là ‘Bước theo vị thánh của riêng mình’ không? Em thích viết về chủ đề ấy. Ở Wareham em chẳng nghĩ ra cái gì cả, còn bây giờ mỗi phút em lại có một ý mới, thế nên em phải thử viết bài luận ở đây; ít nhất là lên khung cho nó, trong khi em còn thấy vui vẻ, tự do và được nghỉ ngơi thế này. Cô

Emily, cô nhìn những viên sỏi dưới lòng suối kìa, tròn xoe, bóng láng, còn sáng lấp lánh nữa chứ.”

“Phải, nhưng nhờ đâu chúng được mài cho đẹp như thế, cái bề mặt mượt như xa tanh và hình dáng đáng yêu đến thế, hử Rebecca? Không phải là trong đáy cát mặt hồ phẳng lặng. Nơi ấy không bao giờ khiến những góc cạnh của chúng mòn đi và bề mặt lỗ chỗ trở nên phẳng nhẵn, mà phải là nơi dòng nước chảy xiết va đập và giăng xé. Những viên sỏi chen lấn xô đẩy nhau, văng mình vào những viên đá sắc nhọn, để giờ đây ta ngắm chúng và khen chúng xinh đẹp.”

Nếu Số phận không gán vào nghề giáo,
Cô sẽ thành nhà diễn thuyết tuyệt vời!

Rebecca làm thơ. “Ôi! Ước gì em có thể nghĩ được và nói được như cô!” cô bé thở dài. “Em sợ mình chẳng bao giờ được học hành đủ để làm nhà văn nhà thơ được.”

“Nếu em lo lắng về hàng nghìn những thứ khác thì còn tốt hơn nữa chứ,” cô Maxwell đáp với chút quở trách. “Ví dụ như lo rằng mình không hiểu nổi bản chất con người; rằng mình không nhận ra được vẻ đẹp của thế giới xung quanh; rằng mình có thể thiếu sự cảm thông, và vì thế không bao giờ hiểu nổi trái tim người khác; rằng khả năng diễn đạt có thể không theo kịp suy nghĩ của chính mình - hàng nghìn thứ còn quan trọng đối với người viết hơn là những kiến thức trong sách vở. Aesop là một nô lệ Hy Lạp, ông còn không biết viết lại chính những truyện ngụ ngôn của mình; vậy mà cả thế giới đều được đọc chúng.”

“Em đã không nghĩ được như thế,” Rebecca sụt khóc. “Giờ cô nói thì em mới biết được những điều ấy!”

“Có thể em chỉ được học hết phổ thông, nhưng những trường đại học lớn không phải lúc nào cũng đào tạo ra được những đàn ông và phụ nữ trưởng thành. Khi cô khát khao được ra nước ngoài du học, cô luôn nhớ rằng có ba trường tuyệt vời ở Athens và hai trường ở Jerusalem, nhưng Người thầy của mọi thầy thì đến từ Nazareth*, một ngôi làng nhỏ khuất nẻo đằng sau thế giới bao la và bề bộn.”

“Chú Ladd nói cô gần như đã bỏ phí tài năng ở Wareham này,” Rebecca ngâm nghĩ.

“Chú ấy sai rồi; tài năng của cô cũng chẳng lớn gì đâu, nhưng không một tài năng nào hoàn toàn bị bỏ phí trừ phi chủ của nó chọn cách gói nó vào một tấm khăn ăn. Nên nhớ kỹ điều đó về những tài năng của chính mình, Rebecca ạ; chúng có thể không được người đời ca ngợi, nhưng chúng có thể khiến người khác vui vẻ, an ủi họ, tạo cảm hứng cho họ, có lẽ vào những lúc những nơi mà chính em không ngờ đến nhất. Một ly nước đầy tràn khỏi miệng sẽ tưới mát mặt đất quanh nó.”

“Cô có bao giờ nghe đến Đóa hồng hạnh phúc chưa?” Rebecca hỏi, sau một hồi im lặng.

“Có, tất nhiên rồi; em thấy nó ở đâu?”

“Trên bìa một cuốn sách trong thư viện.”

“Cô thấy nó bên trong bìa một cuốn sách trong thư viện,” cô Maxwell mỉm cười. “Đó là cuốn sách của Emerson, nhưng cô e là em chưa đủ lớn để đọc nó đâu, Rebecca ạ, và đó là một trong những thứ không thể giải thích được!”

“Ôi, cô thử nói em nghe đi, cô Maxwell!” Rebecca nài nỉ. “Nếu suy nghĩ thật kỹ thì biết đâu em lại đoán được một chút ý nghĩa của nó.”

“Trong thế giới hiện thực - vương quốc đau khổ của thời gian và cơ hội

- có Quan tâm, Thối nát, và Buồn rầu; cùng với nghĩ suy và lý tưởng là niềm vui vĩnh cửu - Đóa hồng hạnh phúc; xung quanh nó mọi Nàng Thơ hát ca,” cô Maxwell đọc một trích đoạn.

Rebecca nhắm đi nhắm lại cho đến khi thuộc lòng; rồi cô bé nói, “Em không muốn kiêu căng đâu, nhưng em nghĩ là em hiểu được rồi đấy ạ, cô Maxwell. Có lẽ không phải toàn bộ, vì nó rất khó và như đánh đố ấy; nhưng cũng được một ít đủ để tiếp tục tìm hiểu. Giống như là có một hình dáng tuyệt đẹp thúc ngựa phóng vượt qua người ta trên đường; bạn quá ngạc nhiên và đôi mắt chậm chạp của bạn không thể nhìn theo kịp để thấy dáng hình là gì, nhưng ấn tượng bạn có được là nó rất đẹp. Xong rồi. Bài luận của em sẽ được đặt tên là ‘Đóa hồng hạnh phúc’. Em quyết định rồi. Chưa có mở đầu, thân bài, nhưng chắc chắn là có một kết luận ly kỳ thế này: để em xem nhé, tới, hồi, trời, mới, rồi, ời:

Sung sướng hay khổ đau rồi sẽ tới
(Bởi vàng có nguyên chất bao giờ, em hỡi),
Trong trái tim này em vẫn nở thắm mãi
Đóa hồng hạnh phúc của tôi ơi!

Thôi, giờ thì em sẽ đắp cho cô chiếc khăn choàng này và đưa cho cô chiếc gối lông, trong khi cô ngủ em sẽ ra ngoài bờ biển kia viết cho cô một câu chuyện cổ tích. Nó thuộc loại truyện ‘giả sử’; diễn ra ở tương lai rất, rất xa, và nhiều chuyện trong đó có thể sẽ không xảy ra trong thực tế; nhưng một vài chuyện thì chắc chắn là có - rồi cô sẽ thấy! Rồi khi ấy cô sẽ lôi câu chuyện cất trong ngăn kéo ra và nhớ đến Rebecca này.”

“Mình không hiểu tại sao lũ trẻ lại cứ chọn những chủ đề khiến nhà văn giỏi nhất cũng phải vắt óc suy nghĩ cơ chứ!” cô Maxwell nghĩ trong lúc cổ

thiếp đi. “Có phải chúng bị choáng ngợp, thu hút, bị chiếm hữu bởi sự hào nhoáng của chủ đề ấy, và có phải chúng mơ mộng rằng mình đủ sức để viết nó? Những tâm hồn ngây thơ tội nghiệp, ị ạch kéo chiếc xe đồ chơi lên tận trời sao! Cô bé ngây thơ mới xinh xắn làm sao dưới chiếc ô mới kia chứ!”

Adam Ladd đánh xe qua những con phố Boston vào một ngày mùa xuân lạnh lẽo khi cả thiên nhiên và những tín đồ thời trang còn đang trì hoãn lời hứa hẹn về mùa xuân đẹp đẽ chưa có vẻ gì là thành hiện thực. Bất chợt ánh mắt anh bị hút chặt vào chiếc ô màu hồng sặc sỡ giương sẵn trong một cửa hiệu, nó hấp dẫn người qua đường và khiến anh mơ về ánh nắng mùa hè. Nó khiến Adam Ladd nghĩ đến một cây táo ở New England đang rộ hoa, mặt ngoài màu hồng thắm tỏa sáng qua phần vải lót trắng mỏng manh, viền ô tua rua pha lẫn màu hồng và trắng sữa, tay cầm màu xanh lá. Ngay lập tức anh nghĩ đến chuyện ngày xưa Rebecca tâm sự với mình - chiếc dù hồng nho nhỏ, thứ hé lộ cho cô bé thấy thế giới thời trang rực rỡ sắc màu mà từ thuở bé cô chưa từng được biết đến; niềm yêu mến của cô bé đối với chiếc ô tao nhã và mỏng manh ấy cùng kết cục bi kịch đầy chất hy sinh của nó. Anh vào hiệu, mua món đồ sặc sỡ hết sức ấy và gửi khấn tới Wareham, ở góc khuất nẻo trong đầu óc đàn ông của anh không có mấy may mắn khoản nào xem liệu làm thế có phải lễ không. Anh chỉ nghĩ đến niềm vui trong ánh mắt Rebecca; về mái đầu cô bé dưới bóng ô màu hoa táo ấy. Một giờ sau, anh ngượng ngùng quay lại hiệu mua thêm một chiếc ô màu xanh biển cho Emma Jane Perkins. Hình như càng ngày anh càng khó nhớ đến sự tồn tại của Emma Jane vào những dịp những lúc cần thiết.

Đây là câu chuyện cổ tích của Rebecca, được cô bé ghi lại vào ngày hôm sau và đưa cho cô Emily Maxwell khi cô giáo chuẩn bị về phòng ngủ. Cô

giáo đã đọc với hai hàng nước mắt chảy dài và rồi gửi ngay cho Adam Ladd bởi cô nghĩ anh cũng góp một phần trong đó, rằng anh xứng đáng được biết về trí tưởng tượng đang hé nở, cũng như trái tim biết ơn chân thành của cô bé.

Một câu chuyện cổ tích

Xưa có một nàng công chúa mệt mỏi và vô cùng nghèo khổ sống trong một túp lều bên đường lớn nối hai thành phố. Cô không bất hạnh như hàng ngàn người khác; trái lại, có nhiều thứ mà cô phải lấy làm biết ơn, nhưng cuộc đời cô sống và công việc cô làm thì vất vả không kể xiết đối với một người mảnh mai gầy guộc.

Túp lều nằm ở bìa khu rừng xanh bao la nơi gió luôn hát ca trên cành cây và nắng lọt qua kẽ lá.

Một ngày nọ đang ngồi bên đường mệt lử vì công việc đồng áng, công chúa trông thấy một chiếc xe độc mã bằng vàng đang lăn bánh dọc đại lộ nhà vua, trong xe không ai khác chính là bà tiên đỡ đầu của một ai đó đang trên đường đến cung điện. Chiếc xe độc mã dừng lại bên cửa túp lều của cô, và mặc dù từng đọc về những nhân vật tốt đẹp ấy, cô chưa bao giờ mơ tưởng một nhân vật như thế lại dừng bước bên túp lều của mình.

“Nếu cô đã mệt, công chúa nhỏ bé đáng thương, sao cô không vào rừng xanh mát mẻ nghỉ ngơi đi?” mẹ đỡ đầu thần tiên hỏi.

“Vì con không có thời gian ạ,” cô trả lời. “Con phải quay lại cày rồi.”

“Cày của cô dựng bên gốc cây kia à, nó không nặng lắm phải không?”

“Nặng đấy ạ,” công chúa trả lời, “nhưng con mê công việc làm đất cứng trở thành những luống đất mềm và con biết rằng con đang tạo ra mảnh đất màu mỡ cho hạt giống nảy nở. Hễ thấy nặng quá rồi thì con lại gắng nghỉ

về vụ mùa.”

Chiếc độc mã bằng vàng tiếp tục đi, ngày hôm đó hai người không nói thêm gì; tuy vậy các sứ giả của nhà vua thì rất bận rộn, bởi họ thì thầm lời này vào tai mẹ đỡ đầu thần tiên và lời kia vào tai nàng công chúa, dù khê khàng đến độ cả hai đều không nhận ra là nhà vua đã ban lời.

Sớm hôm sau một người đàn ông vạm vỡ đến gõ cửa túp lều, hạ mũ trước công chúa và nói: “Hôm qua có chiếc độc mã bằng vàng đi qua tôi, người ngồi trong xe quăng cho tôi một túi tiền vàng rồi bảo: ‘Hãy tới đại lộ nhà vua tìm túp lều có chiếc cây nặng tựa bên gốc cây gần đó. Vào nói với nàng công chúa ở đó rằng: “Tôi sẽ cày và nàng hãy nghỉ ngơi đi, hoặc đi dạo trong cánh rừng xanh mát mẻ; bởi đây là mệnh lệnh của mẹ đỡ đầu thần tiên của nàng.”’

Và ngày nào chuyện như thế cũng tiếp diễn, ngày nào nàng công chúa mệt mỏi cũng đi dạo trong rừng xanh. Rất nhiều lần cô nhìn thấy lấp lánh bóng chiếc xe độc mã và chạy vội ra đại lộ để cảm ơn mẹ đỡ đầu thần tiên; nhưng cô chưa bao giờ đuổi kịp. Cô chỉ có thể đứng đó với đôi mắt háo hức và trái tim mong chờ khi chiếc độc mã đi qua. Dù vậy chưa bao giờ cô không bắt gặp một nụ cười, và đôi khi một hai từ bay trở lại tai cô, những từ nghe như thế: “Đừng cảm ơn ta. Chúng ta là con dân của cùng một nhà vua, và ta chỉ là sứ giả của ngài thôi.”

Giờ đây khi ngày ngày đi dạo trong rừng xanh, lắng nghe tiếng gió hát trên cành cây và ngắm nhìn ánh mặt trời lọt qua kẽ lá, những ý nghĩ vốn ngủ say trong không gian ngọt ngào của túp lều và sự rã rời sau một ngày cày xới chợt đến với cô. Cô bèn rút chiếc kim từ thắt lưng ra châm những ý nghĩ đó lên lá cây, gửi chúng vào không trung để chúng bay đi khắp nơi. Và rồi người ta nhặt lấy chúng, giơ lên ánh mặt trời, để đọc những gì được viết trên đó, và điều này là bởi những từ đơn giản nhỏ bé trên những chiếc

lá, suy cho cùng, cũng chỉ là một phần của một trong những lời nhắn nhủ của nhà vua mà thôi, như những lời mẹ đỡ đầu thần tiên đều đặn thả xuống từ chiếc độc mã bằng vàng.

Nhưng sự kỳ diệu của câu chuyện còn nằm sâu hơn nữa.

Bất kỳ khi nào công chúa chiêm những lời nói lên lá cô lại thêm vào đó một suy ngẫm về mẹ đỡ đầu thần tiên của mình, và gói kín nó vào trong đó, gửi chiếc lá theo gió bay khắp bốn phương rồi đậu xuống bất kỳ nơi nào. Và rồi rất nhiều những nàng công chúa bé nhỏ khác cảm thấy thôi thúc và bắt đầu làm y như vậy. Vì không có gì mất đi trên vương quốc của nhà vua, những ý nghĩ cùng ước vọng ngập tràn yêu thương và lòng biết ơn ấy không có sức mạnh để chết đi mà biến thành những hình dạng khác và sống mãi mãi. Không thể nhìn thấy chúng được vì thị lực của chúng ta rất yếu; không thể nghe thấy chúng được vì thính giác của ta rất kém; nhưng đôi khi chúng ta có thể cảm nhận được, và chúng ta không biết được sức mạnh nào xoay vần cho trái tim mình hướng đến những mục đích cao cả hơn.

Câu chuyện sẽ không có hồi kết, nhưng có thể một ngày nào đó khi mẹ đỡ đầu thần tiên mang một lời nhắn trực tiếp đến cho nhà vua, ngài sẽ nói: “Gương mặt người ta biết; cả tiếng nói của người, nghĩ suy của người, trái tim người. Ta đã nghe tiếng lóc cóc của chiếc độc mã của người trên đại lộ, và ta biết người đi lo lắng công chuyện của nhà vua. Trong tay ta là một xấp những lời nhắn nhủ đến từ mọi miền trong vương quốc của ta. Chúng được mang đến đây nhờ những người du hành mỗi một với đôi chân đau nhức, những người đã nói rằng họ không bao giờ có thể tới được cổng bình an nếu không nhờ người giúp. Hãy đọc đi, và người có thể biết được khi nào, ở đâu, và bằng cách nào người đã thực hiện mệnh lệnh của nhà vua.”

Và khi mẹ đỡ đầu thần tiên đọc chúng, có thể mùi hương ngọt ngào sẽ tỏa ra từ những trang giấy, và những ký ức sắp bị vùi quên sẽ khuấy động

không gian; nhưng trong niềm hạnh phúc của giây phút ấy không gì có thể đáng yêu bằng một nửa giọng nói của nhà vua khi ngài nói: “Hãy đọc đi, để biết bằng cách nào người đã thực hiện mệnh lệnh của nhà vua.”

REBECCA ROWENA RANDALL

CHƯƠNG XXVI

Chuyện bên tách trà

Kỳ học mùa hè ở Wareham đã kết thúc, Huldah Meserve, Dick Carter và Living Perkins hoàn thành chương trình học, chỉ còn lại Rebecca và Emma Jane đại diện cho Riverboro trong năm học tiếp theo. Bà Delia Weeks từ Lewiston về thăm ngắn ngày và bà Robinson chuẩn bị liên hoan mừng sự kiện này bằng một bữa tiệc nhỏ. Ngày tổ chức tiệc nhằm đúng dịp dâu tây chín và có con gà trống cần được thịt. Bà Robinson giải thích chuyện này với chồng và đề nghị ông ăn tối ở cái bàn thợ mộc trong lán, vì bữa tiệc sẽ chỉ toàn phụ nữ.

“Được thôi; tôi cũng chẳng mất gì,” ông Robinson đáp. “Cứ cho tôi món đậu là xong, tôi chỉ cần thế thôi. Khi nào gà nuôi được mỡ thì tôi muốn người khác ăn, chứ không phải tôi!”

Bà Robinson chỉ tiệc tùng một hai lần mỗi năm, và thường bà phải mệt lử đến vài ngày sau đó. Cuộc đấu tranh giữa thể diện và tính tằn tiện khiến bà căng thẳng vô cùng. Để duy trì chỗ đứng trong cộng đồng này, bà cần phải bày biện trang hoàng cho thật hoành tráng. Thế nhưng việc vun tiền chuẩn bị luôn dẫn dắt bà từ giây phút bắt đầu trộn bột bánh vân cẩm thạch đến khi bữa tiệc thịnh soạn được bày ra.

Con gà đã luộc trong nước sôi âm ỉ từ sáng, nhưng sức chịu đựng của nó thật ngoan cường vì hình dáng nó vẫn chắc nịch đẹp đẽ y như khi mới được thả vào nồi.

“Nó sẽ không chịu nhừ cho đâu!” Alice lo lắng dòm vào nồi, “trông cứ y

như là con bù nhìn ấy.”

“Để ta cho nó một nhát dao xem nó còn chịu không,” mẹ cô trả lời; “còn việc nó ra sao thì một đĩa đầy nước xốt sẽ làm bọn gà già trông khác ngay, rồi ta sẽ xếp bánh bao nhân mặn quanh đĩa; trông đầy đặn ngay, mặc dù thường thì hai thứ đó không đi với nhau.”

Con gà trống luộc đúng là rất đẹp trên đĩa viền bằng bánh bao, và khi Alice bê ra ai cũng khen tấm tắc. Cũng may, vì khi các quý bà quý cô bắt đầu ăn thì điệp khúc xuýt xoa dừng ngay tắc lự.

“Tôi mừng là bà về chơi đúng lúc Huldy tốt nghiệp, bà Delia ạ,” bà Meserve nói. Bà ngồi cuối bàn và giúp chia phần con gà trong khi bà Robinson rót cà phê ở đầu bàn. Bà đúng là mẹ Huldah, ăn mặc có khi thời trang nhất Riverboro; sức khỏe kém và váy áo chính là hai thứ yêu thích nhất trên đời của bà. Nghe đâu cái mái xoắn cầu kỳ của bà tốn đến năm đô la, mỗi năm hai lần lại phải đưa nó đến Portland để chỉnh sửa và uốn lại; nhưng rất khó để có thể xác định sự thật trong những chuyện này, và một nhà sử học có lương tâm luôn muốn cảnh báo cho độc giả nhẹ dạ không nên tiêm nhiễm những thứ tưởng là chân lý mà lại rất có thể là thứ trái ngược hoàn toàn với nó. Về về bề ngoài của bà Meserve, bạn đã bao giờ lân la làm bạn với một đầu bếp và ngồi bên bàn bếp trong khi bà bày ra những chiếc *bánh quy gừng? Rồi trong một khoảnh khắc thân tình lạ lẫm, bà làm cho bạn một chiếc bánh hình quý cô, dùng con dao cắt hình người thật khéo léo, và cuối cùng đặt hai quả lý chua đen lên làm mắt cho thành mặt người. Chỉ cần hình dung ra khuôn mặt của quý cô bánh gừng ấy là bạn sẽ biết ngay dung mạo của mẹ Huldah - cô Peter Meserve, như bà thường được gọi cùng một vài Peter Meserve khác nữa.*

“Delia, bà thấy chiếc váy của Huldy thế nào?” bà vừa hỏi vừa kéo tanh tách chiếc vòng tay chun đen, một thói quen rất khó chịu.

“Tôi nghĩ bộ váy nó mặc hôm đấy là bộ đẹp nhất,” Delia trả lời; “và bài luận của con bé cũng thuộc hạng nhất. Buổi hôm đó có mỗi bài của con bé là hay, nó đọc vừa to vừa rõ, bọn tôi chẳng bỏ lỡ một chữ nào cả; trong khi hầu hết lũ con gái đều nói năng lúng búng như là ngậm cháo trong mồm ấy.”

“Đấy là bài luận nó viết để tham gia cuộc thi của Adam Ladd,” bà Meserve giải thích, “và người ta bảo lẽ ra nó phải được giải nhất, thay vì giải tư, nếu như nó viết về chủ đề khác. Ban giám khảo gồm ba mục sư và ba trợ tế, chẳng trách họ chọn ngay một bài nghiêm túc; bài của con bé sống động vui nhộn quá sức với họ mà.”

Chủ đề hấp dẫn của Huldah là Con trai, và rõ ràng cô có cả một kho kiến thức và kinh nghiệm để thừa sức viết thật thông thái về nó. Bài luận thu phục hầu hết thính giả, những người thích thú các câu đùa rẻ tiền và những lời bóng gió lóng lánh trong đó; tuy vậy xét từ khía cạnh văn chương thuần túy, còn nhiều thứ người ta phải trông đợi ở bài luận.

“Bài của Rebecca không được đọc, nhưng bài cái cậu đoạt giải cho nam sinh thì lại được đọc, sao thế nhỉ?” bà Robinson hỏi.

“Vì con bé chưa tốt nghiệp,” bà Cobb giải thích, “và không được tham gia vào chương trình của buổi lễ tốt nghiệp; bài của nó sẽ được in trên báo trường cùng với bài của Herbert Dunn.”

“Thế thì tốt, vì chừng nào chưa đọc tận mắt, tôi vẫn chưa tin là nó hay hơn bài của Huldy; xem ra có vẻ như giải thưởng đấy phải thuộc về học sinh lớp lớn.”

“Không đâu, Marthy à, trừ phi Ladd treo giải đó cho một trong hai lớp lớn muốn thi thố,” bà Robinson phản bác. “Nghe bảo họ đề nghị anh ta lên trao giải mà anh ta một mực từ chối. Kể cũng lạ, giàu có đến thế và đã chu du khắp đất nước rồi mà còn nhũn nhặn đến mức không muốn đi lên bục để

trao giải.”

“Huldy nhà tôi có mà làm ngay được ấy chứ, chẳng phải chần chừ tí nào,” bà Meserve tự mãn nhận xét; một nhận xét có vẻ như chẳng trái ngược với bất kỳ một lời nào của những người xung quanh.

“Dù vậy thì cũng thật hoàn hảo rồi, ngài thống đốc tình cờ lại có mặt dự lễ tốt nghiệp của cháu gái,” Delia Weeks nói. “Chao! Ông ấy trông mới lịch lãm chứ! Họ bảo ông ấy chỉ cao có mét tám, nhưng nếu nói là tám mét thì cũng chẳng lấy làm khó tin, và lại còn nói rất hay nữa chứ.”

“Các bà có thấy Rebecca mặt tái xanh, run lấy bấy lúc cùng thằng Herbert Dunn đứng đó nghe ngài thống đốc khen ngợi hai đứa không? Ông ấy cũng đọc bài luận của con bé rồi, vì sau đó ông ấy viết cho hai cô Sawyer một lá thư về bài luận ấy đấy.” Những lời này là từ bác Cobb gái thông cảm và hiểu sự tình.

“Tôi thì nghĩ như thế thật ngốc nghếch, cứ toàn nói về con bé trong khi đấy chẳng phải là lễ tốt nghiệp của nó,” bà Meserve phản đối; “còn đặt tay lên đầu con bé các thứ nữa chứ, cứ như ông ta là giáo hoàng đang làm lễ giáng phúc ấy. Nhưng thôi! Tôi mừng là giải nhất dù sao cũng về Riverboro, Wareham thì chẳng kiếm đâu ra đứa học sinh nào xinh đẹp hơn Riverboro cả. Tôi đồ rằng tiền bạc của Adam Ladd thì nhiều vô kể. Năm mươi đô la ấy cũng đã đủ thơm rồi, vậy mà anh ta còn phải để vào trong mấy cái ví đẹp thế không biết.”

“Tôi ngồi xa quá đâm ra chả trông rõ gì cả,” Delia phàn nàn, “giờ thì Rebecca đã mang về khoe với mẹ nó mất rồi.”

“Cái ví của nó là kiểu ví lưới vàng có quai đeo bằng dây xích,” bà Perkins nói, “trong có năm đồng vàng trị giá mười đô. Của thằng Herbert Dunn thì là cái ví da xịn.”

“Rebecca sẽ ở lại trang trại bao lâu nhỉ?” Delia hỏi.

“Khi nào xong đám cưới Hannah, và việc nhà ổn định lại sau khi Hannah đi,” bà Perkins trả lời. “Đáng ra Hannah nên đợi thêm một thời gian nữa mới phải. Aurelia không đồng ý chuyện nó đi lấy chồng khi Rebecca còn đang đi học, nhưng nó cứng đầu như lừa ấy, con bé Hannah chỉ làm theo ý nó chứ chẳng cần biết gì đến mẹ. Nó đã khâu khâu vá vá suốt cả năm nay rồi; cái tấm vải cốt tông thô xấu xấu là, thế mà nó cầm đầu khâu rồi làm viền rồi gấp nếp, cặm cùi muốn mù cả mắt. Các bà có nghe chuyện cái chăn mà nó làm không? Màu trắng, có một chùm nho to ở chính giữa, chân tay bằng đê khâu. Rồi một chuỗi hình tròn viền quanh chùm nho, mỗi hình tròn to bằng cái ống chỉ thôi. Đường viền tiếp theo hình bằng ly rượu xêrét, viền cuối cùng bằng ly rượu pooctô, ngoài cùng là các hàng chỉ khâu thẳng tắp; con bé sẽ đem nó đi trưng bày ở hội chợ quận đấy.”

“Lẽ ra nó nên đi may vá mà kiếm tiền, thay vì cứ đi làm mù mắt với cái trò chần chần vá vá chần phủ giường ấy,” bác Cobb gái nói. “Chẳng mấy chốc cái khoản thế chấp ấy cũng bị tịch thu để thế nợ và bà Randall cùng lũ trẻ con sẽ ra đứng đường.”

“Chẳng phải người ta nói có nhiều khả năng đường sắt sẽ chạy qua nhà bà ấy à?” bà Robinson hỏi. “Nếu đúng thế thì bà ấy sẽ được trả đúng giá trị trang trại, có khi còn hơn nữa. Adam Ladd nắm một phần cổ phiếu, và mọi thứ mà anh ta tham gia đều thành công cả. Người ta sẽ tranh luận về vụ này vào khoảng tháng Tám, nhưng tôi ủng hộ Ladd chứ không phải mấy người làm luật chừng nào anh ta còn tin là anh ta đúng.”

“Rebecca bây giờ sẽ có một ít quần áo mới đây,” Delia nói, “Chúa mới hiểu con bé cần quần áo mới đến thế nào. Tôi thấy hình như chị em nhà Sawyer càng ngày càng bủn xỉn thì phải!”

“Tiền thưởng của Rebecca không dùng để mua quần áo mới cho con bé đâu,” bà Perkins nhận xét, “vì nó đã gửi số tiền ấy ngay ngày hôm sau để

trả lợi tức cho trang trại rồi.”

“Con bé đáng thương!” Delia Weeks thốt lên.

“Có sa vào cái lối tiêu tiền ngu ngốc thì cũng là cái giống nhà nó vậy thôi,” bà Robinson quả quyết. “Tôi nghĩ con bé may quá khi vớ được giải thưởng đấy để mà trả lãi, nhưng có lẽ nó cũng giống như cả họ Randall ấy; dễ được, dễ mất.”

“Cứ như nhà Sawyer còn khiếp hơn,” bà Perkins vắn lại; “có vẻ họ ưa thói tiết kiệm hơn bất cứ thứ gì khác trên đời, và kể từ dạo Mirandy bị sốc thì bà ấy lại càng tiết kiệm tợn.”

“Tôi thì chả tin đấy là sốc; vì rõ ràng bà ấy chưa bao giờ khỏe mạnh và khôn khéo như bây giờ; nhà tôi đã xảy ra ba vụ sốc khủng khiếp nhất từng có ở dọc bờ sông này, thế nên tôi biết rõ các triệu chứng của nó còn hơn cả bác sĩ ấy chứ.” Bà Peter Meserve lắc đầu vẻ hiểu biết.

“Mirandy khôn khéo chứ,” bác Cobb gái nói, “nhưng các bà xem, bà ấy ở rịt trong nhà và kín mồm kín miệng chưa từng thấy; không thể hiện một mảy may tự hào về giải thưởng của Rebecca, mặc dù nó gần như khiến ông Jeremiah nhà tôi phát điên lên. Tôi như muốn độn thổ lúc ông ấy hét ‘Hoan hô!’ và vung cái mũ rơm lên khi ngài thống đốc bắt tay Rebecca. May là ông ấy không chen vào được sâu bên trong, phải đứng chỗ cửa, chứ không thì cũng thành trò hề cho thiên hạ. Tôi thì tôi đoán là...” - đến đoạn này tất cả các quý bà ngừng ăn, ngồi ngay lên nghe chuyện - “...hai cô Sawyer bị mất tiền. Họ biết gì về kinh doanh đâu nào, chưa bao giờ biết, mà Mirandy thì giữ mồm giữ miệng quá cơ, đã thế lại còn ngang bướng, nên không chịu hỏi kinh nghiệm ai bao giờ.”

“Tôi thì vẫn nghe hơi nổi chỗ họ giữ chủ yếu là công trái, mà công trái thì mất tiền thế nào được. Jane có khoảnh đất rừng thừa kế, còn Mirandy thì có ngôi nhà gạch. Có khi bà ấy không chịu nổi việc năm mươi đô la của

Rebecca đem tiêu vào khoản thế chấp kia chứ không phụ vào tiền học phí ấy nhỉ. Càng nghĩ tôi càng thấy Adam Ladd hẳn là nhắm món tiền ấy vào Rebecca ngay từ đầu rồi.” Tâm trí mẹ Huldah hướng ngay về việc quyền lợi của con gái bị tước mất.

“Chao ời, Marthy, nói gì mà buồn cười thế!” bà Perkins thốt lên; “bà không nghĩ là anh ta còn biết trước cả việc giám khảo chọn bài nào đấy chứ; và sao anh ta lại phải trao thêm năm mươi đô la giải thưởng cho một học sinh nam nữa, nếu như không phải là để giúp trường? Suốt năm năm anh ta tặng Rebecca quà Giáng Sinh gì thì cũng tặng Emma Jane thứ tương tự; con người anh ta là thế.”

“Lúc nào đó anh ta sẽ quên bém đi một trong hai đứa mà chỉ cho quà đứa kia, hoặc là bỏ rơi cả hai đứa và cho quà một đứa khác!” Delia Weeks nhận định, với vốn kinh nghiệm năm mươi năm làm bà cô của mình.

“Có vẻ thế đấy,” bà Peter Meserve tán thành, “mặc dù dễ thấy là anh ta không phải kiểu đàn ông thích kết hôn. Có những tay đàn ông lấy vợ năm một lần nếu như các bà vợ chết kịp, và lại có những tay thì hình như chỉ thích sống một mình.”

“Nếu Ladd mà theo đạo Mormon thì tôi nghĩ anh ta có thể lấy tất cả phụ nữ vừa độ tuổi ở Bắc Riverboro này, mấy người chị em họ tôi nói thế đấy,” bà Perkins nhận xét.

“Xem chừng chẳng cô nào ở Bắc Riverboro lọt nổi vào mắt xanh anh ta,” bà Robinson phản đối; “nhất là khi hình như anh ta đã chọn được ai đó ở Boston rồi. Tôi cho là Marthy nói phải khi cho rằng có những tay đàn ông không thích kết hôn.”

“Tôi là chẳng có tin kẻ nào như thế sắt vào cái lúc nửa kia của họ xuất hiện!” bác Cobb gái vui vẻ cười. “Người ta không thể nói trước được cái gì hay ai đó có thể khiến họ hài lòng. Các bà biết con ngựa cứng đầu của

Jeremiah chứ, con Buster ấy? Nó không chịu để ai lắp hàm thiếc cho đâu. Nó chống lại cả Jerry và cả tôi nữa, mãi nó mới chịu thua đấy. Rebecca chẳng biết gì về những trò của nó, thế rồi hôm nọ con bé vào lắp cương. Tôi theo ngay đằng sau vì biết là thế nào nó cũng gặp rắc rối với cái dây cương, và tôi thề rằng nếu không phải vì con bé đang vỗ về mồm con Buster và nói chuyện với nó thì lúc con bé đưa tay vào mồm con ngựa và con ngựa há thật là to, tôi lại cứ tưởng nó sắp nuốt chửng con bé đấy. Con ngựa chép miệng một cái như thể cái hàm thiếc là viên đường vậy. ‘Chao, Rebecca,’ tôi bảo con bé, ‘sao cháu dụ được nó đeo hàm thế?’ ‘Cháu có làm gì đâu,’ con bé trả lời, ‘hình như nó muốn đeo đấy chứ; chắc nó đã chán ở trong chuồng nên muốn ra ngoài hít thở không khí trong lành rồi.’”

CHƯƠNG XXVII

Tương lai rạng ngời

Một năm đã trôi qua kể từ khi giải thưởng của Adam Ladd được bàn luận bên bàn tiệc nọ ở Riverboro. Ngày tháng đến rồi đi, cuối cùng cái ngày trọng đại với Rebecca đã đến - cái ngày cô bé đã chờ đợi suốt năm năm, cũng là mục tiêu đầu tiên trên đường đời của cô. Những ngày mài dũa quần đã hết, và buổi lễ kỷ diệu mà những cô cậu học trò mới nhập trường hay nghe là “lễ tốt nghiệp” chuẩn bị diễn ra; thậm chí giờ đây nó được báo trước bằng ánh mặt trời ló dạng đằng Đông. Rebecca rón rén rời khỏi giường, đến bên cửa sổ, mở tung rèm cửa và đón chào luồng sáng tươi hồng của một buổi sáng không một gợn mây. Ngay cả mặt trời trông cũng khác - to hơn, đỏ hơn, quan trọng hơn những ngày bình thường; và nếu đúng là thế thì không có một cô cậu học sinh chuẩn bị tốt nghiệp, dù thế nào đi nữa, lại nghĩ rằng nó kỳ lạ hoặc không phù hợp. Emma Jane cựa quậy, tỉnh giấc, và khi thấy Rebecca bên cửa sổ, cô bé bèn đến quỳ xuống bên bạn. “Sẽ tuyệt lắm đây!” cô hài lòng thốt lên. “Nếu mọi chuyện ổn cả thì tớ có thể cảm ơn Chúa trời được rồi, tớ thấy nhẹ cả người! Cậu có ngủ được không?”

“Không ngủ được mấy; lời bài thơ tốt nghiệp khóa học cứ miên man trong đầu tớ, cả mấy bài hát đi cùng nữa; và tệ nhất là lời cầu nguyện bằng tiếng Latin của Nữ hoàng Mary của Scotland; cứ như là câu

Adoro, imploro,

*Ut liberares me!**

khắc sâu vào đầu tớ vậy.”

Không một ai xa lạ với cuộc sống vùng quê đó có thể hình dung được sức nặng, tầm quan trọng, và sự trang nghiêm của ngày cuối cùng trong năm học này. Về khâu chuẩn bị, sự cầu kỳ và niềm háo hức thì nó vượt xa một đám cưới; bởi đám cưới chỉ là một sự việc đơn giản ở vùng quê, đôi khi chỉ bắt đầu và kết thúc trong một chuyến viếng thăm nhà mục sư. Không có gì thật sự sánh nổi lễ tốt nghiệp trong tâm trí những cô cậu học trò tốt nghiệp, gia đình họ và các học sinh lớp nhỏ hơn, trừ lễ nhậm chức của thống đốc ở thủ phủ bang. Thế nên, Wareham rúng động đến tận cốt tủy của nó vào cái ngày hơn tất cả mọi ngày này. Cha mẹ học sinh và cả những họ hàng xa nhất cũng đến đây bằng tàu và xe ngựa từ bữa sáng; học sinh cũ, đã có gia đình và còn độc thân, đi cùng gia đình và đi một mình, lũ lượt kéo về ngôi làng cũ thân thương. Hai tàu ngựa chật cứng phương tiện đủ loại, những hàng dài xe một ngựa và xe ngựa thồ nằm dọc hai bên những con đường phủ bóng mát, lũ ngựa ngúng nguẩy đuôi hưởng thụ thời gian nghỉ ngơi sung sướng. Phố xá đầy ắp người diện những bộ quần áo đẹp nhất, phong cách thời trang bao gồm không chỉ “xu hướng mới nhất” mà cả những gì của ngày xưa còn lưu giữ được. Đàn ông phụ nữ thuộc đủ mọi lĩnh vực đủ mọi giai tầng, vì học sinh ở hai trường của Wareham, nội trú hoặc ngoại trú, đều là con cái của nào chủ cửa hàng cửa hiệu, luật sư, ông hàng thịt, nào bác sĩ, bác đóng giày, giáo sư, cho đến mục sư, rồi nông dân. Trong trường phổ thông niềm hứng khởi lớn lao và sâu sắc đến độ được thể hiện bằng tịch lặng, một khoảnh khắc ngừng nghỉ tạm thời của sự sống, khi những nhân vật được quan tâm nhất đang tiến đến giây phút quan trọng. Những cô học trò sắp tốt nghiệp ngồi trong phòng, diện bộ phục

trang chĩnh chu cầu kỳ đến mức tất cả phần đời đã qua của các cô dường như chỉ là khúc dạo đầu cho ngày hôm nay. Ít nhất điều này đúng với phần thân các cô; còn phần đầu, do sức nóng khủng khiếp của ngày hôm đó, được hỗ trợ bằng chì, giấy hoặc hàng tá bím tóc nhỏ, để cho ra đủ loại xoắn thịnh hành. Cuốn tóc lên chì hoặc giấy là cách thông dụng để có được kết quả như mong muốn, và tuy việc này thường đồng nghĩa với một đêm mất ngủ song vẫn luôn có những cô bé sẵn sàng trả cái giá ấy. Những cô khác, vì trong người không chảy dòng máu của tín đồ thời trang sẵn sàng tử vì đạo, thì thay chì bằng vải và vờ rằng chúng khiến lộn tóc xoắn tự nhiên hơn chứ không bị xoắn tít lên. Tuy nhiên, sức nóng sẽ làm chảy cả cái đầu kiêu hãnh nhất và khiến sản phẩm tuyệt hảo nhất của kẹp xoắn biến thành những sợi dây đàn thẳng tưng; thế là các bà mẹ đầy lo lắng được chỉ định ngồi bên con gái tay phe phẩy quạt cọ, vì người ta quyết định rằng cái thời khắc tối cao khi đồng hồ thị trấn đánh mười tiếng sẽ là lúc giải thoát các tù nhân khỏi sự hành hạ của chính mình.

Vải mút xơ lin Thụy Sĩ trơn hoặc chấm là chất vải ưa thích, mặc dù có cả những cô bé vãi mồ hôi như tắm trong bộ váy áo len cashmere hoặc lông len alpaca trắng, bởi trong một vài hoàn cảnh những chiếc váy áo đó được coi là rất có ích sau buổi lễ. Dây ruy băng trắng hồng thắt lưng được vắt trên thành ghế, và cô bé có chiếc dây kiểu Roman thì cầu nguyện rằng cô sẽ được bảo vệ khỏi sự phù phiếm và tự phụ.

Con đường đến với chiếc váy dịp tốt nghiệp thật mơ hồ đối với Rebecca cho đến tận một tháng trước đó. Khi ấy, cùng với Emma Jane, cô ghé thăm tầng áp mái của nhà Perkins, tìm thấy hết thứ nọ đến thứ kia và cuối cùng là tấm vải thưa chuyên gói bơ hay còn gọi là vải đóng pho mát. Ngay tức khắc cô quyết định đó chính là thứ cô cần. Cô “con gái của ông thợ rèn giàu có” quảng ngay ý tưởng mút xơ lin Thụy Sĩ chấm đi và một lòng một

dạ làm theo ý tưởng tấm vải đóng pho mát của Rebecca. Rebecca nhanh chóng thiết kế mẫu váy bao gồm vẽ đường chỉ, khâu rua tạo viền lưới và xếp ly nhỏ, đính diềm đăng ten cầu kỳ khiến chiếc váy phải phân ra mỗi người làm một vài phần - khăn vắt vai do Hannah làm, phần thân và tay là bác Cobb gái, phần váy là bác Jane. Đường kim mũi chỉ của họ khâu lên thứ vải rẻ tiền giá chỉ dăm ba xu một mét cũng khiến váy áo đáng yêu vô cùng, về phần những nếp gấp và đường nét thì chúng có thể chấp cả vải xa tanh và găm thêu kim tuyến.

Chỉ có hai cô bé chờ đợi trong phòng, Emma Jane thì chỉ chực khóc. Cô cứ nghĩ mãi rằng đây là ngày cuối cùng hai cô được ở bên nhau thân thiết gần gũi thế này. Điểm bắt đầu của sự kết thúc đang đến dần, bởi Rebecca đã có hai lời mời làm việc mà thầy Morrison đưa ra hôm qua: một là cô sẽ đệm đàn cho người ta hát và thể dục nhịp điệu, quản lý việc tập đàn của lớp học sinh nữ nhỏ tuổi hơn ở một trường nội trú; hai là công việc trợ giảng khiếm tốn ở trường Trung học Edgewood. Cả hai đều trả lương vừa phải thôi, nhưng lựa chọn đầu còn có thêm lợi thế về giáo dục mà cô Maxwell nghĩ là rất đáng giá.

Tâm trạng của Rebecca chuyển biến từ háo hức thành hạnh phúc ngập tràn, và khi tiếng chuông vang dọc hành lang báo hiệu chỉ năm phút nữa khóa học sinh tốt nghiệp sẽ tập hợp tiến về nhà thờ để bắt đầu buổi lễ, cô đứng ngây ra không thốt nổi một lời, bàn tay đặt lên trái tim.

“Nó đến rồi đây, Emmie,” cô bé nói rành mạch; “cậu có nhớ trong truyện *Nhà máy xay bột bên dòng Floss* khi Maggie Tulliver đóng lại cánh cửa vàng của tuổi thơ sau lưng mình không? Tớ gần như thấy nó đang khép lại, gần như thấy hai cánh khít vào nhau, không hiểu là tớ cảm thấy vui hay nuối tiếc nữa.”

“Tớ chẳng quan tâm chúng khép lại hay là khít vào nhau như thế nào

hết,” Emma Jane nói, “chỉ ước sao cậu và tớ ở cùng một phía; nhưng không được rồi, tớ biết chắc chắn là không được!”

“Emmie, đừng có mà khóc đấy, vì tớ sắp vỡ òa ra đây này! Ước gì cậu cũng tốt nghiệp luôn cùng tớ; đấy là điều đáng buồn nhất với tớ thôi! Kìa! Tớ nghe thấy tiếng bánh xe lăn rầm rầm! Người ta sắp thấy bất ngờ lớn của chúng ta đây! Ôm tớ để lấy may nào, Emmie thân yêu; ôm cẩn thận đấy, kéo hồng cái váy gói bơ mỏng manh này!”

Mười phút sau, Adam Ladd mới vừa từ Portland tới và đi vội về phía nhà thờ, bất chợt rẽ vào phố chính và dừng khựng lại dưới một tán cây bên lề đường, mắt dán chặt vào cảnh tượng xinh đẹp đáng yêu có lẽ chưa bao giờ anh được chiêm ngưỡng. Lớp học mà Rebecca làm lớp trưởng không diễu hành theo nghi lễ thông thường. Thay vì xếp hàng đôi đi từ trường phố thông đến nhà thờ, các học sinh chọn dùng kiểu xe ngựa hoàng gia. Một chiếc xe ngựa chở cỏ khô được trang hoàng bằng dây leo xanh mướt và những bó cúc họa mi thân dài, loài hoa đáng yêu đang nở rộ khắp những đồng cỏ New England. Mỗi song chắn, thân xe, thậm chí cả nan bánh xe cũng được quấn nào vàng nào xanh nào trắng. Kéo xe là hai chú ngựa trắng, dây cương được trang điểm bằng hoa, và bên trong thùng xe hoa là mười hai cô nữ sinh ngồi trên những cành cây gỗ phong, trong khi mười cậu nam sinh chia nhau bước đều hai bên xe, ngực áo dính một chùm hoa cúc nhỏ, loài hoa đại diện cho khóa học sinh tốt nghiệp năm nay.

Rebecca là người đánh xe, cô bé ngồi trên chiếc ghế dài bọc một màu xanh lá trông không khác gì một gai vàng. Không một cô gái trong bộ mốt xơ lin trắng nào và không một thiếu nữ mười bảy tuổi trẻ nào lại có vẻ mặc được; và mười hai cô gái quê trong khung cảnh ấy trông thật xinh đẹp, khi ánh nắng tháng Sáu lọt qua tán cây xuống những mái đầu trần, làm rạng ngời những đôi mắt sáng, đôi má mơn mớn, những nụ cười cùng những

lúm đồng tiền.

Rebecca, Adam nghĩ, khi anh bỏ mũ xuống và trân trọng chào cảnh tượng đẹp đẽ kia - Rebecca, với dáng người cao ráo mảnh mai, đôi lông mày đầy suy tư, ngọn lửa hạnh phúc tuổi trẻ cháy trên khuôn mặt, bím tóc đen dài, hẳn phải là một Nàng Thơ hoặc một Nữ tiên tri trẻ tuổi; và chiếc xe đầy hoa chở nặng xuân sắc có thể được khắc họa thành một bức tranh gọi nhớ tới *Bình minh cuộc đời**. Người và xe đi qua, anh vẫn còn ở lại bên tán cây đu trên con phố cũ nơi mẹ anh từng dạo bước nửa thế kỷ trước. Vừa bắt đầu đi theo đám đông về phía nhà thờ, anh chợt nghe tiếng thút thít. Phía sau một bụi cây trong khu vườn gần đó là một cô gái đơn độc mặc bộ váy áo trắng, với sống mũi gọn gàng, mái tóc màu hạt dẻ và đôi mắt xanh mà anh hình như biết rất rõ. Anh bước vào bên trong cổng và lên tiếng, “Có chuyện gì thế, cô Emma?”

“Ôi, có phải là chú không, chú Ladd? Rebecca không muốn cháu khóc vì sợ cháu xấu đi, nhưng chỉ còn lúc này nữa thôi rồi cháu phải vào đó. Suy cho cùng thì cháu có thể xấu xí thế nào cũng được vì cháu chỉ phải hát cùng với cả trường; cháu không tốt nghiệp đâu, cháu chỉ rời trường thôi! Thế thì cũng chẳng thành vấn đề; chỉ là cháu không chịu nổi việc phải xa Rebecca!”

Hai người đi bên nhau, Adam vỗ về cô bé Emma Jane đang u sầu, cho đến khi họ tới nhà thờ cổ nơi lễ tốt nghiệp diễn ra hằng năm. Bên trong nhà thờ được trang trí với màu vàng, xanh và trắng, chật cứng người, không khí nóng bức và khó thở, những bài luận và thơ ca được đọc lên nghe như cả ngàn năm trước vẫn thế. Người ta luôn sợ hãi rằng cái bực có thể sẽ sụp xuống trước sức nặng của sự nhàm chán trẻ đại được phát thành lời trong những dịp thế này; nhưng cũng không thể phê phán nổi, vì cảnh tượng những chàng trai cô gái, những người kiến tạo tương lai trẻ trung và giàu

mơ mộng này khiến các nhà phê bình phải buông súng. Khán giả ngáp sái quai hàm trước những bài luận, nhưng trái tim thì hướng trọn về những tác giả của chúng, không chút đổi thay, bởi tương lai rạng ngời đang tỏa sáng trong đôi mắt họ, họ chẳng mảy may sợ hãi đối với những trở ngại không tránh khỏi mà tương lai đã dọn sẵn.

Rebecca trông thấy Hannah cùng chồng chị trong số khán giả; cả em trai John yêu quý và con gái bác Ann nữa, và dù biết rằng mẹ không thể nào có mặt được, cô bé vẫn cảm thấy nhói đau khi không thấy bà; bà Aurelia tội nghiệp ở lại Suối Năng bởi phải trông nom nông trại và lũ con, lại thêm việc túng bấn không có tiền đi lại và sắm sửa quần áo phù hợp. Cô bé trông thấy cả hai bác Cobb. Chắc chắn không ai là không trông thấy bác Jerry; bởi bác rơi nước mắt không chỉ một lần, và cứ đến khoảng giữa các bài luận thì lại cái điệp khúc với người xung quanh về một cô học sinh có những phẩm chất tuyệt vời mà bác biết từ thuở còn thơ; thực tế là bác đã đánh xe chở cô từ quê nhà Maplewood về Riverboro sống, và bác đã nói với mẹ nó ngay đêm ấy rằng sẽ không có một nấc thang nào trên chiếc thang danh vọng mà cô bé chịu bỏ qua để lên được tới đỉnh.

Vậy là hai bác Cobb cũng đến, và còn có cả những gương mặt Riverboro thân thuộc nữa, nhưng bác Jane đâu rồi, bác Jane với bộ váy lụa đen được khâu đặc biệt cho dịp này đâu rồi? Bác Miranda không định tới, cô bé biết, nhưng vào cái ngày duy nhất này, bác Jane yêu thương của cô đâu rồi? Tuy vậy, suy nghĩ này, cũng như mọi suy nghĩ khác, đến rồi đi nhanh như tia chớp, bởi cả buổi lễ sáng hôm ấy là một chuỗi những hình chớp bóng, lướt qua lướt lại trước mắt cô bé. Cô chơi đàn, cô hát, cô đọc lời cầu nguyện bằng tiếng Latin của Nữ hoàng Mary như trong mộng, và chỉ trở về thực tại khi bắt gặp ánh mắt của chú Aladdin lúc cô đọc dòng cuối cùng. Thế rồi phần cuối chương trình là bài thơ tốt nghiệp khóa học

của cô, bài “Những người kiến tạo tương lai”; và ở đó, như trong nhiều dịp trước đây, tính cách cô bé đóng một phần quan trọng khiến những gì cô thốt ra đầy chất Milton* chứ không phải là lời của một cô học trò. Giọng nói, ánh mắt, cả cơ thể cô toát lên sức thuyết phục, sự tha thiết và cảm xúc; khi cô bé rời bục, khán giả tưởng như mình vừa được nghe một tuyệt tác. Hầu hết họ chẳng biết mấy về Carlyle hoặc Emerson, hoặc có thể họ nhớ rằng một người đã nói “Chúng ta đều là nhà thơ khi chúng ta đọc thơ giỏi”, còn người kia nói “Người đọc giỏi chính là người khiến cho cuốn sách hay”.

Tất cả đã xong! Bằng tốt nghiệp đã được mang ra, mỗi cô gái, sau khi lén vuốt tóc, kín đáo kéo nếp váy, vuốt nhẹ dải vải choàng cổ, đã bước lên trước để nhận lấy cuộn giấy da thắt nơ, thứ được mơ tưởng đến trong suốt nhiều tuần lễ qua. Những tràng pháo tay đón từng học sinh tốt nghiệp vào giây phút xúc động này, và những gì bác Jeremiah Cobb thể hiện, khi Rebecca bước lên, là đề tài bàn tán của Wareham và Riverboro suốt nhiều ngày sau đó. Bà cụ Webb thề rằng trong khoảng hai tiếng đồng hồ, bác đã phá hoại chỗ ghế của bà - phần thảm, đệm ghế và phần gỗ - hơn những gì bà làm trong suốt bốn mươi năm qua. Phải, tất cả đã xong, và sau khi đám đông tản bót đi một chút, Adam Ladd rẽ lối tới bên bục.

Rebecca đang nói chuyện với một vài người lạ, vội quay ra gặp anh giữa lối đi. “Ôi, chú Aladdin, cháu mừng là chú đã đến dự! Nói cho cháu biết đi,” cô bé nhìn anh có chút ngượng ngùng, bởi với cô sự tán thành của anh có ý nghĩa hơn, và khó đạt được hơn của những người khác - “nói cho cháu biết đi, chú Aladdin - chú có hài lòng không?”

“Còn hơn cả hài lòng!” anh nói; “tôi mừng là đã được gặp cô bé; tự hào vì quen biết cô thiếu nữ, và mong chờ được gặp người phụ nữ tương lai!”

CHƯƠNG XXVIII

Những trở ngại dọn sẵn

Trái tim Rebecca rộn ràng trước lời khen ngọt ngào từ miệng người anh hùng trong lòng mình, nhưng cô bé chưa kịp nói lời cảm ơn thì hai bác Cobb, sau khi đã khiên tốn chờ đợi trong một góc phòng, đã đến bên, cô bé bèn giới thiệu hai người với chú Ladd.

“Bác Jane đâu rồi ạ?” cô bé kêu lên, một tay nắm lấy tay bác gái Sarah và tay kia bác trai Jerry.

“Ta rất tiếc, cháu yêu ạ, nhưng ta có tin buồn cho cháu đây.”

“Bác Miranda yếu đi phải không ạ? Đúng rồi; nhìn hai bác là cháu biết;” Rebecca tái nhợt đi.

“Sáng qua bà ấy bị đột quỵ lần thứ hai lúc đang giúp bà Jane chuẩn bị đồ để hôm nay đến đây. Jane nói không được cho cháu biết chuyện này cho đến khi mọi thứ xong xuôi, và chúng ta đã hứa là sẽ giữ bí mật đến lúc ấy.”

“Cháu sẽ về nhà với bác ngay, bác Sarah. Cháu phải đi báo cho cô Maxwell đã, vì cô và cháu đã bàn mai dọn đồ xong cháu sẽ đi Brunswick với cô. Bác Miranda đáng thương! Trong khi cháu thì vui vẻ và sung sướng suốt cả ngày hôm nay, trừ lúc cháu mong mẹ và bác Jane.”

“Cháu yêu, vui vẻ và sung sướng đâu có tội gì chứ; Jane muốn cháu như thế mà. Mà Miranda nói lại được rồi, bác cháu mới gửi thư nói bà ấy đã khá hơn; đêm nay ta sẽ trông bà ấy, nên cháu cứ ở lại đây nghỉ ngơi cho khỏe để mai còn thu dọn đồ đạc cho thư thả.”

“Để tớ cất đồ vào hòm cho, Becky, và lo những đồ đạc khác trong phòng nữa,” Emma Jane lên tiếng khi tới bên và nghe được tin buồn ở ngôi nhà gạch.

Họ tới chỗ ghế ngồi yên ắng hơn, vợ chồng Hannah và John cũng tới theo. Chốc chốc một vài người quen hoặc một bạn học cũ đến để chúc mừng Rebecca và hỏi tại sao có lại khuất mình trong góc như thế. Rồi một vài cô cậu cùng khóa tốt nghiệp háo hức gọi cô, nhắc cô không được muộn bữa dã ngoại buổi trưa, hoặc nài nỉ cô đến sớm vào buổi tiệc tối. Tất cả những điều đó phảng phất vẻ không thực với Rebecca. Giữa niềm sung sướng hồ hởi của hai ngày cuối cùng của đời học sinh này, khi “niềm hân diện đến đỏ bừng mặt” là tâm trạng thường trực của cô bé, và sau sự tán dương ngọt ngào của buổi sáng, là cái cảm giác rằng tất cả những thứ đó sẽ chóng qua, rằng trở ngại, khó khăn, lo buồn, đang đợi chờ phía chân trời kia. Cô bé khao khát được cùng em trai John thân yêu chạy trốn vào rừng, tìm kiếm sự an ủi từ chàng John đã lớn phổng lên đẹp trai nhường nào.

Trong khi ấy Adam Ladd và bác Cobb trai đang trò chuyện rất sôi nổi.

“Tôi đồ là ở Boston thì đầy các cô con gái sáng láng như cô bé kia nhỉ?” Bác Jerry hỏi, hất hàm về phía Rebecca.

“Có thể lắm,” Adam mỉm cười, hiểu được tâm ý người bác lớn tuổi; “chỉ là cháu không được biết cô nào như thế thôi.”

“Chắc mắt tôi kém lắm nên thấy con bé là đứa xinh đẹp nhất trong số các cô con gái trên bục kia thôi, anh thấy sao?”

“Mắt cháu không vấn đề gì,” Adam đáp, “nhưng cháu cũng thấy y như vậy!”

“Anh nghĩ sao về chất giọng con bé? Có gì nổi trội không?”

“Cháu nghĩ nó làm người ta có cảm tưởng những giọng khác thật yếu và

mỏng.”

“Chà, nghe anh nói thế tôi vui rồi, anh chu du khắp nơi kia mà, vì mẹ nó bảo rằng tôi cứ mờ cả mắt vì Rebecky ngay từ ngày đầu tiên gặp con bé. Mẹ nó mắng tôi cái tội chiều chuộng nó, nhưng tôi thấy mẹ nó cũng chả chịu kém một ly. Chao! Tôi phát ốm lên khi nghĩ đến những ông bố bà mẹ phải vượt bao nhiêu dặm đường đến dự buổi lễ con tốt nghiệp mà lại phải đi so sánh chúng với Rebecky. Tạm biệt anh Ladd, khi nào qua Riverboro thì tạt qua nhà tôi chơi nhé.”

“Chắc chắn rồi ạ,” Adam vừa nói vừa bắt chặt tay người bác lớn tuổi; “có khi ngay ngày mai, vì cháu định bảo Rebecca để cháu đưa về. Bác có nghĩ tình trạng bà Sawyer nguy kịch không?”

“Chà, cái đó bác sĩ cũng không biết rõ; nhưng dù sao thì bà ấy cũng bị liệt rồi, chẳng thể đi lại được nữa, tội nghiệp! Bà ấy may còn nói được, ít nhất là cũng đỡ ức chế cho bà ấy.”

Adam rời nhà thờ, anh gặp cô Maxwell lúc đi qua khu vườn công cộng. Cô đang thay mặt trường tiếp khách nên phải đi trò chuyện với hết nhóm này đến nhóm khác. Biết rằng cô rất quan tâm đến kế hoạch của Rebecca, anh kéo cô sang một bên kể cho cô biết rằng cô bé sẽ phải rời Wareham về Riverboro ngay ngày mai.

“Thật quá sức chịu đựng của tôi rồi!” cô Maxwell thốt lên, ngồi xuống ghế và chọc chọc đầu ô nhọn xuống cỏ. “Tôi thấy Rebecca thật chẳng có lúc nào được nghỉ ngơi cả. Tôi đã vẽ ra bao kế hoạch cho cô bé vào tháng tới này để chuẩn bị sẵn sàng cho chỗ làm mới, vậy mà giờ cô bé lại phải tối mắt với việc nhà, phải chăm chút cho bà cô già ốm đau quạu quọ kia.”

“Nếu không nhờ bà cô già quạu quọ kia thì Rebecca có lẽ vẫn đang ở Tuổi Nặng thôi; và đứng ở góc độ lợi thế giáo dục và bất kỳ góc độ nào mà nhìn thì có lẽ Rebecca vẫn còn luẩn quẩn nơi cỏ cây rừng rú,” Adam đáp

lại.

“Đúng thế thật; tại tôi cả giận mất khôn ấy mà, cũng vì đang hình dung ra những ngày tươi đẹp đang đến với cô bé tài giỏi, viên ngọc của tôi.”

“Cô bé tài giỏi, viên ngọc của *chúng ta* chứ,” Adam sửa lại.

“Ồ, phải rồi!” cô bật cười. “Tôi cứ quên chuyện anh thích vợ vào rằng anh là người phát hiện ra Rebecca.”

“Tôi thì tin là những ngày tươi đẹp đang đến với cô bé,” Adam tiếp tục. “Hiện tại đó còn là một bí mật, nhưng trang trại của bà Randall sẽ được ngành đường sắt mua lại. Chúng tôi phải được quyền làm tuyến đường qua mảnh *đất*, và ga sẽ được xây dựng ngay trên đất của bà ấy. Bà sẽ nhận được sáu nghìn đô la, dù không phải là cả cơ đồ, nhưng mỗi năm cũng sẽ cho lãi ba tới bốn trăm đô la, nếu như bà ấy chịu cho tôi giúp đầu tư số tiền ấy. Mảnh đất còn bị đem thế chấp nữa; trả xong món đó, và khi Rebecca tự đứng vững trên đôi chân của chính mình, thì bà mẹ chắc chắn sẽ phải cho cậu con trai lớn học hành tới nơi tới chốn. Đó là một cậu chàng giỏi giang và nhiều tham vọng. Phải dứt cậu ta ra khỏi công việc nông trại mà chuyên tâm vào học hành.”

“Có khi chúng ta nên tự lập cho mình một Cơ quan Trách nhiệm Hữu hạn Hỗ trợ Nhà Randall,” cô Maxwell mơ màng. “Thú thực là tôi muốn Rebecca có nghề có nghiệp hẳn hoi.”

“Tôi thì không,” Adam nói thẳng.

“Tất nhiên là không rồi. Đàn ông các anh đâu thèm quan tâm đến sự nghiệp của phụ nữ! Nhưng tôi hiểu Rebecca hơn anh chứ.”

“Cô hiểu tâm trí cô bé hơn tôi, nhưng chưa chắc đã hiểu trái tim cô bé bằng tôi. Lúc này cô đang nghĩ về cô bé như một người tài, còn tôi thì nghĩ về cô bé như là viên ngọc.”

“Chà,” cô Maxwell thở dài tinh quái, “người tài hay là viên ngọc, Cơ quan Hỗ trợ Nhà Randall có thể lôi kéo Rebecca đi theo hai hướng khác nhau nhưng dù gì thì cô bé cũng sẽ đi theo vị thánh của mình thôi.”

“Thế là đủ cho tôi hài lòng rồi,” Adam nghiêm túc đáp.

“Đặc biệt là khi vị thánh ấy dẫn theo con đường của anh.” Và cô Maxwell ngẩng lên mỉm cười đầy khiêu khích.

Mãi tới mấy ngày sau khi về ngôi nhà gạch Rebecca mới được gặp bác Miranda. Miranda kiên quyết không cho ai trừ Jane vào phòng cho đến khi mặt mũi mình trông hồng hào trở lại, nhưng cửa phòng lúc nào cũng chỉ khép hờ, và Jane cho rằng chị mình muốn được nghe tiếng bước chân nhanh nhẹn và nhẹ nhàng của Rebecca. Đầu óc bà đã tỉnh táo, và trừ việc không cử động được thì bà hầu như không bị đau đớn gì, lại quán xuyến mọi thứ diễn ra trong nhà và ngoài nhà. “Táo rụng đã nhặt vào làm xốt táo chưa; khoai tây trên đồi đã to chưa; ngô đã có cò chưa; người ta cắt cỏ đồng trên chưa; họ có để giấy dính ruồi khắp nơi không; trong sữa có kiến không; còn đủ gỗ mồi không; ngân hàng gửi cuống phiếu chưa?”

Miranda Sawyer tội nghiệp! Cheo leo nơi bờ vực sang phía bên kia - cơ thể bà đã “vùng lên” và không còn tuân theo ý chí sắt đá của bà nữa, - không viễn cảnh thần thánh nào hiện ra trong đầu óc mỗi một của bà; không gì ngoài âu lo vụn vặt. Không phải ngay lập tức mà linh hồn có thể trò chuyện được với Chúa trời, dù Người ở gần hơn bao giờ hết. Nếu như thứ tiếng thiên đường không học nổi, thật nhanh như khi linh giác năm bắt hiện thực, thì linh hồn tội nghiệp phải dùng từ ngữ nó đã phụ thuộc vào mỗi ngày. Bà Miranda đáng thương! Bị giam chặt trong bốn bức tường nhà tù do bản tính bà dựng nên, mù lòa trước mặt khái của Thiên Chúa vì bà chưa bao giờ dùng đến con mắt tâm linh, điếc đặc trước những tiếng nói

thiên thần bởi bà chưa bao giờ dùng đến đôi tai tâm linh.

Một buổi sáng nọ bà gọi Rebecca. Cánh cửa mở ra hé lộ phòng bệnh mờ tối, và Rebecca đứng đó, nằng hắt sau lưng, trên tay đầy hoa đậu thơm. Khuôn mặt Miranda nhợt nhạt, hốc hác, đóng khung trong chiếc mũ ngủ, phờ phạc trên gối, cơ thể đáng thương của bà nằm bất động dưới chăn.

“Vào đi,” bà nói; “ta chưa chết đâu. Đừng có hoa với hoét, chỉ tổ bừa giường!”

“Ôi, không đâu ạ! Chúng sẽ được cắm vào bình thủy tinh,” Rebecca đáp, vừa quay về phía chậu rửa vừa cố giữ cho giọng bình thường và ngăn những giọt nước mắt chực trào ra.

“Để ta xem cô nào; lại đây. Cô đang mặc bộ nào đấy?” giọng bà yếu ớt vỡ vụn.

“Váy hoa xanh ạ.”

“Bộ cashmere có bền màu không?”

“Có ạ, thưa bác Miranda.”

“Cô có cất trong tủ khuất ánh sáng và lộn trái ra như ta bảo không đấy?”

“Cháu luôn làm thế ạ.”

“Mẹ cô đã làm thạch chưa?”

“Chưa thấy mẹ cháu bảo gì bác ạ.”

“Cô ta rất giỏi cái trò viết thư mà chả có thông tin gì cả. Mark đã gây cái gì từ khi ta ốm rồi?”

“Không gì cả, bác Miranda ạ.”

“Sao, có vấn đề gì với nó à? Sinh trò lười rồi chứ gì? John thế nào rồi?”

“Em ấy rồi sẽ khá nhất trong số chúng cháu ạ.”

“Hy vọng cô đừng có lơ là việc bếp núc vì ta không có ở đó. Cô có tráng

nước nóng ấm cà phê rồi úp xuống thành cửa sổ không?”

“Có ạ, thưa bác.”

“Jane với cô thì lúc nào cũng có có,” Miranda rên rỉ, gắng cựa thân mình bất động; “ta nằm đây cũng biết thừa là mọi việc không như ta mong muốn tí nào cả.”

Bà ngừng một lúc lâu, còn Rebecca thì ngồi xuống bên giường và rụt rè đặt tay lên tay bà, trái tim cô chan chứa thương cảm trước khuôn mặt hốc hác và đôi mắt nhắm nghiền.

“Ta xấu hổ vô cùng khi phải để cô tốt nghiệp với bộ váy đóng pho mát kia, Rebecca ạ, nhưng ta không còn cách nào khác cả. Rồi lúc nào đó cô sẽ được biết lý do, và biết rằng ta đã cố gắng bù đắp cho cô rồi. Ta e chắc cô đã thành trò cười cho cả thiên hạ!”

“Không ạ,” Rebecca đáp. “Bao nhiêu người nói bộ váy của chúng cháu đẹp nhất; trông như là ren mềm ấy. Bác không phải lo nghĩ việc gì hết. Giờ cháu đã lớn khôn và tốt nghiệp rồi - đứng thứ ba trong khóa hai mươi hai bạn đấy bác Miranda - và cháu được mời làm việc mấy chỗ rất tốt nữa. Bác nhìn cháu này, lớn mạnh và trẻ trung, sẵn sàng ra ngoài kia cho mọi người thấy bác và bác Jane đã làm gì cho cháu. Nếu bác muốn cháu ở gần thì cháu sẽ nhận chỗ ở trường Edgewood, như thế thì tối tối và cả Chủ nhật cháu có thể về đỡ đần hai bác; còn nếu sức khỏe bác tốt hơn, thì cháu sẽ đi Augusta - vì ở đó được trả thêm những một trăm đô, được học nhạc và những thứ khác nữa.”

“Cô nghe tôi nói đây,” Miranda run run. “Nhận chỗ tốt nhất ấy, không phải nghĩ về chuyện ốm đau của tôi. Tôi muốn sống đến chừng nào thấy cô trả được khoản thế chấp ấy, nhưng xem ra tôi không đủ sức nữa rồi.”

Đến đây bà đột ngột ngừng lại, có lẽ bà đã nói nhiều hơn những gì bà nói suốt cả mấy tuần qua; còn Rebecca lén lui ra ngoài để khóc một mình

và để thấy tuổi già sao luôn thật ác nghiệt, đáng ghét, và làm tình làm tội khiến người ta trượt dài xuống con dốc tối tăm.

Ngày qua ngày, Miranda dần khỏe hơn; ý chí của bà dường như không thể quật ngã được, và chẳng mấy chốc bà có thể di chuyển được đến cái ghế rồi tới bên cửa sổ, bà quyết hồi phục đến độ bác sĩ chỉ cần đến tuần một lần, thay vì hằng ngày; nhờ thế mà hóa đơn bớt đi. Số tiền phải trả giờ đây đã là một khoản khủng khiếp ám ảnh bà suốt ngày đêm.

Từng chút một, hy vọng trở lại với trái tim tươi trẻ của Rebecca. Bác Jane bắt đầu ‘hồ’ lại khăn tay, cổ áo, và chiếc váy nút xơ lin tía để cô có thể đi Brunswick ngay chừng nào bác sĩ xác nhận bác Miranda bắt đầu hồi phục. Những thứ tuyệt đẹp sẽ diễn ra ở Brunswick nếu cô có thể tới đó vào tháng Tám - những thứ mà con tim có thể hy vọng và trí tưởng tượng có thể vẽ ra, bởi cô bé sẽ là khách mời của riêng cô Emily, sẽ ngồi cùng bàn với các giáo sư đại học và những người quan trọng khác.

Cuối cùng cái ngày mong chờ ấy cũng đến. Vài bộ váy đơn giản sạch sẽ được đóng hòm, cùng với chiếc vòng san hô yêu quý, chiếc váy đóng pho mát hôm tốt nghiệp, huy hiệu tốt nghiệp, khăn choàng ren của bác Jane, và một chiếc mũ mới mà cô vẫn đội thử mỗi đêm trước khi đi ngủ. Đó là một chiếc mũ nan trắng có một vòng hoa hồng trắng và lá xanh rẻ tiền, giá đầu chừng hai, ba đô la, một món tiền tiêu chưa hề có tiền lệ với Rebecca. Nét lộng lẫy của chiếc mũ khi kết hợp cùng váy ngủ đã hấp dẫn vô cùng, nếu đi cùng chiếc váy đóng pho mát thì Rebecca nghĩ ngay cả các vị giáo sư đáng kính cũng sẽ phải lấy làm nể trọng lắm. Thực ra nếu ánh mắt của vị giáo sư nào đó có may mắn bắt gặp đôi mắt đen láy bừng sáng dưới vòng hoa hồng trắng đó thì ông sẽ không chỉ dừng lại ở nể trọng không thôi!

Thế rồi, khi mọi thứ đã sẵn sàng và Abijah Flagg chờ ngoài cửa, một tờ điện tín từ Hannah gửi đến: “Về ngay. Mẹ có chuyện.”

Không đầy một giờ sau Rebecca đã lên đường về Suối Năng, tim run lên khi nghĩ đến điều đang chờ đợi cô ở cuối hành trình.

Cuối cùng thì sự chết chóc không ở đó; nhưng lại là một thứ rất gần với nó. Mẹ cô bé đang đứng trên vựa cỏ khô giám sát việc sắp xếp lại một số thứ trong nhà kho thì chắc bị chóng mặt nên ngã xuống đất. Gối phải bị rạn và lưng bị dân dây chằng, nhưng bà vẫn nhận thức được và không bị nguy hiểm đến tính mạng, Rebecca viết cho các bác như vậy khi cô bé tranh thủ được chút thời gian kể về sự tình.

“Tôi thật chẳng hiểu nổi nữa,” Miranda lầm bầm, ngày hôm đó bà không ngồi dậy được; “nhưng từ hồi còn bé hễ tôi mà lăn ra ốm là thế nào Aurelia cũng ốm luôn. Biết là trên đỉnh vựa cỏ không phải chỗ cho phụ nữ, nhưng sao cứ phải ngã mới được nhỉ; mà nếu không ngã thì rồi cũng lại phải cái vạ khác. Aurelia đẻ ra số đã đen rồi. Giờ thì có khi cô ta lại sinh què quặt mất thôi, rồi Rebecca lại phải chăm cho mẹ nó thay vì đi kiếm bộn tiền ở chỗ khác.”

“Trách nhiệm trước tiên của con bé là với mẹ nó,” bác Jane nói; “em hy vọng con bé luôn nhớ rõ điều đó.”

“Chẳng ai nhớ nổi việc phải làm - vào cái tuổi mười bảy cả,” Miranda đáp. “Giờ tôi khỏe rồi, có mấy việc tôi cần bàn với cô, Jane ạ, mấy việc khiến tôi cứ phải ngày đêm suy nghĩ. Chúng ta đã nhắc đến rồi, bây giờ thì phải quyết định cho xong đi. Chừng nào tôi nằm xuống, cô có muốn đón Aurelia và lũ trẻ xuống đây không? Cả đoàn thể nhà ấy - Aurelia, Jenny, rồi Fanny nữa; nhưng tôi không đồng ý Mark đâu. Hannah có thể đón nó về; tôi không muốn một thằng nhóc to khỏe huỳnh huyếch lên khắp thảm và làm hỏng đồ đạc, dù tôi biết là khi chết rồi thì cũng chẳng có cách nào mà ngăn cô được, nếu cô muốn làm thế.”

“Em không muốn làm trái ý chị, đặc biệt là với số tiền chị để lại, chị

Miranda,” Jane nói.

“Đừng nói với Rebecca là tôi để lại cho con bé ngôi nhà gạch. Nó sẽ chưa nhận được chừng nào tôi còn sống, và tôi muốn chết thong thả, không cho ai giục giã để kiếm lợi từ cái chết của tôi; mà tôi cũng không muốn cảm ơn gì hết. Tôi đồ rằng nó sẽ dùng cầu thang trước xoành xoạch như là cầu thang sau và không chịu xách nước vào bếp đấy, nhưng có khi chết vài năm thì tôi cũng kệ thây chẳng bận tâm mấy cái trò mèu mửa ấy nữa. Con bé rất tôn trọng cô, nó sẽ muốn cô ở đây chừng nào cô còn sống đấy, nhưng dù sao tôi cũng vẫn nói đến chuyện này trong di chúc. Tuy di chúc của luật sư Bums không giá trị được lâu lắm, song làm với ông ấy rẻ hơn, mà tôi nghĩ cuối cùng thì cũng như nhau cả thôi. Tôi là tôi không chịu tay nào Rebecca chọn làm chồng mà lại đuổi cô ra khỏi nhà này đâu đấy.”

Một khoảng ngưng dài, Jane lặng lẽ đan, chốc chốc lại quệt nước mắt khi nhìn dáng hình đáng thương yếu ớt nằm trên gối. Chợt Miranda thều thào:

“Suy cho cùng tôi cũng chẳng biết thế nào nhưng chắc là cô đón cả Mark cũng được; tôi nghĩ có những thằng con trai dạy được mà cũng có những đứa mãi không dạy được. Để nhiều quá thế thật chẳng ra làm sao, nhưng mà chia rẽ một gia đình thật nguy hiểm lắm; chúng sẽ chẳng tử tế được đâu, và người ta cứ nhớ mẹ nó là người nhà Sawyer thôi. Giờ thì cô kéo rèm cửa lại cho tôi, tôi cố chớp mắt một chút.”

CHƯƠNG XXIX

Mẹ và con gái

Hai tháng đã trôi qua - hai tháng vất vả nặng nhọc; nấu nướng, giặt giũ, là ủi; khâu vá và trông nom ba đứa trẻ, mặc dù Jenny đã nhanh chóng trở thành một bà nội trợ tí hon rất đáng nể, vừa nhanh nhẹn lại tháo vát. Đó là hai tháng của những đêm mệt mỏi trông nom Aurelia bên giường bệnh; xoa bóp và băng bó; đọc sách và săn sóc, thậm chí cả bón ăn và tắm rửa. Công việc chăm sóc tưởng như vô tận đã giảm nhẹ đi nhiều, và cả nhà có thể thở phào chút ít, vì tiếng rên đau của người mẹ đã thôi không vọng ra từ căn phòng ngủ ngọt ngào nơi mà suốt tháng Tám nóng nực ẩm ướt, Aurelia phải nằm nguyên một chỗ, mỗi hơi thở là cả một cơn đau. Phải nhiều tháng nữa mới có thể nói đến chuyện đi lại, nhưng may mắn nhân lên bội phần khi đã có thể kéo rèm lên và dịch giường đến bên cửa sổ; khi người mẹ, với chiếc gối tựa sau lưng, có thể ngồi dậy xem mọi việc xung quanh, có thể mỉm cười khi nói về cơn đau vừa qua và quên đi những giây phút mệt mỏi nhồi nhét nhau trước khi có được cảm giác tương đối dễ chịu này.

Không một cô gái mười bảy nào vượt qua thử thách này mà không có bất kỳ thay đổi nào; không một cô gái nào với tính cách của Rebecca lại có thể vượt qua mà không một chút phàn nàn hay nổi loạn ngầm ngấm. Cô thực hiện tất cả những công việc khiến cô không được vui vẻ - những công việc nặng nhọc và đầy thử thách, những công việc có lẽ cô không thể chu toàn; như hứa hẹn mật ngọt với đôi môi khát cháy là viễn cảnh về hạnh phúc mà cô bé đã phải gạt sang một bên để chăm chút cho những công việc

nhằm chán hăng ngày. Những viễn cảnh xán lạn khi vũ trụ rộng mở chờ sức trẻ của cô vẫy vùng đã hiện ra sao mà chóng vánh! Và chúng tan loãng vào ánh sáng của những ngày bình thường cũng nhanh chóng làm sao! Ban đầu, niềm thương xót sâu đậm khiến cô bé không nghĩ đến điều gì ngoài con đau của mẹ. Không chút nghĩ ngại cho bản thân nào chen giữa cô bé và trách nhiệm của một người con; nhưng sau đó, ngày trôi qua, tuần trôi qua, niềm hy vọng lụi tàn lại bắt đầu cựa quậy nhói đau trong lồng ngực cô; tham vọng bị dập tắt lại bắt đầu vươn dậy như muốn đâm vào da thịt cô; niềm hạnh phúc ngoài tầm tay trên người cô bằng sự gần gũi của nó - bằng con đường phân cách nhỏ hẹp giữa cô và ý thức về nó. Vào lúc này, thật dễ dàng lách giữa khoảng phân cách nhỏ hẹp ấy, không nhìn trái không nhìn phải, được nâng đỡ bởi nhận thức mình đang làm một việc đúng đắn; nhưng niềm hạnh phúc ban đầu của sự hy sinh, niềm hạnh phúc như ngọn lửa cháy trong máu, dần lụi tàn; con đường dường như càng thô lương, bước chân dường như càng nao núng. Thời điểm đó đã đến với Rebecca, và khi có thư cho hay vị trí ở Augusta đã có người nhận thì tinh thần Rebecca suy sụp hoàn toàn. Trong cô có con tim muốn nổi loạn, có đôi cánh đập liên hồi vào cửa lồng khóa chặt, có khao khát tự do của thế giới bên ngoài. Đó là cơn vằn vũ của bao sức mạnh trong cô, dù cô không gọi nó bằng cái tên đao to búa lớn như thế. Cô thấy hồ như con gió định mệnh đang thổi qua thổi lại ngọn lửa trong cô, đốt cháy, thui trụi cô, chứ không nhen lên cái gì cả. Tất cả những điều ấy đồng nghĩa với một đêm bão bùng trong căn phòng nhỏ của cô ở Suối Nắng, nhưng mây rồi lại tan, mặt trời lại tỏa sáng. Cầu vồng vươn mình trên bầu trời xanh, trong khi “niềm hy vọng choàng áo màu lục của mùa xuân tháng Tư”* mỉm cười với gương mặt dần tươi sáng trở lại của cô, vừa vẫy chào cô vừa hát rằng:

Nào hãy cùng ta tiến bước,
Tương lai rạng ngời còn phía trước.

Những sợi tơ mỏng manh của hạnh phúc dệt thêm vào chiếc mạng màu xám rối bù của cuộc sống thường nhật. Thịnh thoảng lại có những cố gắng trang hoàng cho căn nhà nhỏ bớt đơn điệu bằng cách đem vào trong nhà những thứ bên ngoài nhà, bắt chước Thiên nhiên và để ý xem khi nhìn thấy sự xấu xí thì người che giấu nó bằng cách nào. Rồi còn có sự thỏa mãn khi được là người đứng đầu lãnh địa nhỏ bé này; được sắp xếp, quản lý, quyết định; được đưa vào khuôn khổ những đồng hồ đặn; được gieo trồng niềm vui sống ở nơi đã phải quy hàng những điều bất khả kháng. Một điều an ủi nữa là tình yêu của lũ em nhỏ, chúng hướng về cô như hoa với mặt trời, hào hứng với kho chuyện kể của cô, yên tâm với niềm tin rằng khả năng tưởng tượng của cô là vô hạn. Trong chuyện này, và cả những chuyện lớn hơn nữa, dù cô không mấy nhận ra thì quy luật bù trừ cũng đang bù đắp cho cô, bởi trong những ngày nhiều âu lo này mẹ và con gái nhận ra nhau, hiểu nhau hơn bao giờ hết. Một cảm xúc mới lạ đến với Rebecca khi cô quanh quẩn bên giường bệnh của mẹ - thứ cảm xúc chỉ có thể đến khi người ta chăm sóc nhau, khi cái mạnh vỗ về cái yếu. Đối với Aurelia, từ ngữ không bao giờ có thể diễn tả nổi niềm hạnh phúc câm lặng của bà khi cuối cùng bà cũng được ơn trên mặc khải cho thấy tình mẫu tử. Trong suốt những năm qua khi lũ trẻ còn nhỏ, bao lo toan nặng gánh đã khuất lấp ánh sáng lò sưởi bằng đôi cánh ưu tư. Thế rồi Rebecca đi xa, trong những ngày tháng dài vắng bóng, suy nghĩ và tình cảm của cô bé đã lớn ra ngoài ý thức của người mẹ. Lúc này đây, khi Aurelia có thời gian và sức lực để quan sát con mình, thì cô bé như đã lột xác thành một con người thú vị khác. Aurelia và Hannah đã bị cuốn vào vòng quay buồn chán của việc nhà, ngày càng

trở nên âm đạm; nhưng giờ đây, ở một quãng trên đường đời, xuất hiện trước mắt bà là sinh linh đáng kinh ngạc này, cô chấp cánh cho những tâm tư trước đây chỉ biết bò; cô mang màu sắc và nét duyên dáng cùng sự hài hòa vào hiện hữu thô ráp.

Bạn có thể chẳng Rebecca vào chiếc cày nặng nhất, và chừng nào cô bé còn có sức trẻ, cô sẽ luôn nhớ đến mảnh đất xanh lục dưới chân và bầu trời xanh dương trên đầu. Đôi mắt trần tục của cô bé trông thấy chiếc bánh mà cô đang khuấy bột và ổ bánh mì cô đang nhào; đôi tai trần tục giúp cô nghe thấy tiếng lò lửa bếp nổ lách tách và ấm nước reo, nhưng đôi khi trí tưởng tượng của cô bé lại vươn lên với đôi cánh thỏa sức hưởng thụ và hồi phục giữa không trung. Ngôi nhà nhỏ đơn sơ giữa trang trại là sự thật không thể thay đổi, nhưng cô bé còn có vô vàn lâu đài để lẫn trốn vào; những lâu đài là nơi sinh sống của các nhân vật lộng lẫy và sôi nổi của thế giới lãng mạn; những lâu đài với cả bóng ma thiên đường thêu thào những lời khuyên bảo. Mỗi lần ẩn náu vào thành quách mộng mơ của mình, cô lại trở lại mạnh mẽ và rạng rỡ hơn trước, như thể một người được ngắm sao Hôm hay được nghe thứ âm nhạc ngọt ngào hoặc được ngửi hương đóa hồng hạnh phúc.

Aurelia có thể hiểu được cái cảm giác của một con gà mái bình thường và thiện cận đã ấp nở một vịt con lạ lùng và dũng cảm; nhưng hiện tại của bà còn tuyệt vời hơn, bởi bà chỉ có thể so sánh những cảm xúc của mình với cảm xúc của chị gà Dorking nâu nào đó khi chị đẻ ra một quả trứng thường mà ấp nở ra một con thiên diều. Ý nghĩ đó đã nảy ra trong đầu bà hơn một lần suốt nửa tháng qua, và nó cứ trở đi trở lại vào một sáng tháng Mười dịu dàng nọ khi Rebecca bước vào phòng cùng một ôm hoa hoàng anh và cành lá thu rực rỡ.

“Thế này cho có chút không khí mùa thu mẹ ạ,” cô vừa nói vừa nhét cành cây rực rỡ vàng đỏ vào dưới đệm cuối giường. “Cành này rủ xuống

hồ, con sợ cứ để nó ngắm nghía vẻ đẹp của mình quá lâu thì nó sẽ trở nên phù phiếm mất, thế là con cứu nó đấy; trông có đẹp không mẹ? Giá mà con mang được một cành đến cho bác Miranda tội nghiệp! Con mà đi thì ngôi nhà gạch sẽ chẳng bao giờ có đến một cành hoa đâu.”

Buổi sáng hôm ấy thật kỳ diệu. Mặt trời treo cao giữa một thế giới rộng lớn chỉ gọi nhớ đến những ngày vàng nắng gối đầu lên những đêm sao trời lấp lánh. Không gian ngạt ngào hương quả chín, trên cây ngoài cửa là một chú chim điên cuồng hát khản cả giọng với niềm hạnh phúc được sống. Chú chim ấy quên rằng mùa hè đã qua, và mùa đông rồi sẽ tới; nhưng ai có thể hình dung nổi gió lạnh, cảnh khô, mặt sông băng giá vào một ngày như hôm nay? Một con bướm đêm bay vào khung cửa sổ đang mở và đậu lên khóm lá rục rờ. Aurelia lắng nghe tiếng chim và hết nhìn ngắm vẻ đẹp của cành lá rạng ngời tới có con gái mảnh khảnh, rục rờ đứng đó như mùa xuân tươi trẻ đang ôm mùa thu vàng trong vòng tay.

Rồi bất chợt bà ôm mặt khóc, “Mẹ không thể chịu đựng được nữa! Mẹ nằm bẹp đây khiến mọi việc của con hỏng hết. Tất cả thành ra công cốc! Tất cả công mẹ tần tảo; công con học hành vất vả; toàn bộ chi phí của Mirandy; tất cả những gì chúng ta nghĩ sẽ giúp con nên người!”

“Mẹ, mẹ ơi, đừng nói thế, đừng nghĩ thế mẹ ơi!” Rebecca thốt lên, ngồi thụp xuống sàn bên giường mẹ, thả rơi ôm hoàng anh bên cạnh. “Ôi mẹ ơi, con chỉ mới hơn mười bảy! Cô gái mặc tạp dề trúc bầu màu tím với cái mũi dính bột này chỉ là khởi đầu của con thôi! Mẹ có nhớ cái cây non em John ghép không? Hè năm ấy khô hạn và mùa đông lạnh giá, nó chẳng lớn được chút nào, chẳng may nhúc nhích dù mình tưới tắm chăm bón bao nhiêu; thế rồi đến năm thời tiết thuận lợi nó bắt đầu lớn như thổi bù lại thời gian khó khăn ấy. Đây là ‘mùa dưỡng sức’ của con, mẹ ạ, mẹ đừng nghĩ rằng con đã hết mọi cơ hội, vì con còn chưa bắt đầu kia mà! Cái cây phong

bên giếng một trăm tuổi hè vừa rồi cũng ra lá mới đấy, thế nên con vẫn còn hy vọng ở tuổi mười bảy này!”

“Con có thể ra vẻ dũng cảm,” Aurelia sụt sùi, “nhưng con không dối mẹ được đâu. Con đã mất mất chỗ tốt rồi; con sẽ chẳng bao giờ gặp bạn bè ở đây cả, con chỉ làm thân trâu ngựa chứ chẳng gì hơn!”

“Con trông rõ giống thân trâu ngựa thật,” Rebecca đáp lại đầy bí hiểm, đôi mắt lấp lánh nụ cười, “nhưng thật ra con là công chúa đấy; mẹ không được nói với ai đâu nhé, nhưng con chỉ đang hóa trang thôi; con làm thế vì hoàn cảnh bắt buộc. Nhà vua và hoàng hậu đang giữ ngôi báu của con hiện đã rất già và sắp về vườn rồi, họ sắp thoái vị nhường ngôi cho con sớm thôi. Con cho là vương quốc ấy khá nhỏ, như nhiều vương quốc khác, nên cũng không có đấu đá nội bộ gì lắm, và mẹ cũng đừng hy vọng là ngôi báu có đầy ngọc ngà đá quý. Có khi chỉ là chiếc ghế ngà voi cùng một tấm bình phong bằng lông công làm nền thôi; nhưng mẹ sẽ có một cái ghế riêng thật dễ chịu ở gần bên, cùng một số nô lệ để thực hiện những gì người ta gọi trong tiểu thuyết là ‘mệnh lệnh nhỏ nhất nhất’.”

Aurelia không thể không mỉm cười, và dù không hoàn toàn tin tưởng vào lời thuyết phục của con, bà cũng cảm thấy được an ủi phần nào.

“Mẹ chỉ mong con không phải chờ đợi quá lâu để có được ngai vàng và vương quốc của con, Rebecca ạ,” bà nói, “và mẹ có thể được ngắm chúng trước khi chết; nhưng cuộc sống với mẹ thật vất vả khó khăn, nào là bác Miranda của con giờ nằm liệt ở ngôi nhà gạch, mẹ thì nằm liệt đây ở trang trại, nào con thì chân tay không ngơi việc nhà, lúc ở đây lúc ở kia, chưa kể còn phải chăm nom cho Jenny và Fanny và cả Mark nữa! May mà con thừa hưởng một phần tâm tính tươi vui của cha con, không thì con cũng sẽ rầu rĩ suốt ngày như mẹ thôi.”

“Ôi, mẹ ơi!” Rebecca kêu lên, tay ôm chặt đầu gối; “ôi, mẹ, được thấy

một ngày như hôm nay cũng đủ hạnh phúc rồi; cái diễm phúc nhìn thấy, cảm nhận, làm gì đó, và trưởng thành! Khi mẹ mười bảy tuổi chẳng phải được sống đã là một niềm vui với mẹ rồi sao? Mẹ chưa quên đấy chứ?”

“Chưa,” Aurelia đáp, “nhưng mẹ không đầy sức sống như con, không bao giờ.”

“Con thường nghĩ,” Rebecca tiếp tục, cô bước tới bên cửa sổ nhìn ra hàng cây bên ngoài - “con thường nghĩ sẽ đáng sợ biết bao nếu như con hoàn toàn không có mặt ở nơi này. Nếu như mẹ có chị Hannah, rồi, thay vì có con, thì là em John; John rồi Jenny rồi Fanny và các em nữa, nhưng không có Rebecca nào cả; không bao giờ có Rebecca! Được sống thì điều gì cũng trở nên ý nghĩa; trong tim con nhẽ ra phải có những điều lo sợ, nhưng chẳng có lo sợ nào hết; điều gì đó mạnh hơn đã quét chúng đi rồi, như một cơn gió vậy. Ôi, kìa! Anh Will đang đánh xe vào ngõ kìa, mẹ, chắc hẳn anh ấy có thư từ ngôi nhà gạch.”

CHƯƠNG XXX

Tạm biệt Suối Năng

Will Melville đánh xe tới tận cửa sổ, quăng vào lòng Rebecca một lá thư, rồi đi ra chuồng ngựa làm gì đó.

“Chắc bà chị không sao rồi,” Aurelia thở phào, “nếu không thì chị Jane đã đánh điện. Xem chị ấy nói gì nào.”

Rebecca mở phong bì và chỉ lướt mắt đã đọc hết đoạn thư:

Bác Miranda mất một giờ trước. Đến ngay đây, nếu như mẹ cháu đã qua cơn nguy kịch. Bác chưa tổ chức tang lễ chừng nào cháu chưa tới. Bác ấy mất đột ngột và không đau đớn gì. Ôi, Rebecca! Bác mong cháu nhường nào!

BÁC JANE

Sức mạnh của thói quen thật lớn, ngay trong giờ phút sống chết Jane vẫn còn nhớ rằng một bức điện tốn hai năm xu và Aurelia sẽ phải trả nửa đô la khi nhận điện.

Rebecca òa khóc, “Bác Miranda tội nghiệp! Bác mất mà chẳng được sống ngày nào dễ chịu, và con không thể chào tạm biệt bác được! Bác Jane cô đơn đáng thương! Mẹ ơi con làm sao bây giờ? Con cảm thấy như bị xé làm đôi giữa mẹ và ngôi nhà gạch.”

“Con phải đi ngay bây giờ,” Aurelia nói; bà gượng mình dậy. “Nếu trong lúc con đi mà mẹ có chết thì mẹ cũng sẽ nói như vậy. Hai bác đã làm mọi thứ có thể cho con rồi - hơn cả những gì mẹ có thể làm được - đến lượt con đền đáp lại lòng tốt của hai bác và thể hiện lòng biết ơn của con. Bác sẽ

nói mẹ đã qua cơn nguy kịch và mẹ cũng thấy vậy. Jenny có thể xoay sở được, nếu Hannah qua đây ngày một lần.”

“Nhưng mẹ ơi, con *không thể* đi được! Ai sẽ trở mình cho mẹ?” Rebecca thốt lên, đi đi lại lại với đôi bàn tay vò siết.

“Mẹ không trở mình được thì cũng chẳng làm sao hết,” Aurelia cứng rắn đáp lại. “Nếu một bà già tuổi mẹ, làm mẹ của cả một gia đình thế này, mà không đủ tình tảo để không trượt khỏi mấy đồng rơm thì bà ta phải chịu đựng thôi. Mặc bộ váy đen vào rồi sắp xếp hành lý đi. Mẹ sẽ làm được nhiều thứ nếu như có thể dự đám tang chị mình, chứng minh rằng mẹ đã quên và tha thứ những điều bà nói khi mẹ lấy chồng. Những gì bà làm tốt hơn những gì bà nói, chị Mirandy của mẹ đó, và bà đã bù đắp cho con tất cả những điều tội lỗi bà gây ra cho mẹ và cha con! Ôi, Rebecca,” bà run rẩy, “mẹ nhớ làm sao khi mấy chị em còn là những cô bé con và bác ấy đã tự hào biết bao khi uốn tóc cho mẹ; lần khác nữa, hồi lớn hơn rồi, bác ấy đã cho mẹ mượn chiếc váy mút xơ lin màu xanh dương đẹp nhất của mình; đó là khi cha con mời mẹ dẫn đầu đội nhảy với ông vào dịp Giáng Sinh, và sau này mẹ mới biết rằng bác ấy cứ nghĩ cha con sẽ mời bác ấy!”

Đến đây Aurelia suy sụp hoàn toàn và òa khóc thảm thiết; những mừng tượng về quá khứ đã khiến trái tim bà mềm đi, làm tuôn chảy những dòng lệ vô về còn hiệu quả hơn là tin tức về cái chết của người chị.

Chỉ có một tiếng để chuẩn bị. Will sẽ đưa Rebecca đến Temperance và đón Jenny đi học về. Anh cũng tự nguyện đi kiếm một phụ nữ đến ngủ lại trang trại để phòng bà Randall có đổ nặng giữa đêm hôm.

Rebecca chạy như bay xuống đồi kéo thêm một xô nước cuối cùng, và khi kéo chiếc xô từ đáy nước thăm thăm pha lê, nhìn ngắm vẻ đẹp rực rỡ của cảnh sắc mùa thu, cô trông thấy một nhóm khảo sát với các dụng cụ đo đạc đang kẻ những đường rõ ràng là sẽ chạy qua Suối Năng ở cái điểm yêu

thích của cô nơi có Hồ Gươm trong vắt nằm yên ngoan trong miền tịch lặng, những chiếc lá thả trôi trên mặt nước vàng như cát lấp lánh dưới đáy hồ.

Cô hít một hơi thật sâu. “Đã đến lúc rồi!” cô nghĩ. “Mình chào tạm biệt Tuổi Nặng, và hai cánh cổng vàng sắp sập lại vào ngày cuối cùng ở Wareham giờ đây sẽ đóng lại vĩnh viễn. Tạm biệt, con suối cùng những ngọn đồi và đồng cỏ dầu yêu; các bạn rồi cũng sẽ được nhìn thấy cuộc đời, nên chúng ta phải hy vọng và bảo nhau rằng:

Nào hãy cùng ta tiến bước,
Tương lai rạng ngời còn phía trước.

Will Melville cũng đã trông thấy nhóm khảo sát, và sớm đó cũng nghe phong thanh ở bưu điện Temperance về khoản tiền mà bà Randall có thể nhận được từ công ty đường sắt. Anh ta rất vui vẻ trước viễn cảnh tươi tắn của chính mình, bởi đất trang trại của anh ta oái oăm lại nằm ở vị trí chỉ có thể được nâng giá nhờ sự xuất hiện của con đường mới; đồng thời thấy nhẹ người khi nghĩ đến cảnh gia đình nhà vợ sẽ không còn phải đói khổ châu chực trước cửa nhà mình nữa. John có thể sẽ làm chủ gia đình vài năm trước dự kiến, thế nên anh chồng của Hannah phải kiềm chế rất dữ dội mới không huýt sáo vang trời khi chờ Rebecca đến nhà ga ở Temperance. Anh ta không thể hiểu nổi khuôn mặt buồn bã và những dòng nước mắt chốc chốc lại lăn dài lặng lẽ trên má cô; Hannah vẫn luôn kể về bác Miranda như một bà cô già nóng tính và keo kiệt, nên cuộc đời chẳng mất mát gì khi bà ấy quyết định biến mất khỏi chốn ấy.

“Vui vẻ lên đi, Becky!” anh ta nói khi chuẩn bị rời ga. “Cô sẽ thấy mẹ ngời dậy được khi trở lại, và chẳng mấy chốc cả gia đình sẽ chuyển đến

một ngôi nhà nhỏ xinh đẹp ở ngay nơi cô làm việc đấy. Mọi thứ rồi sẽ khá hơn rất nhiều so với năm vừa rồi; Hannah và anh nghĩ vậy”; rồi anh ta đánh xe về kể cho vợ nghe tin tức mới.

Adam Ladd đang ở trong nhà ga và ngay lập tức đến bên Rebecca, khi cô vừa bước vào cửa với vẻ mặt không tươi tắn chút nào.

“Nàng công chúa sớm nay đang buồn,” anh nói, cầm lấy tay cô. “Aladdin phải cọ cây đèn thôi; rồi nô lệ sẽ hiện ra, và những giọt nước mắt kia sẽ khô trong nháy mắt.”

Anh nói nhẹ nhàng, bởi anh cứ nghĩ chuyện buồn của cô liên quan đến những gì ở Suối Nắng, và rằng anh sẽ sớm mang lại nụ cười cho cô khi anh kể rằng trang trại đã được bán và mẹ cô sẽ nhận được một món tiền kha khá. Anh cũng muốn nhắc cô rằng dù cô có phải rời ngôi nhà thơ ấu, thì nơi ở ấy cũng quá xa vời nếu chọn làm chốn sinh sống cho chính cô và mẹ cùng ba em nhỏ. Anh có thể nghe tiếng cô nói như mới ngày hôm qua, “Cháu không nghĩ người ta có thể quên được ngôi nhà tuổi thơ của mình.” Anh có thể hình dung ra hình dáng nhỏ bé kỳ quặc ngày nào bên mái hiên ở Bắc Riverboro và chợt thấy nó biến mất vào bụi tử đinh hương khi anh đặt hàng ba trăm bánh xà phòng Hồng Đỏ và Bạch Tuyết.

Một vài lời của cô cho anh biết rằng nỗi đau khổ của cô thuộc về nguyên nhân khác, tâm trạng cô bần thần, đầy xúc động và đớn đau, khiến anh chỉ biết bày tỏ niềm cảm thông và xin phép được tới ngôi nhà gạch thật sớm để tận mắt thấy cô ổn hơn.

Khi đã tiễn Rebecca lên tàu và ra về, Adam nghĩ cô, trong dáng vẻ trầm mặc u sầu ấy, còn đẹp hơn cả những hình ảnh anh từng thấy ở cô bao năm tháng qua - cái vẻ đẹp của một người phụ nữ trưởng thành. Nhưng vào giây phút trò chuyện với cô anh đã nhìn vào đôi mắt cô và biết chúng vẫn thuộc về một đứa trẻ; không có chút từng trải cuộc đời nào trong đôi mắt long

lạnh sâu thăm ấy, không chút kinh nghiệm nào về đàn ông đàn bà, về đam mê, và hiểu về điều đó cũng không. Từ ga tàu quê nhỏ anh tản bộ theo lề đường đi vào rừng chờ đến giờ tàu của mình, chốc chốc anh lại dừng bên gốc cây để nghĩ ngợi và mơ mộng khi nhìn lên tán lá rục rờ. Anh có đem theo cuốn *Nghìn lẻ một đêm* cho Rebecca với hy vọng có thể thay cuốn đã rách sờn từng là niềm hân hoan của cô những ngày thơ bé; nhưng gặp gỡ cô đúng lúc cô đang có chuyện buồn, anh vô tình lại giữ nó bên mình. Anh lơ đãng giở những trang sách và bắt gặp câu chuyện “Aladdin và cây đèn thần”, và mặc dù anh đã ba mươi tư, câu chuyện cổ tích xưa vẫn khiến anh mê mải say sưa như ngày còn là một cậu bé lần đầu đọc được nó. Dù vậy có những đoạn đặc biệt khiến anh để ý - những đoạn anh đọc đi đọc lại, phát hiện ở đó những niềm vui bí mật và ý nghĩa của chúng. Đó là những đoạn giàu ý nghĩa và kỳ lạ nói về tác động của sự giàu có tuyệt vời đối với cậu Aladdin xưa kia nghèo đói, và những đoạn ca ngợi vẻ đẹp và sự quyến rũ của con gái nhà vua, công chúa Badroulboudour:

Không chỉ những người từng biết Aladdin khi chàng còn là một thằng bé nghèo cầu bơ cầu bất không nhận ra chàng nữa; những người mới trông thấy chàng cách đây ít lâu thôi cũng không thể nhận ra, bởi các nét của chàng đều đổi thay quá nhiều; đó là tác dụng của cây đèn cũ kỹ, để dần dần mang lại cho người sở hữu nó sự hoàn hảo phù hợp với đẳng cấp nếu sử dụng cây đèn đúng mục đích.

Công chúa là cô gái có mái tóc huyền đẹp nhất thế gian; đôi mắt biết nói của nàng to tròn và sáng long lanh; nét mặt nàng thùy mị dịu dàng; chiếc mũi hài hòa không có lấy một tí vết; khuôn miệng nhỏ nhắn, đôi môi đỏ như son và cân đối một cách quyến rũ; có

thể nói mọi nét trên khuôn mặt nàng đều thập toàn thập mỹ. Vì thế không có gì đáng ngạc nhiên khi Aladdin, người chưa từng chiêm ngưỡng nhiều nét quyến rũ như vậy cùng lúc, phải kinh ngạc. Ngoài tất cả những nét hoàn hảo đó công chúa còn có dáng hình mảnh mai, khí cốt sang trọng, đến nỗi chỉ nhìn thấy nàng người khác cũng đã phải tôn kính.

“Thưa công chúa xinh đẹp,” Aladdin nói khi đến gần chào nàng đầy kính trọng, “nếu chẳng may tôi có khiến nàng phật ý vì sự liều lĩnh của mình khi khao khát sở hữu một tạo vật thật đáng yêu nhường ấy, tôi phải nói cho nàng biết rằng nàng có trách thì hãy trách đôi mắt long lanh và muôn nét quyến rũ của nàng chứ đừng nổi trách tôi.”

“Thưa hoàng tử,” công chúa đáp lời, “với tôi chỉ cần được gặp chàng, được nói với chàng rằng tôi xin thuận theo chàng đã là đủ lắm rồi.”

CHƯƠNG XXXI

Lời xin lỗi của bác Miranda

Khi Rebecca xuống tàu ở Maplewood và vội vã đến bưu điện nơi chiếc xe ngựa đang đứng đợi, cô hạnh phúc biết bao khi thấy bác Jerry Cobb đang cầm cương.

“Bác xà ích chính bị ốm,” bác giải thích, “khi họ bảo bác đến, bác nghĩ bụng, ta đã nghỉ rồi, nhưng Rebecky sẽ không phí một giây sau khi nhận được thư bác Jane đâu, và có khi ta lại đón được con bé vào hôm nay ấy; còn chẳng may có bị chậm tàu thì ngày mai là muộn nhất. Thế là ta lại ở đây y như cái ngày hơn sáu năm trước. Cháu sẽ làm một quý cô thực thụ, hay là sẽ ngồi ghế lái cùng với ta nào?”

Bao nhiêu thứ cảm xúc giành giật nhau hiển lộ trên khuôn mặt người bác lớn tuổi, và hai ba người lạ đứng gần ngạc nhiên khi thấy một cô gái trang nghiêm xinh đẹp gục lên bờ vai bụi bặm của ông Cobb mà khóc như một đứa trẻ. “Ôi, bác Jerry!” cô thút thít; “bác Jerry thân yêu! Đã lâu lắm rồi, bao nhiêu chuyện đã qua, tất cả chúng ta đã già đi, và còn bao chuyện sắp xảy ra nữa, cháu thấy lo sợ lắm.”

“Nào, nào, cháu yêu,” người bác già thì thầm vỗ về, “sẽ chỉ có hai bác cháu ta trên xe thôi, chúng ta sẽ nói chuyện trên đường và có thể mọi thứ không u ám như ta tưởng đâu.”

Mỗi dặm đường đều quá đỗi quen thuộc với Rebecca cũng như với bác Jerry; mỗi máng nước, mỗi viên đá mài, nhà kho sơn đỏ, chong chóng đoán gió, ao nuôi vịt và suối đầy cát. Suốt chặng đường cô nhớ lại ngày ấy, cái

ngày như đã từ lâu lắm, khi cô ngồi trên ghế đánh xe lần đầu tiên, đôi chân đung đưa vì còn quá ngắn để có thể chạm tới sàn. Cô có thể ngửi thấy hương bó hoa tử đinh hương, trông thấy chiếc dù viền màu hồng, cảm nhận chiếc váy trúc bầu màu da bò hồ cứng đét và mấy ngọn lông nhím vàng đen chọc đau điếng. Chuyển đi hầu như diễn ra trong im lặng, nhưng với cả bác Jerry và cô gái nhỏ thì đó là sự im lặng ngọt ngào và đầy an ủi.

Thế rồi cô nhìn thấy Abijah Flagg tách vỏ đậu trong nhà kho, khung cửa sổ áp mái nhà Perkins với tấm rèm trắng bay phấp phới. Cô có thể đọc được ở chiếc cờ nhỏ đang vẫy vẫy ấy lời yêu thương và chào đón của Emma Jane; một lời nhắn nhủ tới cô vào đúng giây phút đầu tiên khi những ống khói Riverboro mọc lên trong tầm nhìn; điều gì đó làm ấm lòng cô cho đến khi hai người gặp mặt.

Ngôi nhà gạch hiện ra tiếp theo, trông vẫn như ngày xưa; dù Rebecca thấy như Thần Chết đã ám một lời nguyên bí ẩn lên nó. Những trảng cỏ nổi nhau, hàng cây đu nghiêm nghị, tất cả giờ đều khoác lên mình màu vàng và nâu; những cây phong rực rỡ, những luống cúc tây trong vườn cùng với thực quỳ mọc cao lên ngả vào cửa sổ phòng khách; chỉ thay vì những cảnh nặng hai màu đỏ và hồng tươi tắn, với những đóa hoa nở bung, là một tấm khăn nhỏ buộc rèm cửa lại, và một tấm khác phía phòng nghỉ, một tấm khác nữa trên vòng đồng để gõ cánh cửa sơn nâu.

“Bác Jerry, dừng lại! Bác đừng rẽ vào; bác đưa cháu chiếc túi đi; bác cho cháu xuống bên đường và để cháu tự chạy vào. Rồi bác đi ngay đi nhé.”

Tiếng ồn và tiếng lọc cọc của chiếc xe ngựa đến gần khiến cánh cửa bật mở ngay khi Rebecca vừa đóng cổng lại. Bác Jane bước xuống những bậc đá, đã đổi thay thành một người phụ nữ khác, yếu ớt, tuyệt vọng, nhợt nhạt. Rebecca dang vòng tay rộng và người bác già sụt sùi khóc yếu ớt trong

vòng tay ấy, như khi bà hé mở ra nắm mồ của tình yêu chôn chặt cho đứa trẻ trông thấy khuôn mặt chết chóc, dù chỉ trong một khoảnh khắc, vào cái ngày xưa ấy. Sự ấm áp, mạnh mẽ và sinh lực tuôn chảy từ dáng hình trẻ trung sang dáng hình già nua.

“Rebecca,” bác ngẩng lên, “trước khi vào nhìn mặt bác ấy, cháu có cảm thấy giận hờn chút gì về những điều bác ấy từng nói với cháu không?”

Đôi mắt Rebecca nửa kinh ngạc nửa giận dữ, cô ghen lời: “Ôi, bác Jane! Bác có thể nghĩ về cháu như thế sao? Cháu muốn vào gặp bác ấy với trái tim tràn ngập lòng biết ơn.”

“Bác ấy là người tốt, Rebecca ạ; bác ấy nóng tính và ác khẩu, nhưng bác ấy muốn làm điều đúng điều phải, và đã làm được hết sức mình rồi. Bác ấy chưa bao giờ nói ra, nhưng bác biết chắc chắn bác ấy hối tiếc vì những lời cay độc từng nói với cháu; bác ấy không xóa bỏ chúng khi còn sống, nhưng bác ấy đã làm mọi thứ để cháu hiểu cảm giác của bác ấy khi qua đời.”

“Cháu đã nói với bác ấy trước khi đi rằng bác ấy đã giúp cháu nên người rồi, đúng như mẹ cháu nói,” Rebecca sụt sùi.

“Không phải thế,” Jane nói. “Chúa trời đã tạo ra cháu ngay từ đầu, và cháu cũng tự mình trưởng thành để giúp Người; nhưng bác ấy cung cấp những vật chất cần thiết cho cháu, và không thể coi thường điều ấy được; đặc biệt là khi ai đó phải từ bỏ những tiện nghi sung sướng của mình để làm như thế. Giờ bác phải nói với cháu điều này, Rebecca ạ. Bác Mirandy của cháu đã di chúc cho cháu toàn bộ mọi thứ - ngôi nhà gạch và các khu nhà xung quanh cùng đồ đạc, đất đai quanh nhà, cháu trông thấy đấy.”

Rebecca tháo tung mũ và đặt tay lên tim mình, như cô vẫn thường làm vào khoảnh khắc xúc động mạnh. Im lặng một lát cô nói: “Để cháu vào một mình; cháu muốn nói chuyện với bác ấy; cháu muốn cảm ơn bác ấy; cháu cảm thấy như cháu có thể khiến bác ấy nghe được, cảm nhận được và hiểu

được!”

Jane trở vào bếp lo lắng những công việc vô hồn mà cái chết cũng không thể tận diệt được dù chỉ trong một ngày. Thần Chết có thể lên vào nhà này nhà nọ, để lại nỗi tuyệt vọng và cô đơn đằng sau mình, nhưng bàn ăn thì vẫn phải dọn, bát đĩa phải rửa, giường phải phủi, bởi một người nào đó.

Mười phút sau Rebecca bước ra từ Hiên hữu Vĩ đại với vẻ nhợt nhạt và kiệt sức, nhưng nhẹ nhõm như được rửa tội và tôn vinh. Cô ngồi lặng lẽ bên lối cửa, những tán cây đu che bóng cô khỏi thế giới Riverboro nhỏ bé ngoài kia. Lòng biết ơn dào dạt và sự bình an ngự trị tâm hồn cô, khi cô ngắm khung cảnh mùa thu, lắng nghe tiếng lóc cóc của một xe ngựa nào trên cầu, lắng nghe tiếng gọi của dòng sông khi nó lao mình ra biển cả. Cô khẽ đưa tay chạm lên chiếc vòng đồng gõ cửa rồi lên hàng gạch đỏ rực rỡ trong nắng tháng Mười.

Nơi đây chính là tổ ấm; là mái nhà, là vườn tược, là cánh đồng xanh, là hàng cây thân yêu của cô; nó là chốn nương tựa cho gia đình nhỏ ở Suối Năng; mẹ cô sẽ trở lại làm bạn với người chị gái và những bạn bè thời thơ ấu của mình; lũ trẻ sẽ có giáo viên và bạn bè.

Còn cô thì sao? Tương lai của chính cô vẫn còn đóng kín; khuất trong màn sương mù lạnh đẫm; nhưng cô tựa đầu bên cánh cửa ấm hơi nắng, và nhắm mắt lại, thì thầm như một đứa trẻ nguyện cầu: “Chúa phù hộ bác Miranda; Chúa phù hộ ngôi nhà gạch của ngày xưa; Chúa phù hộ ngôi nhà gạch của những ngày sắp đến!”

Table of Contents

CHƯƠNG I “Chúng cháu có bảy người”	
CHƯƠNG II Họ hàng nhà Rebecca	
CHƯƠNG III Sự khác biệt của những trái tim	
CHƯƠNG IV Suy nghĩ của Rebecca	
CHƯƠNG V Đại lộ Khôn ngoan	
CHƯƠNG VI Tia nắng giữa vùng tối tăm	
CHƯƠNG VII Những bí mật của Riverboro	
CHƯƠNG VIII Màu hoa hồng	
CHƯƠNG IX Tàn tro của hoa hồng	
CHƯƠNG X Cầu vồng sau mưa	
CHƯƠNG XI “Các thế lực nổi dậy”	
CHƯƠNG XII “Thấy kẻ tử vì đạo yếu ớt”	
CHƯƠNG XIII Bạch Tuyết, Hồng Đỏ	
CHƯƠNG XIV Chú Aladdin	
CHƯƠNG XV Cây đèn bàn tiệc	
CHƯƠNG XVI Mùa trường thành	
CHƯƠNG XVII Ngày u ám và ngày vàng son	
CHƯƠNG XVIII Rebecca thay mặt gia đình	
CHƯƠNG XIX Người kế tục của viên trợ tế Israel	
CHƯƠNG XX Trái tim đổi khác	
CHƯƠNG XXI Chân trời rộng mở	
CHƯƠNG XXII Hoa dại và hướng dương	
CHƯƠNG XXIII Ngọn đồi Gian nan	
CHƯƠNG XXIV Aladdin cọ cây đèn thần	
CHƯƠNG XXV Những đóa hồng hạnh phúc	
CHƯƠNG XXVI Chuyện bên tách trà	

CHƯƠNG XXVII Tương lai rạng ngời

CHƯƠNG XXVIII Những trở ngại dọn sẵn

CHƯƠNG XXIX Mẹ và con gái

CHƯƠNG XXX Tạm biệt Suối Nắng

CHƯƠNG XXXI Lời xin lỗi của bác Miranda